TIỂU THUYẾT TRINH THÁM

Dịch giả PHAN ĐAN

RAYMOND CHANDLER

Velma



vh NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

TỪ GIÃ CUỘC TÌNH

Tác giả: Raymond Chandler

Người dịch: Phan Đan

Nhà xuất bản Phụ Nữ 2001



Nguyên tác: FAREWELLL, MY LOVELY

Bản tiếng Anh của RADUGA PUBLISHER MOSCOW - 1983





ebook©vctvegroup

23/11/2019

1

Đó là một khu cư xá ô hợp trên Đại lộ Trung tâm, những khu không phải chỉ toàn người da đen. Tôi vừa rời khỏi một hiệu cắt tóc, nơi Sở Quản lý Lao động cho rằng có một người thợ cắt tóc lành nghề tên là Dimitrios Aleidis đang làm việc. Chả là bà vợ của Aleidis quyết định sẽ chi ra một số tiền để trả công cho người nào tìm được chồng bà và đưa ông ta về nhà.

Tôi chẳng hề thấy ông ta đâu cả, nên bà Aleidis cũng chưa phải chi cho tôi xu nào hết.

Đó là một ngày ấm áp, tầm cuối tháng Ba, tôi đứng ngoài cửa hiệu cắt tóc ngước lên nhìn ánh đèn nêông trên lầu hai một quán nhậu chui kiêm gá bạc mang tên Florian. Có một người đàn ông cũng đang nhìn lên ánh đèn ấy. Gã ngó những cánh cửa sổ bụi bặm, vẻ chăm chú mê mải như những di dân đầu tiên trong đời hài lòng ngắm nghía tượng thần Tự do. Gã to lớn nhưng không cao quá hai mét, cũng chẳng to ngang hơn một cỗ xe chở bia. Gã đứng cách tôi ba mét, tay buông thõng bên sườn và một điếu xì gà bỏ quên bốc khói giữa những ngón tay to bè.

Những người da đen gầy gò lặng lẽ ngược xuôi trên phố và nhìn gã với những tia mắt liếc nhanh. Gã kể cũng đáng nhìn: chụp trên đầu một chiếc mũ phớt kiểu Ý xổ lông bờm xờm, khoác chiếc áo thể thao sợi thô màu xám có những trái bóng golf trắng làm khuy áo, sơ mi nâu, cà vạt vàng, quần bằng vải flanen xám xếp nếp, giày da cá sấu đã có những vết nứt màu trắng ở mũi. Trên túi ngực ngoài lồng phồng một chiếc khăn tay cũng màu vàng chóe như cà vạt. Trên băng mũ còn cắm hai chiếc lông chim sặc sỡ chả biết để làm gì. Ngay trên Đại lộ Trung tâm, nào phải là khu phố yên tĩnh nhất thế giới mà gã cũng có cái vẻ kín đáo bí mật như một hạt hạnh nhân ẩn trong lát cắt một chiếc bánh ngọt.

Nước da gã tai tái, râu rất cần phải cạo, luôn luôn cần phải cạo. Tóc gã quăn màu sẫm, hai lông mày rậm gần như giao nhau bên trên cái mũi thô. Hai tai nhỏ gọn so với tướng mạo hộ pháp và đôi mắt long lanh như ướt nước mắt, kiểu những đôi mắt xám thường có. Gã đứng im lìm như một pho tượng, một lúc lâu sau thấy gã mỉm cười. Gã chậm rãi băng qua vỉa hè tới cánh cửa mở hai chiều ngăn cách cầu thang thông lên gác. Gã đẩy cửa, ném một cái nhìn lạnh lùng kín đáo về cả hai đầu phố rồi tiến vào trong cửa. Giá như gã nhỏ con hơn và ăn mặc nhã nhặn hơn thì có thể nghĩ là gã đang tính làm một vụ cướp. Nhưng tất nhiên không thể nào làm điều đó trong bộ đồ ấy, với cái mũ ấy và và với cái dáng hộ pháp ấy.

Hai cánh cửa đung đưa bật ra bên ngoài và gần như dừng lại, trước lúc dừng, chúng lại bật ra lần nữa, hất tung một vật gì văng qua vỉa hè và khựng lại trong rãnh nước giữa hai chiếc xe hơi đậu. Nó lồm cồm trên hai bàn tay và đầu gối, rít lên the thé như một con chuột bị dồn vào chân tường. Nó chậm chạp đứng dậy, tìm mũ và bước lên hè. Đó là một thanh niên da màu gầy gò, vai hẹp, mặc bộ đồ màu hoa lila có cài một bông cẩm chướng. Anh ta có mái tóc đen nhánh, miệng vẫn cứ há ra rên rỉ. Người qua lại nhìn anh ta thờ ơ. Rồi anh ta uể oải chụp mũ lên đầu, đi chéo qua bức tường, bước khập khiễng lặng lẽ khuất sau khu cư xá.

Im lặng. Giao thông lại bình thường. Tôi tới trước cánh cửa mở hai chiều và đứng ở đó. Bây giờ chúng im lìm. Tôi chẳng còn công việc gì phải làm nữa. Thế là tôi đẩy cánh cửa mở ra và nhìn vào trong.

Một bàn tay khổng lồ vươn ra khỏi vùng tranh tối tranh sáng, túm lấy vai tôi bóp mạnh như bóp một cục bột nhão. Rồi bàn tay ấy lôi tuột tôi qua cửa và bất chợt đẩy tôi lên một bậc thang. Một khuôn mặt rộng bè nhìn thẳng vào tôi. Một giọng êm ái và sâu thẳm nói với tôi, nhẹ nhàng:

- Bọn nhọ ở đây hả? Cảm phiền cung cách đó của tôi, nghe không anh bạn!

Chỗ đó tối om và im lặng. Từ phía trên vẳng xuống những giọng loáng thoáng của ai đó nhưng trong cầu thang chỉ có hai chúng tôi. Người đàn ông to lớn nhìn tôi đăm đăm, bàn tay gã tiếp tục bóp chặt vai tôi.

- Một thằng mọi mà - gã nói - tôi vừa ném nó ra. Anh có thấy tôi ném nó ra không?

Gã buông vai tôi. Xương vai hình như chưa đến nỗi vụn ra nhưng cánh tay tê bại.

- Cũng đáng thôi, - tôi vừa nói vừa xoa vai - ông còn chờ gì nữa?

- Đừng nói vậy, anh bạn. Người đàn ông to lớn gầm gừ khe khẽ, nghe như có tới bốn con hổ sau bữa ăn. - Velma thường làm việc ở đây. Cô bé Velma ấy mà.

Gã lại tóm lấy vai tôi. Tôi tìm cách tránh, nhưng gã nhanh nhẹn như một con mèo, và gã lại bóp nghiến vai tôi trong những ngón tay sắt.

- Ừ, - gã nói - cô bé Velma. Tôi không gặp cô ta đã tám năm rồi. Anh bảo đây là một hang ổ của tụi mọi hả?

Tôi rên khẽ xác nhận điều đó.

Gã đẩy tôi lên hai bậc nữa. Tôi oằn vai thoát ra và cố tránh xa gã. Tôi đã không mang súng theo. Đi tìm Dimitrios Aleidis thì dùng gì đến súng. Mà liệu súng thì có được gì hơn không? Gã hộ pháp này chắc sẽ tước gọn súng của tôi và nuốt chửng nó ngay.

- Ông lên nữa đi và cứ việc tìm hiểu lấy. - Tôi nói, cố không lộ cơn đau ra giọng nói.

Gã lại buông tôi ra và nhìn tôi với đôi mắt xám buồn bã:

- Tôi thấy hài lòng, - gã nói - Tôi không thích kẻ nào quấy rầy tôi. Tôi với anh sẽ lên đó nhâm nhi một ly rượu lớn.

- Người ta chẳng hầu rượu ông đâu. Tôi đã bảo ông đây là một hang ổ của bọn nhọ mà.

- Tôi đã không gặp Velma tám năm nay rồi. - Gã nói, giọng buồn bã. - Tám năm kể từ khi ly biệt. Cô ấy đã không viết thư cho tôi sáu

năm trời. Nhưng cũng có lý do để cô ấy làm thế. Cô ấy thường làm việc ở đây. Cô ấy khôn ngoan lắm mà. Ta cùng lên đó chứ?

- Được rồi. - Tôi hét lên. - Tôi sẽ lên với ông. Chỉ cần ông đừng có lôi tôi xềnh xệch như thế, để tôi đi. Tôi khỏe. Tôi đâu phải trẻ con mà phải lôi tôi đi tắm hay làm việc gì. Chỉ cần ông đừng có kéo tôi như thế.

- Velma bé bỏng thường làm việc ở đây - gã nói từ tốn, chẳng buồn nghe tôi nói gì.

Chúng tôi leo lên cầu thang. Gã để tôi tự đi. Vai tôi đau ê ẩm, lưng và cổ ướt đẫm.

2

Hai cánh cửa bật đầu cầu thang ngăn cách mọi thứ phía bên kia. Người đàn ông hộ pháp chỉ giơ ngón tay đẩy nhẹ nhàng và chúng tôi vào trong phòng. Đó là một căn phòng dài và hẹp, chẳng lấy gì làm sạch sẽ sáng sủa và cũng chẳng vui mắt nữa. Trong góc, một tốp da đen đang cầu kinh và xúm xít dưới quầng sáng đen quanh một chiếc bàn đánh bài. Một quầy rượu tựa vào bức tường bên tay phải. Phần còn lại của gian phòng phần lớn là kê những chiếc bàn tròn nhỏ. Có một số khách, đàn ông và đàn bà, toàn là người da đen.

Tiếng cầu kinh ở chiếc bàn đánh bài ngừng bặt và ngọn đèn bị giật ra. Im lặng nặng nề. Những cặp mắt nhìn về phía chúng tôi, những cặp mắt màu hạt dẻ trên những gương mặt từ xám đến đen nhánh. Những cái đầu quay lại chậm chạp và những cặp mắt liếc nhanh hoặc nhìn chằm chằm trong một vùng im lặng xa lạ và đầy chết chóc.

Một gã da đen vạm vỡ cổ bạnh, ngả người tựa vào cuối quầy rượu, đeo những dây đeo quần màu hồng và màu trắng.

Trông cũng biết hắn trấn tại đây. Hắn chậm chạp đặt chân xuống sàn, chậm chạp quay lại và nhìn chằm chằm chúng tôi, dang chân ra oai vệ, đưa cái lưỡi to tướng liếm liếm đôi môi. Hắn có một gương mặt méo mó như bị đập bởi cái gầu máy xúc, chằng chịt những sẹo, bẹt ra, sưng sỉa và tơi tả. Một bộ mặt không còn biết sợ là gì nữa. Từng chi tiết trên mặt hắn đều nói rõ điều đó.

Mái tóc cắt ngắn bù rối có một vệt lẹm màu xám. Một bên tai bị cắt phăng dái tai. Gã da đen trông to con và nặng ký dễ sợ. Hắn có cẳng chân đồ sộ hơi vòng kiềng như ta thường thấy ở những người da đen. Hắn đưa lưỡi nhanh hơn, cười mỉm và nhúc nhích người. Hắn tiến đến trước mặt chúng tôi trong tư thế của một đấu sĩ. Người đàn ông to lớn lặng lẽ chờ hắn.

Gã da đen có những dây nịt màu hồng vươn cánh tay và đưa bàn tay màu nâu kếch xù của hắn tới ngực người đàn ông to lớn. Trước bộ ngực rộng, bàn tay trông hệt một quả đấm cửa với cánh cửa. Người đàn ông da trắng không động đậy còn tay vệ sĩ quán rượu mỉm cười ngọt ngào:

- Ở đây không có dân da trắng đâu, người anh em ạ. Dành riêng cho dân da màu thôi. Rất tiếc.

Người đàn ông to lớn liếc đôi mắt nhỏ màu xám nhìn quanh phòng. Đôi má của gã chợt ửng đỏ, gã giận dữ thở dồn dập. Đột nhiên gã cất cao giọng hỏi tay vệ sĩ quán rượu:

- Velma ở đâu?

Tay vệ sĩ không cười nữa. Hắn ngắm nghía quần áo người đàn ông to lớn, cái sơ mi màu nâu, cà vạt vàng chóe, áo vét vải thô màu xám và những khuy áo lớn hình trái bóng golf trắng. Hắn lắc đầu tế nhị và lại ngắm nghía từ một góc nhìn khác. Hắn ngó xuống đôi giầy da cá sấu, xoa xoa cằm có vẻ thích thú. Tôi cảm thấy một chút ái ngại cho hắn. Hắn lại nói êm dịu:

- Ông nói Velma à? Không có ai là Velma cả, người anh em ạ. Không có nhậu, không có gái, không có gì hết. Thôi xéo đi, thằng trắng, xéo đi.

- Velma thường làm ở đây. - Người đàn ông to lớn nói. Gã nói như mơ ngủ, như nói chỉ cho mình nghe giữa một rừng cây. Tôi rút khăn tay ra lau gáy ướt đẫm.

Tay vệ sĩ đột nhiên cười phá lên. “Kìa”, hắn nói rồi ném cái nhìn nhanh ra sau vai, về phía công chúng của hắn:

- Velma thường làm ở đây. Nhưng Velma lại chẳng làm việc quái gì hết, ả ta cuốn gói rồi. Ha. ha...

Người đàn ông to lớn nói:

- Anh bỏ cái quả đấm khốn kiếp của anh khỏi áo tôi ngay.

Tay vệ sĩ cau mày. Hắn không quen chuyện trò kiểu này. Hắn nhấc bàn tay khỏi áo người kia và nắm lại thành quả đấm, kích cỡ và màu sắc hệt như một trái cà bát lớn. Hắn đang hành nghề trấn trị,

có tiếng là hắc búa, lại còn đám công chúng đang ngó hắn trừng trừng kia nữa. Hắn đảo mắt nhìn họ một giây và làm một hành động sai lầm. Hắn đung đưa nắm đấm khó nhọc và gấp gáp rồi bất thần giật khuỷu tay một cái, hắn nện vào bên hàm người đàn ông to lớn. Một tiếng thở dài êm nhẹ lướt quanh phòng.

Đó là một đòn bậc thầy. Vai hắn chùng xuống, cả thân mình bật ra phía sau. Biết bao nhiêu là sức nặng trong đòn đánh và kẻ ra đòn đã thực hành không ít. Người đàn ông to lớn không nhúc nhích đầu lấy một phân và cũng chẳng cố chặn cú đấm. Gã lãnh trọn đòn mà chỉ tự đung đưa người nhẹ nhàng, thốt ra một tiếng gầm gừ trong họng và túm lấy cổ gã vệ sĩ.

Tay vệ sĩ ráng sức thúc đầu gối vào háng đối thủ. Người đàn ông to lớn vặn chéo chân và hất tung đôi giày cà khổ của hắn trên tấm phủ sàn tróc lở. Gã uốn tay vệ sĩ ngửa ra phía sau, bàn tay phải của gã nắm lấy thắt lưng tay vệ sĩ. Chiếc thắt lưng nát vụn như sợi dây buộc hàng. Gã lại xòe bàn tay hộ pháp túm lấy xương sống tay vệ sĩ và nhấc bổng lên, gã ném đối thủ nhẹ nhàng ngang qua căn phòng, xoay tròn lảo đảo rồi rơi phịch xuống. Ba người đàn ông nhảy ra khỏi chỗ. Gã vệ sĩ vật vã cạnh một cái bàn, đập vào bục gỗ thình thình nhức óc. Hai chân hắn co quắp. Rồi hắn nằm bất động.

Người đàn ông to lớn nói:

- Mấy thằng khốn thích chơi trò du côn thật ngu. - Gã quay lại chỗ tôi - Nào tôi với anh, ta nhâm nhi một ly.

Chúng tôi tới quầy rượu. Những khách hàng, lẻ tẻ từng nhóm hai ba người hoặc một người, lặng lẽ rút lui, lặng lẽ ra khỏi cửa, lặng lẽ xuống thang như những cái bóng lướt trên bãi cỏ. Ngay cả cánh cửa bật cũng không thấy tiếng động nào.

Chúng tôi tựa vào quầy rượu. Người đàn ông to lớn gọi:

- Whisky. Anh gọi gì?

- Whisky, - tôi nói.

Chúng tôi uống ly whisky. Gã điềm tĩnh liếm dòng whisky rớt xuống thành ly thủy tinh lùn và dầy cộp. Gã ngó đăm đăm người bán

rượu, một người da đen mảnh khảnh có cái nhìn rụt rè, mặc áo vest trắng, đi lại lóng ngóng như thể mỗi cử động cũng làm anh ta đau chân.

- Anh có biết Velma ở đâu không?

- Ông bảo Velma à? - Người bán rượu ấp úng - Hồi này tôi không thấy cô ấy tới đây. Không phải mới gần đây đâu, không phải.

- Anh ở đây bao lâu rồi?

- Để tôi xem - người bán rượu kéo khăn mặt lau trán, chăm chú tính tính toán toán bằng mấy ngón tay - Khoảng mười tháng. Khoảng một năm.

- Nhớ lại xem. - Người đàn ông to lớn nói.

Người bán rượu trố mắt, yết hầu phập phồng trên cái cổ ngẳng trông như một con gà cụt đầu.

- Cái chuồng gà này biến thành ổ mọi từ bao giờ? - Người đàn ông to lớn hỏi cục cằn.

- Ông nói gì?

Người đàn ông to lớn đặt nắm đấm lên bàn, khiến ly whisky gần như biến mất.

Tôi nói:

- Cũng phải đến năm năm nay. Ông bạn này chẳng biết tý gì về cái cô Velma ấy đâu. Không một ai ở đây biết cả.

Gã đàn ông to lớn nhìn tôi như thể tôi là một con gà mới nở. Ly whisky hình như chẳng làm nguôi cơn nóng nảy của gã chút nào. Gã hỏi tôi:

- Ai hỏi anh mà nhúng mũi vào?

Tôi mỉm cười. Tôi cười một cách thân mật, thoải mái.

- Tôi là một người bạn đã vào đây cùng với ông. Ông nhớ không?

Gã cười nhếch mép, cái cười nhe răng lặng lẽ không biểu hiện điều gì. Gã bảo người bán rượu:

- Whisky. Nhúc nhắc chân tay lẹ lên, bồi.

Người bán rượu lăng xăng quýnh quáng, đảo cặp mắt trắng bệch.

Tôi dựa lưng vào quầy rượu, nhìn khắp phòng. Giờ đây căn phòng trống rỗng ngoại trừ người bán hàng, gã đàn ông to lớn và tôi, tay vệ sĩ nằm bẹp ở một chân tường. Hắn động đậy. Hắn nhúc nhích chậm chạp như đau đớn và cố gắng kinh khủng. Hắn co quắp cạnh cái bục gỗ giống một con ruồi xã cánh. Hắn động đậy sau những chiếc bàn, yếu ớt rã rời, đột nhiên già sụm, đột nhiên vỡ mộng. Tôi nhìn hắn động đậy. Người bán rượu rót ra hai ly whisky nữa. Tôi quay lại quầy. Gã đàn ông to lớn liếc nhìn tay vệ sĩ co quắp rồi chả thèm để ý tới hắn nữa.

- Cái hang ổ này có đủ thứ - gã phàn nàn - chúng có sân khấu, có dàn nhạc, có những xó xỉnh quái quỉ mà một thằng đàn ông có thể giở đủ trò. Velma là ca sĩ. Cô ấy có mái tóc đỏ. Xinh xắn và ranh mãnh. Chúng tôi chuẩn bị cưới lúc tôi bị "dính".

Tôi cạn ly whisky thứ hai. Tôi cảm thấy chuyến phiêu lưu thế là tạm đủ. Tôi hỏi:

- Ông định bảo gì?

- Anh hình dung ra tôi làm gì suốt tám năm trời mà tôi nói với anh?

- Bắt bướm.

Gã thọc một ngón tay như quả chuối mắn vào ngực.

- Trong nhà đá. Tên tôi là Malloy. Người ta gọi tôi là Moose Malloy, tôi phải kết toán nhiều chuyện. Vụ ngân hàng Great Bend. Bốn mươi ngàn đôla. Chịu trận. Chịu trận đơn thương độc mã. Cái đó không là gì cả hay sao?

- Bây giờ ông định thanh toán chuyện đó?

Gã nhìn tôi soi mói. Có tiếng lục cục sau lưng chúng tôi. Tay vệ sĩ đã đứng được lên, hơi chệnh choạng. Hắn đặt tay lên quả đấm một cánh cửa tối phía sau bàn đánh bài. Hắn mở cửa, ngã chúi người qua. Cánh cửa đóng sập lại, ổ khóa lách cách.

- Cửa ấy dẫn ra đâu? - Moose Malloy hỏi.

Người bán rượu đảo mắt ngó sững cánh cửa chỗ tay vệ sĩ vừa vấp ngã.

- Chà, đấy là văn phòng của ông Montgomery, thưa ngài. Ông ấy là sếp. Ông ấy đặt văn phòng sau cánh cửa đó.

- Chắc hắn biết, - gã đàn ông to lớn nói, làm một tợp cạn ly rượu - Chắc hắn không chỉ châm chọc tôi. Phải có gì hơn thế chứ.

Gã chậm chạp đi ngang căn phòng, bước nhẹ nhàng không còn gì thận trọng hơn. Tấm lưng đồ sộ của gã che khuất cánh cửa. Cửa vẫn khóa kín. Gã lắc mạnh cánh cửa làm bung cả một tấm ván. Gã lách qua rồi đóng cả lại phía sau lưng.

Im phăng phắc. Tôi nhìn người bán rượu. Anh ta nhìn lại tôi. Đôi mắt anh ta trở nên ưu tư. Anh ta lau quầy, thở dài, chống tay phải lên mặt quầy. Tôi vươn tay qua quầy và nắm tay anh ta. Cánh tay gầy ốm tong teo. Tôi nắm lấy cánh tay ấy và mỉm cười:

- Lo nghĩ gì cái đó, anh bạn trẻ?

Anh ta liếm cặp môi khô, tì người trên cánh tay tôi, không nói gì cả. Sắc xanh xám tràn phủ lên gương mặt sáng sủa của anh ta.

- Cha nội bày bặm trợn lắm - tôi nói - Gã cũng dư sức để bặm trợn. Rượu càng làm gã hung hãn. Gã tìm kiếm một cô gái quen biết. Chỗ này vốn là một nơi tụ bạ của người da trắng. Anh có nghĩ thế không?

Anh ta liếm cặp môi khô.

- Gã đi vắng một thời gian dài, - tôi nói - Tám năm liền. Hình như gã không nhận thức được tám năm dài đến thế nào. Mặc dù tôi đã tưởng gã phải nghĩ nó dài bằng cả đời người. Gã cho rằng những người ở đây hẳn phải biết cô gái đó ở đâu, anh nghĩ sao?

Người bán rượu nói chậm rãi:

- Tôi tưởng ông là cùng cánh với ông ấy?

-Tôi không thể chuồn đi đâu được. Gã hỏi tôi lăng nhăng mấy câu rồi lôi tôi lên đây. Trước đó tôi đâu biết gã. Nhưng tôi không cảm thấy mình chới với chút nào cả. Anh lo nghĩ cái gì đó?

- Chỗ tôi có một khẩu cưa nòng. - Anh ta nói.

- Chà, thế là không bình đẳng, - tôi thì thào - Nghe đây. Tôi với

anh, mình cùng chơi. Anh tính thế nào?

- Tôi có một khẩu súng ngắn - người bán rượu nói. - Trong hộp xì gà. Dưới cánh tay tôi.

- Vậy là ngon rồi, - tôi nói - Bây giờ anh dịch ra một chút. Thoải mái nào. Sang bên cạnh đi. Bây giờ đâu phải lúc tính toán các phần tử bắn chi ly.

- Nó đấy, - người bán rượu nhếch mép cười, đè cả trọng lượng mỏi mệt lên cánh tay tôi. - Đấy...

Anh ta ngừng bặt, mắt láo liên, đầu giật giật.

Một tiếng động đùng đục khô khan vang lên ở phía sau, chỗ bên kia cánh cửa đóng, gần chiếc bàn chơi bài. Như thể một cánh cửa sập lại. Tôi không nghĩ như vậy và chắc anh chàng bán rượu cũng không nghĩ như vậy.

Anh chàng bán rượu lạnh toát người, miệng méo xệch. Tôi nghe ngóng. Không còn tiếng động nào nữa. Tôi bước nhanh lại phía cuối quầy rượu và nghe ngóng một hồi lâu.

Cánh cửa phía sau bật mở đánh rầm, Moose Malloy bước ra đột ngột và đứng sững lại.

Chân gã vững chãi như mọc rễ và một nụ cười gằn nhạt nhẽo ngoác trên gương mặt.

Khẩu Colt 45 quân dụng nằm trong tay gã như một món đồ chơi trẻ con.

- Chớ có giở trò, - gã nói thản nhiên. - Bỏ tất cả các quả đấm lên quầy.

Người bán rượu và tôi đặt tay lên quầy.

Moose Malloy nhìn khắp phòng bằng ánh mắt lục soát. Nụ cười gằn căng thẳng, gã lướt nhẹ bàn chân và đi ngang căn phòng lặng lẽ. Trông gã bây giờ giống một kẻ cướp nhà băng thứ thiệt, ngay cả có vận bộ đồ khác đi nữa.

Gã tiến tới quầy rượu, nói nhẹ nhàng:

- Thằng mọi, giơ tay lên.

Người bán rượu giơ cả hai tay lên trời. Gã đàn ông to lớn bước đến sau lưng tôi và lục soát tôi cẩn thận bằng tay trái của gã. Hơi thở gã nóng hổi sau gáy tôi. Rồi hơi thở ấy rời chỗ.

- Tay Montgomery cũng không biết Velma ở đâu hết, -gã nói - Hắn đã cố bảo tôi bằng cái này. - Bàn tay cứng ngắc của gã vung vẩy khẩu súng ngắn. Tôi quay lại chậm chạp và nhìn gã.

- Ê, - gã nói - Rồi anh sẽ biết tôi. Anh sẽ không quên được tôi đâu, anh bạn ạ. Chỉ có điều là hãy nói với bọn chúng cứ liệu hồn đấy, - gã lắc khẩu súng. - Thôi, thế là đủ, lũ giẻ rách. Tôi phải đi kiếm một chiếc xe.

Gã bước tới đầu cầu thang. Tôi nói:

- Ông không trả tiền rượu sao?

Gã dừng bước và nhìn tôi chăm chú.

- Có lẽ anh cũng định giở trò gì đó, - gã nói, - Nhưng thôi... Tôi sẽ không quá mạnh tay với anh.

Gã bước đi, lướt nhẹ qua cánh cửa bật hai phía và tiếng bước chân gã vang lên dưới cầu thang.

Người bán rượu cúi gập người xuống. Tôi nhảy qua quầy rượu và gạt anh ta sang một bên. Một khẩu súng săn cưa nòng giấu dưới chiếc khăn mặt trên giá gầm quầy rượu. Bên cạnh nó là một hộp xì gà. Trong hộp xì gà là một khẩu 38 tự động. Tôi lấy cả hai khẩu. Người bán rượu dựa lưng vào những ngăn xếp ly tách sau quầy rượu.

Tôi đi vòng qua đầu quầy rượu, xuyên ngang căn phòng đến cánh cửa mở trống hoác phía sau chiếc bàn chơi bài. Một hành lang ở sau cửa, hình thước thợ và tối mò. Gã vệ sĩ nằm dài trên sàn bất động, tay cầm dao. Tôi cúi xuống giật lấy con dao và ném nó xuống cầu thang phía sau. Gã vệ sĩ thở nặng nhọc, bàn tay hắn mềm nhũn.

Tôi bước qua hắn và mở cánh cửa có ghi chữ “Văn phòng” trên một tấm biển đen đã tróc son.

Một chiếc bàn nhỏ bừa bộn kê trước cửa sổ bịt ván nửa chừng. Một người đàn ông được dựng thẳng trên chiếc ghế. Đầu ông ta ngật

ra phía sau lưng ghế và mũi hếch thẳng tới khung cửa sổ bịt ván. Nó ngật ra như một chiếc khăn tay hay một khớp bản lề.

Một ngăn kéo bàn mở toang hoác phía tay phải người đàn ông. Trong ngăn kéo là một tờ báo có những vết bẩn dầu mỡ ngay chính giữa, chắc là để gói khẩu súng. Thoạt trông có vẻ như chẳng có gì xảy ra nhưng tư thế đầu của ông Montgomery đã cho thấy có chuyện chẳng lành.

Trên bàn có điện thoại. Tôi đặt khẩu súng cưa nòng xuống bàn rồi khóa cửa lại trước khi gọi điện cho cảnh sát. Tôi cảm thấy yên tâm hơn còn ông Montgomery thì khỏi cần để ý nữa.

Khi những cảnh sát viên của chiếc xe tuần tra leo lên thang gác, tay vệ sĩ và người bán rượu không xuất hiện nữa và tôi ở chỗ của mình.

3

Một người đàn ông tên là Nulty phụ trách nội vụ, một anh chàng quạu cọ, bàn tay dài ngoằng vàng úa cầm chiếc mũ kêpi bẻ gập lại suốt thời gian nói chuyện với tôi. Anh ta là trung úy hình sự phụ trách khu phố 77 và chúng tôi nói chuyện trong một căn phòng trống, có hai chiếc bàn nhỏ kê đối diện với những bức tường, chỉ còn chừa một khoảng hẹp hai người khó lòng lọt qua cùng một lúc. Sàn trải thảm màu nâu bẩn thỉu và mùi xì gà lơ lửng trong không khí. Áo sơmi của Nulty sờn rách, cổ tay áo vest đã lộn trái. Anh ta trông tội nghiệp một cách chân thành nhưng một người như anh ta không thể đối đầu được với Malloy.

Anh ta châm nửa điếu xì gà và ném que diêm xuống sàn, nơi đã có vô số rác rưởi. Giọng anh ta cay đắng:

- Bọn da đen. Lại một vụ của bọn chúng. Suốt mười tám năm làm cảnh sát để rồi thu lượm cái thứ khốn kiếp này đây. Chẳng có ảnh chụp, chẳng có sự vụ. Chẳng có nổi lấy bốn dòng trên báo.

Tôi lặng thinh. Anh ta cầm thẻ căn cước của tôi lên đọc rồi lại vứt xuống.

- Philip Marlowe, thám tử tư. Anh là một trong những tay ấy hả? Lạy Chúa, trông anh cũng đủ chát rồi. Anh làm cái trò gì suốt thời gian ấy?

- Suốt thời gian nào?

- Suốt thời gian thằng cha Malloy này vặn cổ thằng da đen ấy?

- À, chuyện xảy ra trong căn phòng khác, - tôi nói - Malloy đâu có hứa hẹn gì với tôi là sẽ vặn cổ một ai đó.

- Cho qua đi. - Nulty nói giọng cay đắng. - Thôi được, cho qua, vào thẳng vấn đề đi. Ai có phận người ấy.

Chao ôi, Nulty khốn khổ. Thôi, mình tiếp tục câu chuyện và vứt

mấy giai thoại về anh ta đi. Nulty bao giờ chả thành trò cười cho thiên hạ.

- Tôi bao giờ cũng bỏ qua cho bất kỳ ai, - tôi nói. - Việc đó xảy ra trong một căn phòng khác.

- Ồ, nhất định rồi, - Nulty nói qua làn khói xì gà mù mịt. - Tôi đâu có xuống đây để nhìn. Thế anh không mang súng theo à?

- Việc của tôi không cần đến nó.

- Việc của anh là gì thế?

- Tôi đi kiếm một gã thợ cắt tóc bỏ vợ trốn nhà đi. Bà ta tưởng có thể chuộc ông ta về.

- Anh nói về một người da đen hả?

- Không, một cha nội người Hy Lạp.

- Được, - Nulty nói và nhổ vào cái sọt giấy rỗng. - Được. Thế anh gặp gã hộ pháp ấy ra sao?

- Tôi đã nói rồi mà. Tôi tình cờ tới đó. Gã ném một anh chàng da đen ra ngoài cửa quán Florian, tôi dại dột thò mũi vào chỉ để tò mò xem chuyện gì xảy ra. Thế là gã lôi cổ tôi lên gác.

- Anh bảo là gã ép anh lên đó?

- Không, lúc ấy gã đâu có cầm súng ống gì. Hoặc ít ra cùng không thò khẩu nào ra cả. Có lẽ gã đã đoạt súng của Montgomery. Gã chỉ rủ tôi cùng lên đó. Không phải lúc nào tôi cũng khôn.

- Tôi không cho là vậy. - Nulty nói. - Anh xem ra cũng dễ rủ rê lắm nhỉ.

- Hay đấy, - tôi nói, - nhưng bằng cớ đâu? Tôi đã gặp gã còn anh thì chưa. Gã có thể bỏ bùa anh hoặc tôi lắm chứ. Tôi đâu biết là gã giết người mãi tới khi gã bỏ đi. Tôi nghe thấy một tiếng súng nhưng cứ nghĩ ai đó hoảng sợ và bắn Malloy và rồi Malloy tước súng của người đó.

- Sao anh lại nghĩ như thế? - Nulty hỏi khéo léo. - Gã dùng chính khẩu súng đó cướp nhà băng phải không?

- Cứ nhìn quần áo của gã thì thấy chả phải gã tới đó để giết

người, nếu thế gã đã vận bộ đồ khác, gã đi lùng một cô gái tên là Velma vốn là bồ của gã trước khi gã vào xà lim vì vụ cướp nhà băng. Cô ta làm ở quán Florian hoặc loanh quanh đâu gần đấy lúc nó còn là một ổ quỷ của người da trắng. Gã bị tóm ở chỗ ấy. Anh sẽ nhận ra gã ngon lành.

- Nhất định rồi, - Nulty nói. - Với cái khổ người ấy, lại quần áo ấy nữa. Dễ ợt.

- Gã có thể thay bộ đồ khác, - tôi nói - Có thể có xe hơi, hang ổ, tiền bạc và chiến hữu. Nhưng anh sẽ nhận ra gã ngay.

Nulty lại nhổ vào cái sọt.

- Tôi sẽ nhận ra gã, - anh ta nói. - Tôi có bao nhiêu gã như thế? Một thôi à? Nghe đây, anh biết tại sao không? Không có sự vụ gì hết. Một lần có năm tên da đen thanh toán nhau trong bóng đêm Harlem, mỗi tên một nơi ở Đông - 84. Một tên đã lạnh cứng. Máu vấy trên đồ đạc, trên tường, thậm chí cả trên trần nhà. Tôi xuống đấy và đứng bên ngoài ngôi nhà, một thằng cha ở báo Chronicle - một tờ lá cải - đang chuồn ra khỏi cổng và chui vào xe hơi. Hắn ta nhăn mặt với chúng tôi và nói, “Ê, mấy tên da đen đấy mà”, rồi chuồn thẳng.

- Có lẽ gã đã vi phạm lời cam đoan lúc ra tù, - tôi nói,- anh nên tìm một người cộng tác làm vụ này, rủ rê ai đó khéo lẻo. Rồi anh sẽ nổi đình đám.

- Và rồi tôi sẽ chẳng còn cơ hội nào khác, - Nulty cười mỉa.

Chuông điện thoại reo trên bàn. Anh ta nghe và mỉm cười khổ sở. Anh ta treo điện thoại và viết nguệch ngoạc lên một mẩu giấy, vẻ uể oải nhợt nhạt lộ ra trong đôi mắt qua ánh sáng ngọn đèn xa xa sau dãy hành lang bụi bặm.

- Mẹ kiếp, người ta nhận dạng gã ở Sở Cảnh sát. Tìm ra dấu lăn tay, thằng ngốc, mọi nhận dạng khác, ơn Chúa, dù sao cũng có chút gì đó.

Anh ta đọc trong mẩu giấy:

- Lạy Chúa, một gã đàn ông cao 1,97 mét, nặng 106 ký không kể phụ tùng. Chúa ơi, một thằng nhãi kếch xù thế đấy! Khốn nạn cho

gã, người ta nhận dạng gã trên trời rồi, mở radio là nghe thấy ngay. Chả có gì để làm, ngoài việc đợi chờ.

Anh ta ném mẩu xì gà vào ống nhổ.

- Thử tìm cô gái, - tôi nói. - Tên là Velma. Malloy sẽ kiếm cô ta. Đó chính là đầu mối. Thử tìm Velma.

- Anh thử kiếm cô ta xem - Nulty nói - Hai mươi năm nay, tôi chưa hề vào một chốn vui chơi nào cả.

- Được, - tôi đứng lên và ra cửa.

- Này, chờ một lát, - Nulty nói. - Tôi đùa đấy. Anh có bận lắm không?

Tôi vê vê điếu thuốc trong mấy ngón tay, nhìn anh ta và chờ ở cạnh cửa.

- Tôi định nói là anh hãy bỏ thì giờ đóng vai một thằng dại gái bám lấy người đàn bà ấy. Trong vụ này, anh đã đưa ra một ý rất hay, có thể cải trang đôi chút chẳng hạn.

- Liệu chuyện này mang lại cho tôi cái gì?

Anh ta buồn bã xòe bàn tay vàng úa, nụ cười ranh mãnh như một cái bẫy chuột há ra.

- Trước đây anh cũng là một thằng trong đám chúng tôi mà. Chớ có nói không. Tôi biết anh sẽ làm. Nó sẽ có lợi cho anh vào những lần sau, khi cần đến bạn bè.

- Liệu nó có lợi gì cho tôi?

- Nghe này, - Nulty cố nài. - Tôi là một thằng thấp cổ bé họng, nhưng rồi người khác trong Sở sẽ giúp anh được khối việc hay.

- Chuyện này là tình cảm hay các anh sẽ chi tiền cho tôi?

- Chẳng có tiền đâu - Nulty nói và nhăn nhăn cái mũi vàng úa buồn bã. - Nhưng tôi đang cần một chút danh khốn nạn. Kể từ lần lên lon cuối cùng vừa rồi, mọi chuyện thực là hóc. Tôi sẽ không quên bạn bè đâu. Không đời nào.

Tôi nhìn đồng hồ:

- Được thôi. Nếu tôi nghĩ ra được cái gì. Cũng là cho anh. Khi nào

anh tìm cái thằng ngốc ấy, tôi sẽ nhận dạng cho.

Chúng tôi bắt tay, rồi tôi đi xuống căn phòng quét vôi xám xịt, xuống thang gác, ra cửa tòa nhà và lên xe.

Hai giờ đồng hồ trôi qua kể từ khi Moose Malloy rời quán Florian với khẩu Colt quân dụng trong tay. Tôi dùng bữa trưa tại một quán nhỏ, mua một xị rượu rồi lái xe về hướng đông tới Đại lộ Trung tâm và trở lại hướng bắc của Trung tâm. Tôi có một linh cảm như những làn sóng nhiệt chao đảo bao trùm lên khắp vỉa hè.

Tôi chẳng có mục tiêu nào ngoài nỗi tò mò, nhưng nói đúng ra, tôi không có việc gì làm đã một tháng nay. Ngay cả một vụ tầm thường không đáng kể cũng đỡ tẻ nhạt đôi chút.

4

Quán Florian đóng cửa, dĩ nhiên rồi. Một người đàn ông vận thường phục lộ liễu ngồi trong chiếc xe hơi đậu trước cửa quán, đọc tờ báo bằng một mắt. Tôi không hiểu tại sao họ lại lo âu đến thế. Ở đây, không một ai trong khu cư xá biết gì để kháo chuyện.

Tôi lái xe qua chầm chậm và đỗ lại sau khúc ngoặt rồi ngồi trong xe quan sát một quán trọ của người da đen ở khu xế bên kia đường, đối diện quán Florian, sau cụm nhà gần nhất. Nó có tên là khách sạn Sans Souci. Tôi ra khỏi xe, băng ngang đường tới cụm nhà và đi vào. Hai hàng ghế nặng nề bỏ trống xếp đối nhau qua một vệt thảm sợi xỉn màu. Một cái bàn kê lùi sâu trong bóng tối mờ mờ, sau bàn là một người đàn ông đầu hói, mắt nhắm nghiền, hai bàn tay màu nâu mềm mại đan vào nhau trên chiếc bàn trước mặt. Ông ta ngủ gật hoặc có vẻ thế. Ông thắt một chiếc cà vạt kiểu Ascot cổ lỗ trông như được thắt từ những năm 1880. Mặt đá xanh của chiếc kim gài cà vạt lớn cỡ một quả táo. Cái cằm đồ sộ chảy xệ xuống nút cà vạt, những ngón tay gấp lại thanh thản và sạch sẽ, các móng tay trau chuốt, những vệt xám hình bán nguyệt trên những móng tím hồng.

Một bảng hiệu chạm nổi bằng kim loại ở ngay cạnh khuỷu tay ông ta, ghi; “Khách sạn này đặt dưới sự bảo trợ của Cơ quan Hợp tác Quốc tế Ltd. Inc.”

Khi người đàn ông da nâu thanh thản ngủ gật ấy mở một mắt ra nhìn tôi dò hỏi, tôi chỉ vào tấm bảng:

- Người của H.P.D tới kiểm soát. Có gì rắc rối không?

H.P.D là tên tắt của Cục Bảo vệ Khách sạn, một bộ phận của cơ quan khổng lồ kiểm soát các chi phiếu giả, các hóa đơn khống, các vali hai đáy được tuồn ra từ những ngách cầu thang sau.

- Rắc rối hả, người anh em, - Viên thư ký nói bằng giọng nam cao vang, - bọn tôi không khư khư cái của ấy đâu. - Ông ta hạ giọng

xuống năm sáu cung và nói thêm: - Anh nhắc lại tên coi?

- Marlowe. Philip Marlowe...

- Một cái tên rất kêu, người anh em. Trong sáng và vui vẻ. Hôm nay trông anh khỏe lắm. - Ông ta lại hạ giọng. -Nhưng anh không phải là người của H.P.D. Nhiều năm rồi có thấy ai đó nữa đâu. - Ông ta xòe bàn tay uể oải chỉ vào tấm bảng - Tôi giành được cái này từ tay người khác. Chỉ bằng hiệu quả công việc thôi, người anh em ạ!

- Hay lắm, - tôi nói và tựa người vào chiếc quầy, quay tròn đồng nửa đôla trên mặt quầy gỗ sứt sẹo và trần trụi. - Bác có nghe chuyện gì xảy ra bên quán Florian sáng nay không?

- Người anh em, tôi quên khuấy mất. - Bây giờ cả hai mắt của ông ta mở to dõi theo ánh lấp lánh của đồng tiền quay tít.

- Ông sếp bên đó bị khử, - tôi nói. - Một người tên là Montgomery. Có ai đó vặn cổ ông ta.

- Có lẽ Chúa đã chấp nhận linh hồn ông ta, người anh em ạ. - Giọng ông trầm hẳn - Cớm hả?

- Tư nhân, việc riêng thôi. Tôi biết người nào có thể làm điều ấy.

Ông ta ngắm nghía tôi, nhắm mắt lại suy nghĩ. Rồi ông ta lại mở mắt đăm đăm nhìn đồng xu quay tít. Ông ta không thể cưỡng lại việc nhìn nó.

- Ai làm thế? - Ông ta hỏi khẽ. - Ai khử Sam?

- Một gã ba trợn mới ra tù nổi khùng vì thấy đấy không phải là một ổ da trắng. Hình như trước đó vẫn là ổ da trắng thì phải. Bác có nhớ không?

Ông ta lặng thinh. Đồng xu rớt xuống, tắt đi ánh sáng lấp lánh và nằm yên.

- Bác hãy chọn, - tôi nói. Hoặc là tôi sẽ đọc cho bác nghe một chương Kinh Thánh hoặc sẽ mua cho bác một xị rượu. Nói chút gì về đó đi.

- Tôi là loại người chỉ thích đọc Kinh Thánh nơi thâm nghiêm kín đáo trong nhà mình. - Mắt ông ta ngời sáng, điềm tĩnh như mắt một

con cóc.

- Có lẽ bác dùng bữa trưa với tôi nhé, - tôi nói.

- Bữa trưa à? - Ông ta nói. - Loại người như tôi quen dùng bữa một mình, - giọng ông lại trầm xuống. - Vòng qua đầu bàn đằng này này.

Tôi đi vòng qua và lôi từ trong túi ra một chai rượu dẹt, đặt nó vào ngăn dưới quầy, rồi tôi trở lại đằng trước bàn. Ông ta khom người xuống xem xét kỹ càng, vẻ hài lòng ra mặt.

- Người anh em, anh mua cái này không phải là mất không đâu, - ông ta nói. - Tuy nhiên, tôi rất hài lòng cụng một ly nhẹ nhàng với anh. - Ông ta khui chai, đặt hai cái ly nhỏ lên bàn, lặng lẽ rót tràn miệng ly. Ông ta nâng ly ngửi hít kỹ lưỡng, rồi dốc cạn ly rượu vào cổ họng.

Ông ta nếm vị rượu, chép miệng ngẫm nghĩ và gật đầu -Chai này cũng đã có pha phách rồi đây, người anh em ạ. Tôi có thể giúp anh cách nào được nhỉ? Không có một kẽ nứt nào trên những vỉa hè quanh đây mà tôi lại không biết lai lịch của nó. Thế đấy, rượu đã làm chúng ta thành chỗ quen biết tử tế, - Ông ta lại rót tràn ly mình.

Tôi kể cho ông ta chuyện xảy ra ở quán Florian và nguyên nhân sự cố. Ông ta đăm đăm nhìn tôi, trịnh trọng lắc cái đầu hói:

- Sam rồi cũng tới một chỗ đẹp đẽ tĩnh mịch thôi, - ông ta nói. - Suốt một tháng chả có ai bị đâm ở đó cả.

- Khi Florian còn là ổ chứa của dân da trắng, khoảng sáu năm, tám năm trước hay ít hơn thế, tên nó là gì?

- Những cái bảng hiệu bằng điện thuộc loại cao cấp mà, người anh em.

Tôi gật đầu.

- Tôi tưởng nó có cái tên tương tự. Malloy chắc chắn sẽ nói nếu như cái tên bị đổi đi. Nhưng ai điều hành nó?

- Tôi phần nào ngạc nhiên về anh đấy, người anh em ạ. Cái tên của kẻ phạm tội bị ma ám ấy là Mike Florian.

- Vậy chuyện gì xảy ra với Mike Florian?

Người da đen xòe bàn tay màu nâu thanh tú. Giọng ông ta âm vang và buồn bã. - Chết rồi, người anh em ạ. về chầu Chúa. Năm 1934, có lẽ là 1935, tôi không nhớ chính xác. Một cuộc đời phóng túng, người anh em ạ, một sâu rượu, tôi nghe nói thế. Một kẻ báng bổ sụm xuống như bị một lời nguyền nửa vời, người anh em ạ, nhưng lòng trắc ẩn chờ đợi ở đâu đó tít trên kia. - Giọng ông ta lại hạ xuống để bàn công việc. - Quỷ bắt tôi nếu như tôi biết nguyên do tại sao.

- Ông ấy có ai thừa kế không? Làm ly nữa đi.

Ông ta đóng chặt nút chai và đẩy nó qua quầy.

- Hai ly là đủ, người anh em, trước khi trời tối. Cảm ơn anh. Anh dùng lối mềm mỏng cám dỗ người ta... Để lại một mụ góa tên là Jessie.

- Cái gì xảy đến với bà ấy?

- Săn đuổi tri thức, người anh em. Tôi không được nghe nói. Thử tra trong danh bạ điện thoại xem.

Có một buồng điện thoại công cộng ở trong góc tối hành lang. Tôi bước vào và khép hờ cánh cửa đủ để lọt ánh đèn vào buồng. Tôi tìm tên trong danh mục và lật sổ ào ào. Khổng thấy Florian ở chỗ nào hết. Tôi quay lại bàn.

- Không thấy tăm hơi.

Người da đen cúi mình tỏ vẻ ân hận và lôi ra một cuốn chỉ dẫn thành phố để ở đầu bàn và đẩy nó lại cho tôi. Ông ta nhắm mắt lại chán ngán. Có tên Jessie Florian - góa phụ, trong cuốn sách. Bà ta sống ở khu 1644-Tây-54.

Tôi viết địa chỉ lên một mẩu giấy và đẩy cuốn chỉ dẫn trở lại qua mặt bàn. Người da đen đặt nó vào chỗ cũ, bắt tay tôi rồi lại nắm chặt nó lại, đặt trên bàn y như lúc tôi mới tới. Mắt ông ta lại từ từ trĩu xuồng và trông như đang ngủ gật.

Công việc với ông ta thế là xong. Nửa đường ra cửa, tôi liếc mắt nhìn lại ông ta, ông đã nhắm mắt, thở nhẹ và đều đặn, phì hơi qua

miệng mỗi lúc thở ra. Cái đầu hói của ông ta sáng bóng.

Tôi ra khỏi khách sạn Sans Souci và băng qua đường tới xe tôi. Có vẻ dễ dàng quá. Có vẻ ngon ăn hết sức.

5

Khu 1644-Tây-54 là một tòa nhà màu nâu xỉn với một bãi cỏ trơ trụi cũng màu nâu xỉn đằng trước. Một vuông đất rộng xác xơ bao quanh một cây cọ trông kỳ dị. Trên hàng hiên, một chiếc đu bằng gỗ nằm đơn độc, cơn gió buổi trưa làm những ngọn cây không xén của một bụi râm bụt đập ràn rạt vào bức tường đắp vữa long lở. Một dãy quần áo giặt vội màu vàng cứng ngắc phơi xộc xệch trên sợi dây thép han rỉ ở mảnh sân bên.

Tôi lái xe tới một khu cư xá, dừng lại bên kia phố rồi đi bộ ngược về tòa nhà. Chuông cửa không kêu nên tôi gõ nhẹ vào khuôn gỗ của một cánh cửa che rèm. Những bước chân lướt chậm lệt xệt và cửa mở. Tôi nhìn vào khoảng tối mờ mờ. Một người đàn bà nhếch nhác vừa ra mở cửa vừa hỉ mũi. Mặt bà ta xám xịt và béo phị. Bà ta có mái tóc xác xơ, màu sắc mơ hồ không ra nâu không ra hung, mớ tóc bẩn thỉu không còn ra một mớ tóc bạc nữa mà giống như một bụi gừng.

Người đàn bà xồ xề khoác một cái áo váy mặc trong nhà bằng vải flanen bạc phếch cả màu sắc lẫn hình vẽ trên vải, trông chỉ còn như một thứ gì kỳ cục quây quanh thân mình.

Những ngón chân to bè và tõe ra trong đôi dép đàn ông bằng da màu nâu xác xơ vẹt gót. Tôi hỏi:

- Bà Florian? Bà là Jessie Florian?

- Hừ, hừ, - cái giọng trả lời rề rà thốt ra từ cổ họng bà ta như của một người đàn ông ốm liệt.

- Bà là Florian, chồng bà hồi trước có mở một cơ sở dịch vụ ở Đại lộ Trung tâm? Ông nhà tên là Mike Florian phải không?

Người đàn bà lóng ngóng vén một lọn tóc bết như bấc đèn lên vành tai, đôi mắt hấp háy ngạc nhiên. Giọng bà ta lúng túng khó nhọc:

- Cái... cái gì? Mike mất đã năm năm rồi. Ông là ai vậy?

Tấm rèm cửa vẫn gài trên móc.

- Tôi là thám tử tư - tôi nói. - Tôi cần một vài tin tức.

Bà ta đăm đăm nhìn tôi một phút dài dặc và ảm đạm, rồi khó nhọc tháo móc rèm và mở ra:

- Vào trong này đi. Tôi không có lúc nào dọn dẹp nhà cửa, - bà rên rỉ. - Cảnh sát hả?

Tôi bước qua cửa và móc lại tấm rèm. Một máy thu thanh lớn còn tốt kêu rè rè bên trái cánh cửa, trong một góc phòng. Nó là đồ đạc độc nhất trông còn tươm tất ở nơi này, loại máy mới sản xuất. Những đồ đạc khác méo mó bẩn thỉu, một cái ghế đu giống như cái để ở hàng hiên, một cánh cửa xộc xệch mở vào phòng ăn. trên một cánh cửa bật khác mở vào gian bếp. Giữa phòng là bàn ăn bừa bộn, in hằn đầy những vết tay bẩn. Một cặp chao đèn từng một thời diêm dúa bây giờ xác xơ, trông như những gã lang thang, ủ rũ trên bàn.

Người đàn bà ngồi xuống chiếc ghế đu, hất đôi dép ra khỏi chân và nhìn tôi. Tôi nhìn chiếc máy thu thanh và ngồi ghé xuống ghế xôfa bụi bặm. Bà ta thấy cái nhìn của tôi. Một vẻ thân mật giả dối lướt qua gương mặt và giọng nói bà ta:

- Mike không có chuyện gì mới chứ ông? - Bà ta cười khúc khắc - Tôi cũng không để cảnh sát phải gọi tôi nhiều lần.

Giọng cười của bà ta sặc sụa hơi rượu. Tôi ngả người ra đằng sau và tựa lưng vào một vật gì cứng, tôi thò tay phía sau lôi ra một vỏ chai rượu gin đã rỗng. Người đàn bà lại cười:

- Tôi đùa thôi, - bà ta nói. - Nhưng tôi hy vọng là ông ấy được Chúa đoái thương. Ở đây người ta chẳng chịu buông tha ông ấy.

- Tôi đang nghĩ tới một cô gái tóc đỏ.

- Tôi thiết tưởng ông ấy có thể mướn một vài người như thế chứ. - Cặp mắt bà ta nhìn tôi hình như không còn mơ hồ như trước. - Tôi không nghĩ ra. Mái tóc đỏ nào đặc biệt thế?

- Có. Một cô gái tên là Velma. Tôi không biết về sau cô ta lấy tên gì khác nếu không phải lấy tên thực. Tôi cố gắng lần ra dấu vết của

cô ta cho những người thân thuộc. Chỗ cô ấy làm ở khu Trung tâm, bây giờ là của người da màu, mặc dù nó vẫn giữ cái tên cũ. Dĩ nhiên, bây giờ ở đó chả ai biết tên cô ta cả. Vậy là tôi nghĩ tới bà.

- Những người thân của cô ta chỉ mất thì giờ vòng vo để tìm kiếm cô ta thôi à? - Bà ta nói giọng tư lự.

- Có cả một ít tiền nữa. Không bao nhiêu. Tôi thiết tưởng người ta sẽ không để bà mất công vô ích. Tiền kích thích trí nhớ tốt lắm.

- Rượu tốt hơn, - người đàn bà nói. - Hôm nay có vẻ nóng nực phải không? Vậy mà ông bảo ông là cảnh sát. - Cặp mắt xảo quyệt trên gương mặt điềm tĩnh chờ đợi. Hai bàn chân đi dép đàn ông không đung đưa nữa.

Tôi cầm cái biđông lính lên lắc lắc rồi ném sang một bên và vòng tay lôi từ túi quần sau ra chai rượu dẹt lúc nãy tôi và viên quản lý khách sạn da đen đã khui. Tôi cầm chai đặt trên đầu gối. Cặp mắt người đàn bà sững lại một cái nhìn ngờ vực đầy vẻ hoài nghi khiến bà ta giống một con mèo con uể oải.

- Ông không phải là cảnh sát, - bà ta nói nhẹ nhàng. - Không bao giờ cảnh sát mua thứ rượu mạnh này. Ông định bịt miệng cái gì thế?

Bà ta lại hỉ mũi vào chiếc khăn tay bẩn thỉu kinh khủng mà tôi chưa từng thấy. Mắt bà ta dán vào cái chai, vẻ hoài nghi giành giật với vẻ thèm khát và thèm khát đã thắng. Bao giờ chả vậy.

- Velma là một chiêu đãi viên, một ca sĩ. Bà không biết cô ta à? Tôi không nghĩ là bà tới chỗ đó nhiều.

Cặp mắt màu rong biển dán vào cái chai. Bà ta thoáng liếm môi.

- Con người cứ phải có rượu, - Bà ta thở dài. - Tôi không nghĩ xấu về ông đâu. Chỉ có điều ông hãy cẩn thận giữ cái chai. Phải rót luôn tay đấy.

Bà ta đứng dậy, lạch bạch ra khỏi phòng và quay lại với cái ly nhem nhuốc dầy cộp.

- Đừng pha. Cứ để thế mà uống, - bà ta nói.

Tôi rót cho bà ta một lượng đủ làm tôi trôi phăng qua bức tường. Bà ta cầm ly háo hức và dốc tuột vào cổ họng như một liều thuốc và

lại nhìn cái chai. Tôi rót cho bà ta ly nữa và rót một ít cho tôi. Bà ta đặt ly trên cái ghế đu gỗ. Cặp mắt bà ta trở lại tối sẫm, thành hai bóng mờ màu nâu.

- Con người cần cái thứ này để quên đi bao nỗi đau khổ, - bà ta nói và lại ngồi xuống. - Thế là chẳng còn biết cái gì hành hạ mình nữa. Chúng ta đang nói chuyện gì nhỉ?

- Một cô gái tóc đỏ tên là Velma đã làm ở chỗ bà trên Đại lộ Trung tâm.

- Phải, - bà ta làm cạn ly rượu thứ hai. Tôi đi tới và đặt cái chai ở đầu ghế cạnh bà ta. Bà ta cầm lấy chai. - Phải. Ông bảo ông là ai nhỉ?

Tôi rút tấm thẻ chìa cho bà ta. Bà ta lẩm nhẩm đọc, môi mấp máy, rồi đặt xuống bàn và lấy cái ly rỗng chặn lên trên.

- Ồ, một thám tử tư. Sao ông không nói điều đó? - Bà ta ngoắc một ngón tay về phía tôi với điệu bộ vui vẻ. - Nhưng rượu của ông nó nói rằng ông là một gã tử tế. Đây là một tội ác.

Bà ta tự rót cho mình ly thứ ba và làm đánh ực. Tôi vê vê điếu thuốc lá trong các ngón tay, chờ đợi. Hoặc là bà ta biết đôi điều hoặc bà ta chẳng biết gì. Nếu bà ta có biết, hoặc là bà ta sẽ nói với tôi hoặc là sẽ ngậm miệng. Đơn giản có vậy thôi.

- Con bé tóc đỏ tinh ma, - bà ta nói chậm rãi và ồm ồm - Phải, tôi nhớ ra cô ta rồi. Hát và nhảy. Cặp chân đẹp, lại dễ tính nữa. Cô ta trốn đi nơi nào đó. Làm sao tôi biết là con ranh ấy làm gì họ chứ?

- Phải, tôi thực lòng không nghĩ là bà biết - tôi nói. -Nhưng lẽ tự nhiên là tôi tới và hỏi bà, bà Florian ạ. Bà tự rót ly whisky nữa đi, tôi có thể chạy ra ngoài kiếm chai khác nếu chúng ta cần.

- Ông không uống, - đột nhiên bà ta nói.

Tôi cầm ly của tôi bằng cả bàn tay và uống chầm chậm làm như uống nhiều lắm.

- Những người thân của cô ta ở đâu? - Bà ta lại hỏi bất ngờ.

- Chuyện đó có ăn nhằm gì không?

- Được, - bà ta cười nửa miệng, - tất cả các ông cớm đều như thế. Được, hay đấy. Kẻ nào mua rượu cho tôi là bạn tôi.

- Bà ta vớ chai rượu và dốc vào ly - Tôi không phải là một mụ bẻm mép. Nhưng khi tôi ưa kẻ nào, tôi có thể bốc đồng lên, một tấc đến trần nhà. - Bà ta cười màu mè, trông như một cái chậu giặt. - Nắm chặt lấy ghế và đừng có loạng choạng. Tôi cho anh xem cái này.

Bà ta đứng lên khỏi cái ghế, hắt hơi, đập tay vào bụng và nhìn tôi đăm đăm, lạnh lùng.

- Đừng có hé mắt, - bà ta nói và lại ra khỏi phòng, lấy vai đẩy cửa khép lại.

Tôi nghe tiếng chân bà ta lệt xệt đi xuống nhà dưới.

Những ngọn râm bụt đập lào xào vào mặt tường. Sợi dây phơi quần áo kẽo kẹt mơ hồ bên hông nhà. Gã bán kem rung chuông rao đâu đó. Chiếc máy thu thanh mới trong góc nhà rên rỉ một giai điệu du dương và dồn dập như giọng một ca sĩ thất tình, nghe êm ái và sâu thẳm.

Rồi từ phía nhà dưới vọng lên những âm thanh chát chúa hỗn tạp. Hình như một chiếc ghế đổ vật ra phía sau, một ngăn kéo bàn bị rút mạnh ra và đập xuống sàn. Có tiếng chân dò dẫm, bước huỳnh huỵch và giọng nói càu nhàu. Rồi tiếng lách cách chậm chạp của ổ khóa và tiếng cọt kẹt của chiếc hòm mở nắp, lại tiếng chân dẫm và tiếng đập. Một cái khay hay nắp hòm bị kéo lê trên sàn. Tôi đứng dậy khỏi ghế xôfa, lẻn vào phòng ăn rồi từ phòng ăn vào gian sảnh hẹp. Tôi nhìn qua khe một cánh cửa mở.

Bà ta ở đó, lắc lư trước cái hòm, chộp lấy thứ gì trong ấy và hất mớ tóc rủ xuống trán một cách giận dữ. Bà ta đã uống hơi nhiều. Bà ta khom mình cố gượng tỉnh táo trên cái hòm và thở dài. Rồi bà ta khuỵu hai đầu gối nặng nề, thọc cả hai bàn tay vào trong hòm, mò mẫm.

Hai bàn tay bà ta run rẩy cầm một vật gì. Một gói dây buộc dải băng màu hồng bạc phếch. Chậm rãi vụng về, bà ta tháo dải băng. Bà ta lôi một chiếc phong bì ra khỏi gói và lại khom mình nhét cái

phong bì xuống mé bên tay phải của chiếc hòm. Bà ta buộc lại dải băng bằng những ngón tay lóng ngóng.

Tôi rón rén trở về chỗ cũ, ngồi xuống ghế xôfa. Thở như kéo bễ, người đàn bà quay lại phòng khách và đứng tựa vào khuôn cửa, tay cầm cái gói buộc dải băng.

Bà ta nhìn tôi, cười nhếch mép thỏa mãn, vứt cái gói rơi gần chân tôi. Bà ta lạch bạch tới cái ghế đu, ngồi xuống và lại vớ ly rượu.

Tôi nhặt cái gói dưới sàn, tháo dải băng hồng.

- Nhìn mà xem. - người đàn bà lẩm bẩm. - Ảnh chụp này. Mẩu báo này. Không có cái gì ở chỗ những con điếm ranh ấy không lên báo ngoại trừ bị cảnh sát loại bỏ. Toàn những kẻ mạt hạng. Một lũ con hoang - có cả bồ bịch của ông ấy nữa.

Tôi lấy ra một xấp ảnh chụp còn sáng nước. Những người đàn ông và đàn bà làm đủ nghề. Những người đàn ông có gương mặt sắc sảo láu cá mặc bộ đồ đua ngựa hoặc trang điểm kỳ cục. Những tài tử và vai hề của các gánh xiếc rong. Không có mấy người trong số họ là dân có máu mặt. Người ta sẽ tìm thấy họ ở những rạp hài kịch tỉnh lẻ hoặc ở những túp lều ngoại ô tồi tàn bẩn thỉu mà luật pháp tạm chấp nhận hoặc bẩn thỉu hơn là ở sân tòa án hoặc đồn cảnh sát, rồi từ đấy họ lại lên các sân khấu tạp kĩ cười cợt nhăn nhở, hung bạo, sặc sụa mùi mồ hôi dầu. Những người đàn bà phô những cặp chân đẹp, những đường cong thân thể còn hơn cả một minh tinh màn bạc thượng thặng. Nhưng gương mặt của họ bạc phếch như những con mèo hoang và những cặp mắt nâu hoặc đen mở ra ngây độn và quê mùa như mắt bò. Có những cặp mắt nhỏ ranh mãnh và hau háu. Một hoặc hai gương mặt đồi trụy rõ ràng. Một hoặc hai cô gái có thể có tóc đỏ. Người ta chẳng thể nói gì về những tấm ảnh này. Tôi nhìn lướt qua chúng với vẻ hờ hững rồi buộc lại dải băng.

- Tôi không biết một ai trong số này, - tôi nói - Làm sao tôi tìm thấy gì ở đó?

Bà ta liếc nhìn cái chai trong bàn tay phải đang nắm chặt, hỏi điềm tĩnh:

- Ông không tìm thấy Velma à?

- Cô ta ở trong số đó hay sao?

Một vẻ gian xảo lướt qua nét mặt bà ta rồi lại biến mất.

- Những người thân của cô ta không đưa cho ông xem ảnh à?

- Không.

Cái đó làm bà ta bực mình. Cô gái nào chả có ảnh chụp ở đâu đó, dẫu chỉ là chụp bộ áo váy ngắn với một cái nơ con bướm trên tóc. Tôi sẽ phải có nó bằng được.

- Tôi lại cảm thấy không ưa ông rồi, - người đàn bà nói giọng phớt tỉnh nhất trần đời.

Tôi đứng dậy cầm cái ly của tôi, bước tới đặt xuống bên cạnh cái ly của bà ta ở cuối bàn.

- Rót cho tôi một ly trước khi bà dốc cạn chai.

Bà ta với cái ly, còn tôi bước rảo qua cửa về phía phòng ăn rồi vào gian sảnh, vào luôn phòng ngủ bừa bộn có cái hòm mở nắp và cái khay bị đánh đổ. Một giọng nói đuổi theo sau tôi. Tôi thọc tay vào bên phải cái hòm, lôi ra chiếc phong bì và mang nó ra ngoài.

Bà ta đã rời khỏi ghế khi tôi trở lại phòng khách, cặp mắt bà ta long lên kỳ dị, một ánh long lanh tàn nhẫn.

- Ngồi xuống, - tôi gằn giọng. - Lần này không phải bà giao dịch với một thằng ngố như Moose Malloy đâu.

Cái tên ấy bắn ra như một phát súng trong bóng tôi và không nhằm vào một cái gì cả. Bà ta chớp mắt lia lịa và nhăn mặt, mũi chun lại. Mấy cái răng bẩn nhe ra gian giảo.

- Moose ? Moose nào? Có chuyện gì xảy ra với ông ấy? - Bà ta nghẹn giọng.

- Ông ấy được thả ra khỏi tù và đang lang thang với một khẩu Colt 45. Ông ấy đã giết một người da đen ở khu Trung tâm sáng nay chỉ vì người kia không nói với ông ấy là Velma ở đâu. Bây giờ ông ấy đang có nguy cơ trở lại nơi ông ấy đã sống tám năm về trước.

Một sắc trắng nhợt hiện lên trên gương mặt người đàn bà. Bà ta

cầm cả cái chai dốc ngược vào họng, vài giọt whisky rớt xuống cằm.

- Và cảnh sát đang lùng ông ấy, - bà ta nói và cười phá lên. - Cảnh sát. Ha ha!

Quả là một bà già dễ thương. Tôi ưa những người như vậy. Tôi muốn để bà ta uống rượu vì những mục đích nhỏ mọn của tôi. Tôi là một gã cừ khôi và tự hài lòng về mình. Người ta tìm thấy cái quái gì trong tầm tay ở công việc tôi làm thì cứ tìm, nhưng tôi đã bắt đầu thấy đau nơi dạ dày.

Tôi mở phong bì đang cầm trong tay và rút ra một bức ảnh bọc mica. Nó giống như những bức ảnh khác nhưng cũng có nét riêng và đẹp hơn nhiều. Một cô gái mặc bộ đồ Pierrot, đội chiếc mũ hình chóp màu trắng có búp lông đen phất phơ trên chỏm, mái tóc xỏa dưới mũ có mấy lọn màu tối có vẻ như đỏ. Khuôn mặt trông nghiêng nhưng ánh mắt vẫn thấy có vẻ tươi cười. Tôi không thấy gương mặt này đáng yêu hay thơ ngây. Mặc dù một gương mặt thơ ngây chưa chắc đã là hay nhưng phải nói là cô ta đẹp. Một người đẹp ở gương mặt hoặc ở những đường nét cơ thể. Đây là khuôn mặt bình dị nhưng vẻ đẹp là ở sự hài hòa của tất các đường nét. Người ta có thể thấy cả chục khuôn mặt như thế tại các khu cư xá trong thành phố vào những giờ buổi trưa. Phía dưới eo lưng, bức ảnh chụp được gần hết đôi chân và là một đôi chân tuyệt mỹ. Có một dòng ghi dưới bức ảnh bên góc phải: “Luôn luôn là của anh - Velma Valento.”

Tôi cầm bức hình tới trước mặt bà Florian, giơ ra cho bà ta coi. Bà ta chúi người tới nhưng chỉ một quãng ngắn. Tôi hỏi.

- Sao bà lại giấu nó đi?

Bà ta kêu khẽ giống như một tiếng thở nặng nề. Tôi nhét bức hình trở lại phong bì và bỏ phong bì vào túi áo.

- Sao bà lại giấu nó đi? - Tôi hỏi lại. - Nó có gì khác với những tấm ảnh khác? Cô ta đâu?

- Cô ấy chết rồi, - người đàn bà nói. - Cô ấy là người tốt nhưng cô ấy chết rồi, ông cảnh sát ạ. Bỏ chuyện ấy đi.

Cặp lông mày hung hung xén tỉa nhướng lên hạ xuống. Bàn tay bà

ta mở ra, chai whisky rớt xuống thảm đổ ồng ộc. Tôi cúi xuống nhặt lên. Bà ta cố đẩy mặt tôi. Tôi bước một bước tránh ra xa.

- Bức hình đó không nói rõ là tại sao bà lại giấu nó đi. Cô ta chết hồi nào? Tại sao?

- Tôi là một bà già ốm đau khốn khổ, - bà ta rầu rĩ. - Buông tôi ra đi, ông là đồ chó đẻ.

Tôi vẫn đứng đó nhìn bà ta, không nói không rằng. Không nghĩ ra điều gì để nói. Lát sau tôi bước tới bên cạnh bà ta và cầm cái chai trên bàn, cái chai đã gần rỗng.

Bà ta nhìn chăm chú xuống thảm. Chiếc máy thu thanh thả sức kêu ù ù trong góc phòng. Một chiếc xe hơi rồ máy bên ngoài. Một con ruồi đậu ở cửa sổ. Một lúc lâu sau, bà ta mấp máy môi như nói với sàn nhà một chuỗi từ lúng búng vô nghĩa bằng cái giọng đều đều. Rồi bà ta cười, ngật đầu về phía sau, dãi chảy ra mép; bàn tay phải với lấy cái chai đưa lên miệng. Cái chai đập lách cách vào răng bà ta y như bà ta cắn từng hớp nhỏ. Khi cái chai đã rỗng kiệt, bà giơ lên lắc lắc rồi ném về phía tôi. Nó bay vào góc nhà, trượt theo tấm thảm và đập một tiếng đùng đục vào cái bục gỗ.

Bà ta liếc nhìn tôi một lần nữa, mắt khép lại và bắt đầu ngáy.

Có thể chỉ là màn kịch, nhưng tôi bất cần. Đột nhiên tôi thấy chán ngấy cái cảnh này, thế là đủ, quá đủ rồi.

Tôi cầm lấy mũ trên ghế xôfa, đi ra cửa, mở cánh cửa và bước ra ngoài. Chiếc máy thu thanh vẫn kêu ù ù trong xó và người đàn bà vẫn ngáy thanh thản trong chiếc ghế. Tôi lướt nhìn bà ta trước khi khép cửa lại, rồi đóng chặt cửa. Một lần nữa tôi lại mở cửa lặng lẽ và nhìn vào phòng.

Mắt bà ta vẫn nhắm nhưng có một cái gì lướt qua dưới mi mắt. Tôi xuống thềm, đi dọc theo bức tường long lở ra ngoài phố.

Trong ngôi nhà bên cạnh, một chiếc rèm cửa sổ kéo sang bên cạnh. Một bộ mặt hẹp chăm chú dán vào kính cửa, tò mò, một bộ mặt đàn bà với mái tóc bạc và cái mũi nhọn hoắt.

Già Nosey canh chừng những xóm giềng. Bao giờ chả có một

người y hệt bà già ấy ở mỗi khu nhà. Tôi vẫy tay chào. Chiếc rèm lại buông xuống. Tôi trở lại xe mình, chui vào và lái về khu phố số 77, leo lên gác tới cái hang nhỏ hôi hám của Nulty ở trên lầu hai.

6

Hình như Nulty không hề đi đâu. Anh ta ngồi nguyên trên ghế như lần trước, vẻ kiên nhẫn đã lên men. Nhưng có thêm hai mẩu xì gà nữa trong chiếc gạt tàn và sàn nhà thêm vô số những que diêm đã cháy.

Tôi ngồi xuống sau một cái bàn trống và Nulty nhặt một tấm ảnh trên bàn đưa cho tôi. Đó là một căn cước của cảnh sát, chụp thẳng và chụp nghiêng với một loạt dấu tay điểm chỉ bên dưới. Đó chính là Malloy, chụp trong làn ánh sáng mạnh, nếu như không có lông mày thì trông gã giống hệt một ổ bánh mì kiểu Pháp.

- Ông mãnh ấy đấy, - tôi trả lại tấm hình.

- Chúng tôi gọi tới nhà lao bang Oregon hỏi về gã, -Nulty nói. - Không nghỉ ngơi chút nào, mọi sự có vẻ khả quan. Chúng tôi đang dồn gã vào chân tường. Một xe tuần tra bắt được liên lạc với người điều khiển giao thông ở đầu mút tuyến đường số 7. Người đó thông báo là nhận ra có một gã cỡ như thế, nhân dạng như thế. Gã rời khỏi khu phố số 3 và Alexandria. Gã định đột nhập vào mấy ngôi nhà lớn vắng người. Người ta đã ở đó cả đống. Đóng chốt kiểu cũ ở khu phố dưới bây giờ xa quá và khó chia nhóm. Gã sẽ đột nhập một chỗ nào đó và chúng tôi sẽ sập bẫy. Còn anh đang làm gì vậy?

- Gã có đội cái mũ đồng bóng và có những quả bóng golf màu trắng làm khuy áo khoác không?

Nulty cau mày và vặn vẹo bàn tay trên chiếc mũ kêpi:

- Không, một bộ đồ màu lam. Có lẽ màu nâu.

- Chắc chắn gã không mặc váy chứ?

- Hử? Ồ, ồ, ngộ thật. Anh chọc tôi cười vào cái ngày chết toi này đấy à?

Tôi nói:

- Đấy không phải là Moose. Gã sẽ không đi xe buýt. Gã có tiền. Hãy tìm quần áo gã mặc vì gã sẽ không thể mặc những cỡ may sẵn. Chúng ta phải làm có trình tự.

- Được, được, bỏ qua cho tôi, - Nulty cau có. - Anh đang làm gì vậy?

- Cái mà anh phải làm, địa điểm này gọi là Florian, vốn là cái tên cũ từ lúc nó còn là bẫy chuột đêm của dân da trắng. Tôi có nói chuyện với một người quản lý khách sạn da đen biết tường tận về hàng xóm láng giềng. Cái biển hiệu bằng đèn nêông đắt tiền được tiếp tục giữ lại khi hang ổ thay thầy đổi chủ. Tên người chủ trước Mike Florian. Hắn ta đã chết mấy năm rồi nhưng bà vợ góa của hắn còn sống quanh đây. Bà ta sống ở khu 1644-Tây-54, Tên bà ta là Jessie Florian, không có trong danh bạ điện thoại nhưng có trong cuốn chỉ dẫn của thành phố.

- Vậy tôi sẽ làm gì để khai thác bà ta?

- Tôi đã làm điều đó cho anh. Tôi mang theo một chai rượu mạnh. Đấy là một phu nhân trung cổ dễ thương, có bộ mặt như một cái xô bùn và nếu bà ta có lần nào gội đầu kể từ thời tổng thống Coolidge tới nay, tôi sẽ nuốt hết cả vành bánh lẫn vỏ xe tôi cho rồi.

- Vứt những câu hài hước đi nào, - Nulty nói.

- Tôi hỏi Florian về Velma. Anh có nhớ không, Nulty, cái cô tóc đỏ tên là Velma mà gã Moose Malloy đang đi lùng ấy? Tôi có làm anh mệt quá không, Nulty?

- Anh có điều gì khó chịu?

- Anh sẽ không hiểu đâu. Bà Florian nói rằng bà ta không nhớ Velma. Căn nhà bà ta ở rất tồi tệ, ngoại trừ cái máy thu thanh mới, loại bảy mươi hay tám mươi đôla một cái.

- Anh không nói với tôi lý do tại sao cái radio đó sẽ làm tôi phải kêu toáng lên à?

- Bà Florian, tôi gọi là Jessie, bảo rằng chồng bà ta chẳng để lại cho bà ta cái gì ngoài mấy bộ quần áo cũ của hắn và một xấp hình chụp của cả bọn, những kẻ tụ bạ làm ăn ở cái hang ổ của hắn từng

thời kỳ một. Tôi chuốc rượu cho bà ta và bà ta trở thành một cô gái có thể quật ngã cả anh như chơi để giằng lấy cái chai. Sau chầu thứ ba hoặc thứ tư, bà ta đi vào căn phòng ngủ “quý tộc” của bà, quăng vứt tứ tung rồi lôi xấp hình chụp từ đáy một cái hòm cũ rích. Nhưng tôi theo dõi bà ta mà bà ta không biết, tôi thấy bà ta rút ra một cái gói và giấu nó đi. Vậy là tôi lẻn vào chộp lấy cái gói ấy.

Tôi thò tay vào túi và đặt hình cô gái mặc bộ đồ Pierrot lên bàn Nulty. Anh ta cầm lên chăm chú ngắm nghía, mép trễ xuống.

- Ma mãnh, - anh ta nói, - ma mãnh lắm. Tôi cũng đã có lần dùng một chút mẹo vặt ấy. Hừm. Hừm. Velma Valento, hả? Chuyện gì xảy ra với con búp bê này?

- Bà Florian nói là cô ta đã chết, nhưng cái đó không giải thích được vì sao bà ta phải giấu tấm ảnh.

- Tại sao nhỉ?

- Bà ta không nói với tôi. Cuối cùng, sau khi tôi bảo bà ta là Moose đã ra tù, bà ta hình như khó chịu với tôi.

- Tiếp tục đi, - Nulty nói.

- Hết rồi đấy. Tôi đã kể cho anh đầu đuôi xuôi ngược và cho anh xem triển lãm nữa. Nếu anh không thể trông cậy ở nơi nào về vụ này, tôi có thể nói là chẳng có gì giúp anh được.

- Tôi sẽ trông cậy ở đâu? Vẫn chỉ là một vụ giết chóc của bọn da đen. Chúng tôi sẽ chờ tóm cổ Moose. Mẹ kiếp, thế mà tám năm kể từ khi gã gặp cô ta, trừ phi cô ta vào nhà lao thăm gã.

- Phải, - tôi nói. - Nhưng đừng quên là gã đang đi tìm cô ta và chính gã là người đàn ông đã chinh phục được cô ta. Hơn nữa gã còn dính vào vụ nhà băng, đó là một vụ báo oán. Ai nắm được chuyện ấy?

- Tôi không biết, - Nulty nói. - Tôi sẽ tìm ra. Sao vậy?

- Có người lật tẩy gã. Có lẽ gã biết kẻ đó. Đấy sẽ là một vụ khác, gã còn chờ dịp, - tôi đứng dậy. - Xin chào. Chúc may mắn.

- Anh đi dạo với tôi chứ?

- Tôi phải về nhà tắm táp một chút, thông cổ họng và sửa sang móng tay móng chân. - Tôi đã ra tới cửa.

- Anh có ốm không đấy?

- Chỉ bẩn thôi, - tôi nói, - cực kỳ bẩn thỉu.

- Được, có gì mà vội vã thế? Ngồi xuống một lát đã. -Anh ta ngã người ra sau, thọc ngón tay cái vào áo vét, làm anh ta giống một viên cảnh sát hơn nhưng chẳng hề hấp dẫn hơn.

- Không vội vã, - tôi nói, - không vội vã chút nào. Tôi còn làm gì hơn được nữa. Rõ ràng là cái cô Velma này đã chết, nếu như bà Florian nói thật, và tôi không hiểu lý do gì khiến bà ta nói dối. Đó là tất cả những gì khiến tôi lưu tâm.

- Ồ, - Nulty nói, nghi ngại theo thói quen.

- Và anh có Moose Malloy đấy, tất cả móc vào nhau bằng cách nào đó, thế thôi. Vậy là tôi chỉ việc về nhà, còn phải lo kiếm sống nữa chứ.

- Chúng ta có thể vứt chuyện Moose đi, - Nulty nói. -Vứt những thằng cha đó đi một lát. Những thằng cha kếch xù cũng vứt. - Mắt anh ta cũng đầy vẻ nghi ngại. - Bà ta giúi cho anh bao nhiêu?

- Cái gì?

- Cái bà phu nhân già ấy giúi cho anh bao nhiêu để thoát?

- Thoát cái gì?

- Cái mà giờ đây anh đang tìm cách thoát. Anh ta chuyển ngón tay từ lỗ thủng ở tay áo ra đằng trước áo vest và chụm những đầu ngón tay của hai bàn tay vào nhau. Anh ta mỉm cười.

- Ôi, vì Chúa, - tôi nói và ra khỏi văn phòng, bỏ lại cái mồm há hốc của Nulty.

Khi đã ra khỏi cửa được khoảng một thước, tôi quay lại và mở cửa nhìn vào phòng. Anh ta vẫn đang ngồi như cũ, chụm những ngón tay vào nhau, nhưng không còn mỉm cười nữa. Anh ta nhìn, vẻ lo nghĩ, miệng vẫn há hốc.

Anh ta không nhúc nhích, cũng không ngước lên. Tôi không biết

anh ta có thấy tôi hay không. Tôi lại đóng cửa và ra ngoài.

7

Trên tấm bìa lịch năm đó, người ta in bức chân dung tự họa của Rembrandt như để thử màu mực chế dở dang.

Hình ông ta cầm một tấm pha màu nhem nhuốc bằng một ngón tay cái bẩn thỉu, đội mũ bêrê xứ Scotland không sạch hơn. Tay kia ông ta cầm cây cọ huơ lên không khí, như thể ông ta sẽ vẽ ngay được một họa phẩm nếu như ai đó trả nhuận bút tại chỗ. Khuôn mặt ông ta già nua, nhăn nheo, đầy vẻ chán đời và nét tàn phá của rượu, nhưng ông ta có một vẻ khoái hoạt cứng cỏi mà tôi ưa thích và có đôi mắt sáng long lanh như những giọt sương.

Khoảng bốn giờ rưỡi, khi tôi đang ngắm ông ta qua mặt bàn làm việc, chuông điện thoại reo và một giọng nói lạnh lùng hợm hĩnh đầu bên kia, cái giọng tự phụ kéo dài ra, sau khi tôi đã trả lời.

- Ông là Philip Marlowe, thám tử tư?

- Đích thị.

- Ồ, ông định nói là, vâng, tôi được giới thiệu về ông như một người kín đáo. Tôi muốn ông tới nhà tôi lúc bảy giờ tối nay. Chúng ta có một chuyện cần thảo luận. Tên tôi là Lindsay Marriott, ngụ tại số 4212, phố Cabrilo, Montemar Vista. Ông biết nơi đó không?

- Tôi biết Montemar Vista, ông Mariott ạ!

- Vâng. Được, tìm phố Cabrilo khó hơn đấy. Đường phố ở dưới này nằm trong một khu sầm uất nhưng vòng vèo rắc rối lắm. Tôi đề nghị ông đi bộ mấy bước từ một quán cà phê vỉa hè. Nếu đi như thế, ông sẽ thấy Cabrillo là phố thứ ba và nhà tôi là ngôi nhà độc nhất tách riêng ra trong khu cư xá. Vậy bảy giờ nhé?

- Ông thực sự thuê mướn chuyện gì vậy, ông Mariott?

- Tôi không muốn thảo luận qua điện thoại.

- Ông có thể cho tôi biết qua được không? Montemar Vista khá xa

đấy.

- Tôi rất vui lòng thanh toán phí tổn cho ông nếu như chúng ta không thỏa thuận được với nhau. Ông muốn biết tường tận thực chất của vụ thuê mướn này à?

- Không bằng vấn đề nó có hợp pháp hay không?

Giọng nói trở nên lãnh đạm:

- Tôi đã không gọi cho ông, nếu nó không hợp pháp.

Một dân Harward loại nòi đây. Cách nhờ vả cũng hay lắm. Chân tôi ngứa ngáy chỉ muốn cho một cái đá, nhưng khổ nỗi túi tôi đã cạn tiền. Thế là tôi cố đổ mật ong vào giọng nói:

- Cảm ơn ông đã gọi điện thoại cho tôi, ông Mariott. Tôi sẽ tới đó.

Ông ta bỏ máy và chỉ thế thôi. Tôi cảm thấy trên khuôn mặt Rembrandt một nụ cười mỉa mai. Tôi lôi chai rượu ra khỏi ngăn kéo bàn giấy sâu hút và tợp một ngụm. Thế là nụ cười nhạo báng biến khỏi mặt ngài Rembrandt lập tức.

Một vệt nắng trượt khỏi mép bàn và rơi êm trên thảm. Đèn giao thông lập lòe ngoài đại lộ, xe đò liên tỉnh chạy ầm ầm, một anh chàng thư ký mổ cò máy chữ lóc cóc đơn điệu trong văn phòng luật sư bên kia bức tường ngăn. Tôi vừa nhồi thuốc và châm được chiếc tẩu thì chuông điện thoại reo.

Lần này là Nulty. Giọng anh ta vang lên nghèn nghẹt như nghẹn khoai tây nướng:

- Tốt, tôi cứ tưởng không có gì sáng sủa ở đó. - anh ta nói, khi biết mình đang nói chuyện với ai. - Tôi quên một điều, Malloy tới gặp cái bà Florian ấy.

Tôi nắm ống nghe chặt đến mức muốn gãy đôi. Môi trên của tôi bỗng nhiên cảm thấy giá lạnh.

- Tiếp tục đi. Tôi tưởng là các anh đã dồn hắn vào chân tường rồi.

- Đó là thằng cha khác, Malloy không bén mảng tới đó. Chúng tôi có mấy trạm quan sát qua các cửa sổ ở khu Tây - 54. Có hai gã tới gặp mụ Florian. Gã số 1 dừng xe phía bên kia phố và hành động kín

đáo. Gã xem xét kỹ lưỡng trước khi bước vào và ở trong đó khoảng một giờ. Cao thước tám, tóc sẫm, trọng lượng trung bình. Gã ra lặng lẽ.

- Gã cũng thở sặc sụa hơi men. - tôi nói.

- Ồ, nhất định rồi. Đấy là anh phải không? Gã số 2 là Moose. Gã đồ sộ như một tòa nhà. Gã cũng đến bằng một chiếc xe hơi, nhưng bà phu nhân già không đọc được số vì ở xa quá. Khoảng một giờ sau lúc anh ở đó, bà ta bảo vậy. Gã bước vào rất nhanh và chỉ ở trong đó khoảng năm phút. Chỉ có điều là trước khi chui trở lại xe, gã lấy ra một khẩu súng lớn và quay ổ đạn. Tôi cho rằng đó là cái điều mà bà phu nhân già quan sát thấy gã làm và gọi điện cho chúng tôi. Mặc dù bà ta không nghe thấy súng trong ngôi nhà.

- Đó chính là điều thất vọng lớn, - tôi nói.

- Ờ, lại một giai thoại. Anh lại chọc tôi cười vào cái ngày chết toi này. Bà phu nhân già cũng quên một điều. Mấy chú tuần tra phóng xuống đó và không thấy gì ở cửa cả, thế là họ bước vào. Cửa trước không khóa. Không có ai bị giết trên sàn. Không có ai trong nhà hết. Bà Florian đã chuồn mất. Họ sang cửa nhà bên cạnh và bảo bà phu nhân già, thế là bà ta sôi sùng sục giải thích là không hề thấy bà Florian ra khỏi nhà lúc nào. Họ báo cáo lại và tiếp tục công việc. Khoảng một giờ sau, có lẽ một giờ rưỡi sau, bà phu nhân già lại gọi điện bảo là bà Florian lại có ở nhà. Họ cắm máy cho tôi, tôi hỏi bà ta có gì quan trọng thế và bà ta gác máy trước mũi tôi.

Nulty ngừng một chút để thở và chờ tôi bình luận. Tôi không nói gì. Lát sau anh ta lại làu nhàu:

- Anh nghĩ gì về chuyện đó?

- Chả có gì. Dĩ nhiên là Moose muốn tới chỗ ấy rồi. Gã cần phải biết mụ Florian có gì không bình thường không. Rõ ràng là gã sẽ không lượn lờ quanh chỗ ấy lâu làm gì, gã sợ pháp luật cũng quan tâm tới mụ Florian.

- Tôi hình dung ra việc đó, - Nulty bình tĩnh nói. - Có lẽ tôi sẽ tới gặp mụ ta, xem xem mụ ta đã đi đâu.

- Ý ấy hay đấy, - tôi nói. - Nếu anh có thể nhờ ai đó nhấc anh ra khỏi ghế.

- Hử? Ồ, lại một giai thoại nữa. Dẫu sao bây giờ cũng không phải là một đống những rắc rối. Tôi nghĩ là tôi cũng không đến nỗi bực mình lắm.

- Tốt, - tôi nói. - Cứ như thế là tốt.

Anh ta chép miệng:

- Chúng tôi bẫy Malloy khắp mọi ngả đường. Lần này chúng tôi thực sự bẫy hắn. Chúng tôi rình hắn ở Girard ngược lên phía Bắc trong một chiếc xe ngựa thuê. Hắn thoát hiểm ở đó và một thằng bé chạy giấy ở nhà ga nhận ra hắn qua bản thông cáo đọc trên đài phát thanh ngay sau đó. Nó nói khá khớp chỉ trừ phi Malloy đã tráo một bộ đồ sẫm. Chúng tôi lấy lệnh của tòa án và công tố bang về vụ đó. Nếu hắn đi về phía Bắc, chúng tôi bẫy hắn ở tuyến Ventura: nếu hắn lẩn đến Ridge Route, hắn bị chặn lại ở Castaie. Nếu hắn thoát chỗ đó, chúng tôi sẽ gọi điện thoại tới trước và sẽ khóa chặt con đường. Chúng tôi không muốn phải bắn, nếu như có thể được. Anh nghe rõ không?

- Nghe được - tôi nói. - Nếu thật sự là Malloy và nếu gã làm đúng những gì mà các anh muốn gã làm.

Nulty thận trọng ho.

- Ờ, anh nghĩ gì chuyện đó, đúng trong trường hợp này?

- Chả gì cả. Sao tôi lại phải nghĩ chuyện đó?

- Anh đã lấy được nhiều kết quả hay ở mụ Florian. Có lẽ mụ sẽ còn vài ý nữa cũng nên.

- Tất cả những gì các anh cần tìm ra là một cái chai đầy, - tôi nói.

- Anh đã nắm mụ ta tuyệt lắm. Có lẽ anh phải bỏ ít nhiều thời gian nữa cho mụ ấy.

- Tôi tưởng đây là việc của cảnh sát chứ?

- Ồ, nhất định rồi. Mặc dù chuyện về cô gái ấy chính là ý kiến của anh.

- Cái đó xem chừng toi rồi, trừ phi bà Florian nói dối chuyện ấy.

- Các bà nói dối chuyện gì đó chỉ là để mưu mô - Nulty nói như đinh đóng cột - Anh thực sự không bận gì chứ hả?

- Tôi có một vụ phải làm. Nó tới lúc tôi gặp anh xong. Một vụ được trả công. Rất tiếc.

- Gạt đi chứ?

- Không làm kiểu đó được. Tôi phải kiếm sống.

- Được mà, anh bạn. Nếu đó là cung cách anh cảm thấy được.

- Tôi không cảm thấy cung cách gì hết ở đây. - Tôi gần như hét lên. - Tôi chỉ không có thì giờ để đóng vai phụ cho anh hoặc cho bất kỳ một cha cảnh sát nào cả.

- Được mà, lại cáu rồi. - Nulty nói và gác máy.

Tôi nắm ống nói câm lặng trong tay và gào vào máy: “Có một ngàn bảy trăm năm mươi gã cảnh sát trong cái thành phố này và họ muốn tôi làm tay sai cho họ nữa.”

Tôi đặt điện thoại vào chỗ rồi tợp một ngụm rượu nữa trong chai.

Một lát sau, tôi đi xuống hành lang tòa nhà và mua một tờ báo buổi tối. Chí ít Nulty cũng có điểm đúng. Vụ giết Montgomery không có thậm chí mấy dòng rao vặt trên báo.

Tôi rời văn phòng đi ăn bữa chiều khá sớm.

8

Tôi xuống Montemar Vista khi ánh sáng đã bắt đầu nhạt, nhưng vẫn còn một chút le lói lộng lẫy trên mặt nước và những bọt sóng vỗ bờ vỡ tan ra xa thành những dãy dài ngoằn ngoèo êm ả. Một tốp bồ nông bay qua, buông những bóng sẫm ngay dưới mép sóng sủi kem trắng.

Một chiếc thuyền đua đơn độc đang lách vào bến thuyền ở Bay City. Phía bên kia là khoảng trống mênh mông của Thái Bình Dương màu tím xám.

Montemar Vista là một khu nhà đủ cỡ và đủ kiểu treo lơ lửng như những chiếc răng và những hàng lông mày trên vách núi, trông như chỉ cần một cái hắt hơi mạnh là sẽ rơi lộp bộp xuống bãi bể, giữa những lon đồ hộp bữa trưa.

Tít cao trên bãi bể là con đường vắt vẻo chạy dưới chiếc cổng vòm bê tông rộng thênh thang, thực ra là một chiếc cầu cho người đi bộ. Từ đầu mút phía trong của chiếc cầu, vút lên những bậc bê tông với dãy lan can lấp lánh chạy xuyên vào núi như một cái thước kẻ.

Bên kia cổng vòm, quán cà phê vỉa hè mà ông khách hàng của tôi đã nói trông phía trong sáng sủa và vui vẻ, nhưng bên ngoài kê những chiếc bàn chân sắt mặt đá dưới những tán dù kẻ sọc lại vắng hoe, ngoại trừ một người đàn bà ủ dột cô đơn ngồi nghỉ ngơi, vừa hút thuốc vừa nhìn đăm đăm ưu tư về phía biển, trước mặt là một chai bia. Một con chó săn giống Fox đang dùng một trong những chiếc ghế sắt thay cây cột đèn. Bà ta la rầy con chó vắng mặt, khi tôi lái xe qua và đỗ lại ở bãi rộng cạnh quán.

Tôi đi bộ ngược trở lại qua cổng vòm và leo lên từng bậc. Đó là một lối đi dạo tuyệt vời nếu bạn ưa cằn nhằn vì phải leo 280 bậc mới lên tới phố Cabrillo. Các bậc thang rào rạo những hạt cát bay theo gió và hàng lan can lạnh cóng, ẩm ướt.

Khi tôi leo tới đỉnh, mặt nước biến mất những phản quang lấp lánh và một con hải âu, cánh gập lại, lượn xoáy trong ngọn gió thổi từ biển khơi. Tôi ngồi xuồng bậc thang trên đỉnh lạnh giá, rũ cát khỏi giày và chờ cho mạch đập thình thịch của tôi chậm dần. Khi đã bớt thở dốc, tôi kéo chùng áo sơ mi đã ướt đẫm lưng và đi tới một ngôi nhà sáng đèn, ngôi nhà duy nhất đứng biệt lập trong khoảng những bậc thang.

Đó là một ngôi nhà nhỏ xinh xắn, có cầu thang xoắn ốc sơn màu bạc ở cửa tiền và một ngọn đèn hành lang làm giả dáng đèn lồng đang hắt sáng. Nhà xe ở bên dưới, những cánh cửa được nhấc lên và ánh sáng của ngọn đèn hành lang soi tỏ một chiếc xe hơi đồ sộ hiệu Winged Victory màu đen với những thanh chắn mạ kền loang loáng. Chiếc xe lộng lẫy, có vôlăng bên tay phải, xem chừng còn đắt giá hơn cả ngôi nhà.

Tôi lên bậc cầu thang xoắn ốc, lần tìm chuông nhưng lại thấy một cái búa gõ hình đầu hổ. Tiếng gõ âm vang trong sương chiều xuống sớm. Tôi không nghe thấy những bước chân trong ngôi nhà. Chiếc sơmi ướt dán vào lưng, lạnh như một lớp nước đá. Cánh cửa mở ra lặng lẽ và tôi thấy một người đàn ông cao lớn tóc hung, vận bộ đồ flanen trắng, thắt một chiếc khăn xatanh tím quanh cổ. Một bông hoa cài trên ve áo vest trắng, đôi mắt màu xanh lơ nhạt hẳn đi so với màu hoa. Chiếc khăn xatanh tím buộc lỏng lẻo quanh cổ hay cà vạt, cái cổ lớn màu nâu mịn màng như cổ một người đàn bà khỏe mạnh. Ông ta có hơi nặng nề một chút nhưng đẹp tráng kiện. Ông ta cao hơn tôi khoảng một inch, nghĩa là hơn một thước tám. Mái tóc màu hung gọn gàng, không biết được chăm sóc cẩn thận hay để tự nhiên thành ba nếp sóng mượt mà, gợi nhớ tới những bậc thang tôi vừa phải leo qua, vất vả, bực dọc. Tôi có cảm giác không hài lòng. Một phần vì ông ta xuất hiện trong dáng vẻ một cậu trai trẻ với bộ đồ flanen trắng, chiếc khăn xatanh tím và bông hoa xanh lơ trên ve áo.

Ông ta hắng giọng nhẹ nhàng và nhìn qua vai tôi vào vùng biển đang tối dần. Ông ta nói, giọng lạnh lùng, kênh kiệu:

- Hân hạnh?

- Đúng bảy giờ, - tôi nói - theo lời hẹn.

- Ồ, vâng. Để tôi xem, tên ông là... - ông ta ngừng lại và cau mày cố nhớ. Kết quả trí nhớ thật mịt mờ. Tôi để mặc ông ta như thế khoảng một chút rồi nói:

- Philip Marlowe. Tương tự như chiều nay.

Ông ta cau mày một thoáng như bất đắc dĩ. Rồi ông ta bước lùi trở lại, nói lạnh lùng:

- À, vâng. Đúng như thế. Mời vào, ông Marlowe. Tối nay bọn trẻ nhà tôi đi vắng.

Ông ta mở cánh cửa bằng một ngón tay, làm như việc tự mở cửa làm ông ta bị vấy bẩn.

Tôi đi ngang qua ông ta và ngửi thấy mùi nước hoa. Ông ta đóng cửa lại. Lối vào nhà qua một ban công thấp có hàng tay vịn bằng kim loại chạy quanh ba phía thành gian phòng khách lớn, phía thứ tư có hai chiếc ghế và một lò sưởi cháy đỏ. Ngọn lửa trong lò sưởi reo bập bùng. Gian ban công treo la liệt những giá sách và các pho tượng nhỏ trên bệ được gắn những mảnh sứ lấp lánh.

Chúng tôi bước xuống ba bậc, vào phần chính của phòng khách. Tấm thảm mềm trải khắp phòng. Một cây đàn piano khổng lồ đóng nắp; chiếc bình bạc đặt trên tấm nhung màu hoa đào cắm một đóa hồng vàng ở một góc cây đàn. Khá nhiều đồ đạc sang trọng và một chiếc tủ ly nhiều ngăn xếp những tách chén mạ vàng. Một căn phòng đẹp nếu được xếp đặt ngăn nắp. Tấm thảm phủ trên đivăng nằm trong góc tối mờ, trông như một chiếc tràng kỷ cổ. Đó là một căn phòng mà ở đó người ta có thể ngồi thu lu trong nệm lông, nhấm nháp ly rượu ápxanh pha đường và trò chuyện thủ thỉ hoặc đôi khi chỉ rì rầm khúc khích. Một căn phòng có thể làm đủ mọi chuyện, ngoại trừ ngồi làm việc.

Ông Lindsay Mariott ngồi xuống cạnh cây đàn piano, mở hộp thuốc lá Pháp tráng men lấy ra một điếu thuốc màu nâu dài có đầu lọc màu vàng. Tôi ngồi xuống một chiếc ghế màu hồng sạch bong, thầm hy vọng là mình sẽ không để lại mấy vết lem nhem trên vải

nệm và châm một điếu Camel, thở khói qua đằng mũi, rồi ngắm nghía một giá mắc áo bằng kim loại mạ đen, có những đường cong tuyệt mỹ và hai nét gấp khúc đầy nghệ thuật. Tôi chăm chú ngắm nó. Mariott nhìn tôi ngắm nghía cái giá.

- Một món đồ thú vị, - ông ta nói vẻ lơ đãng. - Tôi mới kiếm được nó. Tác phẩm *Linh hồn Buổi sáng* của Astadial đấy.

- Tôi tưởng đây là tác phẩm *Hai Mụn Cơm Trên Mông* của Klopstein.

- Ông có một lối hài hước độc đáo đấy.

- Không độc đáo lắm đâu, - tôi nói. - Thoải mái thôi.

- Phải, - ông ta nói hết sức lạnh nhạt - Phải, dĩ nhiên rồi. Tôi chắc là thế... À, cái điều khiến tôi mong muốn gặp ông để thảo luận rất là tầm thường. Cảm phiền ông phải vất vả xuống chỗ này. Đêm nay, tôi phải gặp gỡ mấy người để thanh toán cho họ một ít tiền. Tôi thiết tưởng nên có ai đó cùng đi với tôi thì tốt. Ông có mang súng theo không?

- Tùy từng lúc. Vâng. - Tôi nói và nhìn lúm đồng tiền trên cái má đầy đặn tươi mát của ông ta, tưởng như chạm trên đá cẩm thạch.

- Tôi không muốn ông mang theo cái đó. Không có chuyện gì đâu. Chỉ thuần túy là một vụ giao dịch làm ăn thôi.

- Tôi bắn dở lắm, - tôi nói. - Một vụ tống tiền à?

Ông ta cau mày:

- Chắc chắn là không. Tôi không có thói quen mang theo người khác khi bị tống tiền.

- Cái đó xảy ra với những người tử tế nhất. Tôi có thể nói là phần đông những người tử tế nhất.

Ông ta vung vẩy điếu thuốc. Đôi mắt màu nước biển của ông ta ánh lên vẻ ưu tư mệt mỏi nhưng đôi môi lại mỉm cười. Nụ cười kiểu này đi với một dây thòng lọng bằng lụa.

Ông ta thở ra mấy vòng khói rồi ngửa đầu ra đằng sau. Những bụm khói thoát ra nhẹ nhàng như mạch đập phập phồng trên cổ.

Ông ta hạ đôi mắt xuống chầm chậm và nhìn tôi chăm chú.

-Tôi gặp gỡ mấy người đó, chắc chắn là ở một chỗ quạnh vắng. Tôi không biết chỗ nào cả. Tôi đang đợi điện thoại nói rõ chi tiết. Tôi phải sẵn sàng đi ngay lúc ấy. Không xa đây lắm đâu. Tôi hiểu như vậy.

- Thỉnh thoảng ông có làm những dịch vụ này không?

- Ba hoặc bốn ngày, thực ra là vậy.

- Ông đặt vấn đề người hộ vệ kể hơi muộn.

Ông ta suy nghĩ về chuyện đó, gõ gõ những mảnh tàn đen trên điếu thuốc lá.

- Đúng như vậy. Tôi có khó khăn trong việc thực hiện ý định. Kể ra tôi đi một mình thì hơn, mặc dù không có gì mắc mớ nếu có ai đó đi cùng. Mặt khác, tôi chẳng phải là can đảm cho lắm.

- Dĩ nhiên là họ biết tình cảnh của ông chứ?

- Tôi... tôi không chắc. Tôi sẽ mang theo một món tiền lớn và không phải là tiền của tôi. Tôi giúp một người bạn. Dĩ nhiên tôi chả việc gì phải biện hộ nếu như tôi chi tiền của tôi.

Tôi dụi điếu thuốc, ngả người trên lưng ghế màu hồng và bẻ ngón tay khùng khục:

- Bao nhiêu tiền và cho việc gì?

- Phải, thực ra là - bây giờ ông ta có một nụ cười dễ chịu, nhưng tôi vẫn không cảm thấy ưa - tôi không thể đi sâu vào chi tiết.

- Ông chỉ muốn tôi tháp tùng ông để giữ mũ?

Bàn tay ông ta lại giật giật và mấy mẩu tàn thuốc rơi trên vạt áo trắng. Ông ta hất chúng xuống sàn và nhìn đăm đăm vào đám tàn thuốc dưới đất.

- Tôi e rằng tôi không ưa thích cung cách của ông, - ông ta nói, giọng mờ nhạt.

- Tôi đã có lời phàn nàn về nó, - tôi nói - Nhưng hình như đâu cần đến cái đó. Chúng ta xem xét lại sự việc một chút. Ông muốn một người hộ vệ, nhưng người ấy lại không được mang súng. Ông muốn

một người giúp đỡ nhưng người ấy lại không được biết những gì phải làm. Ông muốn tôi mạo hiểm cái cổ của tôi mà không hề biết mình mạo hiểm thế nào, tại sao và vì cái gì. Ông định thế nào về tất cả chuyện này?

- Tôi quả không nghĩ kỹ mọi chuyện đó. - Hai gò má ông ta ửng lên màu đỏ mờ mờ.

- Ông đề nghị để ông nghĩ kỹ mọi chuyện?

Ông ta ngả người về phía trước, vẻ duyên dáng và mỉm cười, miệng cắn chặt.

- Ông có ưng dùng một chút rượu không?

Tôi nhếch mép cười khẩy, đứng dậy và cầm lấy mũ. Tôi nhìn tấm thảm trải phía cửa trước, uể oải.

Giọng ông ta càu nhàu sau lưng tôi:

- Tôi gửi ông một trăm đôla cho những giờ phút quý báu của ông. Nếu như thế là không đủ, ông cứ nói. Có gì mạo hiểm đâu. Có một ít đồ nữ trang của một người bạn tôi bị cướp giật và tôi chuộc lại. Ông ngồi xuống đi, đừng bực bội thế.

Tôi quay lại chiếc ghế màu hồng và ngồi xuống.

- Được, - tôi nói. - Chúng ta sẽ thảo luận.

Chúng tôi đăm đăm ngó nhau phải tới mười giây.

- Ông có nghe nói đến ngọc bích Phong Châu của người Tàu không? - Ông ta hỏi chậm rãi và châm một điếu thuốc thuốc lá màu nâu nữa.

- Không.

- Đó là một thứ thực sự quý giá vô song. Có những thứ quý giá thuộc phạm vi vật chất, tài nghệ con người còn có thể tạo ra. Ngọc bích Phong Châu là bảo vật tự nhiên, dạng đá trầm tích hàng bao nhiêu thế kỷ. Một người bạn tôi có một chuỗi hạt đeo cổ sáu mươi viên, mỗi viên nặng sáu carat, đường vân tuyệt đẹp. Giá khoảng tám mươi đến chín mươi ngàn đôla. Chính phủ Trung Hoa có một chuỗi mỏng mảnh hơn được đánh giá khoảng 125.000 đôla. Chuỗi hạt của

người bạn tôi bị giật cách đây mấy đêm. Tôi có ở đó mà không giúp gì được. Tôi lái xe đưa người bạn tôi dự một bữa tiệc tối rồi tới Trocadero, sau đó chúng tôi về nhà cô ấy. Một chiếc xe hơi quệt thanh chắn trái đằng trước vào xe tôi và dừng lại, tôi nghĩ là để xin lỗi. Thay vì lời xin lỗi là một vụ cướp giật rất nhanh chóng, rất chu đáo. Có ba hoặc bốn người đàn ông, tôi thực sự chỉ thấy hai, nhưng tôi chắc chắn còn một tên nữa ngồi trong xe sau tay lái và tôi nhác thấy một tên thứ tư ngồi ở băng sau, qua cửa kính xe. Người bạn tôi đang đeo chuỗi hạt ngọc bích trên cổ. Chúng cướp chuỗi hạt, hai cái nhẫn và một vòng tay. Một tên có vẻ trùm của cả bọn nhìn những món đồ một cách thong thả rõ ràng dưới ánh đèn pin. Rồi hắn cầm một chiếc nhẫn đưa trả lại, nói là để chúng tôi có một ý niệm về những người mà chúng tôi đang tiếp xúc và hãy đợi một cú phôn gọi tới trước khi đi báo cảnh sát hoặc công ty bảo hiểm. Vậy là chúng tôi đành theo chỉ dẫn của chúng. Dĩ nhiên là có vô khối những vụ như thế đang xảy ra. Người ta đành ngậm miệng rồi trả tiền chuộc hoặc là người ta không còn bao giờ thấy lại những món đồ ấy nữa. Nếu chúng được bảo hiểm đầy đủ, có lẽ người ta chẳng nghĩ ngợi gì, nhưng nếu lại là những thứ quý hiếm, tốt hơn người ta trả tiền chuộc.

Tôi gật đầu:

- Và chuỗi hạt ngọc bích này là thứ không phải ngày nào cũng kiếm được.

Ông ta lướt những ngón tay trên mặt đàn piano bóng loáng với vẻ mơ màng, như thể ông mãn nguyện khi vuốt ve những vật bóng loáng như thế.

- Hoàn toàn như vậy. Đó là một món đồ độc nhất vô nhị. Không phải lúc nào cô ấy cũng dùng đến nó. Cô ấy là một người đàn bà bất cẩn. Cũng có nhiều món trang sức đẹp nhưng thông thường.

- Hừ. Ông trả bao nhiêu tiền chuộc?

- Tám ngàn đôla. Rẻ mạt đến thảm hại. Nhưng người bạn của tôi không thể kiếm được cái gì như thế, một món đồ quý không phải dễ

dàng thay thế. Điều đó là hiển nhiên rồi dù là trên thương trường toàn quốc.

- Cô bạn của ông có tên chứ?

- Tôi không muốn nói rõ lúc này.

- Ông định thế nào?

Ông ta nhìn tôi một lúc lâu bằng đôi mắt nhạt màu. Tôi nghĩ hình như ông ta có đôi chút lo sợ, nhưng tôi không dám chắc. Có lẽ nó là một tàn dư. Bàn tay cầm điếu thuốc lá màu nâu hơi run run.

- Chúng tôi đã tiến hành đàm phán bằng điện thoại mấy hôm nay. Mọi sự đã sắp đặt, ngoại trừ thời gian và địa điểm của cuộc gặp gỡ. Đêm nay có hẹn, tôi đang trực điện thoại để biết những chi tiết đó. Họ bảo là không xa nơi này lắm và tôi phải chuẩn bị sẵn sàng để tới đó ngay. Tôi cho rằng chỗ ấy không có một cái cây nào để có thể bố trí... một cảnh sát, tôi định nói vậy.

- Hừ. Tiền có đánh dấu không? Tôi cho đấy là tiền, có phải không?

- Dĩ nhiên, tiền mặt. Toàn tờ hai mươi đôla. Nhưng tại sao lại đánh dấu?

- Có thể làm như thế để bí mật điều tra. Không có lý do gì mà chúng lại không có những cộng tác - ngoại trừ cảnh sát khám phá ra hết cả bọn. Một số tờ giấy bạc được đánh dấu có thể sẽ quay lại với đầy đủ chứng tích.

Ông ta nhíu đôi lông mày, tư lự.

- Tôi sợ rằng tôi không biết cách nào điều tra các dấu vết bí mật.

- Dùng tử ngoại. Nó sẽ làm rõ những dấu mực bí mật trong bóng tối. Tôi có thể giúp ông.

- Tôi e rằng không đủ thời gian để làm việc đó, - ông ta nói nhanh.

- Đó là một trong những lý do làm tôi lo ngại.

- Sao vậy?

- Tại sao mãi chiều nay ông mới gọi cho tôi? Tại sao ông lại tìm ra tôi? Ai mách với ông về tôi?

Ông ta cười lớn, tiếng cười sảng khoái trẻ trung nhưng không hẳn

như trẻ con.

- À, thực ra là thế này, tôi phải thú nhận là tôi tìm thấy tên ông khi tôi lật hú họa danh bạ điện thoại. Ông xem đấy, tôi đâu có dự kiến một người đi với tôi. Rồi chiều nay tôi mới nghĩ là tại sao mình lại không làm thế.

Tôi châm một điếu thuốc khác và theo dõi những cơ bắp trên cổ họng ông ta.

- Kế hoạch thế nào?

Ông ta xòe hai bàn tay.

- Đơn giản là thế này, tới nơi mà tôi nói, tôi sẽ đưa gói tiền và nhận lại chuỗi hạt ngọc bích.

- Hừm. Hừm.

- Hình như ông quen cách thể hiện này?

- Cách thể hiện nào?

- Hừm. Hừm.

- Tôi sẽ ở đâu, nấp sau xe à?

- Tôi cho là như vậy. Đó là một chiếc xe lớn. Ông có thể dễ dàng nấp ở băng sau của nó.

- Ông nghe này. - Tôi nói chậm rãi. - Ông bày kế hoạch ra đi, còn tôi nấp trong xe ông đến một cái nơi mà ông có tám ngàn đôla tiền mặt, với số tiền đó, ông tưởng có thể mua lại được chuỗi hạt ngọc đáng giá gấp mười hoặc hai mươi lần hơn thế. Ông sẽ đưa ra một gói mà ông không cho phép mở ra, ông mang tới, có thế thôi. Một cách đơn giản là chúng sẽ lấy gói tiền của ông, đếm lại ở một nơi nào đó, rồi sau sẽ gửi trả ông chuỗi hạt, nếu chúng quả là có lòng. Không có gì đảm bảo là chúng sẽ không xơi tái ông lần nữa. Chắc chắn là tôi chẳng có cách nào để chặn đứng chuyện ấy. Đó là những cao thủ, chúng ác ôn chứ không khờ đâu. Chúng có thể sẽ gõ bể sọ ông, cái sọ không cứng lắm mà, đủ để ông quay lơ trong khi chúng chuồn mất.

- Được, thực tế là tôi cũng lo lắng những chuyện ấy đấy, - ông ta

nói một cách khẽ khàng, mắt chớp chớp. - Đấy là lý do tại sao tôi muốn có ai đó đi với tôi.

- Chúng rọi đèn pin vào ông lúc chúng giật đồ?

Ông ta lắc đầu.

- Không sao. Chúng có hàng tá cơ hội để kiểm tra ông kể từ hôm đó. Cách nào đi nữa, chúng cũng tường tận về ông từ trước đó rồi. Những vụ như thế là có mánh cả. Chúng biết cả việc nha sĩ bịt răng vàng cho ông cách nào nữa kia. Ông có hay đi với người đàn bà này không?

- Không thường xuyên. - Ông ta trả lời cứng nhắc.

- Bà ta có chồng?

- Ông nhìn đây. - Ông ta bật ngón tay - Thiết tưởng chúng ta mặc kệ người đàn bà đó, vấn đề là thế này thôi.

- Được, - tôi nói. - Tôi phải đi lạc đề cũng vì vụ này, ông Mariott, quả thực thế. Giả như chúng muốn đùa, ông đâu cần đến tôi. Nếu chúng không muốn đùa thì tôi đâu làm gì được.

- Tôi mong muốn sự cộng tác của ông, - ông ta nói.

Tôi nhún vai và xòe bàn tay.

- Được, nhưng tôi lái xe và mang tiền, còn ông nấp sau xe, chúng ta cao gần như nhau. Nếu có chuyện gì, chúng ta chỉ việc nói cho chúng biết sự thật. Sẽ không mất mát gì nếu làm như vậy.

- Không, - ông ta nhấp môi.

- Tôi lấy một trăm đôla không để làm gì cả? Nếu có người nào lãnh đủ, người đó là tôi.

Ông ta cau mày và lắc đầu, nhưng sau một lúc khá lâu, mặt ông ta giãn ra và ông ta mỉm cười.

- Được lắm, - ông ta nói chầm chậm - Tôi đâu nghĩ là nó lại rắc rối thế. Chúng ta sẽ đi cùng nhau. Ông có ưng dùng một chút rượu mạnh?

- Hừm, hừm. Và ông đưa tôi trăm đô của tôi nữa chứ. Tôi ưa cầm tiền.

Ông ta xoay người như khiêu vũ, thân hình gần như bất động từ phần thắt lưng trở lên.

Điện thoại reo lúc ông ta đang bước ra ngoài. Nó được đặt trong một hốc tường nhỏ đục vào ban công giữa những đồ đạc. Không phải cú điện thoại mà chúng tôi đang chờ đợi. Ông ta trả lời giọng đầy trìu mến.

Một lúc sau, ông lẹ làng trở lại như khiêu vũ, tay cầm một chai Martell-5 ngôi sao và năm tờ hai mươi đôla mới tinh. Cái đó làm buổi tối đẹp hẳn lên, thế đấy.

9

Ngôi nhà hoàn toàn yên tĩnh. Xa xa có tiếng sóng oàm oạp vỗ bờ hoặc tiếng những chiếc xe hơi rồ máy lên dốc. Gió thổi ù ù qua rặng phi lao. Tất nhiên, đó là biển cả xao động tít tắp bên dưới. Tôi ngồi đó, lắng nghe tiếng biển và suy tưởng triền miên, những ý nghĩ mông lung.

Điện thoại reo bốn lần trong khoảng một giờ rưỡi sau đó. Một cú dài xảy ra lúc mười giờ tám phút. Mariott nói chuyện vắn tắt, giọng trầm trầm rồi đặt ống nói xuống không một tiếng động và đứng lên cũng lặng lẽ, khuôn mặt ông ta trông dài ra. Bây giờ ông ta thay bộ đồ màu sẫm. Ông ta bước nhẹ nhàng vào phòng và tự rót một ly rượu lớn rồi cầm ly rượu giơ lên ánh đèn cùng lúc với nụ cười buồn bã, xoay xoay ly rượu trong tay rồi ngửa cổ dốc một hơi cạn.

- Được, chúng ta bắt đầu, Marlowe, ông sẵn sàng chứ?

- Cả buổi tối nay tôi chỉ có việc đó thôi, chúng ta đi đâu?

- Một nơi gọi là Hẻm núi Purissima.

- Tôi không nghe thấy bao giờ.

- Tôi sẽ lấy bản đồ. - rồi ông ta lấy tấm bản đồ và nhanh nhẹn trải ra. Ánh đèn nhấp nháy trên mớ tóc ông ta trông như những sợi ánh sáng màu đồng thau. Rồi ông ta chỉ lên bản đồ. Đó là một trong những khe núi bên đại lộ chạy qua thành phố cắt con đường bờ biển phía bắc của Bay City. Tôi có một hình ảnh mơ hồ về địa điểm ấy, không hơn. Hình như nó là đầu mút của một phố tên là Camino de la Costa.

- Đi từ đây tới đó không đến mười hai phút, - Mariott nói nhanh. - Chúng ta nên sửa soạn, chỉ còn hai mươi phút nữa thôi.

Ông ta đưa tôi chiếc áo khoác màu sáng khiến tôi trở thành một mục tiêu ngon lành. Nó vừa khít người tôi. Tôi đội mũ của mình. Tôi có một khẩu súng dưới cánh tay nhưng tôi không bảo ông ta.

Trong khi tôi mặc áo khoác, ông ta tiếp tục nói chuyện bằng một giọng nhỏ nhẹ hoang mang và lật lật chiếc phong bì dầy cộp đựng tám ngàn đôla.

- Hẻm Purissima có một dấu hiệu dễ nhận ở cuối con đường. Đó là một thanh chắn trắng không qua được. Đường sá bẩn thỉu, gió xoáy vào những hốc núi và chúng ta có thể phải chờ trong bóng tối. Xung quanh không có ngôi nhà nào cả.

- Chúng ta?

- À, tôi định nói *Tôi,* - nói vậy thôi mà.

- Ồ.

Ông ta đưa tôi chiếc phong bì và tôi mở ra xem bên trong.

Toàn là tiền, mộ mớ tiền mặt kếch xù. Tôi không đếm. Tôi bật tanh tách sợi dây thun buộc quanh và giúi gói tiền vào trong áo khoác. Nó được kẹp sát xương sườn.

Chúng tôi ra cửa và Mariott tắt tất cả đèn đóm. Ông ta thận trọng mở cửa trước và nhìn chăm chú vào khoảng không đẫm sương. Chúng tôi ra ngoài và đi xuống chiếc cầu thang xoáy sơn màu bạc tới nền đường và nền nhà xe.

Đêm sương mỏng nhưng con đường lúc nào cũng chìm khuất trong bóng đêm. Có lúc tôi phải bật cần gạt nước trên kính để xua bớt đi sương ướt.

Chiếc xe hơi ngoại quốc khổng lồ chạy êm ái, nhưng tôi vẫn nắm chặt vôlăng, chăm chú nhìn đường.

Khoảng hai phút, chúng tôi đã thấy chóng mặt sau những vòng lượn quanh núi và rồi chẳng mấy lúc, tôi đã ra đến cạnh quán cà phê vỉa hè. Bây giờ tôi có thể hiểu tại sao Mariott bảo tôi leo bộ lên các bậc núi. Ấy là tôi có thể lái xe cua ngoặt liên tiếp, lượn vòng quanh các phố hàng giờ đồng hồ không một bãi đỗ như một con nhện trên tấm mạng của nó vậy.

Trên con đường núi, ánh đèn những chiếc xe hơi rọi loang loáng vào vách núi theo cả hai hướng. Những tiếng gầm gừ của động cơ vòng quanh vách núi về hướng bắc, những ánh đèn màu xanh và

vàng treo lơ lửng như trang trí khắp nơi. Ba phút sau, chúng tôi đã xuống chân núi, chỗ một trạm xăng lớn và men theo sườn dốc. Im lặng hoàn toàn. Chỉ có nỗi cô đơn và mùi rong biển quyện với mùi cây lá hoang dại từ những ngọn đồi xung quanh đưa tới. Một cửa sổ màu vàng thấp thoáng tựa như một trái cam cuối mùa. Những chiếc xe vượt qua, quét mặt đường bằng luồng sáng trắng lạnh rồi gầm gừ lao sâu vào bóng tối mịt mùng. Màn sương mù quyện những vì sao thấp xuống chân trời.

Mariott tựa người về phía trước trong khoang xe tối và nói:

- Những ngọn đèn phía bên phải là Câu lạc bộ Bãi biển Belvedere. Hẻm núi tiếp theo là Las Pulgas, tiếp theo nữa là Purissima. Chúng ta quẹo phải ở con dốc thứ hai, - giọng ông ta bịt bùng và căng thẳng.

Tôi càu nhàu và giữ tay lái.

- Chúi đầu xuống, - tôi nói qua vai mình - Có lẽ chúng ta đã bị theo dõi suốt dọc đường. Con đường này thọc ra như một cú đập vào Iowa. Các chú nhãi đó chắc không ưa vụ cặp díp của chúng ta lắm đâu.

Chúng tôi lái xe xuống khe trống mở vào một hẻm núi rồi lại leo lên một triền cao, một lát sau nó lại chúi xuống rồi lại trồi lên. Rồi cái giọng sin sít của Mariott nói vào tai tôi:

- Đường phố tiếp theo bên phải. Ngôi nhà có cái tháp hình vuông. Vòng bên cạnh.

- Có phải ông giúp chúng chọn chỗ này không?

- Hầu như không, - ông ta nói và cười lặng lẽ. - Chỉ có điều là tôi được biết những hẻm núi này khá tường tận.

Tôi vòng xe về phía tay phải, qua một ngôi nhà lớn góc cạnh với một ngọn tháp hình vuông màu trắng vút lên và lợp ngói tròn. Đèn trước xe quét lướt qua một biển tên phố: Camino de la Costa.

Chúng tôi lướt xuống một phố rộng, những vỉa hè với các chùm đèn điện chạy dài vô tận và các bụi cây dại hai bên đường, chập chờn những ảo ảnh mộng mơ còn sót lại đây đó trong các phế tích. Dế kêu râm ran và cóc nhái giữa những vỉa hè phủ cỏ hòa âm trong

bóng tối. Chiếc xe của Mariott bon lặng lẽ.

Một ngôi nhà nhỏ đến một ngôi nhà lớn, tiếp đến lại một ngôi nhà nhỏ rồi đến hai ngôi nhà lớn, rồi không còn ngôi nhà nào nữa. Một cửa sổ mơ hồ hoặc hai cửa sổ còn ánh đèn, những người ở quanh đó hình như đã ngủ từ lúc lũ gà lên chuồng. Rồi dãy phố lát đá cũng chấm dứt đột ngột, tới một đường đất bẩn thỉu nền rắn câng như bê tông trong mùa khô ráo. Con đường bẩn hẹp dần lại và đổ dốc xuống chân đồi giữa những bức tường cây cối. Không trung phía tay phải, xa tít tắp là chút lấp lánh yếu ớt của mặt nước xao động. Mùi hương hăng nồng của cây dại tràn ngập đêm tối. Rồi một thanh chắn sơn trắng xuất hiện mờ mờ ngang con đường đất và Mariott lại nói bên tai tôi:

- Tôi nghĩ là ông khó có thể vượt qua đấy. Trông có vẻ không đủ rộng.

Tôi tắt máy, tắt bớt đèn và ngồi đó, nghe ngóng. Không có gì hết, tôi tắt tất cả đèn và ra ngoài xe. Lũ dế ngưng bặt tiếng kêu rỉ rả. Chốc lát, tĩnh mịch bao trùm và tôi nghe thấy cả tiếng vỏ xe nghiến rào rạo trên con đường núi vọng xuống đáy những vách đá suốt một dặm quanh đó. Rồi từng con dế bắt đầu cất giọng tới khi màn đêm lai láng bản hợp tấu côn trùng.

- Ngồi im. Tôi xuống chỗ đó xem sao, - tôi thì thào vào băng sau xe.

Tôi sờ báng súng trong lần áo khoác và bước tới. Những vệt sáng giữa các bụi cây và ở cuối thanh chắn trắng có vẻ nhiều hơn là nhìn từ trong xe hơi.

Ai đó đã chặt bớt những bụi cây và có vết bánh xe trên đất bùn. Chắc là chúng ở dưới đó và chờ đợi trong bóng đêm nồng ấm. Tôi tiếp tục vượt qua thanh chắn. Con đường đất thắt lại và lượn vòng. Phía dưới là bóng đêm và âm vang mơ hồ của biển cả xa xăm. Có ánh sáng đèn những chiếc xe trên quãng đường núi. Tôi đi tiếp. Con đường đất kết thúc bằng một lòng chảo nông viền quanh bởi những bụi cây. Tất cả trống trơn. Hình như không có lối đi nào tới chỗ này

trừ lối tôi đã đi. Tôi đứng đó trong im lặng và lắng nghe.

Từng phút trôi qua chậm chạp, nhưng tôi cố chờ một tiếng động khác lạ. Không có gì hết. Dường như bản thân tôi cũng trống rỗng.

Tôi nhìn sang phía Câu lạc bộ Bãi biển sáng đèn. Từ những cửa sổ cao của nó, với một ống nhòm hồng ngoại tốt, có thể bao quát toàn bộ khu vực. Người ta có thể thấy những chiếc xe đến và đi, thấy người ra khỏi xe dù cả nhóm người hay chỉ một. Ngồi trong một căn phòng tối với một cái ống nhòm hồng ngoại tốt, người ta có thể nhìn thấy nhiều chi tiết hơn là người ta tưởng.

Tôi quay lại đi ngược lên đồi. Từ dưới bụi cây, một con dế bỗng kêu ran lên làm tôi giật mình. Tôi tiếp tục đi qua chỗ ngoặt và vượt qua thanh chắn trắng, vẫn không thấy gì. Chiếc xe hơi màu đen ánh lên mờ ảo trong bóng xám, không ra tối cũng không ra sáng. Tôi đi tới đó và đặt một chân lên bậc lên xuống cạnh chỗ lái.

- Có vẻ như một thử thách, - tôi nói thì thào, nhưng đủ để Mariott từ băng sau cửa xe nghe thấy tôi. - Chỉ để xem ông có vâng lệnh không.

Có một chuyển động mơ hồ phía sau nhưng ông ta không trả lời. Tôi tiếp tục cố nhìn một cái gì bên cạnh bụi cây.

Bất kỳ ai cũng có thể bắn vào gáy tôi một cách ngon lành. Sau này, tôi nghĩ là mình có nghe thấy tiếng vút của một cây gậy. Có lẽ người ta luôn luôn nghĩ ra mọi thứ - sau này.

10

- Bốn phút, - một giọng nói cất lên. - Năm, có thể sáu. Chúng đã chuồn nhanh và lặng lẽ. Gã không kêu được một lấy một tiếng.

Tôi mở mắt, nhìn mờ mờ một ngôi sao lạnh lẽo. Tôi nằm ngửa và cảm thấy ê ẩm choáng váng. Giọng người nói:

- Có thể lâu hơn một chút. Khoảng tám phút tất cả. Chúng nấp trong bụi cây ngay chỗ xe dừng lại. Gã chưa chi đã hoảng. Chúng rọi đèn pin vào mặt gã và gã xỉu luôn, chỉ vì quá sợ. Một con thỏ đế.

Lại im lặng. Tôi quỳ một chân trỗi dậy. Con đau lan từ gáy tới mắt cá chân.

- Rồi một đứa trong bọn chúng chui vào xe - giọng người nói - và đợi mày trở lại. - Những đứa khác lẩn đi. Chúng đoán là gã sợ phải đến một mình. Hoặc có cái gì đó trong giọng gã làm chúng nghi ngờ khi gã nói với chúng qua điện thoại.

Tôi gượng chống lên bằng hai bàn tay, lắng nghe. Giọng người nói:

- Ờ, đó là việc đã xảy ra.

Chính là giọng của tôi. Tôi tự nói với mình, nói từ bên ngoài mình. Tôi đang cố gắng hình dung mọi việc trong tiềm thức.

- Câm mồm đi, mày là thằng ngu! - Tôi nói và chấm dứt cuộc trò chuyện với bản thân.

Xa xa có tiếng động cơ xinh xịch, gần hơn là tiếng dế râm ran, tiếng nhái kêu ee - ee - ee kéo dài ra kỳ dị. Tôi không nghĩ là mình có thể ưa những âm thanh này hơn.

Tôi nhấc một tay lên khỏi mặt đất và cố rũ những tảng bùn dẻo quánh, rồi chùi vào sườn áo khoác. Một việc hay hớm giá một trăm đôla. Bàn tay thọc vào túi trong áo khoác. Không còn phong bì tiền, tất nhiên rồi. Bàn tay lại thọc sâu hơn trong áo vest của chính tôi.

Cái ví của tôi vẫn đấy. Tôi tự hỏi không hiểu trăm đô của tôi còn trong đó không. Có thể là không. Có cái gì nặng nặng ở bên sườn trái. Khẩu súng trong bao đeo qua vai.

Cái gì đó mới hay đấy. Chúng để lại súng cho tôi. Một điều hay, không chuyện này thì chuyện khác - giống như vuốt mắt một người sau khi đã hóa kiếp cho người ta.

Tôi cảm thấy ê ẩm nơi gáy. Mũ tôi vẫn trên đầu. Tôi nhấc nó ra, không phải là không bất tiện, và cảm thấy đau phần dưới đầu. Một cái đầu cũ kỹ nhưng tốt chán, tôi có nó cũng đã khá lâu. Bây giờ nó hơi nhão một tý, hơi mềm một tý, hơi ê ẩm một tý. Một ánh chớp đã phá hoại nó. Cái mũ đỡ đòn hộ một ít, tôi vẫn dùng cái đầu của tôi được, dù sao cũng còn xài hàng năm nữa.

Tôi chống khuỷu tay phải xuống đất và nhấc tay trái lên, cố quay cổ tay để nhìn đồng hồ. Mặt số dạ quang chỉ 10.56, gần như tôi có thể hội tụ con người tôi trên mặt số.

Cú điện thoại gọi lúc 10.08. Mariott có lẽ đã nói khoảng hai phút. Bốn phút để chúng tôi ra khỏi nhà. Thời gian trôi như rùa khi người ta thực sự làm một việc gì đó. Tôi định nói là người ta có thể thực hiện vô số hành động trong vài phút. Tôi định nói gì nhỉ?

Mà quan tâm làm quái gì tới điều tôi định nói kia chứ? Được rồi, những kẻ tử tế hơn tôi chả định cái gì hết. Được, điều tôi định nói là lúc ấy khoảng 10.15. Mười hai phút để đến nơi. Thế là 10.27. Tôi ra khỏi xe, xuống cái khe trống mất khoảng tám phút, đi lòng vòng ngu ngốc và quay lên để bị đập vào sọ. 10.35. Cho là một phút để ngã úp mặt xuống đất. Tôi đập mặt xuống đất là vì tôi thấy cằm mình sưng lên đau đớn. Tôi cảm thấy nó sưng tấy. Đó là cách để tôi biết nó sưng dẫu không nhìn thấy nó. Nhưng nó là cái cằm của tôi và nó sưng hay không tôi biết lắm chứ. Có lẽ người ta muốn làm gì đó cho một cái cằm sưng. Được rồi, hãy bỏ qua chuyện đó đi mà nghĩ ngợi. Nhưng nghĩ cái gì bây giờ?

Đồng hồ chỉ 10.56. Như thế nghĩa là tôi ngất xỉu khoảng hai mươi phút.

Hai mươi phút ngủ. Một giấc ngon lành. Trong thời gian đó, tôi đánh hụt một bọn du côn và mất toi tám ngàn đôla.

Ừ, sau lại không nhỉ? Trong hai mươi phút, người ta có thể đánh chìm một chiến hạm, bắn rớt hai ba chiếc máy bay, thực hiện một đợt hành quyết. Người ta có thể chết mất xác, có thể lấy vợ lấy chồng, có thể cháy nhà và tìm được việc làm, có thể nhổ răng và cắt amidan. Trong hai mươi phút, người ta có thể ngủ dậy buổi sáng, người ta có thể cạn một ly ở câu lạc bộ đêm - có lẽ thế.

Hai mươi phút ngủ, đó là một thời gian dài. Đặc biệt vào một đêm lạnh lẽo, dưới trời sương. Tôi bắt đầu rùng mình.

Tôi vẫn quỳ trên hai đầu gối. Mùi cây dại ngai ngái bắt đầu quấy rầy tôi. Mùi ẩm ướt nhớp nháp nơi những con ong dại làm mật. Mật ong ngọt ngào. Tôi cắn chặt hai hàm răng để kìm chặt nó nơi cổ họng. Mồ hôi lạnh túa ra thành giọt trên trán, tôi rùng mình. Tôi gượng dậy trên một chân, rồi cả hai chân, thẳng người lên, run rẩy một chút. Tôi cảm thấy như bị cưa cụt một bên cẳng.

Tôi quay lại chậm chạp. Chiếc xe đã đi mất. Con đường bẩn thỉu trống trải leo lên ngọn đồi thấp lè tè sau quãng phố lát đá, đầu mút của Camino de la Costa, phía tay trái, thanh chắn sơn trắng đứng đó giữa bóng tối. Bên kia bức tường cây lúp xúp, nổi lên trong ánh sáng nhợt nhạt của bầu trời là những ngọn đèn của Bay City. Phía tay phải, ngay gần đó và xa hơn nữa là những ngọn đèn của Câu lạc bộ Belvedere.

Tôi đi qua nơi chiếc xe đã đậu và lấy đèn pin bút máy trong túi ra rọi một vệt sáng nhỏ xuống mặt đất. Nền đất sét đỏ, rất cứng trong thời tiết khô ráo nhưng thời tiết không hẳn khô ráo. Một ít sương mù lảng vảng trong không khí và hơi ẩm đọng trên mặt đất đủ phân biệt rõ vết bánh xe đậu. Tôi có thể thấy rất rõ ràng dấu hằn của những lốp xe Vogue mười rãnh nặng nề. Tôi rọi ánh sáng lên vết bánh xe và khom người xem xét, cơn đau dội lên đầu tôi nhức nhối. Tôi bắt đầu lần theo vết bánh xe. Chúng đi thẳng về phía trước khoảng bốn thước rồi ngoặt trái. Chúng không quay lại. Chúng đi về phía cái khe

ở đầu bên trái của thanh chắn trắng. Đến đấy thì mất dấu.

Tôi đi qua thanh chắn và rọi đèn pin lên các bụi cây. Những cành nhỏ mới gãy dập còn tươi. Tôi vượt qua khe hẹp đầu thanh chắn, xuống con đường vòng. Ở đây mặt đất hãy còn mềm, có thêm nhiều vết vỏ xe hằn sâu. Tôi tiếp tục đi xuống, ngoặt theo khúc đường vòng và tới mép bãi trống bao quanh bởi những bụi cây.

Nó đúng là ở đó, nước mạ và sơn bóng loáng ánh lên ngay cả trong bóng tối, tấm kính phản quang màu đỏ của chiếc đèn hậu, lấp lánh ánh sáng ngọn đèn pin nhỏ. Nó ở đó lặng lẽ, âm thầm, tất cả các cửa đều đóng kín.

Tôi chậm chạp đi về phía nó, răng nghiến ken két theo mỗi bước đi. Tôi mở cửa xe và rọi đèn vào trong. Trống rỗng. Đằng trước cũng trống rỗng. Bugi đánh lửa đã mất. Chìa khóa treo trên ổ khóa bằng một sợi xích mỏng mảnh. Không có nệm ghế bị xé, không có kính bị đập vỡ, không có máu, không có xác người. Mọi thứ vẫn ngăn nắp trật tự. Tôi đóng các cửa xe và đi vòng quanh chậm chạp, tìm biển số và không thấy gì hết.

Một âm thanh làm tôi lạnh người.

Có tiếng ô tô quệt mạnh bên rìa các bụi cây. Tôi không thể nhảy xa hơn được một thước. Cây đèn pin rớt xuống đất.

Khẩu súng tự nó nằm gọn trong bàn tay tôi từ lúc nào. Ánh đèn pha đầu xe quét lên bầu trời, rồi lại quét xuống. Chiếc ô tô gầm vang như tiếng một xe hơi nhỏ. Nó cuốn theo âm thanh và hơi ẩm trong không khí.

Những ánh đèn quét xuống sáng chói hơn. Một chiếc xe vào khúc ngoặt của con đường bẩn thỉu. Nó đi tới hai phần ba con đường và dừng lại. Một ngọn đèn pha bật lên lách cách và rọi sang bên cạnh, sáng ở đó một lúc lâu rồi bỏ đi. Chiếc xe xuống đồi. Tôi lại lấy khẩu súng ra khỏi túi và nấp sau thùng máy chiếc xe của Mariott.

Một chiếc xe hơi nhỏ không có hình dạng hay màu sắc gì đặc biệt trườn vào bãi trống và quay ngọn đèn đầu xe lia trên chiếc xe lớn từ đầu này tới đầu kia. Tôi thụp vội xuống, luồng ánh sáng lướt bên

trên tôi như lưỡi kiếm. Chiếc xe hơi nhỏ dừng lại. Động cơ tắt. Ngọn đèn đầu xe cũng tắt. Rồi một cửa xe mở và một bàn chân mảnh khảnh thò ra dọ dẫm mặt đất. Im lặng. Lũ dế cũng im bặt. Rồi một ánh đèn bấm cắt bóng tối, là là mặt đất chỉ cách vài inch. Chùm sáng quét nhanh còn tôi không có cách nào kịp giấu chân mình để thoát khỏi nó. Chùm ánh sáng dừng lại ở chân tôi. Im lặng. Chùm sáng đi lên và lia lia trên nóc mui xe.

Rồi tiếng cười vang lên. Đó là tiếng cười của một cô gái. Căng và thanh như dây đàn mandolin. Một âm thanh xa lạ ở chốn này. Chùm ánh sáng trắng lại vút tới dưới gầm chiếc xe và dừng ở chân tôi.

Giọng người nói, không hẳn là lanh lảnh:

- Này, ông kia ra khỏi chỗ và giơ tay lên. Vứt tất cả mọi thứ. Ông bị bao vây rồi.

Tôi không động đậy.

Ánh đèn bấm bập bềnh một chút như là bàn tay cầm đèn cũng rung động. Nó quét chầm chậm dọc theo mui xe một lần nữa. Giọng nói lại nhằm vào tôi:

- Nghe này, kẻ lạ. Tôi đang cầm mười khẩu súng tự động. Tôi có thể nã thẳng cánh. Cả hai chân ông dễ dàng ăn đạn. Ông cá gì nào?

- Trưng nó lên, hoặc là tôi sẽ thổi bay nó khỏi tay cô. -Tôi càu nhàu. Giọng tôi xé ra như tước từng sợi một chiếc lông gà.

- Ồ, con người hào hoa sắt đá. - Có một nốt láy rền trong giọng nói ấy, một nốt láy nhỏ tuyệt vời. Rồi nó đanh lại:

- Có ra không? Tôi sẽ đếm đến ba. Nhìn xem những phát đạn tôi sẽ tặng ông - cỡ 12 ly, có lẽ 16 ly. Những xương mắt cá chân của ông sẽ vụn ra, hàng năm trời chưa lành, có khi chả bao giờ lành được nữa đâu.

Tôi từ từ đứng thẳng lên và nhìn vào ánh đèn.

- Tôi nói huyên thuyên khi quá sợ hãi, - tôi nói.

- Chớ có nhúc nhích một bước nào nữa. Ông là ai?

Tôi đi vòng qua phía trước xe về phía cô ta. Khi còn khoảng hai

thước tới khuôn mặt mờ mờ phía sau ngọn đèn, tôi dừng lại. Ánh đèn rọi thẳng vào tôi lặng lẽ.

- Ông đứng nguyên đó, - cô gái gắt gỏng bực bội sau khi tôi đã dừng lại. - Ông là ai?

- Cho tôi xem khẩu súng của cô.

Cô ta cầm nó đưa vào trong luồng sáng. Nó chĩa thẳng vào bụng tôi. Đó là một khẩu súng nhỏ, giống như khẩu Colt tự động bỏ túi.

- À đấy, - tôi nói - cái món đồ chơi ấy. Nó không có lấy mười viên đạn, chỉ có sáu thôi. Nó là thứ súng con nít, một khẩu súng bắn bươm bướm. Người ta dùng nó đi săn bươm bướm mà lại. Cô thật xấu hổ vì cố tình nói dối tôi như thế.

- Ông điên à?

- Tôi điên? Tôi bị một tên cướp đánh bằng gậy. Có thể tôi hơi ngốc nghếch thôi.

- Kia là - kia là xe của ông?

- Không!

- Ông là ai?

- Cô tìm kiếm gì ở đằng ấy với ngọn đèn bấm của cô?

- Ông trả lời câu hỏi của tôi đã. Tôi đang tìm một người.

- Ông ta có mái tóc màu hung lượn sóng phải không?

- Bây giờ thì không, - cô ta nói khẽ - ông ta có thể đã như thế.

Điều đó làm tôi bực bội. Dẫu sau tôi không chờ đợi điều đó.

- Tôi không thấy ông ta, - tôi nói lấp lửng. - Tôi đang theo dấu bánh xe xuống đồi bằng một cây đèn pin. Ông ta bị thương à?

Tôi bước một bước về phía cô. Khẩu súng nhỏ chĩa vào tôi và ngọn đèn sững lại.

- Dễ hiểu thôi, - cô ta nói lặng lẽ - Rất dễ. Người bạn của ông chết rồi.

Tôi im lặng một lát rồi nói:

- Được. Chúng ta đi tìm ông ấy.

- Cứ đứng đó, không nhúc nhích và hãy nói cho tôi hay ông là ai

và cái gì đã xảy ra - Giọng nói quả quyết, không chút sợ hãi, rành rọt.

- Marlowe. Philip Marlowe. Một thám tử tư.

- Ông là vậy đấy, có thật không?

- Để tôi lấy cái ví của tôi.

- Khỏi cần. Cứ giữ tay của ông nguyên như thế. Chúng ta phải tranh thủ thời gian. Câu chuyện của ông thế nào?

- Người đàn ông này có thể chưa chết.

- Ông ấy đã chết thật rồi. Ông kể câu chuyện đi. Nói nhanh lên.

- Như tôi nói. Ông ta có thể chưa chết. Chúng ta sẽ đi tìm ông ta. - Tôi bước một bước về phía trước.

- Động đậy là tôi bắn! - Cô ta gắt gỏng.

Tôi bước một bước nữa về phía trước. Ngọn đèn xê dịch một chút. Tôi nghĩ là cô ta lùi lại phía sau.

- Ông đã tạo ra những tình thế đáng sợ đấy, - cô ta nói.

- Thôi được, ông đi trước đi, tôi sẽ theo sau: Trông ông có vẻ đau ốm. Nếu không phải vì cái đó...

- Cô đã bắn tôi chứ gì? Tôi bị quật gậy. Nó làm mắt tôi lúc nào cũng thấy tối sầm.

- Hài hước một chút, giống như chờ vào nhà xác. - Cô ta nói vẻ thương hại.

Tôi quay lưng, ra khỏi ánh đèn và tức khắc nó rọi xuống đất trước mặt tôi. Tôi đi qua chiếc Coupe hai chỗ ngồi của cô, một chiếc xe nhỏ thông thường, sạch sẽ và sáng loáng dưới ánh sao mờ sương. Tôi tiếp tục đi lên con đường đất bẩn, qua khúc ngoặt. Những bước chân cô gái sát ngay sau tôi và ánh đèn bấm dẫn đường. Không một tiếng động nào ở bất kỳ đâu, ngoại trừ tiếng chân chúng tôi dẫm trên đất và tiếng thở dồn của cô gái. Tôi không nghe thấy tiếng thở của mình.

11

Nửa đường lên dốc, tôi nhìn sang bên phải và thấy bàn chân ông ta. Cô ta lia đèn. Và tôi thấy cả người ông ta. Tôi phải xem ông ta thế nào lúc tôi ngã xuống nên tôi khom người, chăm chú nhìn trên mặt đất bằng ngọn đèn pin bút máy của tôi, cố xem xét vết bánh xe trong vệt sáng nhỏ bằng đồng xu.

- Đưa tôi cây đèn bấm, - tôi nói và chìa tay ra sau.

Cô ta đưa nó vào tay tôi, không nói một lời. Tôi quỳ gối xuống. Mặt đất lạnh và ẩm ướt thấm qua quần tôi.

Ông ta nằm sõng sượt trên nền đất, ngửa mặt lên trời dưới một bụi cây, trong tư thế nhàu nát như những trường hợp tương tự. Khuôn mặt ông ta là một khuôn mặt tôi chưa hề thấy bao giờ. Tóc ông ta vốn màu hung bây giờ sẫm lại vì máu, lượn sóng bên mái đẹp đẽ bết máu đọng và những tảng bùn dầy xám xịt như loại bùn nguyên sinh.

Cô gái phía sau lưng tôi thở hổn hển nhưng không nói gì. Tôi rọi đèn lên mặt ông ta. Ông ta bị tơi tả. Một bàn tay ông ta bị hất ra trong một điệu bộ cứng quèo, những ngón tay co quắp. Chiếc áo khoác của ông ta cuộn dưới thân mình như thể khi ngã xuống, ông ta đã lăn lộn. Có một dòng nước đen như dầu bẩn rỉ ra bên khóe miệng.

- Rọi đèn lên ông ấy, - tôi nói và bước lùi trở lại phía cô gái. - Nếu điều đó không làm cô chóng mặt.

Cô ta cầm cây đèn bấm và rọi, không nói một lời, vững vàng như một kẻ sát nhân kỳ cựu. Tôi lại lấy cây đèn bấm bút máy của tôi ra, bắt đầu lục lọi túi áo ông ta, cố gắng không làm ông xê dịch.

- Ông chớ làm thế, - cô gái nói giọng căng thẳng. - Ông chớ làm như vậy tới khi cảnh sát đến.

- Phải rồi, - tôi nói - và các cậu cảnh sát cưỡi xe tuần tra không

nghĩ đến chuyện xem xét ông ta, tới khi những nhân viên hình sự đến chuyện xem xét ông ta, tới khi những nhân viên hình sự đến cũng không nghĩ đến chuyện xem xét ông ta, tới những tay giám định hiện trường và những gã phó nháy bấm máy ảnh, rồi pháp y lăn tay. Và cô biết không, phải mất toi vài giờ đồng hồ hoàn tất các thủ tục.

- Được, - cô ta nói. - Tôi nghĩ là ông luôn luôn đúng. Tôi tin chắc ông thuộc loại người như vậy. Kẻ nào thù ghét ông ấy đến nỗi đập đầu ông ấy đến như thế kia.

-Tôi không nghĩ những kẻ đó lại là người. Có những thằng khốn chỉ thích đập đầu người ta. - Tôi gầm gừ trong cổ.

- Nhìn cảnh này tôi không thể hiểu chuyên gì đã xảy ra, tôi không sao tưởng tượng được, - cô ta nói chua chát.

Tôi lục lọi quần áo ông ta. Một bên túi quần có mớ tiền lẻ. Túi kia có chùm chìa khóa và một con dao nhỏ. Túi quần phía sau bên trái có một cái ví với một ít tiền nữa, thẻ bảo hiểm, bằng lái xe, mấy tờ giấy biên nhận. Trong túi áo có hộp quẹt, cây viết chì đã gọt, hai khăn tay vải lanh mịn và đẹp, trắng như tuyết. Rồi hộp thuốc lá tráng men mà tôi đã thấy ông đựng những điếu thuốc có đầu lọc màu vàng. Đó là loại thuốc lá Nam Mỹ sản xuất tại Montevideo. Và trong một túi khác bên sườn có một túi đựng thuốc lá thứ hai mà trước đó tôi không thấy. Nó làm bằng lụa, thêu hai con rồng hai bên và những hoa văn kiểu mai rùa. Tôi mở túi và thấy trong túi có ba điếu thuốc lá Nga ngoại cỡ ở dưới sợi băng bằng dây thun. Tôi rút một điếu, nó có vẻ cũ, khô và lỏng lẻo, có một khe nhỏ để ngậm vào miệng.

- Ông ta hút loại thuốc khác, những điếu thuốc này chắc dành cho người bạn gái, - tôi nói qua vai. - Ông ta là một gã đào hoa.

Bây giờ cô gái cũng khom người, hơi thở cô sau gáy tôi:

- Ông không quen ông ấy à?

- Tôi chỉ gặp ông ta tối nay. Ông ta yêu cầu tôi đi hộ vệ.

- Đúng là hộ vệ.

Tôi không nói gì.

- Tôi rất tiếc, - cô ta thì thầm - Dĩ nhiên tôi không biết sự việc xảy ra như thế nào. Ông nghĩ những điếu thuốc đó là cần sa à? Ông cho tôi xem.

Tôi đưa túi thuốc lá thêu cho cô ta.

- Tôi biết một người nghiện ma túy, - cô ta nói - Chỉ cần ba điếu cần sa là anh ta bay ra khỏi trần nhà.

- Cầm đèn cho vững.

Một thoáng im lặng. Rồi cô ta lại nói.

- Tôi rất tiếc, - cô ta đưa cái túi thuốc xuống và tôi nhét trả lại túi ông ta. - Hình như thế là hết. Điều đó nói lên rằng ông ta không bị lột sạch.

Tôi đứng lên lấy cái ví của tôi ra. Một trăm đôla vẫn còn trong đó.

- Bọn anh chị này, - tôi nói - chúng chỉ trấn những món tiền lớn.

Cây đèn pin vẫn đang chúc xuống mặt đất. Tôi cất ví rồi nhét cây đèn pin nhỏ vào túi và bất ngờ chộp khẩu súng cô gái vẫn đang cầm trong cùng một bàn tay với cây đèn. Cây đèn rớt xuống đất. Cô gái lùi vội lại phía sau. Tôi cúi xuống nhặt nốt cây đèn rọi lên mặt cô ta một lúc rồi tắt.

- Ông không có vẻ hung ác, - cô ta nói và thọc hai bàn tay vào túi áo khoác dài vải thô có vai bồng - Tôi không nghĩ là ông giết ông ấy.

Tôi ưa cái lối âm thầm lạnh lùng trong giọng nói của cô. Tôi ưa cái khí phách của cô. Chúng tôi đứng trong bóng tối, mặt đối mặt, không nói không rằng một lúc. Tôi có thể nhìn thấy bụi cây và vòm trời hửng sáng.

Tôi lại rọi đèn lên mặt cô và cô nhắm mắt lại. Đó là một gương mặt khả ái, nhỏ nhắn và gãy góc, với đôi mắt to. Một khuôn mặt gầy, đẹp và hơi dài như cây đàn viôlông Cremona. Có thể nói là rất đẹp.

- Tóc cô màu đỏ, - tôi nói - cô như người Ái Nhĩ Lan.

- Và tên tôi là Riordan. Sao vậy? Ông bỏ đèn ra. Tóc tôi không đỏ đâu, nó màu nâu vàng.

Tôi bỏ đèn.

- Tên cúng cơm của cô là gì?

- Anne. Nhưng đừng gọi tôi là Anne.

- Cô định làm gì quanh đây?

- Đôi khi tôi lái xe ban đêm. Không nghỉ ngơi được. Tôi sống một mình. Tôi mồ côi. Tôi biết tất cả vùng này như trong lòng bàn tay. Tôi lái xe đi lòng vòng và thấy có ánh đèn xe lập lòe trong bãi trống. Trời lạnh thế này sao lại có những đôi tình tự ở đấy, và nếu có chắc họ chẳng bật đèn, có phải vậy không?

- Tôi không khi nào làm thế. Cô có những tình thế đáng sợ thật đấy, cô Riordan ạ!

- Tôi nghĩ rằng cũng có thể nói y như thế về ông. Tôi có một khẩu súng. Tôi không sợ. Luật pháp không cấm người ta đi như vậy.

- Hừm, hừm. Chỉ có luật tự vệ thôi. Đây này. Không phải là một đêm khôn ngoan của tôi. Tôi nghĩ là cô có giấy phép dùng súng.

Tồi trả cô khẩu súng, đưa báng ra trước.

Cô cầm lấy và nhét vào trong áo khoác.

- Con người cần ham hiểu biết những gì xa lạ với họ, phải thế không? Tôi có viết một chút. Vài bài báo tạm được.

- Có được trả tiền không?

- Tiền nhuận bút thật mạt hạng. Ông lục tìm cái gì trong túi ông ta thế?

- Chẳng có gì đặc biệt. Tôi không phải là con nít để mà nhúng mũi vào việc người khác. Chúng tôi có tám ngàn đôla đem đi chuộc một vài món nữ trang bị mất cắp cho một bà. Chúng tôi tính lấy lại mấy món đó. Tôi không biết tại sao chúng lại giết ông ta. Ông ta không định đưa tôi vào cuộc như một chiến hữu. Tôi cũng không nghe thấy nói gì về chuyện đánh nhau. Tôi đi xuống bãi trống lúc ông ta ở trong xe mé trên ấy. Chúng tôi định đưa xe xuống bãi trống nhưng ở đó hình như không có chỗ nào đậu xe, ngoại trừ rúc xe vào bụi cây. Vậy là tôi đi bộ xuống bãi, và trong khi tôi đi xuống đó thì chúng nện

ông ta. Rồi một tên chui vào xe và bẫy tôi. Dĩ nhiên tôi tưởng ông ta vẫn còn trong xe.

- Chuyện đó thì ông ngốc đến thê thảm, - cô ta nói.

- Đó là sự kém cỏi của vụ này ngay từ lúc khởi đầu. Tôi thấy được điều ấy. Nhưng tôi cần tiền. Bây giờ tôi phải tới cảnh sát để chịu trận. Cô đưa tôi tới Montemar Vista chứ? Tôi sẽ chia tay cô ở đấy. Ông ta sống ở đấy mà.

- Nhất định rồi. Nhưng không có ai ở đây với ông ấy à? Ông có thể gọi điện thoại cho cảnh sát.

Tôi nhìn vào mặt số đồng hồ. Những cây kim dạ quang chỉ rằng sắp nửa đêm.

- Không.

- Tại sao lại không?

- Tôi không biết tại sao lại không. Tôi chỉ cảm thấy như vậy. Tôi sẽ làm việc ấy một mình.

Cô ta lặng thinh. Chúng tôi lại xuống đồi, vào trong chiếc xe nhỏ của cô và cô nổ máy, cua một vòng không đèn rồi leo trở lại đồi, vượt qua thanh chắn. Ánh đèn xe rung rinh trên đó.

Đầu tôi nhức nhối. Chúng tôi im lặng. Tới khi xe chạy trên đường phố lát đá, cô ta mới nói:

- Ông cần phải uống chút gì. Tại sao chúng ta không quay lại nhà tôi và uống một ly? Ông có thể gọi điện thoại tới nhà chức trách từ đó. Cách nào đi nữa, họ phải đến từ khu Tây Los Angeles. Ở đây chẳng có chỗ nào ngoài một trạm cứu hỏa.

- Có điều là cứ phải xuống bãi biển. Tôi muốn làm chuyện này một mình.

- Nhưng sao lại thế? Tôi đâu có sợ họ? Câu chuyện của tôi có thể giúp ông.

- Tôi không muốn ai giúp. Cô để tôi nghĩ đã. Tôi muốn suy nghĩ một lát.

- Tôi... Thôi được - cô ta nói.

Cô kêu một tiếng nhỏ mơ hồ trong cổ họng và quay xe vào đại lộ. Chúng tôi tới trạm xăng ở con đường núi cạnh bãi bể rồi lộn lên phía bắc tới Montemar Vista và quán cà phê vỉa hè. Cô gái dạt xe sang bên vệ đường và tôi bước ra, đứng giữ cửa xe.

Tôi rút tấm danh thiếp trong ví trao cho cô ta:

- Vài ngày nữa có thể cô cần đến một sự hỗ trợ mạnh mẽ đấy, - tôi nói - Để tôi xem. Nhưng đừng gọi dây nói cho tôi nếu là chuyện rắc rối.

Cô ta gài tấm danh thiếp trên vôlăng và nói chậm rãi:

- Ông sẽ tìm thấy tôi trong danh bạ điện thoại Bay City, số 819 đường 25. Ông hãy để tâm tìm một ý gì đó cho công việc của tôi. Tôi nghĩ là ông còn choáng váng vì vết thương trên đầu đấy.

Cô ta lượn xe nhanh trên con đường núi và tôi đứng nhìn theo cặp đèn hậu của chiếc xe nhấp nháy trong bóng đêm mờ mịt.

Tôi đi bộ vượt qua cổng vòm và quán cà phê vỉa hè, vào bãi đậu xe rồi chui vào chiếc xe của tôi. Một quầy rượu ngay trước mặt tôi và tôi lại lảo đảo. Nhưng hình như tôi cảm thấy đau nhức hơn khi bước vào đồn cảnh sát khu Tây Los Angeles sau hai mươi phút đường trường, người lạnh ngắt như một con ếch và xanh rờn như một tờ đôla xanh còn mới.

12

Sau đó khoảng một tiếng rưỡi đồng hồ, người rã rời và đất dưới chân chao đảo, tôi vẫn còn ngồi trong đồn cảnh sát Tây Los Angeles.

Tôi đã kể câu chuyện của tôi tới ba bốn lần. Chúng tôi gồm bốn người, trong gian phòng viên sĩ quan trực ban của đồn. Tòa nhà vắng lặng ngoại trừ một người say trong buồng giam đang lảm nhảm gọi những rặng cây úc châu trong khi đợi ra tòa sớm mai.

Một ngọn đèn trắng sáng gay gắt trong chụp đèn thủy tinh rọi lên chiếc bàn bừa bộn những đồ vật được lấy từ trong túi quần túi áo của Lindsay Mariott, những đồ vật giờ đây cũng đã chết và lưu lạc như ông chủ của chúng. Người đàn ông ngồi đối diện với tôi qua bàn tên là Randall từ Trung tâm Hình sự Los Angeles tới. Ông ta gầy gò, trầm lặng, khoảng 50 tuổi, mái tóc màu xám mượt mà, cặp mắt lạnh lùng, vẻ cách biệt. Ông ta đeo chiếc cà vạt đỏ sẫm có những chấm đen và những chấm đen ấy cứ nhảy loạn trước mắt tôi. Phía sau ông ta, hai người đàn ông vai u thịt bắp có vẻ như những vệ sĩ ngồi phía bên kia cái chụp đèn, mỗi người theo dõi một bên tai tôi.

Tôi lăn một điếu thuốc lá trong mấy ngón tay, châm lửa và chẳng thấy vị thuốc lá đâu cả. Tôi ngồi nhìn nó cháy giữa các ngón tay. Tôi thấy mình như đã tám chục tuổi và trượt ngã vùn vụt trong không gian và thời gian.

Randall nói lạnh lùng:

- Anh càng kể câu chuyện nghe lại càng ngớ ngẩn. Ông Mariott này đã đàm phán mấy ngày, chắc chắn là thế, về vụ chuộc tiền và rồi chỉ vài giờ trước cuộc gặp gỡ cuối cùng, ông ta gọi dây nói cho một người hoàn toàn xa lạ và thuê người ấy đi với mình như một vệ sĩ.

- Không hẳn như một vệ sĩ, - tôi nói. - Ngay cả việc tôi mang súng, tôi cũng không nói với ông ta. Chỉ là một sự hỗ trợ thôi.

- Ông ta nghe nói về anh ở đâu?

- Đầu tiên ông ta bảo là từ một người bạn chung. Rồi sau ông ta bảo là thấy tên tôi trong danh bạ điện thoại.

Randall lựa khéo léo trong số những đồ vật trên bàn, tách riêng một tấm danh thiếp trắng có một vết mờ. Ông đẩy nó dọc theo bàn:

- Ông ta có tấm danh thiếp của anh.

Tôi liếc mắt trên tấm thiếp. Nó được lấy ra từ ví tiền của Mariott cùng một số danh thiếp khác tôi đã không để ý kiểm tra lại trong bãi trống của Hẻm núi Purissima. Nó đúng là một danh thiếp của tôi có một vết bẩn tròn ở một góc. Nó có vẻ bẩn thỉu nếu là của một người như Mariott.

- Chắc chắn rồi. Tôi đưa nó ra bất kỳ lúc nào tôi thấy có cơ hội. Tự nhiên thôi.

- Mariott để anh mang tiền. - Randall nói. - Tám ngàn đôla. Hơn cả bạn tâm giao.

Tôi dụi điếu thuốc và thở khói lên trần. Ánh sáng làm nhức mắt tôi. Gáy tôi đau rát.

- Tôi không có tám ngàn đôla, - tôi nói.

- Đáng tiếc

- Không, người ta không ngồi đây, nếu người ta có tiền. Hay là người ta sẽ ngồi đây?

Một nụ cười lạnh lùng trên mặt ông ta, nhưng có vẻ giả tạo.

- Tôi có nhiều việc để kiếm tám ngàn đôla, nhưng nếu tôi muốn giết một người bằng gậy, tôi chỉ đập ông ta hai lần là tối đa, vào ngay gáy.

Ông ta gật đầu khinh thường. Một trong hai chàng thám tử sau lưng ông ta khạc vào cái sọt.

- Đó chính là một điều rắc rối. Xem chừng như một vụ tài tử thôi. Tiền có phải của Mariott không?

- Tôi không biết. Tôi có cảm giác là không, nhưng chỉ là cảm giác. Ông ta không nói với tôi người đàn bà trong vụ này là ai.

- Chúng tôi không biết chút gì về Mariott, - Randall nói chậm rãi - Tôi thiết tưởng ít có khả năng ông ta lấy cắp tám ngàn đôla của chính mình.

- Hả? - Tôi cảm thấy ngạc nhiên. Chắc chắn là tôi đã nhìn một cách ngạc nhiên.

- Anh không đếm tiền à?

- Tất nhiên là không. Ông ta chỉ đưa tôi một gói. Có tiền trong đó và có khá nhiều. Ông ta bảo là tám ngàn. Tại sao ông ta lại muốn đánh cắp nó ở tôi nếu như ông ta đã có nó trước khi tôi vào cuộc?

Randall nhìn lên một góc trần nhà, hai khóe mép trễ xuống. Ông ta nhún vai.

- Trở lại một chút - ông ta nói - Người chặn Mariott và một người đàn bà để cướp chuỗi hạt ngọc bích và nữ trang, sau đó đòi bán lại lấy một món tiền nhỏ so với giá trị của món đồ. Mariott cầm mớ tiền chuộc. Ông ta nghĩ sẽ cầm nó một mình và chúng ta không biết, hoặc là câu chuyện còn những chi tiết khác, hoặc là chỉ có vậy. Thông thường, trong những trường hợp như thế, người ta làm rối lên thì hơn. Nhưng Mariott đã khẳng định chắc chắn là đúng như vậy để kéo anh theo. Cả hai người các anh hình dung sẽ giao dịch với một băng cướp có tổ chức và chúng sẽ chơi đẹp trong phạm vi một cuộc mua bán. Mariott bị thanh toán. Cái đó hoàn toàn tự nhiên. Ông ta muốn được hỗ trợ và anh đã hỗ trợ. Nhưng anh là một kẻ hoàn toàn xa lạ với ông ta, chỉ là một cái tên trên tấm danh thiếp anh đưa cho ông ta trong một bữa tiệc vô danh nào đó mà ông ta nói là một người bạn chung. Rồi phút cuối cùng, Mariott quyết định để anh mang tiền và trao đổi, trong khi ông ta nấp trong xe. Anh nói rằng đấy là ý kiến của anh, nhưng ông ta có thể hy vọng anh sẽ đề nghị điều đó, và nếu anh không đề nghị, ông ta sẽ có ý kiến của chính ông ta.

- Đầu tiên, ông ta không thích ý kiến ấy.

Randall lại nhún vai:

- Ông ta làm ra vẻ không thích ý kiến ấy, nhưng ông ta đã chấp nhận. Vậy là cuối cùng ông ta nhận điện thoại và các anh đến chỗ

mà ông ta đã mô tả. Tất cả từ Mariott. Không có cái gì cho thấy anh chủ động trong chuyện này. Khi các anh đến đó, ở đó hình như không có ai. Các anh định đưa xe xuống bãi trống ấy, nhưng không thấy một chỗ nào chứa nổi chiếc xe lớn. Thực tế là vậy, bởi vì xe bị xây xước khá nhiều ở mạn trái. Rồi anh ra khỏi xe và đi bộ xuống bãi trống, không nghe thấy và nhìn thấy gì cả, chờ ít phút, trở lại xe và rồi một kẻ nào đó trong xe nện vào gáy anh. Bây giờ giả định Mariott muốn lấy số tiền đó và muốn làm anh thất bại, liệu ông ta có làm đúng như thế không?

- Đó là một giả thuyết cừ khôi, - tôi nói. - Mariott nện tôi, lấy tiền, rồi ông ta hối tiếc và đập vỡ sọ mình sau khi chôn mớ tiền dưới một bụi cây.

Randall nhìn tôi đờ đẫn:

- Dĩ nhiên ông ta có một kẻ tòng phạm. Kẻ đó sẽ đập vào đầu anh để lấy tiền. Mariott bị giết vì đã biết kẻ tòng phạm đó, còn anh không biết hắn nên hắn không cần phải giết anh.

Tôi nhìn ông ta với một vẻ thán phục và nhổ mẩu thuốc lá vào một cái gạt tàn bằng gỗ trước đây có cái ruột bằng thủy tinh bây giờ đã vỡ.

- Nó thích hợp với những gì xảy ra trong thực tế, - Randall nói điềm tĩnh. - Nó không đến nỗi ngớ ngẩn hơn một giả thuyết nào đó chúng ta có thể nghĩ ra lúc này.

- Nó không thích hợp với thực tế là tôi bị nện từ chiếc xe phải không? Điều làm cho tôi nghi ngờ Mariott nện vào đầu tôi và những điều khác là tương đương. Mặc dù tôi không hề nghi ngờ ông ta sau khi ông ta bị giết.

- Việc anh bị nện nhìn theo cách đó là hay hơn cả. -Randall nói. - Anh không bảo Mariott là anh có súng, nhưng ông ta có thể nhìn thấy nó phồng lên dưới cánh tay anh, hoặc là ông ta nghi ngờ rằng anh có súng. Trong trường hợp đó ông ta muốn đập anh trong khi anh không ngờ vực gì. Và anh sẽ chẳng ngờ vực gì từ băng sau chiếc xe.

- Hay lắm, - tôi nói, - ông đã thắng. Đó là một giả thuyết hay, luôn luôn giả định là tiền không phải của Mariott và ông ta muốn ăn cắp nó và ông ta có một kẻ tòng phạm. Vậy kế hoạch của ông ta là cả hai chúng tôi sẽ thức dậy với những cái bướu trên đầu, tiền thì mất và chúng tôi sẽ nói, ồ rất tiếc, rồi tôi đi về nhà và quên đi tất cả. Kết thúc là thế phải không? Tôi định nói rằng ông muốn nó kết thúc ra sao? Nó có vẻ quá hay đối với ông ta phải không?

Randall mỉm cười nhăn nhó.

- Không phải tôi thích như thế. Nhưng nó với thực tế, như tôi biết, cũng không phải là xa.

- Chúng ta không đủ dữ kiện, ngay cả để lập giả thuyết, - tôi nói. - Tại sao không xem như là ông ta nói đúng sự thật và có lẽ ông ta nhận diện được một kẻ trong số những tên cướp?

- Anh nói là anh không nghe thấy tiếng vật lộn, tiếng kêu la?

- Không, nhưng có thể là ông ta bị hạ rất nhanh, bị chẹt vào cổ. Hoặc có thể ông ta quá sợ không kêu lên được khi chúng nhảy bổ vào ông ta. Chúng theo dõi từ trong các bụi cây và nhìn thấy tôi đi xuống đồi. Rồi tôi đi một quãng xa khoảng hơn năm trăm bước, ông biết đấy. Chúng đi tới và nhìn vào trong xe, thấy Mariott. Một đứa nện súng vào mặt ông ta khiến ông ta ngất rất nhanh. Rồi ông ta bị quật xuống. Nhưng ông ta đã nói điều gì đó hoặc cái cách nhìn của ông ta khiến chúng nghĩ là ông ta đã nhận ra một kẻ nào trong bọn.

- Trong bóng tối ấy à?

- Đúng, - tôi nói. - Một vài điều giống như thế. Một vài giọng nói trong ký ức người ta, ngay cả trong bóng tối, người ta cũng vẫn có thể nhận ra.

Randall lắc đầu:

- Nếu đây quả là một băng cướp có tổ chức của những tên trộm nữ trang, chúng sẽ không giết người mà không có rất nhiều những sự kích động. - Ông ta dừng lại đột ngột và đưa mắt liếc nhanh. Ông ngậm miệng lại rất chậm, rất chặt. Ông ta có một ý tưởng - Bắt cóc, - ông ta nói.

Tôi gật đầu:

- Tôi nghĩ đó là một ý.

- Có một vấn đề nữa - ông nói - Anh tới đây như thế nào?

- Tôi lái xe của tôi.

- Xe anh đâu?

- Dưới Montemar Vista, trong bãi đỗ xe cạnh quán cà phê vỉa hè.

Ông ta nhìn tôi tự lự. Hai gã hộ pháp sau lưng ông ta nhìn tôi, ngờ vực. Người say trong buồng giam cố thét lên nhưng giọng hắn gãy vụn làm hắn mất can đảm. Hắn bật khóc.

- Tôi đi bộ trở lại đường cái, - tôi nói. - Tôi đi nhờ một chiếc xe. Một cô gái lái chiếc xe đó một mình. Cô ta dừng lại và chở tôi xuống đó.

- Một cô gái? - Randall nói - Đêm thì khuya, đường thì vắng, mà cô ta dừng xe?

- Phải, có những người làm như vậy. Tôi không biết cô ta. Xem ra cô ta khá đẹp. - Tôi nhìn họ đăm đăm, biết thừa là họ chả đời nào tin tôi và tôi tự hỏi sao lại phải nói dối chuyện đó.

- Đó là chiếc xe nhỏ, - tôi nói, - một chiếc Chevry hai chỗ ngồi. Tôi không nhìn số biển đăng ký.

- Hừ, ông ta không nhìn số biển đăng ký, - một tay hộ pháp nói và lại khạc nhổ vào chiếc sọt rỗng.

Randall ngả người về phía trước và chăm chú nhìn tôi:

- Nếu anh định giấu một số tình tiết của vụ này thì hãy quên điều đó đi, Marlowe. Tôi không thích tất cả mọi điểm trong câu chuyện của anh và tôi để anh một đêm suy nghĩ về việc đó. Ngày mai, chắc chắc tôi sẽ yêu cầu anh trình bày nghiêm chỉnh. Đồng thời, tôi cho anh một lời khuyên. Đây là một vụ giết người thuộc nghiệp vụ cảnh sát và chúng tôi không muốn sự giúp đỡ của anh, cho dù là một sự giúp đỡ tốt đẹp. Tất cả những gì chúng tôi mong ở anh là các sự kiện. Anh hiểu chứ?

- Nhất định rồi. Bây giờ tôi có thể về nhà được không? Tồi cảm

thấy không khỏe lắm.

- Bây giờ anh có thể về. - Đôi mắt ông ta băng giá.

Tôi đứng dậy và đi ra phía cửa trong sự im lặng chết chóc. Khi tôi đi khỏi bốn bậc thềm, Randall hắng giọng và nói thản nhiên:

- Ồ, còn một điểm nhỏ. Anh có nhận thấy Mariott hút loại thuốc lá nào không?

Tôi quay lại:

- Có. Loại nâu. Nam Mỹ, trong một hộp tráng men Pháp.

Ông ta ngả người về phía trước, đẩy cái túi lụa thêu ra khỏi đống tạp nhạp trên bàn và nhấc nó về phía ông ta:

- Trước đây anh có thấy cái này không?

- Nhất định rồi. Tôi thấy chính cái đó.

- Tôi nói là trước đó tới nay.

- Tôi tin là đã thấy - tôi nói - Nằm loanh quanh đâu đó. Sao vậy?

- Anh không xem xét thi thể?

- Có. Tôi xem các túi của ông ta. Đó là một trong những thứ trong túi. Tôi rất tiếc. Chỉ là tò mò nghề nghiệp.

Tôi không xáo trộn cái gì cả. Sau hết, ông ta là khách hàng của tôi.

Randall cầm cái túi thêu bằng cả hai bàn tay, mở ra và nhìn vào trong túi. Nó trống rỗng. Ba điếu thuốc đã biến mất.

Tôi cắn chặt răng và cố giữ cái nhìn mệt mỏi nhưng thật chẳng dễ.

- Anh có thấy ông ta hút điếu thuốc nào trong cái túi này không?

- Không.

Randall gật đầu lạnh lùng:

- Nó rỗng như anh thấy đấy. Nhưng nó nằm trong túi ông ta như những thứ khác. Có một ít bụi ở trong đó. Tôi dự định xem xét dưới kính hiển vi. Tôi không chắc chắc lắm nhưng tôi nghĩ nó là cần sa.

Tôi nói:

- Nếu ông ta có thứ đó, tôi nghĩ là ông ta sẽ hút vài điếu đêm nay.

Ông ta cần những thứ làm phấn chấn tinh thần.

Randall đóng túi cẩn thận và đẩy nó ra.

- Xong rồi, - ông nói - gắng giữ sức khỏe.

Tôi ra ngoài.

Sương mù đã nhạt khắp xung quanh và những ngôi sao sáng chói như mạ kền trên nền trời xanh nhung đen. Tôi phóng xe nhanh. Tôi cần một ly rượu mạnh nhưng các quán rượu đã đóng cửa.

13

Tôi tỉnh dậy lúc chín giờ, làm một lúc ba tách cà phê đen, tắm táp cái gáy bằng nước lạnh và đọc hai tờ báo buổi sáng được nhét qua khe của. Có ba đoạn và một mẩu về Moose Malloy trong trang hai, nhưng Nulty không đưa tên anh ta lên báo. Không có gì về Lindsay Mariott, tôi giở cả tới trang xã hội.

Tôi mặc quần áo và điểm tâm hai quả trứng luộc, uống ly cà phê thứ tư rồi liếc nhìn mình trong gương. Tôi thấy một quầng thâm dưới mắt. Khi tôi mở cửa sắp đi thì chuông điện thoại reo.

Đó là Nulty. Anh ta nói rành rọt.

- Marlowe?

- Phải. Anh đã gặp hắn?

- Ồ, nhất định rồi. Chúng tôi tìm hắn. - Anh ta ngừng lại để hắng giọng. - Trên tuyến Ventura, như tôi đã nói. Này anh bạn, chúng ta có một trò để vui thú! Hai thước, trông như một cái két sắt, trên đường tới Frisco xem Hội chợ. Gã có năm lít rượu tăm trên ghế trước của một chiếc xe hơi thuê, rồi gã say mềm trên một chiếc xe khác, gã xin quá giang suốt bảy mươi dặm êm ro. Chúng tôi đa huy động tất cả để chộp gã, hai toán cảnh sát địa phương với cả súng ống và dùi cui.

Anh ta ngừng và tôi nhớ lại trong óc những lời dí dỏm của anh ta, nhưng chẳng hề chọc cười tôi được chút nào, Nulty tiếp tục:

- Vậy là gã đã đóng kịch với chiếc xe cảnh sát tới khi họ mệt lăn ra ngủ, gã đã gỡ một bên xe, ném điện đài xuống rãnh, khui một chai rượu tăm rồi cũng lăn ra ngủ. Một lúc sau, các cu cậu bật dậy, giáng dùi cui lên đầu gã cỡ mười phút gã mới biết. Khi gã cảm thấy đau đớn, họ còng tay gã lại. Thật là ngon lành. Bây giờ, chúng tôi đã để gã vào một thùng nước đá, lập cáo trạng: Say rượu trong khi lái xe, tấn công cảnh sát lúc thi hành nhiệm vụ, cố ý phá hoại tài sản công,

mất trật tự an ninh, đậu xe trên đường cao tốc. Thật là trò đùa, phải không?

- Nút lại đi, - tôi nói, - anh không kể cho tôi tất cả những cái đó là để hả hê đấy chứ?

- Đó là một thằng cha khốn kiếp, - Nulty nói gay gắt. -Con vịt này tên là Stoyanofski, sống ở Hemet và chỉ đóng vai phu xúc cát ở đường hầm San Jack. Có một vợ bốn con, chắc bà ta khổ sở lắm. Anh đang làm gì cho vụ Malloy?

- Không gì cả. Tôi bị đau đầu.

- Lúc nào đó anh có chút thì giờ rảnh rỗi...

- Tôi không nghĩ thế, - tôi nói, - cảm ơn những thứ tương tự. Khi nào thì cuộc điều tra được khởi sự?

- Sao bực dọc vậy? - Nulty cười, gác máy.

Tôi lái xe xuống Đại lộ Hollywood, đưa xe vào bãi đỗ bên cạnh tòa nhà và lên tầng của tôi. Tôi mở cửa một phòng nhỏ khác lúc nào tôi cũng để trống trong trường hợp tôi có khách hàng và khách hàng muốn đợi tôi.

Anne Riordan đang đọc một tờ tạp chí, ngẩng lên và mỉm cười với tôi.

Cô mặc chiếc bộ đồ màu sợi thuốc lá sẫm và chiếc áo cổ lọ màu trắng bên trong. Trong ánh sáng ban ngày, tóc cô màu vàng nâu; cô đội một chiếc mũ có gắn hình vương miện bằng thủy tinh. Chiếc mũ lớn đội lệch gần đến 45 độ, mép vành mũ trùm cả xuống vai. Trong lúc bực dọc, nhìn cái đó tôi cảm thấy gai mắt. Có lẽ chỉ tại cái tâm trạng không mấy vui vẻ của tôi.

Cô khoảng hai mươi tám tuổi. Cô có cái trán khá hẹp nếu nó cao hơn một chút thì có thể coi là tao nhã, cái mũi nhỏ và tinh nghịch, môi trên hơi mỏng và miệng khá rộng. Đôi mắt màu xanh lơ ngả xám, có một ánh vàng chói bên trong. Nụ cười tuyệt đẹp. Trông cô như sau một giấc ngủ ngon. Một khuôn mặt xinh tươi, dễ ưa, vẻ xinh tươi không phải là dễ dãi để người ta có thể cợt nhả.

- Tôi không rõ giờ làm việc của văn phòng ông, - cô nói - nên tôi

chờ. Hôm nay sao không thấy người thư ký của ông ở đây?

- Tôi không có thư ký.

Tôi đi qua phòng và mở khóa cửa trong, làm tắt đi cái tiếng động ong ong ở cửa ngoài:

- Mời cô vào phòng làm việc của tôi.

Cô ta đi qua trước mặt tôi với tiếng lướt mơ hồ của đôi dép cao và đứng nhìn năm chiếc tủ hồ sơ sơn xanh, tấm thảm màu nâu đỏ sờn rách, những đồ đạc phủ bụi và tấm rèm cửa sổ không lấy gì làm sạch.

-Tôi cứ nghĩ là ông cũng muốn có ai đó để trực điện thoại, - cô nói - và một lúc nào đó mang tấm rèm đến tiệm giặt.

- Tôi sẽ mang nó đến vào ngày nghỉ lễ. Có một cái ghế đấy. Tôi mắc kẹt nhiều công chuyện vớ vẩn và đi đến rạc cẳng. Cũng phải tiết kiệm tiền.

- Tôi có thấy. - Cô đáp nghiêm trang và đặt cái túi xách tay lớn lên mặt bàn. Cô ngồi ngả người ra sau và lấy một điếu thuốc cho mình.

Cô thở một vòng khói và mỉm cười qua lớp khói mờ xanh nhạt. Hàm răng trắng, đẹp.

- Chắc là ông không đợi gặp lại tôi sớm thế này phải không? Cái đầu của ông sao rồi?

- Tệ hại lắm. Không, quả là tôi không đợi.

- Cảnh sát có chơi đẹp với ông không?

- Vẫn cái lối của họ.

- Tôi không làm vướng công việc nào quan trọng của ông đấy chứ?

- Không.

- Như vừa rồi, tôi thấy là ông không hài lòng lắm khi gặp lại tôi.

Tôi nhồi tẩu thuốc và với tay lấy hộp quẹt. Tôi châm tẩu từ tốn. Cô ta nhìn những động tác của tôi với vẻ dịu dàng. Những người đàn ông hút tẩu là những kẻ cứng rắn.

Cô ta đã làm tôi thất vọng.

-Tôi cố gắng tách cô khỏi vụ việc vừa rồi, - tôi nói. - Tôi không biết chính xác tại sao lại thế. Dù sao cũng không phải công việc của tôi. Tôi đã qua một đêm nhếch nhác và phải uống đến say mềm mới ngủ nổi và bây giờ vụ việc đó là của cảnh sát. Tôi đã được khuyên là hãy rời khỏi chuyện đó.

- Lý do ông gạt tôi ra khỏi chuyện này, - cô ta nói điềm tĩnh - là ông không nghĩ cảnh sát sẽ tin rằng chỉ vì tò mò rỗi rãi mà tôi xuống chỗ bãi trống đêm qua; họ sẽ nghi ngờ một vài lý do phạm tội và sẽ gõ vào đầu tôi đến khi tôi thành một kẻ có tội mới thôi chứ gì?

- Sao cô biết là tôi không nghĩ điều gì tương tự?

- Cảnh sát chỉ là con người - Cô ta nói một câu không thích hợp.

- Họ khởi sự theo cung cách đó rồi đấy, tôi ngửi thấy mà!

- Ồ, sáng nay thật là đáng ghét, - cô ta nhìn quanh văn phòng của tôi với mắt nhàn nhã và thắc mắc. - Sao ông không sửa sang chỗ này? Tôi định nói là ông làm khá tiền thế, sao không sắm ít đồ đạc đẹp đẽ?

Tôi lẩm bẩm.

- Lẽ ra tôi nên cố nghĩ về công việc của chính mình, đừng có hỏi những câu lạc đề.

- Nếu cô cố gắng nghĩ một chút thì sao?

- Bây giờ cả hai chúng ta cùng nghĩ. Ông hãy nói với tôi, tại sao đêm qua ông lại giấu tôi đi như thế? Hay ông tưởng tôi có mái tóc đỏ và một gương mặt xinh đẹp?

Tôi lặng thinh.

- Chúng ta thử nghĩ chuyện này, - cô ta nói vui vẻ. - Ông muốn biết ai là người đeo chuỗi hạt ngọc bích đó, phải không?

Tôi có cảm giác mặt tôi cứng đơ. Tôi nghĩ ngợi miên man nhưng không nhớ rõ điều gì. Đột nhiên tôi lại nhớ ra. Tôi không hề nói với cô một lời nào về chuỗi hạt ngọc bích.

Tôi với tay lấy hộp quẹt và châm lại tẩu.

- Không hẳn là muốn lắm. Sao vậy?

- Bởi vì tôi biết người ấy.

- Hừm, hừm.

- Ông nghĩ gì khi những ngón chân của ông cứ ngọ nguậy bồn chồn như thế?

- Được rồi, - tôi càu nhàu. - Cô tới đây để nói cho tôi biết. Vậy cô kể đi.

Đôi mắt xanh xám của cô mở to trông như ẩm ướt hơn. Cô cắn môi dưới và nhìn đăm đăm xuống mặt bàn. Rồi cô nhún vai và nở một nụ cười trong sáng.

- Tôi biết tôi chỉ là một đứa con gái tò mò đáng ghét. Nhưng cái đó đã ăn sâu vào máu tôi. Cha tôi vốn là một cảnh sát. Tên ông là Cliff Riordan và ông là sếp cảnh sát của Bay City suốt bảy năm. Tôi nghĩ đó chính là vấn đề.

- Hình như tôi có nhớ. Chuyện gì xảy ra với ông nhà?

- Cha tôi bị sa thải. Điều đó làm ông không chịu nổi. Một đám cờ bạc đứng đầu là một người đàn ông tên là Laird Brunette vận động bầu lại viên thị trưởng cùng cánh với họ. Cha tôi bị đổi về Phòng Hồ sơ căn cước. Ở Bay City này, đấy chỉ là một cái sọt giấy lộn. Vậy là cha tôi bị thất sủng, chỉ còn làm việc đâu vài năm thì mất. Mẹ tôi cũng mất ngay sau đó. Tôi sống một mình đã hai năm nay.

- Tôi rất ái ngại, - tôi nói.

Cô ta ném mẩu thuốc lá xuống đất. Không có vệt son môi nào trên mẩu thuốc.

- Lý do duy nhất để tôi quấy rầy ông trong chuyện này là cảnh sát sẽ không làm khó dễ cho tôi. Tôi tưởng là đã nói với ông đêm qua rồi. Sáng nay tôi được biết ai đã phụ trách vụ này và tôi tới gặp ông ta. Ông ta có một chút khó chịu với ông lúc ban đầu.

- Đúng thế đấy, - tôi nói. - Tôi đã kể với ông ta toàn bộ sự thật, ông ta vẫn không chịu tin tôi. Ông ta chỉ muốn cắt một bên tai tôi ra mà thôi.

Cô nhăn mặt. Tôi đứng dậy mở một cửa sổ khác. Tiếng xe cộ ồn ào từ dưới đại lộ ùa vào phòng từng đợt sóng ngất ngư. Tôi cảm

thấy xây xẩm. Tôi mở một ngăn kéo sâu lấy chiếc chai rót cho mình một ly.

Cô Riordan theo dõi tôi vẻ không hài lòng. Tôi không còn là một người đàn ông cứng rắn nữa. Cô lặng thinh. Tôi cạn một ly, gạt chai ra và ngồi xuống.

- Ông không mời tôi một ly à? - Cô nói lạnh lùng.

- Rất tiếc. Đã mười một giờ hoặc kém một chút. Tôi không nghĩ cô là người uống rượu.

Cô ta nheo mắt:

- Đó là một lời khen?

- Đúng vậy, trong ý nghĩ của tôi.

Cô trầm ngâm nghĩ ngợi. Rượu chẳng có ý nghĩa gì lắm đối với cô. Nó cũng chẳng có ý nghĩa gì nhiều với tôi, ngay cả khi tôi ưu tư về nó. Nhưng một ly có thể làm cho tôi thấy khỏe khoắn hơn.

Cô ngả người về phía trước và chậm rãi tháo đôi găng tay:

- Ông không muốn mướn một người trợ lý phải không?

- Không.

Cô ta gật đầu.

- Tôi nghĩ chắc chắn là ông không mướn. Tốt hơn cả là tôi cung cấp ngay cho ông một ít tin tức rồi đi về.

Tôi không nói gì. Tôi châm lại tẩu thuốc. Trông có vẻ suy nghĩ trầm tư lắm như thật ra chẳng nghĩ ngợi quái gì cả.

- Đầu tiên, tôi nảy ra ý nghĩ là chuỗi hạt ngọc bích như thế phải là một vật ở bảo tàng và nổi tiếng, - cô nói.

Tôi giơ que diêm trong không khí, nó vẫn cháy và tôi ngắm ngọn lửa vàng bập bùng giữa các ngón tay. Rồi tôi thổi ngọn lửa tắt phụt, ném que diêm vào chiếc gạt tàn và nói:

- Tôi không hề nói với cô một lời nào về chuỗi hạt ngọc bích.

- Không, nhưng trung úy Randall đã nói.

- Cần có ai đó đơm khuy vào miệng ông ta.

- Ông ta quen biết cha tôi. Tôi hứa là sẽ giữ kín chuyện.

- Cô kể với tôi đây thôi.

- Ông biết rồi mà, ngốc thật.

Bàn tay cô bỗng giơ lên như để bịt miệng mình nhưng nửa chừng nó lại rơi xuống chầm chậm và mắt cô mở lớn. Đó là một cử chỉ khôn ngoan, nhưng tôi thừa biết điều gì cô định nói lại thôi.

- Ông đã biết, phải không? - Cô thốt ra những từ mập mờ.

- Tôi nghĩ đó là kim cương. Một vòng tay, một đôi hoa tai, một sợi dây chuyền, ba cái nhẫn, một cái nạm ngọc lam.

- Không phải chuyện đùa, - cô ta nói. - Không đùa một tý nào.

- Ngọc Phong Châu. Rất hiếm. Những hạt được chuốt cỡ sáu carat mỗi hạt, sáu mươi hạt cả thảy. Giá tám chục ngàn đôla!

- Ông có đôi mắt nâu quả là đẹp, - cô ta nói. - Và ông tưởng là ông khôn khéo lắm!

- Được rồi, ai đeo nó và cô đã tìm ra như thế nào?

- Tôi tìm ra rất đơn giản. Tôi nghĩ rằng những đồ nữ trang đắt tiền phải có nhiều người biết. Tôi tới hỏi người quản lý vũ trường sang trọng nhất. Tôi bảo ông ta tôi là một nhà văn cần tài liệu để viết một bài báo về loại ngọc bích quý hiếm. Ông biết cung cách ấy đấy.

- Vậy là ông ta tin ở mái tóc đỏ và khuôn mặt xinh đẹp của cô.

Cô hơi đỏ mặt.

- Thôi mà, dẫu sao ông ta cũng bảo tôi người đeo chuỗi hạt là một bà giàu có sống ở Bay City, trong một biệt thự vùng hẻm núi. Bà Lewin Lockridge Grayle. Chồng bà ta là một nhà ngân hàng đầu tư hay cái gì đại loại thế, giàu nổi tiếng, vốn liếng vài chục triệu đôla. Ông ta sở hữu một đài phát thanh ở Beverly Hills, Đài KFDK, và bà Grayle cũng làm việc ở đó. Họ cưới năm năm nay. Bà ta có mái tóc màu hung đẹp mê hồn. Ông Grayle già cả, đau gan, chỉ ở nhà và ngập giữa đống thuốc men trong khi bà Grayle đi đây đó và rảnh rỗi.

- Ông quản lý này - tôi nói - quả là một người bạn tọc mạch.

- Ồ, tôi không lấy mọi tin tức từ ông ta đâu, ngốc thật. Tôi chỉ lấy

tin về chuỗi hạt ngọc thôi. Phần còn lại là từ Giddy Gertie Arbogast.

Tôi thò tay vào ngăn kéo sâu và lại lấy cái chai ra.

- Ông sẽ không biến thành một trong các thám tử say rượu đấy chứ? - Cô ta hỏi vẻ lo âu.

- Sao lại không? Họ luôn luôn hoàn tất các vụ việc của họ mà không bao giờ phải đổ một giọt mồ hôi. Cô tiếp tục câu chuyện đi.

- Giddy Gertie là biên tập viên mục xã hội của báo Chronicle. Tôi biết anh ta đã lâu. Anh ta nặng cỡ chín chục ký và để ria kiểu Hitler. Anh ta lấy cho tôi mớ tư liệu về vợ chồng Grayle. Ông nhìn xem.

Cô ta thò tay vào túi xách và lôi ra một tấm ảnh còn sáng nước cỡ 9 X 12, đưa qua bàn. Đó là một người đàn bà có mái tóc hung. Mái tóc hung lộng lẫy có thể khiến giáo sĩ phá tung những cửa sổ ghép kính màu bằng một nhát cuốc. Bà ta mặc bộ đồ đi chơi phố mảng đen mảng trắng, một cái mũ kẻ ô, Dáng kiêu xa nhưng không quá quắt. Bà ta có cái vẻ như nói: bất cứ cái gì anh cần, bất cứ nơi đâu anh muốn. Bà ta chừng ba chục tuổi.

Tôi rót một ly vơi và lại đốt cháy cổ họng mình:

- Cất tấm ảnh này đi - tôi nói - kẻo tôi nhảy lên mất.

- Sao thế? Tôi mang nó lại cho ông. Ông có muốn gặp bà ta không?

Tôi lại nhìn bức ảnh. Rồi tôi gài nó dưới bàn:

- Khoảng mười một giờ đêm nay hả?

- Nghe này, đây không phải là những chuyện để rỡn chơi đâu, ông Marlowe ạ. Tôi đã kêu điện thoại cho bà ta. Bà ta sẽ gặp ông. Về công việc đấy.

- Có thể khởi sự kiểu đó mà.

Cô ta có một vẻ sốt ruột khiến tôi phải thôi ngay vẻ hài hước và cau mày ra dáng lo âu.

- Bà ta gặp tôi về chuyện gì?

- Dĩ nhiên là về chuỗi hạt ngọc của bà ta. Nó là thế này. Tôi đã gọi điện thoại cho bà ta và tất nhiên là khá lôi thôi mới có thể nói

chuyện được với bà ta, nhưng cuối cùng cũng xong. Tôi nói chuyện về âm nhạc và khiêu vũ, nói cả đến những người bạn dễ thương trong vũ trường, nhưng không ổn. Giọng bà ta có vẻ lo âu. Bà ta nói gì đó về mình với vẻ mập mờ bí ẩn. Tôi đã phải cố giữ bà ta bên điện thoại và hỏi có phải bà có một chuỗi hạt ngọc bích Phong Châu của Tàu không. Ngần ngừ một lúc, bà ta bảo: Có. Tôi hỏi là có thể xem được không. Bà ta nói: Để làm gì? Tôi nói có một chuyện riêng và chỉ nói sơ sơ thôi. Có thể nghe thấy bà ta ngáp rồi quát một ai đó phía ngoài cốt cho tôi nghe thấy. Tôi bèn nói tôi làm việc cho Philip Marlowe. Bà ta nói: Vậy làm sao? Tất cả là như thế đấy.

- Khó tin lắm. Thời buổi này, những người đàn bà thượng lưu nói chuyện chẳng khác những ả điếm đàng.

- Tôi không biết, - Riordan nói mềm mỏng. - Chắc chắn có dăm người trong số đó là những kẻ điếm đàng. Vậy tôi hỏi bà ta: Liệu có một cuộc điện thoại ngắn nữa thì sao, bà ta đáp: Nếu là về công việc của chính tôi. Điều ngộ nghĩnh là bà ta không gác máy.

- Bà ta có ngọc bích ở trong đầu và không biết là cô dẫn đến chuyện gì. Hoặc có thể Randall đã nói cho bà ta rồi.

Cô Riordan lắc đầu:

- Không, sau đó tôi đã gọi cho ông ấy, ông ấy không biết ai là người sở hữu chuỗi hạt ngọc tới khi tôi cho ông ấy biết. Ông ấy hoàn toàn ngạc nhiên thấy tôi tìm ra.

- Ông ta sẽ trọng dụng cô. Chắc chắc là vậy. Rồi sao nữa? - Tôi nói.

- Tôi bảo bà Grayle: Bà muốn lấy lại nó phải không? Tôi không biết nói cách nào hơn. Tôi có nói câu gì đấy để kích động bà ta một chút và nó có hiệu quả. Bà ta vội vã cho tôi một số điện thoại khác. Rồi tôi gọi tới đó và nói là tôi muốn gặp bà ta. Bà ta hình như hơi ngạc nhiên. Và tôi kể cho bà ta câu chuyện. Bà ta không thích nghe. Nhưng bà ta tự hỏi là tại sao Mariott không nói cho bà ta biết. Tôi cho là bà ta nghĩ ông bạn đã đi về phía nam với món tiền chuộc hoặc cái gì đó. Vậy là tôi gặp bà ta lúc hai giờ. Tôi bảo bà ta về ông, rằng

ông là người tử tế và kín đáo, rằng ông sẽ tận tình giúp bà ta lấy lại chuỗi hạt nếu có cơ hội.... vân vân... Bà ta quan tâm lắm.

Tôi lặng thinh. Tôi chỉ nhìn cô đăm đăm. Cô nhăn mặt:

- Chuyện gì vậy? Tôi làm đúng không?

- Cô không thể làm tôi quên rằng bây giờ vụ này thuộc phạm vi cơ quan cảnh sát và tôi đã được khuyên tránh xa câu chuyện.

- Bà Grayle hoàn toàn đúng khi nhờ vả ông nếu bà ta muốn.

- Để làm gì?

Cô ta đóng rồi lại mở khóa bấm ở túi xách một cách bồn chồn.

- Ồ, thiện chí của tôi... Một người đàn bà thích điều đó... với cái nhìn của bà ta... ông không thấy được đâu. - Cô ngừng lại và cắn môi. - Mariott thuộc loại đàn ông thế nào?

- Khó mà biết rõ được ông ta. Tôi nghĩ ông ta là một anh chàng èo uột. Tôi không ưa ông ta lắm.

- Ông ta có phải loại đàn ông hấp dẫn phụ nữ không?

- Một vài phụ nữ. Những người khác sẽ muốn khạc nhổ.

- Được, coi như là ông ta hấp dẫn đối với bà Grayle. Bà ta cặp với ông ấy.

- Bà ta cặp với cả trăm gã đàn ông. Không còn mấy cơ hội để lấy lại chuỗi hạt ngọc.

- Tại sao?

Tôi đứng dậy đi tới cuối văn phòng, vỗ vỗ lòng bàn tay lên tường khá mạnh. Tiếng máy chữ lách cách phía bên kia im bặt một lúc rồi lại nổi lên rào rào. Tôi nhìn qua cửa sổ mở toang vào khoảng trống giữa tòa nhà của tôi và khách sạn Mansion House. Quầy cà phê rộng thênh thang đủ xây một nhà để xe hơi.

Tôi quay lại bàn, bỏ chai whisky vào ngăn kéo, đóng lại rồi ngồi xuống. Tôi châm tẩu thuốc đến lần thứ tám hay thứ chín gì đó và nhìn đăm đăm qua tấm kính bàn mờ bụi, gương mặt nhỏ nhắn nghiêm trang và chân thành của cô Riordan.

Những mớ tóc hung quyến rũ thì đầy rẫy, một hào một tá, nhưng

kia là một gương mặt thật dễ ưa, gương mặt ấy cũng muốn mang một mớ tóc hung huyền ảo. Tôi mỉm cười về ý nghĩ ấy.

- Nghe này. Anne. Giết Mariott là một lỗi lầm ngu xuẩn. Cái băng cướp làm vụ trấn lột này sẽ không bao giờ lặp lại lần nữa. Điều đã xảy ra là thế này, mấy thằng cha ghiền á phiện đã lấy báng súng nện vào đầu ông ta. Mariott làm một cử chỉ sai lầm và mấy thằng lưu manh đã đánh gục ông ta tức khắc, nhanh không thể tưởng được. Đây là một bọn có tổ chức đàng hoàng và có thông tin nội bộ đầy đủ về đồ trang sức và những báu vật mang trên mình những người đàn bà. Chúng đòi món tiền chuộc phải chăng và chúng giở mánh lừa. Nhưng ở đây cũng lại là một vụ giết người hèn mạt và cái đó không phù hợp với tất cả câu chuyên xảy ra. Ý kiến của tôi là dù bất kỳ kẻ nào làm điều đó cũng coi như một kẻ chết rồi, chết từ tám hoánh, buộc đá vào cổ chân và chìm nghỉm dưới đáy Thái Bình Dương. Hoặc là chuỗi hạt ngọc chìm luôn theo hắn, hoặc là chúng có một khái niệm về giá trị thực của chuỗi hạt, chúng sẽ giấu kín nó đi, mang nó ra khỏi nơi mà nó đã từng được trưng ra một thời gian dài nhiều năm trước khi chúng cuỗm được. Hoặc giả cái băng cướp này đủ tầm cỡ, chúng có thể lại trưng nó ra ở phía bên kia của thế giới. Tám ngàn đôla tiền chuộc mà chúng đòi hỏi xem ra chẳng thấm thía gì nếu thực sự chúng biết giá trị của chuỗi hạt ngọc. Nhưng để bán nó đi thật là nan giải. Tôi tin chắc là như vậy. Chúng không bao giờ chủ tâm giết người cả.

Anne Riordan lắng nghe tôi với đôi môi hé mở và vẻ mặt hân hoan như thể cô đang chiêm ngưỡng vị Phật sống Dalai Lama.

Cô ta khép miệng lại và gật đầu một cái.

- Ông thật là kỳ diệu, - cô nói - nhưng ông cũng thật là gàn.

Cô ta đứng dậy và kéo cái túi xách về phía mình.

- Ông có đi gặp bà ta hay không?

- Nếu là cô dàn xếp, Randall chẳng thể cần tôi.

- Được, để tôi tới gặp anh chàng biên tập viên xã hội lần nữa và có thể sẽ kích động thêm vợ chồng Grayle, về cuộc đời mê đắm của

bà ta. Liệu bà ta có muốn thế không?

Gương mặt viền trong mái tóc màu vàng nâu trông đầy khao khát.

- Ai không? - Tôi nhếch mép cười. - Tôi không khi nào. - Tôi giơ tay lên bịt miệng mình. Cô ném cho tôi một cái nhìn sắc lẻm và bước về phía cửa.

- Cô quên một thứ, - tôi nói.

Cô ta dừng bước và quay lại.

- Cái gì vậy? - Cô nhìn khắp mặt bàn.

- Cô biết rõ mười mươi là cái gì mà.

Cô ta trở lại bàn và tựa vào nó một cách hấp tấp.

- Sao chúng lại phải giết Mariott nếu chúng không định giết người?

- Bởi vì ông ta sẽ là người bị kích động, một lúc nào đó sẽ phun ra, khi không còn chất kích thích nữa. Tôi định nói là, chúng sẽ không làm thịt khách hàng của chúng.

- Cái gì làm ông khẳng định là bọn giết người dùng chất kích thích.

- Tôi không khẳng định. Tôi chỉ nói vậy thôi. Phần lớn bọn lưu manh dùng chất kích thích.

- Ồ, - cô ta thẳng người lên, gật đầu và mỉm cười. - Tôi tưởng là ông định nói gì đó. - Cô ta nói và thọc nhanh vào trong túi xách và lấy một gói nhỏ đặt lên bàn.

Tôi cầm lấy nó, tháo dãy thun chằng buộc cẩn thận quanh gói, mở lớp giấy gói. Trong đó là ba điếu thuốc lá Nga cỡ lớn, dài, với đầu ngậm giấy. Tôi nhìn cô ta không nói gì cả.

- Tôi biết không nên lấy chúng - cô nói vội vã - nhưng tôi biết chúng là cần sa. Chúng thường được đưa vào dưới dạng những tờ mỏng nhưng rồi ở vùng xung quanh Bay City người ta biến chúng thành thế này . Thỉnh thoảng tôi vẫn thấy, tôi tưởng đó là loại dành cho một kẻ khốn cùng đi tìm cái chết với những điếu cần sa trong túi.

- Cô cần phải lấy cả cái túi - tôi nói - có bụi ở trong túi đựng. Bây giờ nó trống rỗng một cách đáng nghi ngờ.

- Tôi không thể... với ông ở đó. Tôi... tôi hầu như đi đằng sau và chỉ lấy mấy điếu thuốc. Nhưng tôi không đủ can đảm. Cái đó làm rầy rà ông phải không?

- Không, - tôi nói dối - sao lại rầy rà?

-Tôi rất sung sướng vì điều đó. - Cô ta nói có vẻ đăm chiêu.

- Sao cô không vứt chúng đi?

Cô ngẫm nghĩ về chuyện đó, cái túi xách đung đưa bên vai. Chiếc mũ rộng vành phi lý đội nghiêng trên đầu, che khuất một bên mắt cô.

- Tôi tưởng phải làm thế vì tôi là con gái một viên cảnh sát. - Cuối cùng cô nói - Ông không vứt bằng chứng nào đi. - Nụ cười của cô có vẻ biết lỗi và đôi má cô ửng đỏ. Tôi nhún vai.

- Thôi được - Lời của cô lơ lửng trong không khí giống như khói thuốc trong một căn phòng đóng kín. Đôi môi cô vẫn hé mở sau câu nói. Tôi im lặng. Mặt cô càng đỏ.

- Tôi rất hối hận. Tôi sẽ không làm thế nữa.

Tôi cũng bỏ qua chuyện này.

Cô bước nhanh đến cửa và ra ngoài.

14

Tôi chọc một ngón tay vào điếu thuốc lá Nga dài rồi xếp chúng nằm cạnh nhau. Người ta không thể vứt bằng chứng nào đi. Chúng là bằng chứng. Bằng chứng của cái gì? Đó là một kẻ có lần hút ma túy, một kẻ say mê bất cứ thứ gì xa lạ. Mặt khác, vô số những thằng cha hung đồ, cũng như vô số các ban nhạc rock và những cậu sinh viên con ông cháu cha, và cả những cô gái xinh đẹp cũng sa đà hút xách. Đây là loại cần sa Hoa Kỳ. Loại cây dại mọc bất kỳ đâu. Bây giờ trồng trọt nó là bất hợp pháp. Thứ đó có vô số ở một xứ sở mênh mông như nơi này.

Tôi ngồi đó, ngậm tẩu và lắng nghe tiếng máy chữ lách cách bên kia tường, nhìn ánh đèn hiệu giao thông lập lòe thay đổi trên đại lộ Hollywood, và mùa xuân xào xạc trong không khí giống như một chiếc túi giấy bị gió cuốn đi dọc theo những vỉa hè bê tông.

Đó là những điếu thuốc lá to, đẹp đẽ, nhưng có rất nhiều thứ lá như thế, và cần sa là thứ lá tồi tệ. Một loại cây gai có lẽ du nhập từ Ấn Độ. Bằng chứng đấy. Trời ơi, những người đàn bà đội thứ mũ gì mà kỳ cục. Đầu tôi nhức nhối. Gàn dở.

Tôi lấy con dao nhíp và mở lưỡi dao sáng loáng, không phải dùng để nạo tẩu. Đây là việc của một nhà hóa nghiệm dưới kính hiển vi. Liệu có thể tìm ra được điều gì bất ngờ ở đó? Chả thích thú gì, nhưng thật quái quỷ, tôi vẫn cứ loay hoay.

Tôi cắt đôi một điếu. Phần đầu ngậm không dễ cắt. Được, tôi là một kẻ kiên trì. Tôi sẽ cắt. Để xem có gì ngăn được tôi không.

Khúc đầu ngậm màu sáng là một thứ giấy bìa mỏng cuộn tròn lại, có những chữ in trên đó. Tôi ngồi thẳng dậy và cầm chúng lên, cố trải phăng chúng trên bàn từng mẩu một, nhưng chúng cứ cuộn tròn lại. Tôi lấy điếu thứ hai và ghé mắt nhìn vào đầu ngậm. Rồi tôi lấy lưỡi dao nhíp làm cách khác.

Tôi cấu điếu thuốc ngay sát chỗ đầu ngậm. Giấy mỏng, người ta có thể cảm thấy có một cái gì bên dưới. Thế là tôi cẩn thận cắt cái đầu ngậm ra và còn cẩn thận hơn nữa, cắt qua đầu ngậm một vệt dài nhưng chỉ vừa đủ. Nó mở tung ra và có một tấm thiếp cuộn tròn bên trong.

Tôi trải nó ra một cách thích thú. Tấm thiếp mỏng đã ngả màu ngà, in trên đó là những chữ kiểu cách rắc rối. Góc bên trái là một số điện thoại ở Stillwood Heights. Thấp hơn, bên góc phải, là ghi chú: "Được Chỉ Định Duy Nhất". Ở giữa lớn hơn một chút là: "Jules Amthor". Bên dưới, nhỏ hơn một chút: "Chuyên Gia Tâm Linh". Tôi cầm điếu thứ ba. Lần này khó khăn hơn rất nhiều, tôi tháo tấm thiếp ra không phải cắt nhát nào. Nó cũng thế. Tôi để lại như cũ.

Tôi nhìn đồng hồ, gõ cái tẩu vào gạt tàn rồi lại nhìn đồng hồ xem mấy giờ. Tôi cuộn cả hai điếu thuốc lá và tấm thiếp bị cắt vào gói giấy như cũ cùng với điếu thuốc chưa cắt trong một mảnh giấy khác và cất cả hai gói trong ngăn kéo bàn.

Tôi ngồi nhìn tấm thiếp. *Jules Amthor, Chuyên Gia Tâm Linh, Được Chi Định Duy Nhất, số điện thoại Stillwood Heights,* không có địa chỉ.

Ba cái như thế cuộn lại bên trong ba điếu cần sa, trong một túi thuốc lá bằng lụa Trung Hoa hay Nhật Bản, với hàng hoa văn kiểu mai rùa, một sản phẩm thương mại giá 35 đến 45 xu trong một cửa hàng phương Đông, Long Sinh Đường hay Linh Tinh Đường nào đó, nơi mà một gã da vàng phong độ tao nhã sẽ huýt sáo với anh, cười thân ái khi anh nói lảm nhảm về Mặt Trăng Khuyết Arập có mùi như những cô gái nơi hậu cung của Frisco Sadie.

Và tất cả là ở trong túi một gã đàn ông đã toi mạng, ông ta còn những điếu khác và cả một hộp tráng men sang trọng đựng những điếu thuốc dùng thường ngày.

Tôi phải quên điều đó đi. Chẳng nghĩa lý gì cả. Có lẽ cũng chẳng ăn nhập gì đến ông ta, ông ta đã nhặt được nó trong hành lang khách sạn cũng nên. Quên đi chuyện ông ta mang nó trong người. Jules Amthor - Chuyên Gia Tâm Linh.

Chuông điện thoại reo và tôi trả lời lơ đãng. Giọng nói có cái vẻ quan cách lạnh lùng của một gã cảnh sát cứ tưởng là mình hay lắm. Đó là Randall. Ông ta không gắt gỏng. Ông ta thuộc loại máu lạnh.

- Hóa ra anh không biết cô gái đêm qua là ai à? Cái cô đã nhặt được anh trên đại lộ và anh đã đi bộ tới đó. Nói dối ngon lành đấy, Marlowe.

- Có lẽ ông có con gái và ông không hề muốn mấy thằng phóng viên quay phim vác máy ảnh với flash nhảy bổ vào mặt cô ta chứ?

- Anh nói dối tôi.

- Đó là một điều thú vị.

Ông ta im lặng một lát như để quyết định điều gì.

- Chúng tôi sẽ cho qua chuyện đó, - ông ta nói. - Tôi đã gặp cô ta. Cô ta tới kể cho tôi nghe câu chuyện của anh. Cô ta là con gái của một người mà tôi quen biết và kính trọng, thế đấy.

- Cô ta nói với ông - tôi nói - và ông nói với cô ta.

- Tôi nói với cô ta một ít, - ông ta nói lạnh lùng. - Vì một lý do. Tôi kêu điện thoại cho anh cũng vì cái lý do đó. Cuộc điều tra này sẽ có một cái vỏ bọc. Chúng tôi có cơ hội khám phá ra bọn cướp nữ trang này và sẽ xúc tiến.

- Ồ, đó là một bọn giết người. Hay lắm.

- Việc này nữa, đó là cần sa trong cái túi thuốc lá ngộ nghĩnh. - Cái túi có thêu rồng ấy. Anh chắc chắn không thấy ông ta hút một điếu thuốc nào trong đó chứ?

- Hoàn toàn chắc chắn. Trước mặt tôi, ông ta chỉ hút loại khác, nhưng không phải lúc nào tôi cũng ở bên ông ta.

- Được, thế thôi. Hãy nhớ điều gì tôi nói với anh đêm qua. Đừng có cố tham gia vào vụ này. Chúng tôi chỉ muốn một điều là sự im lặng của anh. Mặt khác...

Ông ta ngừng lời. Tôi ngáp vào ống nói.

- Tôi nghe thấy cái đó - Ông ta càu nhàu - Có lẽ anh nghĩ là tôi không có đủ thẩm quyền. Chỉ cần một cử chỉ lầm lẫn của anh, anh

sẽ bị giam lại như một chứng cớ sống.

- Ông nói là báo chí sẽ không moi móc sự vụ?

- Họ sẽ đưa vụ giết người nhưng không biết cái gì đằng sau cả.

- Cũng không moi móc ông, - tôi nói.

- Tôi khuyến cáo anh lần thứ hai, - ông ta nói. - Lần thứ ba là hỏng hẳn đấy.

- Ông đang tiến hành các cuộc nói chuyện - tôi nói - cho một thằng cha có những tấm thiếp.

Tôi kẹp điện thoại giữa cổ và vai để nói chuyện. Được, quỷ bắt ông ta đi, để cho ông ta làm việc ấy.

Tôi bách bộ quanh văn phòng cho nóng người, làm một tợp rượu, lại nhìn đồng hồ mà không hiểu là đã mấy giờ và ngồi xuống cạnh bàn một lần nữa.

Jules Amthor. Chuyên Gia Tâm Linh. Được Chỉ Định Duy Nhất. Cho hắn đủ thì giờ và tiền bạc trả hậu, hắn sẽ điều trị một cái gì đó để biến một đức ông chồng ngọc bích thành một bệnh dịch châu chấu. Hắn sẽ mai phục chờ một vụ yêu đương thất bại, những người đàn bà phòng không bóng chiếc và rất sợ cảnh đó, những thằng nhóc cầu bơ cầu bất, những cô gái không nhà, sông lây lất qua ngày. Liệu những cái này có làm thương tổn tôi và những người quanh tôi, hay sẽ làm tôi hoang mang dao động?

Những kẻ trốn chạy vào hắn, những gã đàn ông sức dài vai rộng, gầm thét như sư tử trong văn phòng của mình mà thực ra chỉ là mớ cơm nếp nát. Nhưng phần lớn là những người đàn bà, những người đàn bà to béo đờ đẫn và những người đàn bà còm nhom héo quắt, những người đàn bà mơ ngủ và những người đàn bà son trẻ đinh ninh là mình mang mặc cảm Electra - những người đàn bà đủ cỡ đủ kiểu đủ lứa tuổi nhưng có một điểm chung - tiền bạc. Không có những ngày Thứ Sáu ở bệnh viện quận vì Ngài Jules Author. Tiền mặt vung vãi mọi ngả cho hắn. Những ả điếm đàng phong lưu bị thúc nợ sẽ trả góp cho hắn.

Một tay nghệ sĩ giả mạo, một gã đánh võ mồm và một thằng nhãi

nhép, kẻ có những tấm danh thiếp cuộn tròn trong điếu thuốc cần sa tìm thấy trong một xác chết.

Tôi với tay lấy điện thoại và quay số 06 hỏi số điện thoại Stillwood Heights.

15

Một giọng phụ nữ lơ lớ, khàn khàn và khô khan trả lời:

- A lô?

- Tôi có thể nói chuyện với ông Amthor.

- Ồ, không. Tôi rất lấy làm tiếc. Ông Amthor không bao giờ nói chuyện qua điện thoại. Tôi là thư ký của ông ấy. Tôi có thể được biết ông cần gì không?

- Địa chỉ nơi đó thế nào? Tôi muốn gặp ông ấy?

- Ồ, ông cần đến ngài chuyên gia tâm linh Amthor? Ông ấy sẽ rất lấy làm hân hạnh. Nhưng ông ấy rất bận. Khi nào ông muốn gặp ông ấy?

- Lúc nào đó trong ngày hôm nay.

- À, - giọng nói có vẻ áy náy - không được rồi. Có lẽ tuần tới. Tôi sẽ vào sổ.

- Ghi đi, tôi nói, bà có bút đấy không?

- Bút thì chắc chắn có. Tôi...

- Lấy bút ra. Tên tôi là Philip Marlowe. Địa chỉ: 615 Cahuenga Building, Hollywood. Nó ở trên đại lộ Hollywood gần Ivar. Số điện thoại của tôi là 7537 Glenview. - Tôi đánh vần từng chữ vất vả và chờ đợi.

- Vâng, ông Marlowe. Tôi ghi rồi.

- Tôi muốn gặp ông Amthor về chuyện một người tên là Mariott. - Tôi cũng đánh vần cái tên đó - Việc khẩn. Vấn đề sống chết. Tôi muốn gặp ông ấy sớm. Thật sớm. Bà nghe rõ không?

- Ông nói lạ lùng quá, - người đàn bà ngoại quốc nói.

- Không. - tôi cầm lại điện thoại ngay ngắn và lắc lắc nó - Tôi lại cảm thấy bình thường. Tôi hay nói như thế. Đây là một công việc thú vị mà ông Amthor sẽ muốn gặp tôi tức khắc. Tôi là một thám tử

tư. Nhưng tôi không muốn tới cảnh sát trước khi gặp ông ấy.

- À. - Giọng nói nguội ngắt như một bữa ăn tối ngoài quán hàng rong. - Ông là người của cảnh sát phải không?

- Nghe này, - tôi nói - tôi không phải là người của cảnh sát. Tôi là một thám tử tư. Việc riêng tư thôi. Nhưng cực kỳ khẩn cấp, đúng từng chữ. Bà có gọi điện lại cho tôi không? Bà đã ghi số điện thoại chưa?

- Xem nào. Tôi ghi rồi. Cái ông Mariott ấy, ông ta ốm à?

- Ông ta không cựa quậy nữa, - tôi nói. - Vậy là bà biết ông ta?

- Không đâu. Ông nói là một vấn đề sống chết. Ông Amthor điều trị cho nhiều người.

- Lần này thì ông ấy thất bại rồi, - tôi nói - tôi sẽ chờ điện thoại.

Tôi gác máy và lôi chai rượu. Tôi cảm thấy như vừa chui qua một cái cối xay thịt. Mười phút trôi đi. Điện thoại réo. Vẫn giọng đó nói:

- Ông Amthor sẽ gặp ông lúc sáu giờ.

- Tốt. Ở đâu?

- Ông ấy sẽ đưa tới một chiếc xe.

- Tôi có xe của tôi. Chỉ cần mang cho tôi...

- Ông ấy sẽ đưa tới một chiếc xe. - Giọng nói lạnh lùng, và tôi nghe tiếng điện thoại treo lách cách.

Tôi nhìn đồng hồ trên tay một lần nữa. Đã quá giờ ăn trưa. Dạ dày tôi cháy đùng đùng từ ly rượu mới rồi, nhưng tôi không thấy đói. Tôi châm một điếu thuốc lá. Nó có vị giống như chiếc khăn tay của một gã thợ hàn chì. Tôi gật gù với ngài Rembrandt trên tường, rồi lấy mũ và ra ngoài. Được nửa đường tới thang máy, một ý nghĩ đập vào đầu tôi. Nó đập tôi không phải như một ý nghĩ mà như một viên gạch rơi đánh bốp một cái. Tôi phải dừng lại, tựa lưng vào bức tường đá hoa cương, xoay tròn cái mũ trên đầu và đột nhiên cười phá lên.

Một cô gái đi qua tôi trên đường từ thang máy tới chỗ làm việc của cô ta, quay lại và nhìn tôi, cái nhìn làm người ta ớn xương sống. Tôi vẫy tay với cô và quay trở lại văn phòng, chộp lấy điện thoại. Tôi

gọi đến một người, tôi biết người đó làm việc ở Phòng Địa bạ của Công ty giao dịch bất động sản.

- Ông có thể tìm cho tôi hồ sơ một bất động sản theo địa chỉ được không?

- Nhất định được. Chúng tôi có chỉ dẫn tra cứu. Cái gì vậy?

- Khu 1644 - Tây - 54. Tôi muốn biết đôi điều về điều kiện đăng ký sở hữu.

- Tốt nhất là tôi sẽ gọi lại cho ông. Số điện thoại của ông bao nhiêu?

Ông ta gọi cho tôi sau khoảng ba phút.

- Lấy bút của ông ra, - ông ta nói. - Đó là Lô 8 - Cụm số 2 - Khu phụ Caraday thuộc vùng 4 Maplewood, sở hữu chủ là Jessie Florian, góa phụ.

- À, còn gì nữa?

- Thuế nửa sau, hai phiếu ghi nợ sửa chữa 10 năm, 1 phiếu ghi nợ định mức, phòng bão 10 năm, không kể hư hại, thu lần đầu chuyển nhượng cũng là 2600 đôla.

- Ông nói một trong những bất động sản mà ở đó người ta có thể bán trên mục rao vặt sau mười phút đồng hồ à?

- Không hẳn nhanh như thế, nhưng vô số việc mua bán còn nhanh hơn lập văn tự cầm cố. Cái này không có gì bất thường ngoại trừ sổ kết toán. Giá hơi cao so với khu đó, trừ phi nó là một ngôi nhà mới.

- Nó là một ngôi nhà cổ lỗ và sửa chữa rất là tồi tệ, -tôi nói. - Còn lâu người ta mới mua theo cung cách ấy.

- Vậy là bất thường đây, vì nó mới được cấp vốn lại khoảng bốn năm nay.

- Được ai cấp? Công ty đầu tư à?

- Không. Một cá nhân. Ông ta tên Lindsay Mariott, một người độc thân. Được chưa?

Tôi quên không biết mình còn nói những gì với ông ta hay nói lời cảm ơn ra sao. Chúng chỉ vang lên như những từ ngữ rời rạc không

hồn. Tôi ngồi đó, nhìn đăm đăm lên tường.

Bụng tôi bỗng dưng lại thấy ổn. Tôi cảm thấy đói ngấu. Tôi đi xuống quầy cà phê của Mansion House ăn bữa trưa và lấy xe hơi ra khỏi bãi đậu xe bên cạnh tòa nhà.

Tôi lái xe về hướng đông nam, tới khu Tây - 54. Lần này tôi không mang theo chai rượu nào.

16

Khu cư xá trông vẫn y hệt như hôm trước. Phố xá vắng tanh ngoại trừ một chiếc xe chở nước đá, hai chiếc Ford trong đường dành riêng cho xe động cơ và một cuộn bụi xoáy tròn trong một góc. Tôi lái chầm chậm qua biển số “No. 1644” đậu lại chỗ xa hơn và xem xét ngôi nhà.

Tôi đi bộ trở lại và dừng ở trước cửa, ngắm nhìn cây cọ kỳ dị và mảng cỏ khô cằn xám xịt. Ngôi nhà hình như trống rỗng, nhưng chắc là không thế. Chỉ có vẻ như thế thôi. Chiếc dù gỗ đơn độc trước hàng hiên vẫn ở chỗ hôm trước. Có mảnh giấy lộn vứt ở lối đi, tôi nhặt lên, đập đập vào chân và rồi tôi thấy tấm rèm nơi cửa sổ trước cửa căn nhà kế cận dịch chuyển.

Lại già Nosey. Tôi ngáp dài và vò nhàu cái mũ. Một cái mũi nhọn hoắt dán vào kính cửa. Một mớ tóc bạc và một đôi mắt, tôi nhìn thấy đúng là một đôi mắt láo liên. Tôi thả bộ dọc theo vỉa hè và đôi mắt theo dõi tôi. Tôi quay lại và đi thẳng tới trước ngôi nhà của bà ta. Tôi trèo lên mấy bậc thềm gỗ và rung chuông.

Cánh cửa bật mở lách cách như lắp lò xo. Bà ta là một con chim già cao lớn có cái cằm của một con thỏ. Cái nhìn của đôi mắt khép sắc lẻm như ánh sáng trên một mặt nước yên tĩnh. Tôi bỏ mũ.

- Bà là người đã gọi điện thoại cho cảnh sát về bà Florian.

Bà ta đăm đăm nhìn tôi, lạnh lẽo và không nhớ ra điều gì về tôi, chắc chắn là không, ngay cả một chi tiết nhỏ nào đấy.

- Tôi không nói gì cả. Ông là ai? - Đó là một giọng mũi cao lanh lảnh, làm cho câu chuyện như chạy trên những đường dây điện thoại.

- Tôi là người điều tra.

- Trời đất, sao ông không nói vậy? Bây giờ bà ta làm gì nhỉ? Tôi không thấy có động tĩnh gì và tôi nhớ đâu khoảng một phút, Henry

tới cửa hàng giùm tôi. Không thấy một tiếng động nào từ trong đó cả.

Bà ta tháo móc màn cửa lách cách và kéo tôi vào trong. Căn phòng tràn ngập mùi dầu sơn trên đồ đạc. Có vô số đồ đạc từng là thời trang. Những bình phong khảm trai đặt trong một góc. Chúng tôi vào gian trước, nơi la liệt những tấm vải bọc đồ đạc riềm đăng ten găm trên bất cứ thứ gì có thể găm được.

- Ông nói xem, sao trước đây tôi không thấy ông nhỉ? -Bà ta hỏi đột ngột, một âm sắc nghi ngờ bao phủ giọng nói - Nhất định tôi không có bỏ sót. Ông hình như là người...

- Đúng đấy. Và tôi vẫn là người điều tra. Henry là ai vậy?

- Ồ, đấy là thằng bé da đen giúp việc cho tôi. Được, ông muốn gì nào, ông bạn trẻ? - Bà ta khoác chiếc tạp dề màu đỏ và trắng, sạch sẽ, đôi mắt như hai hạt nhãn nhìn tôi chăm chú.

- Các nhà chức trách đã tới đây hôm qua, sau khi họ vào nhà bà Florian, phải không?

- Nhà chức trách nào?

- Những người mặc đồng phục ấy, - tôi nói một cách bình thản.

- Có, họ ở đây khoảng một phút. Họ không biết gì cả.

- Bà hãy tả cái người đàn ông to lớn cho tôi, cái người có một khẩu súng mà bà đã kêu điện thoại ấy.

Bà ta tả gã với toàn bộ chi tiết. Đó là Malloy.

- Gã lái chiếc xe kiểu gì?

- Một chiếc xe hơi loại nhỏ. Gã phải khom người chui vào xe.

- Bà chỉ nói được có vậy thôi? Gã đàn ông này là một tên sát nhân!

Miệng bà ta há ra, nhưng đôi mắt lại ánh lên vẻ hài lòng.

- Trời đất, tôi muốn nói thật nhiều cho ông, ông bạn trẻ ạ. Nhưng khổ nỗi là tôi không biết gì về các loại xe cộ. Sát nhân hả? Người ta chả có phút nào gọi là an toàn trong cái thành phố này. Khi tôi tới sống ở đây hai chục năm trước, đâu có cần phải cửa đóng then cài. Bây giờ thì trộm cướp với cảnh sát vũ trang cứ nhan nhản ra, mà ông

cảnh sát nào cũng lăm lăm súng máy, ấy là tôi nghe nói thế. Bê bối vẫn hoàn bê bối thôi, ông bạn trẻ ạ!

- Phải, bà biết gì về bà Florian không?

Cái miệng nhỏ lắp bắp:

- Bà ta chẳng cần xóm giềng quái gì hết. Mở radio oang oang tới tận khuya. Nhạc nhiếc. Chẳng hề chuyện trò với bất kỳ ai. - Bà ta nghiêng người về phía trước một chút. - Tôi không khẳng định đâu, nhưng theo tôi thì bà ta có uống rượu đấy.

- Bà ta hay có khách khứa không?

- Chả thấy khách khứa bao giờ hết.

- Dĩ nhiên là bà biết, bà...

- Morrison. Tôi làm được cái gì ngoài chuyện ngó ra cửa sổ?

- Bà Florian sống ở đây bao lâu rồi?

- Khoảng 10 năm, tôi ước chừng như vậy. Trước kia cũng có chồng. Chắc ông sẽ cho là một kẻ xấu xa. Ông ta chết rồi. - Bà ta ngừng lại và ngẫm nghĩ. - Tôi chắc ông ta chết tự nhiên. Tôi không bao giờ nghe thấy điều gì khác. - Bà ta thêm vào.

- Bà ta có tiền không?

Cặp mắt của bà ta như sụp xuống, cái cằm cũng sụp theo. Bà ta hít vào vất vả.

- Ông vừa uống rượu, - bà ta nói lạnh nhạt.

- Tôi chưa hề đụng đến rượu.

- Đó là thứ xấu xa, trừ lúc bệnh này tật nọ.

- Ngay cả lúc bệnh tật, tôi cũng không dùng.

- Tôi nghĩ là bà nói phải, - tôi nói. - ông chồng chết đi có để lại tiền cho bà ta không?

- Tôi không rõ. - Miệng bà chúm lại như một quả mận chín gần nẫu. Tôi quay mặt đi.

- Còn ai tới nữa không, sau các nhà chức trách?

- Tôi không thấy.

- Cảm ơn bà rất nhiều, bà Morrison. Bây giờ tôi không muốn làm

phiền bà thêm nữa. Bà là người thật có lòng.

Tôi bước ra mở cửa phòng. Bà ta theo sau tôi và hắng giọng, thỉnh thoảng lại đập hàm răng lách cách.

- Tôi sẽ kêu điện thoại tới đâu? - Bà hỏi, giọng mềm đi.

- University 4 -5000. Hỏi trung úy Nulty. Bà ta có được trợ cấp không nhĩ?

- Ở đây không có những láng giềng sống bằng cứu tế, -bà ta nói lạnh nhạt.

- Tôi đánh cuộc rằng cái tác phẩm kia từng là kỳ quan ở Sioux Falls, - tôi nói, mắt nhìn chằm chằm vào một cái tủ lệch chạm trổ kê trong gian sảnh vì phòng ăn không kê vừa. Chiếc tủ có những góc đầu đao cong vút, chân chạm trổ cầu kỳ, khảm trai tứ bề, cánh tủ chạm mâm ngũ quả.

- Thành phố Mason, - bà ta nói nhẹ nhàng. - Phải, chúng tôi từng có một ngôi nhà tuyệt vời, tôi và George. Đẹp chưa từng thấy.

Tôi mở cánh cửa treo rèm, bước qua và lại cảm ơn bà ta. Bây giờ bà ta mỉm cười. Nụ cười của bà ta cũng sắc lẻm như ánh mắt.

- Nhận một lá thư bảo đảm vào những ngày đầu tháng,- bà ta nói bất ngờ.

Tôi quay lại và chờ đợi. Bà ta nghiêng người về phía tôi:

- Tôi thấy người đưa thư đến cửa và đưa cho bà ta ký. Ngày mùng một mỗi tháng. Bà ta mặc quần áo đẹp rồi ra ngoài. Mãi rất lâu mới về nhà. Nhạc nhiếc tới nửa đêm. Những lần tôi gọi cho cảnh sát là như thế.

Tôi vỗ vỗ cánh tay gầy gò và đố kỵ.

- Bà là người hiếm có, bà Morrison, - tôi nói.

Tôi nhấc mũ, chào bà, và ra ngoài. Nửa đường xuống vỉa hè, tôi chợt nghĩ ra điều gì đó và quay lại. Bà ta vẫn đứng bên trong tấm rèm, cánh cửa vẫn mở. Tôi bước lên thềm.

- Ngày mai đầu tháng, - tôi nói. - Mùng một tháng Tư. Bà để ý xem bà ta có nhận thư bảo đảm không nhé? Bà sẽ làm chứ, bà Morrison?

Cặp mắt sắc liếc nhìn tôi. Bà ta bật cười, tiếng cười khanh khách như xé ra của một bà già.

- Mùng một ngày mai là ngày lễ, - bà ta cười khúc khích

- Có lẽ bà ta chẳng nhận gì đâu.

Tôi tránh tiếng cười của bà. Âm thanh ấy vang lên như những tiếng nấc cụt.

17

Không thấy ai trả lời khi tôi nhấn chuông rồi gõ cửa ở nhà bên cạnh. Tôi thử lại lần nữa. Tấm màn cửa không động đậy. Tôi thử đẩy cửa. Hóa ra nó không khóa. Tôi bước vào.

Không có gì thay đổi, ngay cả mùi rượu mạnh, vẫn không có ai trên sàn. Một tấm gương mờ bụi đặt trên chiếc bàn nhỏ cạnh ghế hôm trước bà Florian đã ngồi. Chiếc máy thu thanh đã tắt.

Tôi đi qua phòng tới cái ghế xôpha và ngồi xuống nệm. Nhìn qua gương, tôi thấy mình như một người lính trên bãi chiến trường hoang vu.

Tôi gọi to. Không có ai trả lời. Rồi tôi tưởng như mình nghe thấy tiếng thở chậm chạp nửa như rên rỉ. Đầy cảnh giác, tôi đi qua cổng vòm và lách người vào hành lang nhỏ. Cánh cửa phòng ngủ hé mở và tiếng rên rỉ thoát ra từ sau cánh cửa ấy. Tôi thò đầu nhìn vào.

Bà Florian ở trên giường. Bà ta nằm ngửa sóng sượt, chăn bông kéo tới cằm, một nùi bông nhỏ của chiếc khăn che cả miệng.

Gương mặt bà chảy ra vàng ệch, đờ đẫn, nửa như chết. Mớ tóc bẩn thỉu xõa trên gối. Đôi mắt lờ đờ nhìn tôi không thần sắc. Căn phòng ngập ngụa mùi buồn nôn của giấc ngủ, của rượu và quần áo bẩn. Chiếc đồng hồ báo thức 69 xu chạy tích tích trên mặt bàn màu trắng xám. Nó kêu tích tích lớn đến nỗi tưởng rung rinh cả bức tường. Phía trên chiếc đồng hồ là tấm gương phản chiếu méo mó gương mặt của người đàn bà. Chiếc hòm hôm trước bà lấy tấm ảnh ra vẫn mở.

Tôi nói:

- Chào bà Florian. Bà ốm à?

Bà ta mấp máy đôi môi chậm chạp, lắp bắp, thè lưỡi ra nhấp môi, hàm khẽ động đậy. Giọng nói thoát ra khỏi miệng bà ta nghe như âm thanh một chiếc đĩa hát đã mòn nát. Mắt bà có vẻ đã nhận ra tôi,

nhưng không hài lòng.

- Ông tìm ông ấy?

- Moose?

- Đúng thế.

- Không đâu. Hơi sớm, tôi hy vọng như vậy.

Bà ta nheo nheo mắt rồi chớp mi, cố mở lớn.

- Bà phải khóa cửa trước, - tôi nói. - Ông ta có thể quay lại đấy.

- Ông tưởng tôi sợ Moose hả?

- Bà làm ra vẻ thế khi tôi nói chuyện với bà hôm qua. Bà ta ngẫm nghĩ. Suy nghĩ là một công việc mệt mỏi.

- Ông có mang rượu không?

- Không, hôm nay tôi không mang, bà Florian ạ. Tôi chỉ có một ít tiền lẻ thôi.

- Rượu gin rẻ lắm. Nó kích thích.

- Tôi có thể ra ngoài một lát, kiếm chút ít. Bà không sợ Malloy à?

- Sao tôi phải sợ?

- Hay lắm, bà không sợ. Bà đang sợ cái gì vậy?

Ánh sáng tràn vào đôi mắt bà, đọng ở đó một thoáng rồi nhạt hẳn.

- Thôi đi. Lũ cảnh sát các ông chỉ làm tôi đau đít.

Tôi lặng thinh, tựa vào khung cửa, lấy một điếu thuốc lá ngậm vào miệng, cố bập bập điếu thuốc cho nó đập vào chóp mũi mình. Không phải dễ.

- Lũ cảnh sát - bà ta nói chậm chạp như nói với chính mình - sẽ không bao giờ tìm thấy thằng cha ấy. Thằng cha tử tế, lắm tiền, lại có bạn có bè. Này ông cảnh sát, ông chỉ phí thì giờ vô ích.

- Chỉ là thủ tục thôi, - tôi nói. - Dù sao đi nữa, cũng chỉ là một hành động tự vệ. Ông ta ở đâu rồi?

Bà ta cười méo xẹo và chùi miệng vào mép chăn bông.

- Bây giờ thì trượt vỏ chuối rồi, - bà ta nói - Trơn tuồn tuột. Bọn cảnh sát quái quỷ các ông cứ tưởng là vớ được cái gì đấy hả?

- Tôi ưa Moose, - tôi nói.

Mắt bà ta ánh lên vẻ quan tâm.

- Ông biết ông ấy à?

- Tôi gặp ông ấy hôm qua, lúc ông ấy giết chết một người da đen ở khu Trung tâm.

Bà ta há miệng cười phá lên, ngật cả đầu, nhưng âm thanh thoát ra chỉ như người ta bẻ một nắm đũa. Nước mắt trào ra và chảy trên mặt bà.

- Một gã hộ pháp - tôi nói - vậy mà dịu dàng ra phết. Ông ta đi tìm Velma của ông ta đến khổ sở.

Đôi mắt bà khép lại.

- Tôi tưởng là người nhà của cô ta đi kiếm cô ta, - bà ta nói nhẹ nhàng.

- Họ đi kiếm đây. Nhưng cô ta chết rồi, bà bảo vậy mà. Đúng thế. Cô ta chết ở đâu?

- Dallas, Texas. Cảm lạnh, sưng phổi, thế là cô ta chết.

- Bà ở đó à?

- Không, tôi nghe nói.

- Ồ, ai nói với bà, bà Florian?

- Mấy cô gái nhảy. Nhưng tôi quên mất tên họ rồi. Có lẽ phải mấy xị nữa mới nhớ ra nổi chăng. Tôi cảm thấy mình đang ở âm ty địa ngục.

Trông bà ta quả là giống một con lừa chết toi, tôi nghĩ bụng, không dám nói thành lời.

- Một vấn đề nữa thôi - tôi nói - rồi tôi sẽ chạy ra ngoài kiếm xị rượu. Tôi có thấy hồ sơ ngôi nhà của bà, cũng không biết tại sao.

Bà ta cứng đơ trong đống chăn nệm như một pho tượng gỗ. Ngay cả mí mắt bà cũng lạnh cứng, sụp xuống một nửa cái tròng mắt nhợt nhạt. Hơi thở của bà yếu ớt.

- Mức thuế chuyển nhượng khá lớn - tôi nói - so với giá trị thấp của động sản quanh đây. Do một người đứng tên là Lindsay Mariott.

Mắt bà lóe sáng rất nhanh, nhưng vẫn bất động. Bà ta nhìn trân trối.

- Tôi thường làm việc cho ông ấy, - cuối cùng bà ta nói - tôi vốn là người giúp việc trong gia đình ông ấy. Ông ấy có quan tâm đến tôi đôi chút.

Tôi lấy điếu thuốc tắt ngấm ra khỏi miệng, lơ đãng ngó nó rồi lại đưa vào miệng.

- Trưa hôm qua, vài giờ sau khi tôi gặp bà, ông Mariott gọi điện tới văn phòng tôi.

- Về việc gì thế? - Bây giờ giọng bà lại ộp oạp khó nghe. Tôi nhún vai.

- Tôi không thể nói với bà. Chuyện riêng. Đêm qua tôi tới gặp ông ấy.

- Ông là một thằng chó đẻ tinh ranh, - bà ta nói ậm ừ và động đậy một bàn tay dưới chăn.

Tôi nhìn bà ta chăm chú và không nói gì.

- Lũ cảnh sát quái quỷ, - bà ta cười nhếch mép.

Tôi đưa bàn tay lướt trên khung cửa nhớp nhúa. Chỉ sờ vào đó thôi, tôi cũng đã muốn đi tắm.

- Thôi, thế là đủ, - tôi nói êm ái - Tôi cứ tự hỏi thế là thế nào. Có thể là chẳng có gì. Chỉ là một sự trùng hợp ngẫu nhiên. Chỉ có điều là nó có thể có một vài ý nghĩa gì đó.

- Lũ cảnh sát quái quỷ, - bà ta nói thẫn thờ. - Chỉ là một lũ chó săn mạt hạng, không có một đứa nào ra hồn.

- Tôi tưởng là thế, - tôi nói. - Thôi, chào bà, bà Florian. Còn một chuyện nữa, tôi không nghĩ là bà sẽ nhận thư bảo đảm vào sáng mai.

Bà ta gạt tấm chăn sang một bên và đảo cặp mắt sang bên phải. Có cái gì đó thấp thoáng trong bàn tay phải. Một khẩu súng ngắn nhỏ, loại Banker’s Special. Khẩu súng đã cũ mòn nhưng trông có vẻ vẫn bắn được.

- Nói điều đó đi, - bà ta gầm gừ - nói nhanh lên.

Tôi nhìn khẩu súng và nó chĩa vào tôi. Không được vững tay lắm. Bàn tay cầm súng rung rung, nhưng ánh mắt vẫn rực lên. Nước bọt sùi ra ở hai bên mép bà ta.

- Bà với tôi có thể thu xếp được với nhau - tôi nói.

Khẩu súng và hàm dưới của bà ta trễ xuống cùng một lúc. Tôi cách cánh cửa một vài inch. Trong khi khẩu súng buông xuống, tôi lướt qua cửa và ra bên ngoài.

- Cứ nghĩ cho kỹ, - tôi nói với về phía sau.

Không có bất cứ một dạng âm thanh nào đáp lại. Tôi đi nhanh qua hàng lang và phòng ăn rồi ra khỏi ngôi nhà. Lưng tôi cảm thấy cơn ớn lạnh khi tôi bước xuống vỉa hè, các cơ bắp giật giật.

Không có chuyện gì xảy xa. Tôi đi dọc theo phố, vào trong xe và lái ra khỏi khu vực đó.

Ngày cuối cùng của tháng Ba nóng hầm hập như giữa mùa hè. Tôi cảm thấy khó chịu muốn cởi áo khoác ngay trong xe. Trước cửa đồn cảnh sát phố 77, có hai chiếc xe tuần tra đậu ở cạnh hàng rào đã đổ gập xuống một phần. Tôi đi qua cánh cửa bật và tìm thấy một viên trung úy vận sắc phục sau một chấn song cửa đang xem giấy tờ. Tôi hỏi anh ta xem Nulty có trên gác không. Ông ta nói có thể có và hỏi tôi có phải là một người bạn của Nulty không. Tôi nói phải. Ông ta bảo được, cứ lên gác, vậy là tôi leo lên cái thang gác ọp ẹp, đi dọc theo một hành lang và gõ vào cánh cửa. Một giọng gắt lên và tôi vào.

Anh ta đang ngồi xỉa răng trên ghế, gác chân lên một ghế khác. Anh ta đang nhìn ngón tay bên trái của mình, giơ nó ra trước mặt, ở khoảng cách một cánh tay. Ngón tay cái chĩa thẳng về phía tôi. Nulty nhìn nó đăm đăm, buồn rầu như thể anh ta đang nghĩ nó có điều gì không ổn.

Anh ta hạ ngón tay xuống đùi, bỏ chân xuống sàn và nhìn tôi thay vì ngón tay.

Anh ta mặc bộ đồ xám sẫm và mẩu xì gà đốt dở nằm lăn lóc trên bàn chờ anh ta xỉa răng xong.

Tôi xoay lại tấm nệm xộc xệch của một chiếc ghế khác, ngồi

xuống đó và cắm một điếu thuốc lá vào miệng.

- Chào anh, - Nulty nói và nhìn cây tăm, xem đã nhai nát chưa.

- May mắn chứ?

- Chuyện Malloy thế nào? Chúng tôi không tiến triển được gì cả.

- Ai kia?

- Còn gì nữa. Sao vậy nhỉ? Thằng cha vớ vẩn này. Chúng tôi đã đánh điện đi các nơi và đăng báo. Mẹ kiếp, gã rông tuốt sang Mêhicô rồi cũng nên?

- Gã chỉ có xơi một mạng da đen thôi mà, - tôi nói - tôi tưởng đây chỉ là lỗi phạt vi cảnh thôi?

- Anh vẫn quan tâm chuyện đó chứ? Tôi tưởng là anh đang bận? - Cặp mắt nhạt màu của anh ta đảo chầm chậm trên gương mặt vàng úa.

- Đêm qua tôi có một vụ, nhưng không xong. Anh có còn tấm hình cô Pierrot đấy không?

Anh ta với tay nhón dưới tập hồ sơ điều tra và đưa ra cho tôi. Tấm hình trông vẫn đẹp. Tôi chăm chú nhìn gương mặt.

- Cái này thực sự là cần cho tôi, - tôi nói - nếu anh không cần nó cho hồ sơ của anh, tôi muốn giữ nó.

- Lẽ ra nó phải được đặt trong hồ sơ, - Nulty nói. -Tôi quên mất. Được, giữ nó trong đầu anh. Tôi cho qua chuyện đó.

Tôi nhét tấm hình và túi ngực và đứng dậy.

- Được, tôi nghĩ rằng thế là đủ, - tôi nói với một thoáng vui vẻ.

- Tôi đánh hơi thấy chuyện gì đó, - Nulty nói lạnh lùng.

Tôi nhìn một vệt bẩn ở mép bàn anh ta. Anh ta đưa mắt nhìn theo tôi, vứt cái tăm và cắm mẩu xì gà vào miệng.

- Không có gì cả à? - Nulty nói.

- Một linh cảm mơ hồ. Nếu có gì rõ nét hơn, tôi không quên anh.

- Những món khó nhai. Tôi cần một cú ra trò, anh bạn ạ.

- Người nào làm việc quần quật như anh đều xứng đáng có cái đó, - tôi nói.

Anh ta quẹt diêm trên móng tay cái, nhìn với vẻ hài lòng như thể lần đầu tiên tìm ra lửa và chăm chú nuôi những cụm khói thở từ điếu xì gà.

- Tôi đang cười đây, - anh ta nói buồn bã khi tôi đi ra ngoài.

Gian sảnh vắng hoe, cả tòa nhà lặng ngắt như tờ. Xuống dưới cửa, mấy viên cảnh sát vẫn loay hoay ngó nghiêng cái chắn bùn gãy của chiếc xe tuần tra đậu bên rào. Tôi lái xe về Hollywood.

Chuông điện thoại reo vang khi tôi bước vào văn phòng. Tôi cầm máy, tựa người ngồi xuống bàn:

- A lô!

- Tôi đang gọi tới ông Philip Marlowe?

- Vâng, Marlowe đây!

- Đây là nhà bà Grayle. Bà Lewin Lockridge Grayle. Bà Grayle muốn gặp ông ở đây, ngay khi ông thấy tiện.

- Ở đâu?

- Số 862 Aster Drive, Bay City. Tôi có thể nói lại là ông sẽ tới trong khoảng một giờ đồng hồ được không?

- Ông là ông Grayle?

- Chắc chắn không, thưa ngài. Tôi là quản gia.

- Lúc nào ông nghe chuông cửa là tôi tới.

18

Aster Driver, ngay sát biển đến nỗi người ta có thể cảm nhận được đại dương trong không khí nhưng lại không thể nhìn thấy mặt nước từ trước nhà. Aster Driver có một khúc lượn dài êm ả và những ngôi nhà nằm ở khúc đường này quả là đẹp tuyệt vời. Trên phía hẻm núi, những tòa biệt thự lớn yên tĩnh với những dãy tường cao và cánh cổng thép đồ sộ, những tường rào kiểu cách và nếu người ta có thể lọt vào bên trong, cả một thiên đường của ánh nắng lặng lẽ uy nghiêm. Đó là những chốn cô tịch của tầng lớp thượng lưu.

Một người đàn ông vận chiếc áo chẽn kiểu Nga màu xanh sẫm, quần xà cạp đen óng ánh đứng bên cánh cổng hé mở. Đó là một chàng trai da ngăm ngăm, ưa nhìn, vai rộng, mái tóc sáng mượt mà, cái mũ chóp nhọn ngang tàng phủ một bóng râm êm dịu xuống đôi mắt. Anh ta ngậm trễ một điếu thuốc lá nơi khóe mép, hơi nghiêng đầu như thể thích thú làn khói thuốc tỏa ra đằng mũi. Một bàn tay đeo chiếc găng dài mềm mại màu đen, còn tay kia để trần. Một chiếc nhẫn nặng trên ngón thứ ba.

Không thấy có biển số, nhưng tôi đoán đây là nhà số 862. Tôi dừng xe, ngả người ra ngoài, hỏi anh ta. Một lúc lâu anh ta mới trả lời. Anh ta nhìn tôi chăm chú, nhìn kỹ chiếc xe của tôi.

Anh ta đến gần tôi, vừa đi vừa buông cẩu thả cánh tay không đeo găng sau hông. Cái kiểu cẩu thả ấy có ý nghĩa nhắc nhở.

Anh ta dừng trước tôi vài bước và lại nhìn tôi.

- Tôi tìm nhà Grayle, - tôi nói.

- Đây rồi. Nhưng mọi người đi vắng.

- Người ta đợi tôi mà.

Anh ta gật đầu, đôi mắt long lanh như có nước.

- Tên ông là gì?

- Philip Marlowe.

- Ông chờ đây.

Anh ta bước chậm rãi qua cổng và mở một cánh cửa thép chôn vào chiếc cột đồ sộ. Đó là phòng điện thoại. Anh ta nói nhanh vào thang máy, đẩy cánh cửa và trở lại chỗ tôi.

- Ông có giấy tờ chứng nhận gì không?

Tôi đưa cho anh ta xem bằng lái xe.

- Cái đó chả nói lên điều gì, - anh ta nói. - Tôi làm thế nào mà biết được nó là xe của ông?

Tôi rút chìa khóa ra khỏi ổ, đẩy cửa xe và bước ra ngoài. Tôi cách anh ta khoảng một bước. Anh ta thở nhẹ. Cuối cùng là mặt đối mặt.

- Cậu có xỉn không đấy? - Tôi nói.

Anh ta mỉm cười, cặp mắt dán vào tôi. Tôi nói:

- Nghe này, tôi sẽ nói chuyện với ông quản gia qua điện thoại và ông ta sẽ nhận ra giọng tôi. Như thế đủ cho tôi vào hay chưa, hay tôi phải nện lên lưng cậu?

- Tôi chỉ làm việc ở đây. - Anh ta nói nhẹ nhàng - Nếu tôi không... - Anh ta để câu nói lơ lửng trong không khí và vẫn mỉm cười.

- Cậu là một chàng trai khá, - tôi nói và vỗ vai anh ta. - Người ở Dartmouth hay Danemora?

- Lạy Chúa. Sao ông không nói ngay ông là cảnh sát?

Cả hai chúng tôi cùng cười. Anh ta vẫy tay và tôi đi qua cánh cổng hé mở.

Lối đi vòng vèo và bị che khuất bởi những hàng rào cây xanh sẫm cao lớn, dù nhìn từ phía nhà hay từ ngoài đường. Qua cánh cổng xanh lá, tôi thấy một người làm vườn da đen đang xén bãi cỏ rộng. Ông ta gạt cỏ đã xén ra khỏi tấm thảm thênh thang, vừa làm vừa mỉm cười. Rồi hàng rào cao lớn ấy cũng khép kín lại lần nữa và tôi không nhìn thấy gì trong khoảng cách một trăm bước. Bên kia hàng rào là một vòng cung rộng có khoảng nửa tá xe hơi đậu.

Một trong mấy chiếc xe là chiếc Coupe hai chỗ ngồi. Có hai chiếc

Buick tuyệt đẹp kiểu mới nhất, có thể lướt êm ả trên mọi ngả đường, một chiếc Limousine đen mạ kền sáng loáng. Một chiếc xe thể thao hai chỗ ngồi, mui trần. Đường xe chạy bằng bê tông ngắn nhưng rất rộng, từ đó đâm thẳng vào cửa chính tòa nhà.

Ra khỏi bên trái, sau bãi để xe là khu vườn chơi có bốn vòi phun nước ở bốn góc, cổng vào vườn cũng là những cánh thép uốn hoa mỹ, giữa vườn là pho tượng thần Ái tình có cánh. Những cột đèn lồng chạm trổ các tượng quái vật mình sư tử đầu chim và những ghế đá đặt trong các góc. Một bể nước hình chữ nhật với những đài phun nước hình hoa huệ bằng đá, trên lá của mỗi đóa hoa là một con cóc đá. Xa hơn nữa, những dãy cột đá dẫn đến một thứ giếng như bệ thờ, rào kín cả hai phía, không kín hoàn toàn vì ánh nắng vẫn tràn ngập trên các bậc đá của nó. Tận cùng bên trái là khu vườn hoang, một chiếc đồng hồ mặt trời gắn trên một góc tường trông đổ nát như một phế tích. Hoa nở khắp nơi, có tới cả triệu bông.

Tòa nhà nhỏ hơn Cung điện Buckingham, hơi xám so với California, và chắc chắc là ít cửa sổ hơn Chrysles Building.

Tôi đi tới cổng bên, nhấn chuông và đâu đó một tiếng chuông vang lên êm dịu và sâu xa như tiếng chuông nhà thờ.

Một người đàn ông mặc chiếc áo vest kẻ sọc có hàng khuy mạ vàng mở cánh cửa, cúi chào, cất mũ cho tôi. Sau lưng ông ta, trong bóng tối mờ, một người đàn ông nữa mặc chiếc quần là cứng, chiếc áo vest đen và cà vạt màu xám, kẻ sọc, nghiêng mái đầu hoa râm về phía trước nửa inch và nói:

- Ông Marlowe? Xin mời ông qua lối này.

Chúng tôi xuống phòng lớn. Đó là một gian phòng cực kỳ yên tĩnh, không có cả tiếng ruồi bay. Sàn phủ thảm phương Đông, những bức tường treo đầy tranh. Chúng tôi tới một góc và thấy một gian phòng lớn nữa. Một cửa sổ kiểu Pháp hé ra những tia sáng yếu ớt phản chiếu từ một mặt nước màu xanh lơ ngoài xa. Và tôi nhớ lại với một chút choáng váng là chúng tôi đang ở gần sát Thái Bình Dương và ngôi nhà này nằm ngay trên mép một trong những hẻm núi.

Viên quản gia giơ tay mở một cánh cửa cách âm rồi đứng sang một bên và tôi bước vào. Đó là một căn phòng đẹp với những trường kỷ lớn và những ghế bành rộng bọc da vàng nhạt kê xung quanh lò sưởi. Mặt sàn mài bóng láng, trải một tấm thảm mỏng như lụa. Trong góc, một bình hoa bằng đá đen lấp lánh, một bình hoa nữa đặt trên chiếc bàn thấp, trên tường treo những bức tranh cổ nét vẽ đã mờ, nơi này là tiện nghi, là tâm tình, là ấm cúng, nét hiện đại bên nét cổ kính, và ba người ngồi trong sự im lặng bồn chồn chờ tôi đến.

Một người là Anne Riordan, trông vẫn như lần gặp mới rồi, ngoại trừ một ly thủy tinh lóng lánh màu hổ phách trong tay. Người thứ hai là một người đàn ông cao và gầy, khuôn mặt buồn bã với chiếc cằm như tạc bằng đá, cặp mắt sâu thẳm không màu nhưng có một sắc vàng bệnh hoạn phảng phất. Ông ta khoảng sáu mươi tuổi hoặc hơn một chút, mặc bộ đồ sẫm cài một bông cẩm chướng đỏ, vẻ khuất phục.

Người thứ ba có mái tóc màu vàng hoe. Bà ta mặc bộ đồ đi phố màu nước biển ngả xanh lá cây nhạt. Tôi không để ý đến quần áo của bà. Đấy là việc của người đã vẽ kiểu cho bà và bà mặc nó đến với người đàn ông của mình. Bộ đồ làm cho bà trông như một thiếu nữ và cặp mắt màu cẩm thạch thành màu nước biển sẫm. Mái tóc màu vàng hoe, màu của những bức tranh cổ, được uốn xoăn vừa phải. Bà ta có những đường cong đầy đặn không ai có thể sửa được nét nào. Chiếc áo dài giản dị, ngoại trừ một chuỗi kim cương đeo trên cổ. Đôi tay không nhỏ nhắn nhưng thon thả và những móng tay có vô số hạt óng ánh của thuốc nhuộm. Bà ta ban cho tôi một nụ cười trông có thoải mái nhưng nhìn cặp mắt bình thản lại thấy vẻ ưu tư và chăm chú. Đôi môi đầy nhục cảm.

- Hân hạnh được ông tới, - bà nói - đây là chồng tôi. Mời ông Marlowe một ly đi!

Ông Grayle bắt tay tôi. Tay ông lạnh và hơi ẩm, đôi mắt buồn bã. Ông pha một ly Scotch soda và đưa cho tôi.

Rồi ông ngồi xuống một góc, im lặng. Tôi uống nửa ly, mỉm cười

nhìn cô Riordan. Cô nhìn lại tôi với một vẻ xa vắng, như mải nghĩ tận đâu đâu.

- Ông nghĩ rằng ông có thể giúp chúng tôi chuyện gì đó? - Mái tóc vàng hoe hỏi một cách chậm rãi và nhìn ly rượu của mình. - Nếu ông cho là có thể, tôi rất vui mừng. Những mất mát coi như không đáng kể, nếu so sánh một cách không có gì cường điệu, với bọn kẻ cướp và những con người hung bạo.

- Tôi thực sự không biết nhiều về chúng, - tôi nói.

- Ồ, tôi hy vọng là ông có thể biết, - bà ta tặng tôi một nụ cười mà tôi cảm thấy cả ở tận xương hông.

Tôi uống nốt nửa ly còn lại. Tôi bắt đầu cảm thấy mỏi mệt. Bà Grayle rung cái chuông đặt trên tay ghế trường kỷ bọc da và một người hầu bước vào. Bà chỉ bâng quơ vào cái khay. Anh ta nhìn quanh và pha hai ly nữa. Cô Riordan vẫn ra vẻ uống ly của cô còn ông Grayle rõ ràng là không uống. Người hầu bước ra.

Bà Grayle và tôi nâng ly. Bà Grayle duỗi chân ra, khá thoải mái.

- Tôi không rõ tôi có thể giúp gì được cho bà, - tôi nói - tôi hoài nghi lắm, chúng ta tiếp tục làm những gì cho chuyện đó?

- Tôi chắc chắn là ông có thể làm, - bà ta lại tặng tôi một nụ cười nữa. - Lind Mariott tâm sự với ông đến đâu rồi?

Bà nhìn sang cô Riordan. Cô Riordan đúng là không nhận ra ý nghĩa cái nhìn ấy. Cô ngồi im trên ghế và nhìn đi chỗ khác. Bà Grayle nhìn chồng:

- Anh có thấy chán chuyện này không?

Ông Grayle đứng dậy và nói ông rất vui sướng được gặp tôi và ông phải đi ngả lưng một lát. Ông cảm thấy không được khỏe. Ông hy vọng là tôi sẽ tha lỗi cho ông. Ông thật lịch sự, tôi chỉ muốn đưa ông ra khỏi phòng để bày tỏ sự cảm kích của tôi.

Ông ra ngoài, khép cửa nhẹ nhàng như sợ đánh thức ai đó đang ngủ. Bà Grayle nhìn cánh cửa một lát rồi nụ cười trở lại trên gương mặt và bà nhìn tôi.

- Dĩ nhiên cô Riordan là người tin cẩn của ông.

- Không có ai là người hoàn toàn tin cẩn của tôi, bà Grayle ạ. Cô ấy được biết về vụ này chỉ những gì có thể biết được.

- Vâng. - Bà uống một ngụm hoặc hai ngụm cạn ly và đặt sang bên cạnh.

- Quỷ bắt cái thứ đồ uống lịch sự này đi, - bà nói bất ngờ - chúng ta cùng bàn chuyện chính nhé. Ông là người khá sành sỏi trong các câu chuyện rắc rối.

- Đó là một công việc khó chịu, - tôi nói.

- Tôi hoàn toàn không nghĩ như vậy. Tiền nong có khá không hay chuyện đó lạc đề?

- Không được bao nhiêu đâu. Có khá nhiều những nỗi buồn bực. Nhưng cũng vô số chuyện hay. Và lúc nào cũng đủ cơ hội làm những vụ lớn.

- Người ta làm thế nào để thành một thám tử tư? Sao ông không xích lại gần đây một chút? Và không đẩy cái bàn kia lại đây? Như thế tôi có thể lấy được ly tách.

Tôi đứng dậy và đẩy cái khay đặt trên giá qua mặt sàn nhẵn bóng đến cho bà. Bà pha hai ly nữa. Tôi vẫn còn nửa ly thứ hai.

- Phần lớn chúng tôi là những cảnh sát xuất ngũ, - tôi nói. - Đã có thời kỳ tôi làm việc cho Cục Điều tra. Tôi bị sa thải.

Bà nở nụ cười rất duyên:

- Tôi chắc không phải vì kém cỏi.

- Không, chuyện đó để nói sau. Bà có cuộc điện thoại khác nữa thì phải?

- À... - Bà ta nhìn Anne Riordan và chờ đợi cái nhìn đầy ý nghĩa.

Anne Riordan đứng dậy. Cô mang ly của cô vẫn đầy nguyên tới đặt xuống khay.

- Chắc bà có nhiều việc, - cô nói. - Nếu bà bận, tôi hết sức cảm ơn bà đã nói chuyện với tôi, bà Grayle. Tôi không quen như thế và đã nói với bà rồi.

- Trời đất, cô đừng có đi, - bà Grayle nói với nụ cười thường trực.

Anne Riordan cắn môi dưới giữa hai hàm răng một lúc như thể giữ hay nghiền nát ý nghĩ của mình.

- Rất tiếc, tôi sợ rằng sẽ phải đi. Tôi không làm việc cho ông Marlowe, bà biết đây. Chỉ là bạn thôi. Tạm biệt bà Grayle.

Mái tóc vàng hoe liếc nhìn cô.

- Tôi hy vọng cô sẽ ghé thăm tôi sớm. Một lúc nào đó. - Bà lắc chuông hai lần. Đó là tín hiệu gọi người quản gia. Ông ta mở cửa.

Cô Riordan đi nhanh ra và cửa đóng lại.

Bà Grayle nhìn cánh cửa một lúc với nụ cười bất biến sau khi cánh cửa khép chặt.

- Như thế này tốt hơn, ông có nghĩ thế không? - Bà nói sau một khoảng im lặng.

Tôi gật đầu.

- Chắc chắn là bà tự hỏi rằng tại sao cô ta lại biết nhiều thế nếu như cô ta chỉ là bạn tôi, - tôi nói - cô ta là một cô bé tò mò. Có vài điều cô ta tự tìm ra, như tìm ra bà là người có chuỗi hạt ngọc. Một vài điều ngẫu nhiên. Đêm qua. cô ta tới đúng nơi Mariott bị giết. Cô ta lái xe qua rồi ngẫu nhiên thấy một ánh đèn và đi xuống đó.

- Ôi! - Bà Grayle buông nhanh ly và ủ rũ nét mặt - Thật là kinh khủng khi nghĩ tới chuyên ấy, Lind khốn khổ! Ông ấy cũng khá là đê tiện. Phần lớn bạn bè là như vậy cả. Nhưng chết như thế thật là ghê gớm. - Bà rùng mình, cặp mắt mở lớn và sẫm lại.

- Về cô Riordan thì đúng là như vậy. Cô ta không nói ra. Cha cô là sếp cảnh sát ở đây một thời gian dài, - tôi nói.

- Vâng. Cô có bảo tôi thế. Ông không uống đi.

- Tôi đang uống ly mà tôi gọi.

- Ông với tôi, ta tiếp tục. Lind - ông Mariott - kể với ông vụ cướp xảy ra thế nào?

- Ở một nơi nào đó giữa đây và Trocadero, ông ta không nói chính xác. Có ba hoặc bốn người.

Bà gật cái đầu mạ vàng lấp lánh.

- Vâng. Ông ấy biết có cái gì đó khá là đùa cợt về vụ cướp này. Chúng vứt lại cho tôi một cái nhẫn, một cái khá đẹp.

- Ông ta kể với tôi như vậy.

- Tôi thấy buồn phiền vì chuỗi hạt ngọc bích. Dẫu sao, nó là một bảo vật, chắc chắn là không có mấy chuỗi như thế trên thế giới, một loại ngọc bích cực kỳ quý hiếm. Chúng giật nó trên cổ tôi. Tôi cho là chúng không biết giá trị chuỗi hạt ấy lớn đến thế nào, ông có nghĩ thế không?

- Chúng biết không phải lúc nào bà cũng đeo nó. Nhưng ai biết rõ giá trị chuỗi hạt?

Bà ngẫm nghĩ. Theo dõi nét mặt bà ưu tư thật là đẹp. Bà vẫn duỗi cặp chân thoải mái:

- Tôi nghĩ là ai cũng biết.

- Nhưng chúng có biết đêm đó bà đeo chuỗi hạt hay không? Ai biết cái đó?

Bà nhún đôi vai. Tôi cố giữ mắt mình nhìn nguyên một chỗ.

- Người hầu gái của tôi. Nhưng cô ta có cả trăm cơ hội. Và tôi tin cậy cô ta.

- Tại sao?

- Tôi không biết. Tôi chỉ tin cậy vài người. Tôi tin cậy ông chẳng hạn.

- Bà tin cậy Mariott?

Gương mặt bà chợt thoáng đăm chiêu. Đôi mắt bà nhíu lại:

- Có vài điều không. Những cái khác thì có. Có mức độ - Bà ta có một lối nói chuyện khá hay, nửa lạnh lùng nửa gian ngoan và không tàn nhẫn. Bà ta vòng vo khôn khéo.

- Được rồi, còn bên cạnh cô hầu gái? Người lái xe chẳng hạn?

Bà lắc đầu

- Lind lái xe cho tôi đêm đó, chính xe của ông ấy. Tôi không nghĩ George có liên quan. Thứ Năm phải không nhỉ?

- Tôi không biết điều đó, Mariott nói là bốn hoặc năm ngày trước

khi ông ta kể cho tôi nghe. Thứ Năm nghĩa là cả một tuần lễ từ đêm hôm qua.

- Đúng, hôm ấy là Thứ Năm.

Bà với tay lấy ly của tôi, những ngón tay của bà chạm vào những ngón tay tôi một chút, sự đụng chạm nhẹ nhàng.

- George nghỉ tối Thứ Năm: Thứ Năm là ngày bình thường, ông biết đấy. - Bà rót một ly Scotch chín mọng cho tôi và làm bắn ra mấy giọt rượu kêu xèo xèo. Nó là loại rượu người ta nghĩ có thể uống vô tận, uống thả giàn khỏi lo lắng gì hết. Bà cũng rót cho mình một ly như thế.

- Lind có nói tên tôi với ông không? - Bà hỏi khẽ, đôi mắt vẫn ưu tư.

- Ông ấy cẩn thận không nói.

- Chắc ông ta cũng nói dối ông một chút về thời gian. Để xem chúng ta có những gì rồi. Cô hầu gái và người lái xe loại ra. Ngoài khả năng họ là tòng phạm, tôi định nói thế.

- Tôi không loại họ ra ngoài.

- Được, ít nhất tôi cũng cố gắng - bà ta cười lớn. - Rồi có Newton, viên quản gia. Ông ta có thể thấy tôi đeo chuỗi hạt đêm đó. Nhưng tôi đeo hơi thấp, lại mặc cái áo choàng lông buổi tối màu trắng nữa : không, ông ta không thể thấy nó được.

- Tôi đánh cuộc là bà đã thấy một giấc mơ - tôi nói.

- Ông không bị căng thẳng quá đấy chứ?

- Tôi đã được biết để tỉnh rượu hơn.

Ba ta ngả đầu ra đằng sau, cười rũ. Tôi chỉ biết bốn người đàn bà trong đời tôi làm như thế mà trông vẫn cứ đẹp. Bà ta là một.

- Newton thì được - tôi nói - loại người ấy không cặp với lũ lưu manh. Mặc dù đấy chỉ là cảm tưởng. Người hầu lúc nãy thì thế nào?

Bà ta ngẫm nghĩ, nhớ lại và lắc đầu.

- Anh ta không thấy tôi.

- Ai yêu cầu bà đeo chuỗi hạt ?

Đôi mắt bà đột nhiên có vẻ cảnh giác hơn.

- Ông đừng gạt tôi đến chỗ kết tội - bà nói.

Bà đưa tay ra với lấy ly của tôi để rót rượu. Tôi để mặc bà rót, mặc dù trong ly vẫn còn tới một inch. Tôi ngắm những nét thật dễ thương trên cổ bà.

Khi bà đã rót đầy cả hai ly và chúng tôi lại cầm lên, tôi nói:

- Chúng ta xem lại mọi chi tiết rồi tôi sẽ nói với bà vài điều. Bà hãy tả lại tối hôm đó.

Bà xem đồng hồ ở cổ tay, kéo tay áo lên một chút:

- Tôi phải...

- Để ông ta chờ.

Mắt bà lóe lên. Tôi thích cái ánh chớp ấy.

- Cái đó có chút gì bộc lộ quá chăng? - Bà nói.

- Không phải việc tôi. Bà tả lại buổi tối. Hoặc là để tôi vứt tất cả mọi chuyện ra ngoài tai. Hoặc thế này hoặc thế kia. Làm cho cái đầu óc dễ thương của bà hoạt động lên một chút.

- Ông nên ngồi xuống đây, bên cạnh tôi.

- Tôi nghĩ rằng sẽ phải làm thế lâu đấy, - tôi nói. - Kể từ khi bà duỗi chân, nói một cách chính xác.

Bà kéo áo dài xuống.

- Những kiểu kết tội như thế lúc nào cũng lởn vởn xung quanh ông.

Tôi ngồi xuống cạnh bà trên chiếc trường kỷ bọc da màu vàng.

- Ông đâu phải là một kẻ vội vàng hấp tấp? - Bà hỏi khẽ.

Tôi không trả lời.

- Ông có hay thế này không? - Bà hỏi với một cái liếc mắt.

- Thực tiễn thì không. Tôi là một thầy tu Tây Tạng trong lúc rỗi rãi.

- Ông chỉ không có lúc nào rỗi thôi.

- Chúng ta cùng xem xét, - tôi nói - xem vấn đề gì đã thỏa thuận

xong, hoặc đối với tôi là xong. Bà định trả tôi bao nhiêu?

- Ồ, vấn đề là thế. Tôi nghĩ ông định lấy lại cho tôi chuỗi hạt. Hoặc cố lấy lại.

- Tôi phải làm theo cách của tôi. Cách này này. - Tôi lấy ly rượu trước mặt và ngửa cổ làm một hơi, ly rượu gần như dính vào miệng tôi. Tôi nuốt một ít không khí.

- Và điều tra kẻ giết người, - tôi nói tiếp.

- Cái đó có gì mà làm? Tôi định nói đó là một vụ thuộc quyền cảnh sát, phải không?

- À, chỉ có gã khốn khổ trả tôi một trăm đô để trông nom săn sóc gã và tôi làm không xong. Nó làm tôi cảm thấy có tội, làm tôi muốn khóc. Tôi khóc được chứ?

- Uống nữa đi, - bà rót ra hai ly Scotch nữa. Rượu chẳng ảnh hưởng gì đến bà, cứ như nước đổ đầu vịt.

- Được, chúng ta tới đâu rồi? - Tôi nói, cố gắng giữ ly whisky trong tay như thể chất lỏng ấy sẽ còn mãi trong ly.

Không có cô hầu, không có người lái xe, không có viên quản gia, không có gã phục vụ. Tiếp theo là chúng ta sẽ tự giặt ủi lấy đồ của mình. Vụ trấn lột xảy ra thế nào? Câu chuyện của bà có thể cung cấp những chi tiết Mariott không cung cấp cho tôi.

Bà ngả người về phía trước và chống cằm lên lòng bàn tay, nghiêm trang nhưng không có cái vẻ đờ đẫn.

- Chúng tôi tới dự tiệc ở Brentwood Heights. Rồi Lind đề nghị tôi với Trocadero làm vài ly và nghe vài bản nhạc. Vậy là chúng tôi tới. Người ta đang sửa chữa gì đó ở phố Hoàng Hôn và chỗ đó rất bụi bặm. Rồi quay trở lại, Lind ghé xuống Santa Monica. Chúng tôi qua một khách sạn tồi tàn là Hotel Indio, nơi mà tôi ngẫu nhiên ghi nhớ vì một vài lý do vớ vẩn. Xế bên kia đường là một quán bia và một chiếc xe hơi đậu trước cửa quán.

- Chỉ có một chiếc xe đậu trước cửa quán?

- Vâng. Chỉ có một. Chỗ đó rất dơ dáy bẩn thỉu. Chiếc xe nổ máy đi theo chúng tôi, dĩ nhiên tôi nghĩ là chẳng có vấn đề gì. Không có

lý do để nghi ngờ. Trước đó, chúng tôi định đến chỗ Santa Monica, rẽ vào Đại lộ Arguello, Lind nói: "Mình đi con đường khác" và vòng lên một vài phố có nhà ở. Rồi hoàn toàn bất ngờ, chiếc xe vượt chúng tôi, quệt vào thanh chắn và dừng lại. Một người mặc chiếc áo khoác, quàng khăn, mũ sụp xuống mặt, quay lại để xin lỗi. Chiếc khăn quàng cổ màu trắng thu hút mắt tôi. Thực sự đó là tất cả những gì tôi nhìn thấy ở hắn, ngoại trừ hắn cao và gầy. Ngay khi hắn tới sát và tôi nhớ lại sau cùng là hắn không hề bước vào trong ánh đèn pha đầu xe...

- Cái đó là tất nhiên. Không ai thích nhìn vào đèn pha. Một ly nữa nào. Lần này để tôi rót.

Bà ngả người về phía trước, hàng lông mày đẹp như vẽ, không có nét chì, nhíu vào nhau như suy nghĩ căng thẳng. Tôi rót hai ly. Bà tiếp tục:

- Ngay khi hắn tới sát phía Lind ngồi, hắn giật chiếc khăn che lên mũi, và một khẩu súng sáng loáng chĩa vào chúng tôi: “Giơ tay lên, - hắn quát. - Câm mồm và ngồi đâu yên đó”. Rồi một tên khác đến ở phía bên kia.

- Ở Beverly Hills - tôi nói - đó là chỗ tốt nhất để kiểm soát bốn dặm vuông trong California.

Bà nhún vai.

- Nó xảy ra đúng như thế. Chúng đòi tôi nữ trang và túi xách. Người đàn ông quàng khăn nói, còn tên ở phía bên tôi im như thóc. Tôi đưa qua phía Lind và người ấy ném trả lại tôi túi xách và một cái nhẫn. Hắn nói là đừng vội kêu cảnh sát hay hãng bảo hiểm. Chúng sẽ cho chúng tôi một vụ giao dịch mềm mỏng tử tế. Hắn nói là chúng tìm ra cách làm dễ dàng hơn là làm việc theo một tỉ lệ phần trăm thẳng thừng.

Hắn thủng thẳng như là có tất cả thì giờ trên thế gian. Hắn nói là chúng có thể làm việc qua hãng bảo hiểm nêu chúng phải làm, nhưng như thế có nghĩa là một kẻ láu cá sẽ chen ngang vào, và hắn đề nghị không làm thế. Hắn nói như một người có một chút giáo

dục.

- Có thể là Eddie-Trấn-Lột lừng danh ở Chicago đấy, -tôi nói. - Chỉ có điều là hắn bật bãi khỏi Chicago thôi.

Bà nhún vai. Chúng tôi cạn ly. Bà tiếp tục:

- Rồi chúng đi và chúng tôi về nhà, tôi bảo Lind đừng có nói gì với ai hết. Hôm sau, tôi có điện thoại gọi. Chúng tôi có hai máy điện thoại, một cái có đăng ký danh bạ và một trong phòng ngủ, không đăng ký. Cú gọi là ở máy này. Dĩ nhiên là nó không đăng ký.

Tôi gật đầu:

- Người ta có thể mua một số điện thoại chỉ vài đôla. Lúc này cũng vậy. Ở một vài bộ phim, tôi thấy người ta thay đổi số điện thoại xoành xoạch hàng tháng.

Chúng tôi cạn ly:

- Tôi bảo người đó gọi điện để thảo luận với Lind, ông ấy sẽ đại diện cho tôi và nêu các điều kiện không đến nỗi quá vô lý, chúng tôi có thể thương lượng. Hắn nói được, và từ đó tôi thiết tưởng chúng dư thời gian theo dõi chúng tôi. Cuối cùng, như ông đã biết, chúng tôi thỏa thuận mức chuộc tám ngàn đôla.

- Bà có thể nhận ra được kẻ nào trong bọn chúng không?

- Tất nhiên không.

- Randall biết tất cả những điều này rồi?

- Tất nhiên. Chúng ta có nên nói về chuyện đó nữa hay thôi? Nó làm tôi chán ngắt.

- Ông ta có bình luận gì không?

- Chắc là có. Tôi quên rồi, - bà ngáp.

Tôi ngồi lặng yên, cầm chiếc ly rỗng suy nghĩ. Bà lấy ly ra khỏi tay tôi và rót đầy ly.

Tôi lấy lại cái ly đầy, chuyển nó sang tay trái, cầm bàn tay trái của bà bằng bàn tay phải của tôi. Bàn tay bà mềm mại, nhẹ nhàng, ấm áp và an ủi. Nó xiết chặt tay tôi, những cơ tay mạnh mẽ. Bà là người đàn bà có bản lĩnh và không màu mè.

- Tôi nghĩ là ông có một ý tưởng, - bà nói. - Nhưng ông không nói ra.

- Ai mà chẳng có ý tưởng về bất cứ cái gì.

Bà chậm rãi quay đầu lại nhìn tôi. Rồi bà gật đầu:

- Ông có thể quên chuyện đó được không?

- Bà gặp ông ấy lâu chưa?

- Nhiều năm rồi. Ông ấy thường làm phát thanh viên ở đài phát thanh K.F.D.K của chồng tôi. Ở đó, tôi đã gặp ông ấy, cũng là nơi tôi gặp chồng tôi.

- Tôi biết điều đó. Mariott sống như là ông ấy có nhiều tiền. Không giàu có lắm, nhưng dư dả.

- Ông ấy tham dự vào một số công việc của đài phát thanh.

- Bà có biết một vài công chuyện kiếm tiền của ông ấy hay không, hay nghe nói đến không?

Bà nhún vai và xiết chặt tay tôi.

- Hoặc là công chuyện đó không mang lại được bao nhiêu và ông ấy có thể hoàn tất chóng vánh, - tôi xiết lại tay bà

- Ông ấy có vay mượn bà không?

- Ông có hơi cổ lỗ quá không đấy? - Bà nhìn xuống bàn tay tôi đang nắm lấy.

- Tôi vẫn đang làm việc. Và rượu Scotch của bà đang giữ tôi nửa tỉnh nửa say. Không phải là tôi đã uống...

- Vâng, - bà rút tay khỏi tay tôi và chà xát lòng bàn tay.

- Ông cần phải có một cái tổ ấm đúng nghĩa cho những thời gian rỗi rãi. Lind Mariott là một gã tống tiền cao cấp, dĩ nhiên rồi. Cái đó rõ ràng. Ông ấy sống bằng đàn bà.

- Ông ta có chuyện gì với bà không?

- Tôi sẽ kể cho ông nghe nhé?

- Chắc điều đó không phải là khôn ngoan.

Bà cười lớn.

- Tôi sẽ kể, dù sao đi nữa. Tôi bị kẹt một chút ở căn nhà trước kia

của ông ấy và rồi cũng qua được. Ít khi tôi bị như thế. Ông ấy có một số bức ảnh chụp tôi, quần áo kín đến cổ.

- Đồ chó đểu, - tôi nói. - Bà có bức nào ở đây không?

Bà ta phẩy tay và nói khẽ:

-Tên ông là gì?

- Phil. Còn bà?

- Helen. Hôn tôi đi.

Bà ngã nhẹ nhàng vào lòng tôi và tôi cúi xuống trên khuôn mặt bà, ngấu nghiến. Bà chớp chớp hàng mi và táp những cái hôn kiểu bươm bướm đập cánh trên má tôi. Khi tôi tìm đôi môi bà, chúng hé mở và cháy bỏng, lưỡi tôi như một con rắn lách vào giữa những chiếc răng.

Cửa mở ra và ông Grayle bước nhanh vào phòng. Tôi đang ôm lấy bà và không chuồn đâu cho thoát. Tôi ngước mắt lên nhìn ông ta. Tôi cảm thấy lạnh toát người như những bước chân quỷ nhập tràng của Finnegan(*), vào ngày người ta khâm liệm anh ta.

(*) Chi tiết trong tiểu thuyết “Finnegan’s Wake” của văn hào James Joyee.

Mái tóc vàng hoe trong vòng tay tôi không nhúc nhích, ngay cả khi đôi môi hé mở đã khép. Trên gương mặt bà có vẻ nửa mơ màng nửa giễu cợt.

Ông Grayle hắng giọng khẽ khàng và nói:

- Tôi đợi lời xin lỗi của ông, nhất định thế.

Rồi ông đi nhanh ra khỏi phòng. Phảng phất một nỗi buồn vô tận trong đôi mắt ông.

Tôi đẩy bà ra, đứng dậy và lấy khăn tay lau mặt.

Bà nằm nghiêng xuống khi tôi đẩy ra, người duỗi dài dọc theo trường kỷ, làn da phô ra một đường cong khêu gợi phía trên chiếc tất dài.

- Ai thế? - Bà ta hỏi, giọng trầm xuống.

- Ông Grayle.

- Quên ông ấy đi.

Tôi rời xa bà, ngồi xuống chiếc ghế tôi đã ngồi lúc mới vào phòng.

Một lúc sau, bà duỗi thẳng người, ngồi dậy và nhìn tôi điềm tĩnh.

- Phải như vậy. Ông ấy hiểu. Ông ấy còn chờ cái quỷ gì nữa?

- Tôi tưởng ông ấy biết.

- Tôi bảo với ông là phải vậy thôi. Thế không đủ sao? Ông ấy là một người đàn ông yếu ớt. Cái quỷ gì...

- Đừng léo nhéo với tôi. Tôi không ưa những người đàn bà léo nhéo.

Bà mở túi xách bên cạnh người, lấy ra chiếc khăn tay và lau đôi môi, rồi soi mặt trong tấm gương nhỏ.

- Tôi nghĩ là ông đúng, - bà nói. - Chỉ tại nhiều rượu Scotch quá. Đêm nay ở Câu lạc bộ Belvedere. Mười giờ.

Bà không nhìn tôi, hơi thở dồn dập.

- Đây là một địa điểm tốt chứ?

- Laird Brunette sở hữu nó. Tôi biết ông ta rất rành.

- Được, - tôi nói. Tôi vẫn ớn lạnh. Tôi cảm thấy nhơ nhuốc, như thể đã móc túi một người khốn khổ.

Bà lấy thỏi son môi và nhẹ nhàng tô lên môi rồi liếc nhìn tôi. Bà quẳng tấm gương con. Tôi nhặt lên soi mặt mình. Tôi lấy khăn tay lau tấm gương và trả lại bà.

Bà tựa người ra đằng sau, phô toàn bộ cái cổ, nhìn xuống tôi bằng đôi mắt màu cẩm thạch.

- Vấn đề gì nữa?

- Không gì cả. Mười giờ ở Câu lạc bộ Belvedere. Đừng lộng lẫy quá. Tôi chỉ có một bộ đồ mặc tối. Ở quầy rượu nhé?

Bà gật đầu, đôi mắt vẫn xanh ngắt.

Tôi đi qua căn phòng và ra ngoài, không ngoái lại. Người hầu gặp tôi trong gian phòng lớn và lấy mũ cho tôi, trông anh ta như Khuôn Mặt Đá Vĩ Đại trong tác phẩm của Nathaniel Hawthorne.

19

Tôi đi bộ xuống con đường xe chạy vòng vèo và đi vào bóng râm của hàng rào xén tỉa rồi tới cổng. Một người khác giữ vị trí gác, một gã cao lớn trong bộ đồ giản dị, một vệ sĩ thứ thiệt. Gã để tôi qua với một cái gật đầu.

Có tiếng còi xe. Chiếc Coupe của cô Riordan tới ngay sau xe tôi. Tôi đi tới đó nhìn vào trong xe cô. Cô nhìn lại tôi, lạnh lùng và giễu cợt.

Cô ngồi đó, tay đặt trên vôlăng, đeo găng và thon thả. Cô mỉm cười.

- Tôi đợi. Tôi nghĩ không phải việc của tôi. Ông nghĩ thế nào về bà ta?

- Tôi cá là bà ta đã bật một cái nịt chân có ý nghĩa.

- Lúc nào ông cũng có giọng như thế được, - cô đỏ mặt cay đắng. - Đôi khi tôi thù ghét những người đàn ông. Đàn ông già, đàn ông trẻ, cầu thủ bóng đá, ca sĩ ôpêra, triệu phú quái quỷ, những người đàn ông đẹp mà đi làm đĩ đực nhảy đến chai gót chân và những người đàn ông làm thám tử tư.

Tôi nhếch mép cưới buồn bã:

- Tôi biết tôi có lối nói chuyện châm chọc. Không phải lúc nào cũng thế. Cô bảo ai là đĩ đực?

- Ai kia?

- Đừng có chậm hiểu, Mariott chứ còn ai.

- Ồ, đó là một ý tưởng chắc như đinh đóng cột. Rất tiếc. Tôi không định nói tục. Tôi tưởng ông có thể bật nịt chân bà ta lúc nào ông muốn, đâu cần phải giằng co. Nhưng chỉ có một điều chắc chắn, ông là kẻ tới muộn màng.

Quãng phố rộng lượn vòng ngủ chập chờn trong ánh nắng. Một

chiếc xe tải bịt mui êm ả lướt tới, dừng lại trước ngôi nhà bên kia phố, rồi lùi lại một chút và đi vào con đường xe chạy vòng vèo tới cửa bên. Bên mạn xe là dòng chữ “Phục Vụ Trẻ Em Bay City”.

Anne Riordan nghiêng người về phía tôi, đôi mắt màu lơ xám buồn bã như phủ một đám mây. Môi trên nhợt nhạt của cô hơi bĩu ra hờn dỗi rồi lại cắn giữa hai hàm răng. Hơi thở của cô xa vời và mảnh khảnh.

- Chắc ông chỉ muốn tôi nghĩ ngợi về công việc của chính tôi thôi chứ gì? Và không nghĩ ra một điều gì mới mẻ đối với ông? Tôi tưởng là tôi có giúp ông chút ít đấy chứ?

- Tôi không cần một sự giúp đỡ nào cả. Cảnh sát không muốn tôi tham gia một việc gì. Tôi không thể làm gì cho bà Grayle. Bà ta có một chuyện bịa về cái quán bia nơi chiếc xe nổ máy đi theo họ, nhưng cái đó chung quy lại có nghĩa gì? Đó là một quán nhậu mạt hạng ở Santa Monica. Nhưng đây lại là dân thượng lưu. Có vài đứa trong bọn có thể biết ngay là ngọc bích Phong Châu khi nhìn thấy nó.

- Nếu như ông ta không mách nước.

- Cũng có chuyện đó, - tôi nói và rút một điếu thuốc lá ra khỏi bao. - Chẳng có cái gì cho tôi trong chuyện này.

- Không có, ngay cả về tâm lý?

Tôi nhìn đăm đăm, trống rỗng.

- Tâm lý?

- Trời ơi, - cô kêu khe khẽ - tôi tưởng ông là một thám tử.

- Có một phần bưng bít trong chuyện này, - tôi nói. - Tôi thử nhìn lại quá trình. Nhà Grayle này làm vô số điều bùng nhùng cho tôi. Trong cái thành phố nháo nhác, nơi người ta mua bán cả luật pháp, cảnh sát đang hành động một cách khôi hài, nhìn mà xem: Không lập hồ sơ, không thông cáo báo chí, không có cơ hội nào cho kẻ xa lạ thơ ngây có thể bước vào với những đầu mối mỏng manh rồi sẽ thành cực kỳ quan trọng. Không có gì hết ngoài sự im lặng và khuyến cáo tôi ra khỏi câu chuyện. Tôi không ưa được bất cứ điều gì.

- Ông hầu như đã chùi hết son môi mất rồi, - cô nói -tôi muốn lưu

ý đến phương diện tâm lý kia. Thôi, tạm biệt. Dù sao đi nữa, rất hân hạnh được biết ông.

Cô nhấn nút khởi động, gạt cần số và đi khỏi trong đám lốc bụi mù mịt.

Tôi nhìn theo cô đi xa dần. Khi cô đi khuất, tôi quay lại nhìn bên kia phố. Người đàn ông từ chiếc xe tải mui kín có dòng chữ “Phục Vụ Trẻ Em Bay City” bước ra từ cửa bên của tòa nhà. Gã mặc đồng phục trắng và cứng đơ, chỉ liếc nhìn cũng thấy sạch bong, mang một hộp bìa đựng mẫu hàng. Gã vào xe tải và lái đi.

Tôi hình dung thấy gã mặc bộ đồ hình thoi.

Tôi vào trong xe và nhìn đồng hồ trước khi nổ máy. Sắp năm giờ.

Rượu Scotch, đúng thứ Scotch hảo hạng, sóng sánh trong tôi suốt con đường trở về Hollywood. Đèn đỏ lập lòe trước mắt tôi và tôi cũng thấy lập lòe đèn đỏ sau xe tôi.

- Đó là một người đàn bà đẹp, - tôi tự nói lớn với mình trong xe, cho một thằng cha quan tâm tới những người đàn bà đẹp. Không thấy ai nói gì. - Nhưng tôi không quan tâm, - tôi nói. Vẫn không thấy ai nói gì hết - Mười giờ ở Câu lạc bộ Belvedere, - tôi nói. Người nào đó nói: - Xì!

Giống y hệt giọng tôi.

Sáu giờ kém mười lăm khi tôi lại leo lên văn phòng của mình. Tòa nhà lặng ngắt. Người gõ máy chữ bên kia tường đã thôi lách cách. Tôi châm tẩu và ngồi chờ.

20

Người da đỏ ngửi ngửi. Tôi thấy anh ta ngửi ngửi rõ ràng qua phòng khách nhỏ, khi tiếng còi báo vang lên và tôi mở cánh cửa giữa xem ai. Anh ta đứng chính giữa cửa hành lang, trông như được đúc bằng đồng. Đó là một chàng trai to lớn có bộ ngực vạm vỡ, trông như kẻ lang bạt kỳ hồ.

Anh ta mặc bộ đồ nâu chật căng vai và chiếc quần thì chắc là thắt lại đâu đó ngay dưới nách. Chiếc mũ ít nhất nhỏ hơn hai cỡ số và làm anh ta đổ mồ hôi ròng ròng, giá để người khác đội thì phải hơn. Trông anh ta đội cái mũ chẳng khác gì một ngôi nhà đội cái ống khói. Cái cổ cồn của anh gợi nhớ tới cái cổ đeo ngựa cũng một tỉ lệ tương tự, chỉ khác là cái kia bằng da, màu nâu bẩn thỉu. Chiếc cà vạt lủng lẳng bên ngoài áo khoác cài kín khuy trông như một cái kìm kẹp chặt cái nút cỡ hạt đậu. Vòng quanh cổ, bên trên chiếc cổ cồn bẩn, anh ta lại đeo thêm một dải băng đen, giống như một người đàn bà già che giấu làn da cổ nhăn nheo vì tuổi tác.

Anh ta có khuôn mặt bẹt rộng bản và cái mũi gồ, trông đanh như một cái mỏ diều hâu, đôi mắt một mí, hàm trễ xuống, vai thợ rèn lực lưỡng và đôi chân vòng kiềng như chân đười ươi. Sau đó, tôi phát hiện ra là chúng ngắn ngủn.

Nếu anh ta sạch sẽ hơn một chút và mặc một chiếc áo ngủ dài màu trắng, anh ta sẽ trông giống hệt một vị nguyên lão La Mã cổ đại dữ dằn.

Anh ta có mùi của đất như một người nguyên thủy, không phải thứ rác rưởi bèo bọt của các thành phố hiện đại.

- Hu, - anh ta nói - đến nhanh lên. Đến ngay bây giờ.

Tôi quay vào văn phòng, ngoắc tay cho anh ta theo tôi và anh ta lặng lẽ như một con ruồi bò trên bức tường. Tôi ngồi xuống sau bàn và làm chiếc ghế xoay kêu cót két, chỉ cho ông khách chiếc ghế khác

cạnh bàn. Anh ta ngồi xuống đó. Đôi mắt đen nhỏ của anh ta có vẻ thù địch.

- Đến đâu? - Tôi hỏi.

- Hu. Tôi Planting - Thứ. Tôi Người Da Đỏ Hollywood.

- Có cái ghế đấy, ông Planting.

Anh ta khịt khịt mũi, hai lỗ mũi rộng hoác như hai cái hang chuột.

- Tên tôi là Planting - Thứ, không phải tên là ông Planting.

- Tôi có thể làm gì cho ông?

Anh ta cất giọng từ trong đáy ngực, những tiếng trầm đứt đoạn và âm vang:

- Ông ấy bảo đến nhanh. Bố già da trắng bảo đến nhanh. Ông ấy bảo tôi chở ông đến bằng cái xe ngựa cháy. Ông ấy bảo...

- Ê, bỏ ngay cái thứ tiếng Latinh của nợ ấy đi, - tôi nói - tôi không có cô giáo dạy khiêu vũ kiểu rắn trườn như thế đâu.

- Điên, - anh ta nói.

Hai chúng tôi nhăn răng cười lẫn nhau qua bàn một lúc. Anh ta cười nhiều hơn tôi. Rồi anh xoay cái mũ, mặt nhăn lại ghê tởm, lật ngửa mũ trong tay, thọc một ngón tay vào trong dải băng lót, lật dải băng ra ngoài. Có dòng chữ vàng in trên dải băng bẩn thỉu, chứng tỏ cái mũ không thuộc loại vô danh. Anh ta móc ra một tờ giấy cài trong mũ, ném xuống bàn. Đó là một gói giấy lụa. Anh ta giận dữ chỉ gói giấy bằng một móng tay gặm nham nhở. Mái tóc thẳng của anh ta có một vệt hằn bao quanh, do cái mũ quá chật ấn vào.

Tôi mở gói giấy lụa và thấy một tấm thiếp. Nó chẳng có gì mới mẻ với tôi. Đã có ba tấm y hệt như thế trong những đầu ngậm của ba điếu thuốc lá kiểu Nga. Tôi xoay xoay cái tẩu, ngắm người da đỏ và thử khống chế anh ta bằng cái nhìn đăm đăm.

Anh ta nhìn ngây ngô một mảng tường gạch.

- Được, ông ta muốn gì?

- Ông ấy muốn ông đến nhanh. Đến ngay bây giờ.

- Điên, - tôi nói.

Người da đỏ thích thế. Anh ta ngậm miệng lại chầm chậm, đảo cặp mắt trang trọng rồi cười không thành tiếng.

- Tôi cũng đặt giá cho ông ta một trăm đôla tiền cược -Tôi nói thêm, mở to mắt nhìn anh ta như thể đấy là một đồng kền năm xu.

- Hu?

Lại ngờ vực, lại thọc gậy vào tiếng Anh cơ bản.

- Một trăm đôla - tôi nói - Mặt sắt. Cá. Một tờ trăm đô. Tôi không tiền. Tôi không đến. Hiểu không? - Tôi xòe cả hai bàn tay ra đếm một trăm.

- Hu, ông lớn, - người da đỏ cười.

Anh ta lại moi dưới băng mũ nhờn và ném một gói giấy lụa nữa lên bàn. Tôi cầm lấy và mở ra. Nó đựng một tờ trăm đôla mới.

Người da đỏ lại sụp mũ lên đầu, không buồn lộn cái băng mũ vào chỗ cũ. Trông như anh ta coi thường chuyện đó hơn là khôi hài. Tôi ngồi há mồm nhìn tờ trăm đôla.

- Tâm linh là phải, - cuối cùng tôi nói. - Tôi mà sợ một thằng cha quái quỷ nào.

- Không hết ngày đâu, - người da đỏ lưu ý, vui chuyện hơn.

Tôi mở hộc bàn lấy khẩu Colt 38 tự động kiểu Super Match. Tôi đã không mang nó khi tới thăm bà Lewin Lockridge Grayle. Tôi cởi chiếc áo khoác, buộc bao da khẩu súng vào người, nhét súng vào bao, kéo tháp dây buộc rồi lại mặc áo ra ngoài.

Cái đó chỉ có ý nghĩa với anh chàng da đỏ như thể tôi đang cào cổ mình.

- Tôi chở xe, - anh ta nói. - Xe lớn.

- Tôi không thích những xe lớn, - tôi nói. - Tôi tự đi xe của tôi.

- Ông đến xe tôi, - người da đỏ nói, giọng hăm dọa.

- Tôi đi xe anh, - tôi nói.

Tôi khóa hộc bàn và văn phòng, tắt còi báo và đi ra, rời khỏi cửa phòng khách không khóa như vẫn thế.

Chúng tôi đi dọc hàng lang tới thang máy. Anh chàng da đỏ mỉm

cười. Ngay cả người điều khiển thang máy cũng nhận thấy.

21

Chiếc xe mui kính bảy chỗ ngồi màu nước biển sẫm, loại Packard kiểu mới nhất được đặt riêng. Đó là loại xe mà người ngồi bên trong có thể mặc chiếc áo dài đính ngọc trai, giữa những nệm ghế màu xám may chần. Nó dừng bên cạnh vòi nước cứu hỏa và một gã lái xe ngăm ngăm đen trông có vẻ người ngoại quốc ngồi sau tay lái, gương mặt gã như gỗ đẽo. Người da đỏ đưa tôi vào băng sau. Ngồi đó một mình, tôi có cảm giác tôi như một xác chết thượng lưu, do một gã phu đòn khâm liệm bằng vô số mùi thơm lạ lùng trong xe.

Gã da đỏ ngồi cạnh tài xế và chiếc xe quay đầu ngay giữa khu cư xá; một viên cảnh sát bên kia đường kêu: "Ê!" một cách yếu ớt, như thể anh ta không định kêu, rồi lại cúi xuống buộc dây giày.

Chúng tôi đi về hướng tây, quặt vào phố Hoàng Hôn, lướt nhanh không một tiếng ồn dọc theo phố. Người da đỏ vẫn ngồi bất động cạnh tài xế. Thỉnh thoảng mùi hôi từ người anh ta phả lại đằng sau. Gã lái xe trông như ngủ gà ngủ gật, nhưng khi gã vượt qua những chiếc xe khác, người ta tưởng chúng bị kéo theo sau trong lớp bụi xoáy tròn và ánh sáng màu nước biển lao đi như mũi tên. Có những tay lái như thế, những tay lái không còn nhớ một điều gì ngoài con đường trước mặt.

Chúng tôi lượn quanh một hoặc hai dặm đường sáng chói của khu Strip, vượt qua những nhà hàng cổ kính với những biển hiệu màu xanh nổi tiếng bên trên, vượt qua những cửa sổ treo rèm kín mít như mơ màng nửa thức nửa ngủ, vượt qua những hộp đêm mới khai trương lập lòe ánh điện và những sòng bạc trứ danh điều hành bởi tập đoàn Purple Gang, vượt qua những tòa nhà hiện đại hoa lệ nơi mà các thương gia kếch xù của Hollywood không bao giờ ngớt câu chuyện tiền bạc, vượt qua một quán ăn trưa cho những chiếc xe ghé vào dùng bữa chớp nhoáng, thấp thoáng bóng các cô gái mặc áo

blouse bằng lụa trắng và đi giày cao cổ Hessian như giấu một thứ bùa mê dưới bóng lá và ánh mặt trời rực rỡ.

Vượt qua tất cả những thứ đó, chúng tôi xuống một đường vòng êm ả xuôi vẻ hướng nam với tất cả màu sắc quang phổ và ánh sáng pha lê của một buổi chiều tối không có sương mù, qua những tòa nhà râm mát, leo lên những ngọn đồi để lại quay về hướng bắc, vượt qua Beverly Hills rồi đi vào đại lộ ven đồi xoáy tròn, với bóng tối đột nhiên trở lạnh và những cơn gió thổi dạt từ biển khơi.

Đó là một buổi chiều ấm áp, cái nóng nực đã qua đi. Chúng tôi lao nhanh giữa những toà nhà cao lấp lánh ánh đèn, cách xa đường bởi những thảm cỏ và vườn cây, chìm ngập giữa những sân chơi polo rộng mênh móng xanh rờn và những sân tập san sát, lại vút lên đỉnh đồi, qua những vườn cam của các phú gia vì đây không phải là xứ sở của cam; từng cửa sổ sáng đèn của các dinh cơ triệu phú lùi lại phía sau, con đường hẹp dần và đây là Stillwood Heights.

Mùi hương cây dại dậy lên từ một hẻm núi, gợi cho tôi ý tưởng xa xôi về một người chết và một bầu trời không sao. Những ngôi nhà đắp vữa lẻ tẻ bị dàn phẳng ra một bên sườn đồi trông như tấm phù điêu khổng lồ. Rồi không còn ngôi nhà nào nữa, chỉ còn ven đồi sẫm tối và êm ả với vài ngôi sao sớm treo lơ lửng trên nền trời. Dãy băng bêtông của con đường nghiêng về một bên, đâm vào mớ lộn xộn của những cây sồi, nơi đôi khi người ta nghe được tiếng kêu của chim cút nếu như người ta dừng lại, lặng lẽ chờ. Bên kia con đường là vạt đất sét thô kệch và những bông hoa dại cứng quèo, kêu lạt xạt trong gió mặn.

Rồi con đường lượn hình chữ chi, bánh xe nghiến trên đá vụn và chiếc xe lướt lặng lẽ theo lối bêtông giữa những bụi cây phong lữ dại màu đỏ thẫm. Lên đỉnh đồi, giữa bóng mờ nhạt, cô đơn như một ngôi nhà của ánh sáng là một kiến trúc góc cạnh bằng vữa stucco và gạch thủy tinh, thô nháp và hiện đại, như chiếc tổ chim đại bàng khổng lồ, chính là địa điểm lý tưởng cho Ngài Chuyên Gia Tâm Linh treo biển hiệu. Không ai nghe được một tiếng thét nào quanh đây.

Chiếc xe vòng bên cạnh tòa nhà và ánh đèn lướt trên một cánh cửa màu đen nằm sâu trong bức tường nặng nề. Người da đỏ trèo ra khỏi xe, lẩm bẩm và mở cửa cho tôi. Gã lái xe châm một điếu thuốc bằng chiếc hộp quẹt điện và mùi ngai ngái của thuốc lá thoảng về phía sau trong bóng tối. Tôi bước ra.

Chúng tôi qua cánh cửa đen. Nó tự mở ra, chầm chậm, đầy đe dọa. Bên kia cánh cửa, một hành lang hẹp dẫn vào ngôi nhà. Ánh sáng mờ ảo thoát ra từ những bức tường xây bằng gạch thủy tinh trong suốt.

Người da đỏ gầm gừ:

- Hu, ông vào đi, ông lớn.

- Tôi vào sau, ông Planting.

Anh ta cau có và đi vào. Cánh cửa đóng lại sau lưng chúng tôi lặng lẽ và kỳ ảo y như khi nó mở ra. Ở cuối hành lang hẹp, chúng tôi vào một thang máy nhỏ. Người da đỏ đóng cửa rồi ấn nút. Chúng tôi lên cao nhẹ nhàng, không một tiếng động. Người da đỏ lại ngửi ngửi như lúc trước anh ta đã làm ở cửa văn phòng của tôi.

Thang máy dừng lại, cửa mở ra. Có ánh đèn và tôi bước vào một căn phòng kiểu tháp canh xây nhô ra khỏi tòa nhà, nơi người ta cảm thấy trong yên tĩnh là những hoài niệm lãng đãng. Cửa sổ ở khắp xung quanh. Tít ngoài xa, biển cả đang sôi réo. Bóng tối phủ chầm chậm trên các ngọn đồi. Có những bức tường ghép không có cửa sổ, sàn trải những tấm thảm màu nhẹ nhõm gợi nhớ nước Ba Tư cổ xưa. Một bàn tiếp khách chạm trổ cầu kỳ, trông như được lấy cắp từ một ngôi nhà thờ Trung thế kỷ. Sau bàn, một người đàn bà ngồi đó mỉm cười với tôi, nụ cười khô héo như có thể tan thành bụi nếu ta chạm vào.

Bà ta có mái tóc cuộn bóng mượt và gương mặt châu Á mỏng và ảm đạm, nước da ngăm ngăm. Những hạt đá nặng sẫm màu lóng lánh trên đôi vai và trên những ngón tay, loại ngọc lam và ngọc hồng, và những ngón tay thì khô xác, già nua, không hợp với những chiếc nhẫn.

Bà ta nói, giọng thân mật:

- À, ông Marlowe, tốt quá, ông đã tới. Ông Amthor sẽ rất vui lòng.

Tôi đặt tờ trăm đôla người da đỏ đưa tôi, xuống mặt bàn. Tôi quay lại nhìn phía sau. Người da đỏ đã quay trở xuống bằng thang máy lúc nào rồi.

- Rất tiếc, đó là một ý tốt nhưng tôi không thể cầm cái này.

- Ông Amthor muốn để ông sử dụng, sao lại không? - Bà ta lại cười, đôi môi mỏng quẹt như giấy lụa.

- Tôi phải tìm ra cái gì là đầu tiên ở vụ ấy.

Bà ta gật đầu và đứng lên chậm rãi sau bàn, bảnh chọe trước mặt tôi trong chiếc áo dài chật bó sát lấy người như lớp da của loài thủy nữ và phô bày vẻ đẹp chuồn chuồn kim của hình thể từ eo lưng đổ xuống.

- Tôi sẽ hướng dẫn ông, - bà ta nói.

Bà ta ấn cái nút trên bức tường ghép và một cánh cửa mở ra êm ru. Ánh sáng rực chói màu sữa bên kia cánh cửa. Tôi quay lại nhìn nụ cười của bà ta trước khi bước qua. Bây giờ nó còn già hơn nụ cười trên các tượng đá Ai Cập. Cánh cửa trượt lại đóng êm ru sau lưng tôi.

Không có ai trong phòng.

Một căn phòng hình bát giác, trải nhung đen suốt từ sàn lên tới trần, vòm trần cao vút cũng bằng nhung đen. Ở giữa tấm thảm đen dưới sàn, một chiếc bàn bát giác trắng chỉ vừa đủ bốn khuỷu tay của hai người ngồi, có một hình cầu màu kem đặt trên giá màu đen rọi ra một vùng sáng mờ. Mỗi phía bàn kê một ghế đẩu bát giác, là những bản sao nhỏ hơn của chiếc bàn. Ở mỗi bức tường lại kê một ghế như vậy sát tấm nhung. Không có cửa sổ. Không còn bất cứ thứ gì trong phòng. Không có ngay cả một ngọn đèn trên các bức tường. Nếu còn cửa nào nữa, tôi cũng không thấy đâu cả. Tôi quay lại nhìn cánh cửa tôi vừa bước vào. Ngay cả cánh cửa ấy cũng không thấy nốt.

Tôi đứng đó có lẽ tới mười lăm giây trong cảm thức mờ mịt rằng mình bị theo dõi. Chắc chắn có một khe nhìn đâu đó nhưng tôi

không phát hiện ra. Tôi bình tĩnh lại và lắng nghe. Căn phòng yên lặng đến mức có thể nghe được hơi thở của chính tôi.

Rồi một cánh cửa vô hình mở ra nhẹ nhàng ở một bức tường, một người đàn ông vào phòng và cánh cửa lại khép sau lưng ông ta. Ông ta bước thẳng tới chiếc bàn và ngồi xuống ghế, làm một cử động nhẹ nhàng bằng bàn tay đẹp nhất tôi được thấy.

- Xin mời ngồi trước mặt tôi. Đừng hút thuốc và đừng bồn chồn. Cố gắng thư giãn toàn thân. Bây giờ tôi được hân hạnh hầu tiếp ông thế nào đây?

Tôi ngồi xuống, ngậm một điếu thuốc lá và nhay nhay giữa cặp môi nhưng không châm lửa. Tôi nhìn ông ta. Ông ta cao và gầy, thẳng như một cây thép, mái tóc bạch kim nhạt màu trông như một làn sương mỏng. Nước da ông ta tươi mát, mịn màng như những cánh hoa hồng. Không thể đoán tuổi của ông trong khoảng cách từ 35 tới 65, đó là một con người không tuổi.

Mái tóc chải lật về phía sau, trông nghiêng phảng phất gương mặt ngôi sao màn bạc Hollywood thập kỷ 40 John Barrymore. Đôi lông mày của ông đen nhánh như màu của tường, của sàn và trần nhà, đôi mắt thăm thẳm. Đó là đôi mắt không đáy, mơ hồ của kẻ mộng du, như những cái giếng mà tôi đã đọc trong cuốn sách nào đó. Đôi mắt già tới chín trăm tuổi trong một lâu đài cổ xưa, người ta có thể để rơi một hòn đá xuống cái giếng đó và chờ đợi. Người ta có thể lắng nghe, kiên nhẫn và không chờ được nữa, người ta cười và quay đi, rồi đúng lúc người ta bỏ cuộc, một tiếng nước vỗ êm đềm sâu xa, vọng lên từ đáy giếng, bé xíu như thế, xa vời như thế nhưng người ta tin tưởng chắc chắn là những cái giếng ấy có thể tồn tại trong hiện thực.

Đôi mắt ông ta giống như những cái giếng cổ. Đôi mắt không biểu hiện xúc cảm, không âm vang, đôi mắt có thể nhìn loài mãnh thú xé xác một con người mà không hề rung động, có thể nhìn một con người bị đâm suốt và kêu thét lên dưới ánh mặt trời nóng bỏng mà chính đôi mắt ấy hạ sát.

Ông ta mặc chiếc áo blouse đen do một bàn tay nghệ sĩ cắt. Ông ta nhìn đăm đăm mơ hồ vào những ngón tay của mình.

- Xin đừng bồn chồn, - ông nói. - Nó vỡ ra những làn sóng, quấy rầy sự tập trung của tôi.

- Nó làm băng tan, bơ chảy và những chiếc xe hơi kêu quang quác - tôi nói.

Ông ta mỉm cười, nụ cười thanh nhã nhất trần gian.

- Ông không tới đây để xấc xược, tôi chắc vậy.

- Hình như ông quên tại sao tôi tới đây. Tiện thể, tôi trả lại tờ trăm đôla cho người thư ký của ông. Tôi đến, như ông có thể nhắc lại, về việc mấy điếu thuốc lá. Mấy điếu thuốc chứa đầy cần sa, có những tấm thiếp của ông cuộn lại trong đầu ngậm rỗng.

- Ông muốn khám phá tại sao như thế?

- Phải. Tôi trả lại ông một trăm đôla.

- Cái đó không cần thiết. Câu trả lời thật đơn giản. Có những thứ tôi làm mà không biết. Đây là một trường hợp.

Trong chốc lát, tôi hầu như tin ông ta. Gương mặt ông ta êm dịu như mặt thiên thần.

- Tại sao ông gửi đến tôi một trăm đôla và một gã da đỏ hôi hám cùng chiếc xe? Tiện thể xin hỏi, sao gã da đỏ ấy lại bốc mùi tệ hại đến thế? Nếu anh ta làm việc của ông, ông không thể cho anh ta một cái nhà tắm được hay sao?

- Anh ta là một đồng cốt tự nhiên. Đó là loại người hiếm có, như kim cương vậy, và cũng giống như kim cương, tìm ra được trong những chỗ bẩn thỉu. Tôi hiểu ông là một thám tử tư?

- Phải.

- Tôi nghĩ ông là một người rất ngu xuẩn. Trông ông đã thấy ngu xuẩn. Ông lại đang làm một việc ngu xuẩn. Và ông tới đây với một sứ mệnh ngu xuẩn.

- Tôi thấy thế, - tôi nói. - Tôi ngu xuẩn. Phải một lúc tôi mới thấm.

- Và tôi nghĩ tôi khỏi cần ngăn cản ông đi xa hơn.

- Ông không ngăn tôi, - tôi nói. - Tự tôi sẽ ngăn tôi. Tôi muốn biết tại sao những tấm thiếp đó lại ở trong các điếu thuốc lá?

Ông ta nhún vai, cái nhún vai mơ hồ nhất.

- Những tấm thiếp của tôi sẵn sàng dành cho bất kỳ ai. Tôi không mang cho người bạn của ông thuốc lá cần sa. Câu hỏi của ông vẫn ngu xuẩn.

- Tôi tự hỏi vấn đề này sẽ rọi sáng cái gì. Thuốc lá ở trong một cái túi kiểu Tàu hay kiểu Nhật gì đó có hoa văn hình mai rùa. Ông có thấy cái nào như thế không?

- Không. Cái đó không nhắc tôi nhớ gì cả.

- Tôi có thể làm sáng tỏ chút nữa. Cái túi ở trong người một kẻ tên là Lindsay Mariott. Ông có nghe điều gì vẻ ông ta không?

Ông ta suy nghĩ.

- Có. Tôi đang cố hình dung ông ta trong trí nhớ mù mờ của tôi. Đó là một vùng hoang vu do thời gian phá hủy. Trí nhớ của tôi từ chối tìm lại ông ta.

- Tôi có thể giả thiết rằng - tôi nói - ông ta sẽ được hình dung giống như Isadora Duncan. Trí nhớ của tôi vẫn còn nhiều vùng làm việc được. Tại sao ông lại gửi tới tôi tờ trăm đô xanh rờn ấy?

- Ông Marlowe thân mến, - ông ta nói lạnh lùng. - Tôi không điên đâu. Tôi đang hành một nghề rất nhạy cảm. Tôi là một thầy thuốc. Tôi đang làm những gì mà các ông bác sĩ trong phường hội ích kỷ hèn nhát và nhỏ mọn của họ không thể thực hiện được. Tôi ở trong hiểm nghèo thường trực, do những kẻ như ông. Tôi muốn lường hết nỗi hiểm nghèo đó trước khi bắt tay vào công cuộc làm ăn với nó.

- Quá đỗi tầm thường trong trường hợp của tôi, phải không?

- Nó tồn tại vô cùng khó khăn, - ông ta nói lịch sự và phác một cử động kỳ dị ở bàn tay trái làm cho mắt tôi dán chặt vào đó. Rồi ông đặt tay xuống bàn thật từ tốn và nhìn xuống.

Đoạn ông ngước đôi mắt sâu thẳm và khoanh tay lại:

- Những nghe ngóng của ông...

- Không, bây giờ thì tôi ngửi nó, - tôi nói - tôi không nghĩ về ông ta nữa.

Tôi quay đầu về bên trái. Người da đỏ đang ngồi ở cái ghế thứ ba bức tường nhung đen.

Anh ta có cái gì như cái yếm trẻ con bên ngoài bộ quần áo. Anh ta ngồi im phăng phắc, mắt nhắm nghiền, đầu hơi cúi như thể đã ngủ gà gật được cả giờ đồng hồ. Gương mặt ngăm ngăm khắc khổ của anh ta ngập trong bóng tối.

Tôi quay lại nhìn Amthor. Ông ta đang mỉm cười, nụ cười ruồi quen thuộc.

- Tôi cam đoan thứ đó làm các bà quả phụ rụng hết những chiếc răng giả của họ, - tôi nói. - Ông ta làm gì với những đồng tiền có thực của ông ta, quỳ xuống hát những bài hát Pháp à?

- Ông vào điểm chính cho, - ông ta làm bộ sốt ruột.

- Đêm qua Mariott đề nghị tôi đi với ông ta để đưa món tiền chuộc lại những đồ vật bị cướp. Tôi bị đánh vào đầu. Khi tỉnh dậy, tôi thấy Mariott đã bị giết.

Không có gì thay đổi trên gương mặt Amthor. Ông ta không kêu lên cũng chẳng chạy ra khỏi phòng. Nhưng các phản xạ của ông ta thật chuẩn xác. Ông ta khoanh tay theo kiểu này rồi lại chuyển sang kiểu khác. Khóe miệng ông ta tàn nhẫn.

- Những điếu thuốc lá được tìm thấy trên người ông ta, - tôi nói.

Ông ta nhìn tôi lạnh nhạt.

- Nhưng không do cảnh sát. Ông lấy chúng. Bởi thế cảnh sát không đến đây.

- Đúng.

- Một trăm đôla - ông nói rất khẽ - là quá đủ.

- Cái đó phụ thuộc vào những gì ông muốn mua.

- Ông có mang theo những điếu thuốc ấy không?

- Có một điếu ở đây. Nhưng chúng không chứng minh cái gì cả. Như ông nói, bất kỳ ai cũng có thể có những tấm thiếp của ông. Tôi

chỉ tự hỏi tại sao chúng lại ở chỗ ấy. Ông có ý kiến gì không?

- Ông có biết rõ ông Mariott không?

- Không nhiều lắm. Nhưng tôi có những ý tưởng về ông ta. Những ý tưởng đó thật rõ ràng và hiển nhiên.

Amthor gõ nhẹ trên chiếc bàn trắng. Người da đỏ vẫn ngủ gà gật, gục cằm xuống bộ ngực đồ sộ, mắt nhắm nghiền.

- Nhân tiện xin hỏi ông, ông có biết bà Grayle, một bà giàu có ở Bay City?

Ông ta gật đầu lơ đãng.

- Có, tôi điều trị trung tâm ngôn ngữ của bà ấy. Bà ấy có một trục trặc không đáng kể.

- Ông đã có một công việc thú vị với bà ta, - tôi nói -Bà ta trò chuyện chả kém gì tôi lúc này.

Cái đó làm ông ta buồn cười. Ông ta vẫn gõ tay trên mặt bàn. Tôi lắng nghe tiếng gõ. Tiếng gõ khiến tôi khó chịu. Chúng vang lên như tín hiệu mật mã, ông ta ngừng gõ, lại khoanh tay và ngả người ra phía sau, tựa vào khoảng không.

- Ông muốn biết điều gì trong quan hệ giữa họ? - Tôi nói - Bà Grayle cũng biết Mariott.

- Ông tìm ra điều đó như thế nào? - Ông ta hỏi chậm rãi.

Tôi lặng thinh.

- Ông sẽ phải nói với cảnh sát về những điếu thuốc lá ấy, - ông ta nói.

Tôi nhún vai.

- Ông đang tự hỏi sao tôi không ném ông ra ngoài. - Amthor nói vẻ hài lòng, - Planting là người có thể bẻ gãy cổ ông như bẻ một cuống rau cần. Tôi đang tự hỏi: Hình như ông có một vài giả thuyết? Tôi không trả cho các vụ tống tiền. Không có gì để đòi và tôi cũng có nhiều bạn bè. Nhưng tất nhiên là có nhiều yếu tố khó bác bỏ khiến tôi hiện ra dưới một ánh sáng tồi tệ. Tâm lý gia, chuyên gia tình dục, chuyên gia thần kinh, một kẻ nhỏ mọn tầm thường với cái búa gõ

cao su và phải tự gánh vác những hậu quả lầm lạc. Và tất nhiên, họ là tất cả - là những bác sĩ, trong khi tôi chỉ là một gã lang băm. Giả thuyết của ông là gì?

Tôi cố gắng nhìn ông ta, chế ngự con người ghê gớm này bằng cái nhìn, nhưng không thể làm được. Tôi liếm môi khi nào không hay.

Ông ta nhún vai.

- Tôi không thể trách ông khi ông không muốn san sẻ các ý kiến của mình. Đây chính là vấn đề tôi phải nghĩ cho tôi. Có lẽ ông thông minh hơn là tôi tưởng. Tôi cũng mắc một vài sơ suất. Trong lúc này... - Ông ta ngả người về phía trước, đặt bàn tay lên một bên quả cầu màu sửa trắng.

- Tôi nghĩ Mariott là một kẻ tống tiền đàn bà, - tôi nói. - Một tên chỉ điểm cho bọn ăn cướp. Nhưng ai xui ông ta khai thác những người đàn bà, để biết nơi họ đến, nơi họ đi, tán tỉnh họ, ăn nằm với họ, làm họ thất vọng rồi lại chứa chan hy vọng, rồi nhấc điện thoại hẹn địa điểm hành động với lũ kẻ cướp?

- Cái đó - Amthor nói thận trọng - là hình ảnh của ông về Mariott... và của tôi. Tôi ít nhiều ghê tởm ông ta.

Tôi ngả người về phía trước tới khi mặt tôi chỉ còn cách mặt ông ta chừng nửa thước:

- Ông cùng trong một mưu mô. Ông ngụy trang tất cả và ông hài lòng, nhưng vẫn cứ là một mưu mô. Nhưng không phải chỉ là những tấm thiếp, ông Amthor. Như ông nói, bất kỳ ai cũng có được những tấm thiếp ấy. Nó không phải cần sa. Ông sẽ không tiến hành theo cái lối mạt hạng như thế đâu, ông không thiếu cơ hội. Nhưng đằng sau mỗi tấm thiếp là một khoảng trắng. Và trên khoảng trắng ấy, hoặc ngay cả trên những chỗ đã được viết, đôi khi là những dòng chữ vô hình.

Ông ta cười ảm đạm. Nhưng tôi không còn nhìn thấy nụ cười ấy nữa. Hai bàn tay ông ta ve vuốt quả cầu màu sữa.

Đèn tắt phụt. Căn phòng tối đen như địa ngục.

22

Tôi đạp cái ghế của tôi về phía sau và giật khẩu súng ra khỏi bao dưới cánh tay. Nhưng thật quá dở. Áo vest của tôi cài khuy nên tôi hành động quá chậm chạp. Đằng nào cũng là quá chậm rồi, nếu tôi định bắn một người nào đó.

Có một xao động âm thầm của không khí và một mùi của đất. Trong bóng tối dày đặc, người da đỏ đánh tôi từ phía sau và bẻ quặt tay tôi sang một bên sườn.

Gã loay hoay để nhấc bổng tôi lên. Tôi vẫn còn có thể lấy khẩu súng ra và quét gian phòng bằng một loạt đạn nhưng tôi thân cô thế cô và có hành động thế nào chăng nữa ở chốn này cũng chẳng ăn nhằm gì.

Tôi không rút súng nữa mà cố nắm lấy tay anh ta. Những ngón tay tôi vừa cứng lại vừa trơn tuột. Không dễ nắm. Gã da đỏ thở hồng hộc và quật tôi xuống bằng một cú choáng óc trên đỉnh đầu. Anh ta tóm được tay tôi thay vì tôi tóm lấy tay anh ta. Anh ta vặn xoắn tay tôi ra sau lưng, rồi một cú lên gối dữ dội như một tảng đá nhọn thúc vào lưng tôi. Anh ta cố bẻ gập tôi. Tôi có thể bị bẻ lắm. Đây đâu phải là City Hall, trời ơi, tôi đã bị gập xuống.

Tôi cố thét lên, dù không có lý do gì để thét. Hơi thở tắc trong cổ họng tôi và tôi không sao đẩy được nó ra. Người da đỏ quật tôi sang một bên và chẹt lên người tôi, tôi cảm thấy như một nhát kéo. Anh ta đã khóa cứng tôi như trong một cái thùng, hai bàn tay to lớn tìm cổ tôi. Đôi khi tôi choàng tỉnh dậy trong đêm tối, vẫn thấy hai bàn tay anh ta trên cổ và ngửi thấy mùi của anh ta. Tôi cảm thấy hơi thở mình tắc nghẹn và những ngón tay trơn tuột. Rồi tôi ngất đi và thấy mình uống một ly whisky và chiếc máy thu thanh nào kêu rền rĩ.

Tôi chơi vơi chìm nghỉm khi ánh sáng chói lọi lại bật lên, màu đỏ, máu trong hốc mắt tôi và đằng sau hốc mắt. Một khuôn mặt chảy

loang ra xung quanh và một bàn tay thanh tú nắm lấy tôi, nhưng những bàn tay to lớn khác vẫn đè trên cổ.

Một giọng êm ái cất lên:

- Để anh ta thở một chút.

Những ngón tay nới lỏng. Tôi vặn người thật mạnh. Một cái gì lấp lánh sáng nện vào bên hàm tôi.

Giọng êm ái lại nói:

- Để anh ta đứng dậy:

Người da đỏ dựng tôi dậy. Anh ta ấn tôi dựa lưng vào tường, nắm cứng lấy tôi bằng cả hai bàn tay sắt.

- Gã tài tử.

Lại vẫn cái giọng êm ái và vật lấp lánh sáng, cứng và cay đắng như cái chết, ập vào mặt tôi lần nữa. Ngay giữa mặt. Một cái gì ấm ấm chạy trên mặt. Tôi liếm và nhận thấy vị mặn của sắt và muối.

Một bàn tay lục soát ví tôi. Một bàn tay đảo lộn tất cả các túi quần túi áo tôi. Thuốc lá và giấy lụa được lấy ra và không gói lại. Tôi đi lãng đãng trong vùng sương mù màu đỏ thẫm giăng đầy phía trước.

- Có ba điếu thuốc lá thôi? - Giọng nói nhã nhặn và vật lấp lánh lại nện vào hàm tôi.

- Ba, - tôi gầm gừ.

- Ông để những điếu khác ở đâu?

- Trong bàn tôi, ở văn phòng.

Vật lấp lánh sáng lại nện tôi.

- Chắc chắn là ông nói dối, nhưng tôi có thể tìm ra.

Chùm chìa khóa cũng lấp lánh một cách kỳ cục trong vùng ánh sáng đỏ trước mặt tôi.

- Cho anh ta nghẹt chút nữa, - giọng êm ái nói.

Những ngón tay sắt lại xiết vào cổ tôi. Tôi giãy giụa chống lại chúng, chống lại cái mùi của chúng, và những bắp thịt của gã da đỏ nghiến lấy tôi.

Tôi rướn người, nắm lấy một ngón tay của anh ta và vặn xoắn. Lại giọng nói êm ái:

- Khá thật. Anh ta vẫn nghe được.

Vật lấp lánh lại vung lên không trung. Nó đập một cái nữa vào hàm tôi, vẫn cái vật tàn bạo ấy.

- Để anh ta đi. Thuần hóa rồi, - giọng đó nói.

Những cánh tay lực lưỡng nặng nề buông tôi ra và tôi chao người về phía trước một bước, cố tỉnh lại. Amthor đứng đó, mỉm cười nhẹ nhàng, như một giấc mơ trước mặt tôi.

Ông ta đang cầm khẩu súng của tôi trong bàn tay thanh tú và mềm mại. Mũi súng chĩa thẳng vào ngực tôi.

- Tôi có thể dạy ông, - ông ta nói bằng giọng mềm mỏng - nhưng để làm gì? Một kẻ nhỏ mọn bẩn thỉu. Có soi sáng cho ông thì ông vẫn thế thôi. Có phải vậy không? - Ông ta cười, nụ cười duyên dáng.

Tôi vung về nụ cười ấy tất cả những gì có thể vung được.

Đó là một toan tính sai lầm. Ông ta né tránh và máu lại trào ra ở hai lỗ mũi tôi. Rồi ông ta chộp lấy tôi, xốc tôi dậy và đập báng súng vào đầu tôi.

- Ngồi xuống, con ơi! - Ông ta nói dịu dàng - Ta có một người khách đến thăm. Ta rất vui sướng vì con đánh ta. Điều đó giúp ta một vụ làm ăn lớn.

Tôi cảm thấy có chiếc ghế đẩu trắng và ngồi xuống, gục đầu xuống chiếc bàn trắng, bên cạnh quả cầu màu trắng sữa bây giờ lại tỏa làn ánh sáng êm dịu. Tôi nhìn đăm đăm bên cạnh nó, mặt tôi áp xuống bàn. Ánh sáng thôi miên tôi. Ánh sáng lộng lẫy, ánh sáng êm dịu thần tiên.

Sau lưng tôi, xung quanh tôi không có gì nữa ngoài sự im lặng.

Tôi nghĩ là tôi đã ngủ, nhưng chỉ là có vẻ như thế thôi, với khuôn mặt đẫm máu gục trên bàn và con ác quỷ cao gầy duyên dáng, cầm khẩu súng của tôi trong tay, theo dõi tôi và mỉm cười.

23

- Được - gã to lớn nói - bây giờ anh có thể ra khỏi chuồng.

Tôi mở mắt và ngồi dậy.

- Sang phòng khác đi, anh bạn.

Tôi đứng dậy, vẫn mơ mơ màng màng. Chúng tôi đi đâu đó qua một cánh cửa. Rồi tôi thấy nơi ấy - một căn phòng khách với cửa sổ bốn bề. Lúc này ngoài trời tối đen.

Người đàn bà có những chiếc nhẫn không thích hợp ngồi ở bàn. Một người đàn ông đứng bên cạnh.

- Ngồi đây, anh bạn.

Anh ta ấn tôi ngồi xuống. Đó là một cái ghế đẹp, thẳng đơ nhưng tiện nghi; tuy nhiên tôi không còn tâm trạng nào mà nghĩ tới nó. Người đàn bà ngồi sau bàn đọc lớn tiếng điều gì từ một cuốn sổ mở. Người đàn ông già hơn đứng bên cạnh có bộ mặt ngây ra bất động và hàng ria mép xám, đang lắng nghe bà ta.

Amthor đứng bên một cửa sổ, quay lưng vào trong phòng, nhìn ra mép bờ êm ả của đại dương tít ngoài xa, bên kia dãy đèn sáng rực của đập chắn sóng, bên kia thế giới. Ông ta nhìn với vẻ đắm say khao khát. Ông ta quay nửa đầu nhìn lướt qua tôi một lần và tôi có thể thấy những vệt máu trên mặt ông ta đã được rửa sạch. Nhưng cái mũi của ông ta giờ đây không còn giống như lúc tôi gặp ông ta lần đầu. Cái đó làm tôi nhăn nhó, méo xệch cặp môi và cả bộ mặt.

- Anh định đùa à, anh bạn?

Tôi nhìn người vừa nói những tiếng ấy đứng trước mặt tôi, người đã giúp tôi tới ngồi ở chiếc ghế. Anh ta là một cái chổi phất trần nặng cỡ 90 ký, bộ mặt tàn nhang, mồm đầy răng và giọng nói ngọt ngào của gã làm xiếc rong. Anh ta trông bặm trợn, láu lỉnh và phàm phu tục tử. Không ai có thể xỏ mũi được loại người này. Đó là một

loại cảnh sát đêm đêm nhổ lên cây dùi cui chửi thề thay cho lời cầu nguyện. Nhưng anh ta lại có cặp mắt hài hước hóm hỉnh.

Anh ta đứng xoạc cẳng trước mặt tôi, cầm trong tay cái ví của tôi mở toang hoác, lấy móng tay rạch rạch lên lớp da như thể anh ta chỉ muốn phá phách đồ này vật nọ, nhất là những đồ vật bé nhỏ lọt vào tay mình.

Nhưng chắc chắn là những mặt người trong đó khiến anh ta thú vị hơn.

- Nhìn trộm hả, anh bạn? Từ trên cái ổ nhện ồn ào ấy xuống hả? Định làm tí ti tống tiền chứ gì?

Cái mũ của anh ta trật ra sau gáy. Mớ tóc nâu bụi bặm sẫm lại bởi mồ hôi. Đôi mắt hài hước vằn những tia máu đỏ.

Cuống họng tôi như vừa qua một cái máy cán, tôi đưa tay lên sờ cổ. Gã da đỏ có những ngón tay như những gọng kìm thép.

Người đàn bà ngăm đen ngừng đọc trong sổ và gấp nó lại. Người đàn ông nhỏ thó già hơn, với hàng ria mép xám, gật đầu và đi tới đứng sau lưng người vừa nói chuyện với tôi.

- Cảnh sát à? - Tôi hỏi, tay xoa cằm.

- Anh nghĩ sao, anh bạn?

Lại chuyện khôi hài của viên cảnh sát. Người nhỏ thó hơi lác, trông như ông ta nhìn bằng một mắt.

- Không phải L.A. - tôi nói và nhìn ông ta, con mắt kia lẽ ra phải rời khỏi Los Angeles.

Gã to lớn kia cầm cái ví. Tôi nhìn vào ví. Tiền của tôi vẫn còn đủ. Tất cả những tấm thiếp. Cái gì cũng còn. Tôi ngạc nhiên.

- Nói vài điều đi, anh bạn, - gã to lớn nói. - Vài điều để chúng tôi có thiện cảm với anh.

- Trả lại tôi khẩu súng.

Anh ta ngả người ra trước một chút và suy nghĩ. Trông có vẻ như anh ta bị đau.

- Ồ, anh muốn đòi súng hả, anh bạn?

Anh ta quay sang nhìn người ria mép xám.

- Anh ta đòi súng, - anh ta nói, rồi lại nhìn tôi lần nữa. - Anh muốn lấy lại khẩu súng làm gì, anh bạn?

- Tôi muốn bắn một gã da đỏ.

- Ồ, ra anh lại muốn bắn một gã da đỏ kia đấy, anh bạn.

- Phải, chỉ một gã da đỏ thôi.

Anh ta lại nhìn bộ ria mép xám.

- Cha nội này ba trợn, lại đòi xơi thằng da đỏ kia đấy,

- Nghe này, Hemingway, chớ có nhắc lại từng lời của tôi như thế, - tôi nói.

- Tôi nghĩ thằng cha này khùng, - gã to lớn nói. - Hắn lại gọi tôi là Hemingway. Ông có nghĩ hắn khùng không?

Bộ ria mép xám cắn điếu xì gà không nói gì, con người dong dỏng thanh nhã ở cửa sổ quay lại chậm chạp và nói nhẹ nhàng:

- Tôi nghĩ có thể anh ta mất thăng bằng một chút.

- Tôi không thể hiểu tại sao hắn lại gọi tôi là Hemingway kia chứ? - Gã to lớn nói. - Tên tôi đâu phải Hemingway?

Người già hơn nói:

- Tôi không thấy khẩu súng nào cả.

Họ nhìn Amthor. Amthor nói:

- Nó ở trong nhà ấy. Tôi có thấy. Tôi sẽ lấy nó cho ông, ông Blane ạ.

Gã to lớn cúi người và hơi khuỵu gối, thở vào mặt tôi:

- Anh làm cái quỷ gì mà lại kêu tôi là Hemingway, hả anh bạn?

- Vì có mặt các bà ở đây.

Anh ta thẳng người dậy:

- Ông xem. - anh ta nhìn bộ ria mép. Người có bộ ria mép gật đầu rồi quay người bước ra khỏi phòng. Cánh cửa trượt mở ra. Ông ta bước vào khuôn cửa và Amthor theo ông ta.

Im lặng. Người đàn bà ngăm đen ngó trân trân mặt bàn và cau

mày. Gã to lớn nhìn đúng vào lông mày tôi và chầm chậm lắc đầu ngạc nhiên.

Cửa lại mở và người có bộ ria mép quay vào. Ông ta lấy cái mũ ở đâu đó đưa cho tôi rồi móc túi lấy khẩu súng đưa nốt cho tôi. Cầm nó trong tay, tôi biết là nó rỗng. Tôi nhét dưới cánh tay rồi đứng dậy.

Gã to lớn nói:

- Đi nào, anh bạn. Ra khỏi đây thôi. Tôi nghĩ chút ít khí trời sẽ giúp anh đi đứng ngay ngắn hơn.

- Được, Hemingway.

- Anh lại giở cái trò đó rồi. - Gã to lớn nói buồn bã - Gọi tôi là Hemingway, lại còn giải thích là tại có mặt các bà. Ông có nghĩ đấy là cái kiểu nói láo bẩn thỉu trong quyển sách của hắn không?

Bộ ria mép động đậy:

- Khẩn trương lên.

Gã to lớn kéo tay tôi và chúng tôi ra thang máy. Thang đã lên. Chúng tôi bước vào.

24

Xuống tới đáy thang máy, chúng tôi bước ra và đi dọc theo hành lang hẹp, ra khỏi cánh cửa đen. Không khí bên ngoài trong lành mát mẻ. Trên cao, màn sương lùa bụi nước từ đại dương xa thẳm. Tôi hít thở thật sâu.

Gã to lớn vẫn nắm cánh tay tôi. Một chiếc xe hơi đậu ở đó, mui kín, màu sẫm giản dị, đeo biển số tư nhân.

Gã to lớn mở cửa trước và phàn nàn:

- Thế này không phải với anh đâu, anh bạn. Nhưng một chút không khí trong lành tốt cho anh lắm đấy. Anh thấy được không? Chúng tôi không muốn làm điều gì mà anh không bằng lòng, anh bạn ạ.

- Thằng da đỏ đâu?

Anh ta lắc đầu và đẩy tôi vào trong xe. Tôi ngồi bên phải băng ghế trước.

- Ồ phải, thằng da đỏ, - anh ta nói. - Anh định bắn hắn bằng cung tên chăng? Theo luật, chúng tôi để hắn sau xe ấy.

Tôi quay nhìn băng sau. Nó trống rỗng.

- Mẹ kiếp, hắn đâu ở đó, - gã to lớn nói - Kẻ nào đã cuỗm hắn rồi. Người ta không thể giữ nổi cái gì trong một cái xe không khóa cửa.

- Khẩn trương lên - người có bộ ria mép nói và chui vào băng sau. Hemingway đi vòng quanh xe và chui vào, đè cả người lên vô lăng. Anh ta khởi động máy. Chúng tôi quanh xe và bon xuống lối bêtông song song với những rặng cây phong lữ dại. Gió lạnh thổi rào rào từ biển cả. Những ngôi sao nhấp nháy xa xăm. Không ai nói một lời.

Tới chót cùng lối xe chạy bằng bêtông, chúng tôi rẽ vào con đường núi và lướt nhanh thoải mái.

- Anh tới đây thế nào mà chẳng thấy xe đâu cả, anh bạn?

- Amthor cho xe đón tôi.

- Thế là thế nào, anh bạn?

- Thế nghĩa là ông ta muốn gặp tôi.

- Cha nội này hay đấy, - Hemingway nói. - Cha nội này đoán định được mọi chuyện.

Anh ta nhổ ra ngoài thành xe và làm một đường cua khéo léo rồi để chiếc xe tắt máy bon xuống đồi.

- Ông ta bảo là anh kêu điện thoại cho ông ta để kiếm chuyện. Vậy là ông ta vẽ ra hình ảnh của mình hay hơn là cái gì tai nghe mắt thấy của thiên hạ về công chuyện ông ta đang làm - nếu ông ta có làm công chuyện gì đó. Vậy là ông ta đón anh bằng chính xe của ông ta?

- Cái đó giải thích việc ông ta gọi điện cho mấy người cảnh sát quen biết, và việc tôi đâu cần có ai hộ tống để về nhà.

- Ê, lại thế nữa. Được. Này, ông ta có máy ghi âm dưới gậm bàn và thư ký của ông ta mở suốt. Khi chúng tôi đến, bà ta đọc nó cho ông Blane đấy.

Tôi quay lại nhìn ông Blane. Ông ta đang hút xì gà, thanh thản như ngồi ở nhà, đi dép lê, mơ ngủ trong ghế bành. Ông ta không nhìn tôi.

- Bà ta làm như thể địa ngục - tôi nói - có cả đống những ghi chép lưu trữ cho một trường hợp như thế.

- Có lẽ anh nên nói cho chúng tôi hay tại sao anh lại muốn gặp cha nội ấy, - Hemingway lịch sự đề nghị.

- Anh định nói là trong khi tôi vẫn có mặt ở đấy?

- Ồ, chúng tôi mấy khi gặp được của hiếm như thế, - anh ta nói, khoát tay một vòng rộng.

- Anh biết Amthor tường tận không, anh Hemingway?

- Phải là ông Blane mới rõ về ông ta. Tôi ấy à, tôi chỉ thi hành mệnh lệnh thôi.

- Ông Blane là cái thứ quái quỷ gì vậy?

- Đó là nhà quý phái ngồi băng sau.

- Thì người ngồi băng sau cạnh chúng ta đây là cái thứ quái quỷ gì nào?

- Sao kia, lạy Chúa, ai mà chẳng biết ông Blane?

- Thôi được, - tôi nói, đột nhiên cảm thấy mệt rã rời.

Thêm một chút im lặng, một chút quanh co, một chút gió xiết trên bêtông, một chút bóng tối và cả một chút đau khổ nữa.

Gã to lớn nói:

- Bây giờ chúng ta chỉ có mấy gã đàn ông với nhau, không có mặt các bà, chúng ta thực sự chẳng dư thời gian, anh hãy nói tại sao anh thò cổ lên trên đó, loại Hemingway này anh có thể nói được mà.

- Một trò lừa bịp, - tôi nói - một trò lừa bịp cũ rích.

- Cái ông Hemingway mà anh kêu tên đó là ai vậy?

- Một ông tướng hay nói những điều tương tự, nói hoài tới khi người ta tin mới thôi.

- Thế thì có tới mãn kiếp, - gã to lớn nói - một thám tử tư như loại anh chắc là đầu óc lang bạt, linh tinh phải biết. Vậy mà anh vẫn còn đủ răng đấy chứ?

- Ờ, với mấy quả đấm trẹo quai hàm.

- Này, chắc chắn là anh gặp may đấy, anh bạn, - người ngồi băng sau nói:

- Đến nơi rồi. Rẽ phải là tới.

- Đúng rồi.

Hemingway nghiêng chiếc xe chạy vào một con đường hẹp bẩn thỉu men theo sườn núi. Chúng tôi đi khoảng một dặm nữa. Mùi cây cỏ hoang dại trở nên nồng nàn hơn trong đêm thẳm.

- Đây rồi, - người ngồi băng sau nói.

Hemingway đạp thắng. Xe dừng lại. Anh ta nghiêng qua phía tôi và mở cửa xe.

- Nào, rất sung sướng được gặp anh, anh bạn. Nhưng đừng quay lại đó. Dù sao cũng bỏ chuyện ấy đi. Ra đi nào.

- Tôi đi bộ vệ nhà từ đây à?

Người đàn ông ngồi băng sau nói:

- Khẩn trương lên.

- Ờ, anh đi bộ về nhà từ đây, anh bạn ạ. Có được không?

-Nhất định rồi. Tôi sẽ có thời gian suy nghĩ những chuyện vừa qua. Lúc đầu tôi nghĩ các anh không phải là người của L.A. Nhưng một trong hai anh, có khi cả hai, là cảnh sát Bay City. Tôi đang tự hỏi tại sao các anh lại ra ngoài địa phận của mình?

- Cái đó đâu có gì khó khăn để chứng minh, phải không anh bạn?

- Tạm biệt, Hemingway.

Anh ta không trả lời. Không một ai nói câu gì. Tôi ra khỏi xe, đặt chân lên nền đất chao đảo và nghiêng về phía trước, vẫn còn xây xẩm.

Người đàn ông ngồi băng sau làm một cử động chớp nhoáng mà tôi chỉ cảm thấy hơn là trông thấy. Một vực thẳm bóng tối mở ra hun hút dưới chân tôi, xa hơn, sâu hơn cả đêm đen kịt.

Tôi nhào vào nó. Nó không có đáy.

25

Căn phòng tràn ngập khói.

Khói lơ lửng trong không khí thành từng dải mỏng, bốc lên rồi lại tản xuống như một bức rèm làm bằng những chuỗi hạt nhỏ và trong suốt. Hai cửa sổ hình như mở ở bức tường cuối cùng, nhưng khói cũng không bay về phía ấy. Trước đó, tôi không nhìn rõ căn phòng. Cửa sổ cài then ngang.

Tôi thẫn thờ, không suy tính được gì. Tôi cảm giác mình đã ngủ thiếp đi cả năm trời. Nhưng khói đã lay tỉnh tôi. Tôi nằm ngửa và nghĩ ngợi miên man về làn khói. Một lúc lâu sau, tôi hít một hơi sâu đầy hai lá phổi và thét lên:

- Cháy!

Rồi bỗng dưng tôi phá lên cười. Tôi cũng chẳng biết chuyện đó có gì là khôi hài nhưng tôi cảm thấy hết sức buồn cười. Tôi nằm trên giường và cười sặc sụa. Tôi không thích giọng cười của tôi, có vẻ như một thằng điên.

Một tiếng thét là quá đủ. Những bước chân thình thịch bên ngoài phòng, chìa khóa cắm vào ổ khóa và cửa phòng bật mở. Một người đàn ông nhảy vào từ hành lang bên và đóng cánh cửa sau lưng hắn. Bàn tay phải của hắn giấu ra đằng sau hông. Hắn béo lùn, mặc áo khoác màu trắng. Đôi mắt đen, khả nghi và kỳ dị. Phía đuôi mắt, lớp da xám xịt xếp những nếp nhăn lớn.

Tôi lắc đầu trên chiếc gối cứng và ngáp.

Tôi nói:

- Jack, cách đó không xong đâu. Tuột rồi mà.

Hắn đứng sững lại cau có, bàn tay phải ngập ngừng sau hông. Gương mặt hắn xanh xao nguy hiểm, đôi mắt đen kỳ dị, nước da xạm và cái mũi trông hệt như một vỏ sò.

Hắn cười gằn:

- Chắc ông muốn khâm liệm tử tế hơn?

- Jack, tôi thấy thú lắm. Cực kỳ thú vị. Chợp mắt một lúc lâu. Chắc là mơ mộng chút xíu. Tôi ở đâu thế này nhỉ?

- Ông ở đúng chỗ đấy.

Tôi nói:

- Có vẻ là một nơi dễ chịu. Con người dễ chịu, khí hậu dễ chịu. Chắc là tôi sẽ lại chợp một giấc nữa.

Hắn gầm gừ:

- Tốt hơn là cứ như thế.

Hắn bước ra, cửa đóng sập lại, khóa lách cách. Những bước chân bực dọc xa dần.

Hắn không làm màn khói vợi bớt chút nào. Nó vẫn lơ lửng giữa căn phòng và tràn lan mọi xó xỉnh. Y như một tấm rèm dầy đặc. Nó không hề tan loãng ra, không trôi lướt đi, cũng không rung động, vẫn còn chút không khí trong phòng và tôi có thể cảm thấy không khí trên mặt tôi. Nhưng khói choán ngập tất cả. Y hệt một tấm mạng khổng lồ màu xám chăng bởi hàng ngàn con nhện. Tôi cứ ngạc nhiên không hiểu làm sao chúng lại có thể cùng nhau dệt một tấm mạng lớn đến thế. Như những bộ áo ngủ bằng vải flanen, loại người ta vẫn dùng trong bệnh viện tỉnh. Không có vạt trước, không một mảnh thừa. Loại vải thô, to sợi. Cổ họng tôi thắt lại. Nó vẫn đau rát như thế. Tôi bỗng nhớ nhớ linh tinh mấy chuyện. Tôi vươn người lên một chút cảm thấy họng mình ngập ngụa khói. Tất cả vẫn đau rát như thế. Đúng là một gã da đỏ mạt hạng. Hay lắm, Hemingway. Vậy là anh muốn làm thám tử kia đấy? Kiếm bẫm tiền này. Học đủ chín bài học vỡ lòng này. Chúng tôi sẽ cấp phù hiệu cho anh. Kiếm năm mươi xu hoặc là thành tàn phế.

Cổ họng cứ đau rát, những ngón tay có vẻ như mất hết mọi cảm giác. Tôi nhìn chúng và thấy chúng cứng đơ như những quả chuối mắn. Trông chỉ có vẻ là những ngón tay thôi. Gay go đấy! Những ngón tay mang găng sắt. Người ta tới để trao phù hiệu hoặc là để bó

bột. Và cả chứng chỉ nữa.

Đêm xuống rồi. Bên ngoài cửa sổ là một thế giới tối đen. Một chiếc bát thủy tinh đục màu sữa treo giữa căn phòng bằng ba sợi dây xích. Có một ngọn đèn trong đó. Những mấu thủy tinh màu viền xung quanh mép bát, màu vàng da cam và màu xanh biển lần lượt đổi nhau. Tôi ngắm nghía chiếc chao đèn mờ ảo, người mệt rã rời vì khói. Ngắm nghía một lúc, hình như những mấu thủy tinh bật mở thành những lỗ châu mai và thập thò mấy cái đầu nhỏ xíu. Những cái đầu nhỏ. Những cái đầu bằng thiếc giống như những con búp bê nhưng hết sức sống động. Một cái đầu đàn ông đội mũ kêpi, mũi hếch lên như nhãn rượu Johnnie Walker, một mái tóc hung bù xù đội mũ lòe loẹt và cái cổ gầy nhom đeo cà vạt vặn xoắn như sợi thừng. Nó nhìn tôi giống hệt một gã bồi bàn ở một quán ăn ngoại ô nhác nhớm nhếch mép cười: “Ngài thích xào tái hay ninh nhừ?”.

Tôi nhắm mắt nghiền lại, hai mi cứ nhay nháy nhức nhối và khi tôi mở mắt ra, tất cả ảo giác tan biến, chỉ còn nguyên vẹn là chiếc bát thủy tinh giả sứ làm chao đèn giữa trần nhà bằng ba sợi dây xích.

Nhưng khói vẫn im lìm trong không khí khẽ xao động.

Tôi kéo vạt áo sơ mi vải thô lau mồ hôi trên mặt bằng những ngón tay tê cóng sau chín bài học vỡ lòng của khóa học hàm thụ ứng trước một nửa. Hòm thư 2468 - 1924. Thành phố Cedar, bang Iowa. Những thằng điên. Toàn một lũ điên.

Tôi ngồi nhỏm dậy trên giường và một lúc sau tôi đứng xuống sàn. Hai chân tôi mỏi nhừ và như có muôn vàn mũi kim châm tê tê bên trong. Chân trái còn đôi chút cảm nhận được sàn nhà. Tôi đứng thẳng dậy, loạng choạng. Tôi rướn người, thở hổn hển, tay bấu lấy thành giường và như có một tiếng nói vẳng ra từ dưới gầm giường chậm rãi nhắc đi nhắc lại: “Mày bị sốt... Mày bị sốt... Mày bị sốt...”

Tôi gắng bước đi, lảo đảo như say rượu. Có một chai whisky trên một chiếc bàn nhỏ tráng men trắng giữa hai cửa sổ có chân song. Cái chai có dáng khá đẹp, hình như vơi mất một nửa. Tôi bước về phía

chiếc bàn. Thiếu cha gì những con người tử tế trên thế gian này đang nổi khùng lên. Người ta chửi rủa tía lia trên các cột báo buổi sáng, người ta đạp cẳng chân kẻ ngồi bên cạnh trong rạp xinê, người ta đoán mò chán chường và cười nhạo các chính khách, nhưng thiếu cha gì những con người tử tế trên thế gian này y hệt như thế. Cứ thử bảo một gã nào đó tu nửa chai whisky kia đi xem. Trái tim gã sẽ nở ra và hổn hển vì một cảm giác rạo rực khác hẳn.

Tôi túm lấy cái chai bằng cả hai bàn tay vẫn còn tê cóng và dốc vào miệng, mồ hôi vã ra tưởng chừng như đang lâng lâng trên đỉnh trụ cầu Hoàng cung San Francisco.

Tôi uống ừng ực không kịp thở, rồi đặt chai xuống, thận trọng từng cử động và cố thè lưỡi liếm những giọt rượu rớt dưới cằm.

Whisky có một hương vị lạ lùng. Trong khi nhấm nháp vị whisky trên lưỡi, tôi chợt thấy một cái chậu rửa nhỏ gắn trong góc tường. Tôi bấu lấy nó và một cơn buồn nôn xộc lên khiến tôi ói mửa.

Thời gian lặng lẽ trôi, cơn nôn mửa quẳn quại khiến tôi mê mụ, lảo đảo bấu chặt lấy mép chậu và ói ồng ộc như một con vật.

Thời gian vẫn lặng lẽ trôi, tôi loạng choạng trở về giường và lại nằm vật xuống rời rã, đăm đăm nhìn đám khói mù mịt. Hình như khói ngưng đọng trong mắt tôi chứ không phải là hiện thực khắp phòng và trong suốt đến thế. Và rồi đột nhiên làn khói tan biến và ánh sáng ngọn đèn treo trong chiếc chao thủy tinh đục giữa phòng bỗng khắc họa căn phòng hoàn toàn rõ nét.

Tôi lại ngồi dậy. Có một chiếc ghế tựa bằng gỗ nặng nề đặt sát tường gần cửa ra vào. Và có một cánh cửa mà lúc nãy người đàn ông mặc áo khoác trắng đã bước vào phòng. Chắc là một cái tủ tường và quần áo của tôi được treo trong ấy cũng nên. Sàn nhà kẻ ô vuông màu xanh và xám. Những bức tường sơn trắng. Một căn phòng sạch sẽ. Tôi đang nằm trên chiếc giường sắt cá nhân hẹp kiểu giường bệnh viện nhưng thấp hơn một chút, có những dây đai da dầy cài khóa một bên ở đúng những chỗ cổ tay và cổ chân người nằm.

Một căn phòng nồng nặc thứ mùi riêng biệt khó tả. Giờ đây tôi

cảm thấy khắp mình cơn đau nhức nhối, trong đầu, trong cổ họng và trên cánh tay. Tôi không nhớ gì tới cánh tay tôi. Bây giờ tôi xắn ống tay áo pyjama và nhìn kỹ những lỗ chân lông. Suốt từ khuỷu tay tới vai như phủ kín những lỗ kim đâm trên da. Xung quanh mỗi lỗ kim là một vết nhợt nhạt nhỏ khoảng cỡ đồng xu.

Thuốc mê. Tôi bị chích thuốc mê đầy ắp để thiếp đi. Có lẽ là loại Scopolamine. Quá nhiều thuốc mê một lúc. Tôi đã nói mê nói sảng những gì chẳng biết. Lúc thiếp đi, lúc lảm nhảm, phụ thuộc vào ý thức mù mờ. Thuốc mê.

Đó là nguyên nhân khiến tôi luôn luôn cảm thấy có màn khói phủ kín đầu óc. Nó chờn vờn quanh mép chao đèn cùng giọng nói văng vẳng và những ý tưởng rối mù, cũng như những sợi dây da, chân song cửa và những ngón, tay ngón chân tê cóng. Rượu whisky chắc chắn cũng tham dự vào bốn mươi tám giờ mê mệt kỳ cục. Người ta để nó loanh quanh đâu đó và thế là tôi không còn nhớ gì hết.

Tôi đứng dậy và lại nôn thốc nôn tháo vào bức tường trước mặt. Thế là lại phải nằm xuống và thở nhọc mệt từng hơi dài một lúc lâu. Bây giờ tôi lại thấy ngứa ran khắp người và vã mồ hôi. Tôi có thể cảm thấy mồ hôi đẫm trán chảy thành giọt nhỏ từ từ lăn qua mũi xuống khóe miệng. Lưỡi tôi thè ra liếm những giọt mồ hôi mằn mặn đó như điên cuồng.

Tôi cố ngồi lên một lần nữa, buông chân xuống sàn và đứng dậy.

- Được lắm, Marlowe - tôi nói giọng nghẹt giữa hai hàm răng cắn chặt - Mày là một thằng cha chì lắm.

Một lõi thép cao 1,8 m, gần tám chục ký lô trọng lượng với cái bản mặt phong sương. Bắp thịt rắn chắc và quai hàm không đến nỗi dễ vỡ. Mày chơi được đây. Mày bị đốn xỉu hai lần rồi, cổ họng mày bị bóp nghẹt và quai hàm mày bị nòng súng đập cho choáng váng. Mày bị chích thuốc mê đầy ứ máu tới lúc phát rồ phát dại như con chuột trong bẫy. Và cái gì làm cho mọi chuyện đẩy tới như thế? Lề thói. Bây giờ để thiên hạ coi mày chì tới mức nào, liệu có như cái quần mày mặc kia không?

Tôi lại nằm vật xuống giường.

Thời gian lại lặng lẽ trôi. Tôi nằm không biết bao lâu, chẳng có đồng hồ mà xem giờ. Người ta không biết cách tính thời gian như thế này.

Tôi ngồi dậy. Đầu óc như muốn mê mụ đi. Tôi gượng đứng lên đi vài bước. Bước đi khó nhọc ghê gớm. Tim đập loạn xạ như có con mèo điên trong ngực. Hay là nên nằm xuống thiếp đi một giấc? Tốt hơn cả là thoải mái chút đã. Người ngợm gì mà hàng mã đến thế. Được lắm, Hemingway, tôi yếu ớt quá đi mất. Chẳng đập vỡ nổi một cái lọ hoa, thậm chí bẻ một cái móng tay cũng không xong. Không làm nổi việc gì hết. Tôi cố bước đi. Tôi chì lắm mà. Phải thoát ra khỏi chốn này chứ.

Tôi lại nằm vật xuống giường.

Lần thứ tư mới thấy khá hơn một tí. Tôi đi qua đi lại căn phòng được hai lần. Tôi tìm cái chậu rửa, vặn vòi nước, gập người xuống uống nước trong lòng bàn tay. Cứ lom khom như thế, tôi chờ một lúc rồi lại uống, càng nhiều càng tốt.

Tôi cố bước đi, bước đi, bước đi.

Đi quanh phòng nửa giờ đồng hồ, đầu gối tôi vẫn còn run rẩy nhưng đầu óc tỉnh táo ra. Tôi lại uống nước, rất nhiều nước. Trong lúc uống nước, tôi cúi mặt kêu lên trong lòng chậu. Tôi bước trở lại giường. Chiếc giường dễ thương như trải những cánh hoa hồng, chiếc giường đẹp nhất thế gian tưởng chừng dành cho vua chúa, êm ái vô tận. Đáng để mình nằm xuống tận hưởng vài phút ngơi nghỉ. Chiếc giường êm ả tuyệt trần, giấc ngủ tuyệt trần, đôi mắt khép lại, làn mi trĩu nặng, hơi thở nhẹ bỗng và bóng tối chìm ngập sâu thẳm trong chiếc gối mềm.

Tôi cố bước đi.

Người ta xây những kim tự tháp hùng vĩ bằng cách hất bỏ mệt mỏi để dựng đá trên nền cát, thành tượng đài bất diệt của Cát Đá. Người ta xây những giấc mơ, mang dòng nước về miền đất phương nam nắng bỏng, làm ngập tràn sa mạc.

Tôi bước đi xuyên qua tất cả. Tôi không thể bị chế ngự.

Tôi dừng bước. Bây giờ tôi đã sẵn sàng nói chuyện với bất kỳ ai.

26

Tủ tường bị khóa kín. Chiếc ghế gỗ quả là nặng quá sức tôi. Tôi gạt những chiếc áo và đệm lót khỏi giường, cuộn chăn nệm về một phía. Có một lớp lò xo đan mắt lưới gắn chặt cả hai đầu giường bằng những vòng thép mạ màu đen dài khoảng 9 inch. Tôi thử lay chúng. Chưa từng thấy một công việc nào nặng nhọc như thế. Khoảng mười phút sau. Hai ngón tay bật máu, tôi cũng giật ra được một vòng thép. Tôi uốn thử. Nó đàn hồi tuyệt diệu và khá nặng. Đã có một sợi roi da cho nó.

Khi công việc đã hoàn tất, tôi nhìn qua khắp phòng và thấy chai whisky. Cái chai này cũng sẽ được việc lắm, vậy mà tôi quên khuấy mất.

Tôi uống vài ngụm nước nữa. Tôi nghỉ ngơi một lát, ngồi về một phía trên tấm lò xo giường trần trụi. Rồi tôi tới sát cửa ra vào, ghé miệng vào chỗ bản lề và hét lớn:

- Cháy ! Cháy ! Cháy !

Tôi chờ một chút, hết sức hài lòng. Hắn ta chạy tới nặng nề dọc theo hành lang bên ngoài, chìa khóa tra vào ổ hấp tấp và xoay rin rít.

Cánh cửa bật tung. Tôi dán mình vào tường phía cửa mở. Lúc này hắn vung vẩy một cây gậy nhỏ thật đẹp dài khoảng 5 inch, buộc một sợi dây da màu nâu tết cầu kỳ. Hắn trợn mắt nhìn chiếc giường bị lột nệm rồi nhảy bổ vào phòng.

Tôi bật cười và nện hắn. Tôi nắm chiếc vòng thép đập vào đầu làm thằng cha ngã nhào. Tôi bồi tiếp một đòn khiến hắn khuỵu gối. Hai ba cú nện choáng óc. Hắn thốt ra một tiếng kêu khẽ. Tôi giật cây gậy trong bàn tay mềm rũ của hắn. Hắn rên rỉ.

Tôi dộng đầu gối lên mặt hắn. Đầu gối tôi đau điếng. Hắn không còn kêu đau được nữa. Trong khi hắn tiếp tục rên, tôi thẳng tay quật gậy.

Tôi lấy chìa khóa phía ngoài cánh cửa, khóa lại từ phía trong và lật người hắn. Hắn có cả chùm. Một chiếc mở được tủ tường. Quần áo của tôi quả nhiên mắc trong đó. Tôi lục lọi các túi quần áo. Tiền trong ví của tôi đã mất sạch. Tôi quay lại thằng cha khoác áo trắng. Cái nghề khốn nạn của hắn quả cũng bộn tiền. Tôi lấy lại những thứ lúc đầu tôi mang theo, lôi hắn lên giường, đóng đai da cổ tay cổ chân hắn và nhét nửa vạt áo sơ mi vào mồm hắn, hắn bị dập mũi. Tôi đợi một lúc để biết chắc là hắn vẫn còn có thể thở bằng mũi bình thường.

Kể cũng ái ngại cho hắn. Một kẻ hèn mọn vai u thịt bắp thô thiển, cố gắng theo nghiệp chỉ vì mấy đồng tiền lương khốn khổ mỗi tuần. Có lẽ hắn cũng có một người vợ và những đứa con. Thật khốn khổ. Mà chỉ có được mỗi cây gậy tùy thân cũng chẳng ra hồn. Tôi để chai whisky ở chỗ hắn có thể với tới được, nếu như hắn cởi được những dây trói.

Tôi vỗ vai hắn đầy thương cảm.

Tất cả quần áo của tôi, cả súng và dây đeo đều treo trong tủ tường nhưng ổ đạn chẳng còn viên nào. Tôi mặc quần áo. Những ngón tay tôi tê cứng, ngáp sái quai hàm.

Gã đàn ông thiếp đi trên giường. Tôi mặc xác hắn ở đó và khóa cửa nhốt hắn trong phòng.

Phía ngoài là dãy hành lang thênh thang, im lặng như tờ, với ba cánh cửa đóng kín. Không có một tiếng động nào vẳng ra từ sau các cánh cửa. Một tấm thảm màu rượu chát trải giữa lối đi và cũng im phăng phắc như cả tòa nhà rộng lớn. Phía cuối hành lang, đẩy khẽ cánh cửa là vào một gian đại sảnh rồi lại một gian sảnh khác ở góc bên phải và đến đầu một hộp cầu thang kiểu cổ có tay vịn bằng gỗ sồi trắng. Thang gác lượn uyển chuyển xuống gian phòng thấp mờ tối. Cuối gian phòng thấp là hai cánh cửa lắp kính mờ. Căn phòng lát đá và treo những tấm thảm dày. Một vệt sáng khúc xạ qua một trong những khe cửa đóng kín. Nhưng tuyệt nhiên không có lấy một tiếng động.

Một tòa nhà cổ xưa, xây xong là thôi không còn được sang sửa lần nào nữa. Chắc chắn tòa nhà nằm lọt trong một quãng phố yên tĩnh, phía bên có những vạt hồng, còn đằng trước là vô số bụi hoa. Tràn đầy vẻ thanh lịch, mát lạnh và yên ả trong ánh mặt trời California sáng chói, tòa nhà che chở những con người và nuốt đi những tiếng kêu thét.

Tôi bước xuống thang thì nghe có tiếng ho khan, tôi giật mình nhìn quanh và thấy một cánh cửa khép hờ ở phía cuối một hành lang khác. Tôi nhón chân đi khẽ tới và yên lặng chờ đợi cánh cửa khép nhưng không bước vào. Một vệt sáng nằm dưới chân tôi trên tấm thảm. Lại có tiếng ho khan. Tiếng ho sâu như từ đáy phổi, vang lên êm đềm và dễ dàng kỳ lạ. Nhưng đấy đâu phải việc tôi. Việc của tôi là thoát ra khỏi nơi này. Nhưng người nào có thể mở cho tôi cánh cửa ra khỏi ngôi nhà cũng khiến tôi lưu tâm. Gã xứng đáng để tôi lưu tâm lắm. Tôi lẩn một chút vào trong khe sáng. Tiếng giở tờ báo loạt xoạt.

Tôi có thể thấy một phần căn phòng được bài trí đúng như một căn phòng chứ không phải buồng giam. Một bàn giấy sẫm màu, trên đó vứt lỏng chỏng chiếc mũ và mấy tờ tạp chí. Cửa sổ treo rèm đăng ten, sàn trải tấm thảm khá đẹp.

Lò xo giường kêu cót két nặng nề. Một người đàn ông to lớn, đúng như tiếng ho của gã. Tôi đưa ngón tay đẩy khẽ cánh cửa nhích ra độ một hai inch. Không có động tĩnh gì. Cũng không có động tĩnh khi tôi thò đầu vào trong phòng. Bây giờ tôi nhìn thấy cả căn phòng, chiếc giường và người đàn ông đang nằm trên giường, chiếc gạt tàn đầy ắp những đầu mẩu thuốc lá. Cả mớ báo chí quăng lộn xộn trên giường. Một tờ mở rộng giữa hai bàn tay to bè và một khuôn mặt có lẽ cũng to bè. Tôi nhìn thấy mớ tóc phía trên mép tờ báo in mực xanh, sẫm màu, quăn và rậm rạp. Một vệt trán trắng dưới mớ tóc. Tờ báo dịch đi một chút, tôi nín thở, người đàn ông nằm trên giường vẫn không ngẩng lên.

Gã cần phải cạo râu, luôn luôn cần cạo râu. Trước đó tôi đã thấy gã ở Đại lộ Trung tâm trong một quán nhậu da đen gọi là Florian. Tôi

đã thấy gã vận bộ đồ lớn, những trái bóng golf trắng làm khuy áo và ly whisky sủi bọt trên tay. Và tôi đã thấy gã cầm khẩu Colt quân dụng như một món đồ chơi trong bàn tay hộ pháp, bước nhẹ nhàng qua cánh cửa vỡ nát. Tôi thấy một vài vụ mà gã vẫn thường làm.

Gã lại ho và nặng nề xoay cặp mông trên giường, ngáp dài rồi móc hộp thuốc lá bẹp rúm trên mặt bàn. Một điếu thuốc lá cắm vào miệng gã, lửa xòe ở đầu ngón tay cái và khói phun ra từ hai lỗ mũi.

- À! - Gã ngáp và lại giở tờ báo ra trước mặt.

Tôi bỏ gã ở đó, quay lại gian sảnh bên cạnh. Ông Moose Malloy hình như được che chở chu đáo. Tôi trở lại cầu thang và đi xuống.

Một giọng nói thì thào phía sau một cánh cửa khép hờ. Tôi đợi giọng trả lời. Không có ai cả. Đó là một cuộc nói chuyện qua điện thoại. Tôi tới gần cánh cửa và lắng nghe. Đó là một giọng trầm, chỉ là một tiếng rì rầm. Không hiểu được chút gì. Một tiếng lách cách khô khan. Rồi trong phòng lại tiếp tục im lặng.

Đã tới lúc rời khỏi đây, và phải chuồn gấp. Thế là tôi đẩy cánh cửa, nhẹ nhàng bước vào phòng.

27

Đó là một căn phòng không lớn không nhỏ, cách bài trí ngăn nắp chuyên nghiệp. Một tủ sách lắp kính xếp hàng dãy những cuốn sách nặng nề. Một hộp thuốc cấp cứu trên tường. Một tủ kính tráng men trắng có vô số những hộp kim tiêm và sy-ranh, những dụng cụ đã khử trùng. Một cái bàn rộng có những đồ dùng văn phòng; dao rọc giấy bằng đồng, bàn thấm, bút, sổ sách và hai khuỷu tay của một người đàn ông ngồi úp hai bàn tay lên mặt, trầm tư.

Giữa những ngón tay màu vàng xòe rộng, tôi nhìn thấy một mớ tóc có màu của cát ướt, mềm mại như được vẽ lên sọ. Tôi bước tới ba bước, đủ để mắt ông ta có thể nhìn thấy mũi giày của tôi ở phía bên kia bàn. Ông ta ngẩng lên nhìn. Cặp mắt không màu hốc hác trên khuôn mặt như bằng da thuộc. Ông ta buông hai bàn tay xuống, ngả người ra phía sau chầm chậm và nhìn tôi lặng lẽ, không một biểu hiện cảm xúc nào.

Rồi ông ta xòe hai bàn tay với vẻ bất lực, không có điệu bộ phản đối. Khi chúng dần dần buông thõng xuống, một bàn tay nắm lấy góc bàn.

Tôi bước tới hai bước nữa và chìa cho ông ta thấy cây dùi cui. Ngón tay trỏ và ngón tay thứ hai vẫn chuyển động về phía góc bàn.

- Cái còi, - tôi nói. - Không giúp gì được cho ông đêm nay. Tôi đã cho thằng bồi hung bạo của các ông đi ngủ rồi.

Cặp mắt của ông ta khép lại như buồn ngủ:

- Ông là một người rất ốm yếu, thưa ông. Một người vô cùng ốm yếu. Tôi không thể giúp ông hồi phục sức khỏe được.

Tôi quát:

- Tay phải. - Tôi quật cây dùi cui lên tay phải của ông ta. Cây gậy oằn cong như một con rắn.

Tôi đi vòng qua bàn và cười gằn dù chẳng có lý do gì mà cười cả.

Dĩ nhiên là ông ta có một khẩu súng ngắn trong ngăn kéo. Người ta bao giờ cũng có một khẩu súng trong ngăn kéo và bao giờ người ta cũng lấy ra quá muộn, nếu như người ta định lấy. Tôi lôi khẩu súng ra. Đó là một khẩu 38 tự động, mẫu tiêu chuẩn, tuy không tốt bằng khẩu của tôi, nhưng tôi có thể sử dụng những viên đạn của nó. Hình như không còn gì trong ngăn kéo. Tôi tháo ổ đạn khẩu súng.

Ông ta cử động mơ hồ, đôi mắt vẫn hốc hác và buồn bã.

- Có lẽ ông còn một cái còi nữa dưới thảm - tôi nói - Có thể nó sẽ kêu trong văn phòng Thủ lĩnh ở trụ sở. Chớ có dùng nó. Chỉ trong một giờ, tôi đã thành một kẻ tàn khốc. Bất kỳ ai bước vào cánh cửa kia coi như bước vào nhà mồ.

- Không có còi dưới thảm đâu - ông ta nói. Giọng ông ta có những chỗ nhấn nhẹ như giọng một người ngoại quốc.

Tôi lấy ổ đạn rỗng ở súng tôi ra và đổi ổ đạn ở súng của ông ta vào, rồi lại đi vòng về phía bên kia bàn.

Có một ổ khóa lò xo trên cành cửa. Tôi lùi đến đó, ấn cho cánh cửa đóng chặt và nghe tiếng khóa kêu lách cách. Cũng có một cái then. Tôi kéo then đóng lại.

Tôi quay về chỗ chiếc bàn và ngồi xuống ghế. Tôi đã bỏ ra chút sức lực cuối cùng.

- Whisky, - tôi nói.

Ông ta bắt đầu cử động hai bàn tay ra xung quanh.

- Whisky, - tôi nhắc lại.

Ông ta tới tủ thuốc lấy ra một chai dẹt có dán nhãn màu xanh và một cái ly.

- Hai cái ly, - tôi nói. - Tôi đã thử món whisky của các ông một lần rồi. Tôi nguyền rủa nó không tiếc lời.

Ông ta mang ra hai ly nhỏ, đập vỡ xi gắn và rót đầy hai ly.

- Ông uống trước đi - tôi nói.

Ông ta mỉm cười mệt mỏi và nhấc một ly.

- Chúc sức khỏe ông. Thưa ông, vì những gì còn lại của nó - Ông ta uống và tôi cũng uống. Tôi với tay lấy cái chai, để nó gần tôi và chờ dòng lửa chảy tới tận trái tim. Trái tim tôi bắt đầu có trọng lượng, đập rộn lên trong ngực, không còn treo trên sợi tơ nhện nữa.

- Tôi vừa qua một cơn ác mộng, - tôi nói. - Ý tưởng ngớ ngẩn. Tôi mơ tôi bị trói trong một cái cũi, bị tiêm đầy thuốc mê và bị khóa kín trong một căn phòng trống trơn. Tôi yếu ớt và ngủ thiếp đi, không có gì ăn. Tôi ốm đến kiệt sức. Tôi bị đập vào đầu và người ta mang tôi vào chỗ đó. Họ gây vô số rắc rối mà tôi đâu có quan trọng đến thế.

Ông ta lặng thinh theo dõi tôi, một cái nhìn xa vời trong ánh mắt, như thể ông ta tự hỏi sao tôi lại sống dai như vậy.

- Tôi tỉnh dậy và căn phòng tràn ngập khói, - tôi nói - Nó chỉ là một hoang tưởng, một ám ảnh thị giác hay bất cứ cái gì. Một gã giống như ông, gọi tôi. Thay vì những con rắn màu hồng, tôi có khói. Thế là tôi thét lên và một thằng cha đầu bò mặc áo vest trắng bước vào khua khoắng cây dùi cui. Tôi có đủ thời gian sửa soạn để tước nó khỏi tay thằng cha ấy. Tôi lấy chìa khóa của hắn để tìm lại quần áo và ngay cả tiền của tôi từ túi của hắn. Vậy là tôi ở đây. Tất cả đã điều trị khỏi. Ông đang nói gì vậy?

- Tôi không để ý, - ông ta nói.

- Giờ những điều đó đang đòi ông để ý đấy, - tôi nói. - Chúng có những cái lưỡi thè ra chờ ông nói. Cái này đây - tôi vung vẩy nhẹ nhàng cây dùi cui - là một đòi hỏi. Tôi đã mượn của thằng cha đầu bò.

- Tôi đã được hân hạnh chiếu cố một lần, - ông ta nói với một nụ cười người ta dành cho người tình. Nó giống như nụ cười của tên đao phủ khi hắn bước vào xà lim của anh để dẫn anh ra pháp trường. Một chút thân mật, một chút bề trên, một chút đoái thương cùng lúc. Anh sẽ muốn yêu đương nếu có cách nào đó kéo dài cuộc đời khốn khổ để mà được yêu đương.

Tôi để rơi cây dùi cui vào lòng bàn tay trái của ông ta.

- Bây giờ đến súng, hân hạnh - ông ta nói nhẹ nhàng -Ông là một

người đau ốm lắm, ông Marlowe. Tôi nghĩ là tôi sẽ nài ông quay lại giường nằm.

Tôi đăm đăm nhìn ông ta.

- Tôi là bác sĩ Sonderborg - ông ta nói - và tôi không muốn một điều gì vô nghĩa, ông ta đặt cây dùi cui xuống bàn trước mặt mình. Nụ cười của ông cứng đơ như một con cá ướp đá. Những ngón tay dài như những con bướm chết phác một cử động.

- Khẩu súng nữa, xin mời, - ông ta nói thật nhẹ.

- Mấy giờ rồi, ông cai ngục?

Ông ta có vẻ ngạc nhiên. Tôi có đồng hồ đeo tay nhưng nó đã ngừng chạy.

- Sắp nửa đêm. Sao vậy?

- Ngày bao nhiêu?

- Sao vậy, ông bạn kính mến? Dĩ nhiên là tối Chủ nhật.

Tôi cố gượng vững trên bàn để suy nghĩ và khẩu súng tôi cầm gần ông ta đến mức ông ta có thể chộp lấy nó.

- Thế là hơn bốn mươi tám giờ đồng hồ. Cũng không có gì lạ, tôi đã ngất xỉu. Ai mang tôi tới đây?

Ông ta chăm chú nhìn tôi và bàn tay trái của ông ta dịch tới sát khẩu súng. Ông ta thuộc về "Hội Bàn Tay Lang Thang". Các cô gái sẽ có lúc tìm tới ông ta.

- Đừng làm tôi nổi khùng lên, - tôi nói, rên rỉ. - Đừng làm tôi mất đi phong độ lịch sự và thứ tiếng Anh mềm mỏng của tôi. Ông hãy bảo tôi biết, làm sao tôi lại ở đây?

Ông ta đã đủ can đảm chộp lấy khẩu súng. Nhưng nó không còn ở chỗ mà ông ta chộp nữa. Tôi ngồi lại và khẩu súng ở trong lòng.

Ông ta đỏ bừng mặt, đành chộp lấy chai whisky và rót cho mình ly khác rồi nốc cạn. Ông ta buông một hơi thở sâu và nén lại. Ông không ưa cái vị của rượu. Người dùng thuốc mê không bao giờ thế.

- Ông sẽ bị bắt tức khắc, nếu ông rời khỏi đây, - ông ta nói rành rọt. - Ông đã bị tống giam đúng nghĩa bởi nhà chức trách.

- Nhà chức trách không thể làm việc đó. - Câu trả lời đã kích động ông một chút. Bộ mặt ông bắt đầu sinh động.

- Lắc lắc lên và rót ra, - tôi nói - Ai đưa tôi tới đây, tại sao và như thế nào? Đêm nay tôi ở trong một tâm trạng man rợ. Tôi muốn nhảy xuống biển. Tôi nghe thấy Tử Thần gọi tôi. Một tuần nay tôi chưa bắn ai hết. Nói ra đi, ông bác sĩ ma quỷ. Kéo cây vĩ cầm trung cổ của ông cho nhạc tấu lên nào.

- Ông đang đau đớn vì bị đầu độc ma túy, - ông ta nói lạnh lùng - ông rất gần cái chết. Tôi đã ba lần mang thuốc giải độc cho ông, ông vật lộn, ông gào thét và ông đã bị dằn xuống.

Những lời của ông ta xổ ra liên tiếp như thể nhảy cóc lên nhau.

- Nếu ông rời bệnh viện của tôi trong điều kiện này, ông sẽ bị rắc rối nghiêm trọng.

- Ông nói ông là một bác sĩ - một bác sĩ y khoa?

-Chắc chắn. Tôi là bác sĩ Sonderborg, như tôi nói với ông.

- Ông không gào thét và vật lộn vì ma túy đầu độc, ông bác sĩ. Ông đang hôn mê. Tỉnh lại đi. Và bỏ lời thừa thãi đi. Tôi cần đi vào vấn đề chính. Ai đưa tôi vào ngôi nhà riêng quái gở của ông?

- Nhưng...

- Tôi không có chữ nhưng. Tôi sẽ nắn ông mềm nhũn ra. Tôi sẽ dìm ông vào thùng rượu vang chua loét. Tôi muốn có một thùng vang để chính tôi sẽ nhét ông vào. Rượu malmsey đúng như trong vở “Richard III” của W.Shakespeare. Ông ấy cũng biết món rượu đó. Để chúng tôi có thứ thuốc của chúng tôi.

Tôi với tay lấy ly của ông ta và rót đầy hai ly nữa.

- Cạn đi, ông bác sĩ ma quái.

- Cảnh sát đưa ông tới đây.

- Cảnh sát nào?

- Dĩ nhiên là cảnh sát Bay City.

Những ngón tay vàng như nghệ xoay xoay ly rượu.

- Đây là Bay City.

- Ồ, viên cảnh sát có tên không?

- Một trung sĩ tên là Galbraith, tôi tin là thế. Không phải một nhân viên xe tuần tra thường. Anh ta và một cảnh sát nữa tìm thấy ông lang thang bên ngoài ngôi nhà trong một tình trạng mê sảng vào đêm Thứ Sáu. Họ mang ông vào đây bởi vì gần ngay đó. Tôi tưởng ông là một gã ghiền chích quá liều. Nhưng có lẽ tôi nhầm.

- Câu chuyện hay đấy. Tôi không thể chứng minh nó sai được. Nhưng tại sao ông giữ tôi ở đây?

Ông ta xòe bàn tay hiếu động:

- Tôi đã bảo ông nhiều lần rằng ông rất ốm yếu và vẫn ốm yếu lắm. Ông muốn tôi làm gì?

- Tôi nợ ông một ít tiền hả?

Ông ta nhún vai.

- Dĩ nhiên. Hai trăm đôla.

Tôi đẩy cái ghế của tôi lùi lại một chút.

- Rẻ mạt. Ráng mà đòi.

- Nếu ông rời khỏi đây, - ông ta nói rành rọt - ông sẽ bị bắt tức khắc.

Tôi chồm người qua bàn, hơi thở phả lên mặt ông ta:

- Không chỉ rời khỏi đây, ông bác sĩ ma quỷ. Mở bức tường an toàn cho tôi đi.

Ông ta đứng lên thủ thế:

- Điều này đi hơi quá xa đấy.

- Ông không mở?

- Hầu như chắc chắn tôi sẽ không mở.

- Đây là khẩu súng và nó đang ở trong tay tôi.

Ông ta mỉm cười, rúm ró và cay đắng.

- Bức tường khá kiên cố và đáng sợ, - tôi nói - cũng mới mẻ nữa. Còn đây là một khẩu súng tốt. Ông không mở à?

Nét mặt ông ta không hề thay đổi.

- Thật đáng nguyền rủa - tôi nói. - Khi anh có một khẩu súng trong tay và người ta bị đòi hỏi làm cái gì mà anh bảo người ta làm. Có nên làm việc đó hay không đây?

Ông ta mỉm cười, nụ cười hài lòng đầy tính bạo dâm. Tôi ngồi xuống. Tôi đang đi tới sự thất bại.

Tôi lảo đảo cạnh bàn và ông ta chờ đợi, môi hé mở.

Tôi đứng tựa vào đó một lúc lâu, nhìn đăm đăm vào đôi mắt ông ta. Rồi tôi cười nhạt. Nụ cười mỉm rơi khỏi mặt ông ta như một miếng giẻ bẩn, mồ hôi vã ra trên trán ông.

- Tạm biệt! - Tôi nói - Tôi rời khỏi ông để đến những bàn tay bẩn hơn.

Tôi quay lại, đi tới cửa, mở cửa và ra ngoài.

Cửa trước nhà không khóa dẫn ra một hàng hiên có mái che. Khu vườn nở đầy hoa, những loài hoa đêm thơm huyền hoặc. Có một hàng rào nhọn màu trắng và một cổng sắt. Ngôi nhà nằm ở góc đường. Đó là một đêm lạnh lẽo mù sương, không trăng.

Tấm biển trên một góc đường ghi: "Phố Descanso". Những ngôi nhà sáng mờ mờ. Tôi lắng nghe tiếng còi báo động. Không có. Đường vắng tanh vắng ngắt. Một tấm biển khác ghi: "Phố 23". Tôi khó nhọc lê bước tới phố 25 và cụm nhà tám trăm. Số 819 là số của Anne Riordan. Thánh đường.

Tôi đi một đoạn dài dằng dặc mới nhận thấy mình vẫn cầm khẩu súng ngắn trong tay. Không thấy còi báo động.

Tôi vẫn cuốc bộ. Khí trời làm tôi tỉnh táo, nhưng rượu whisky nhạt dần, và nó sôi réo làm dạ dày quặn đau. Cụm tám trăm có rặng cây linh sam chạy dài theo những ngôi nhà gạch, trông giống như ở Đồi Capitol thuộc Seattle hơn là ở Nam California.

Một ngọn đèn trên biển số 819 và một cổng cho xe hơi, có mái che màu trắng, xinh xắn, ngược hẳn với hàng rào cây bách cao lớn. Bụi hoa hồng trước mặt ngôi nhà phảng phất hương. Tôi đi lên vỉa hè, lắng nghe trước khi nhấn chuông, vẫn không nghe thấy tiếng còi báo động nào rền rĩ. Chuông kêu một lúc mới có giọng ngái ngủ nói qua

một hộp đàm thoại dùng để người trong nhà nói chuyện với bên ngoài qua cửa trước khóa kín.

- Ai đấy?

- Marlowe.

Có lẽ hơi thở của cô nén lại hoặc hộp đàm thoại bằng điện làm âm thanh ấy tắt ngấm.

Cửa mở toang và cô Anne Riordan đứng đó trong chiếc áo choàng xanh nhạt nhìn tôi. Đôi mắt cô mở lớn đầy sợ hãi. Gương mặt cô dưới ánh sáng ngọn đèn hàng hiên nhợt hẳn đi.

- Trời ơi, - cô rên lên - ông có khác nào bóng ma của cha Hamlet hiện về.

28

Căn phòng khách trải tấm thảm màu nâu có những chiếc ghế trắng và hồng. Một lò sưởi bằng đá đen, một tủ sách cao lẩn vào trong tường, những tấm màn cửa vải thô vàng nhạt và những bức rèm thấp kiểu Venise.

Không có nét gì là đàn bà trong căn phòng, ngoại trừ một tấm gương lớn cao tới trần. Trước tấm gương có một cây chổi quét sàn.

Tôi nửa nằm nửa ngồi trong chiếc ghế bành sâu, gác chân lên một ghế đẩu. Tôi đã dùng hai ly cà phê đen, rồi một cốc rượu, và ăn hai quả trứng luộc kèm một lát bánh mì nướng, rồi lại một tách cà phê nữa có pha rượu mạnh. Tôi dùng tất cả những thứ đó trong buồng ăn, nhưng không nhớ gì hơn. Ký ước mù mờ như màn sương ngoài phố.

Rồi tôi lại ngả người trong tư thế dễ chịu như cũ. Hầu như tỉnh táo hẳn, dạ dày vẫn còn đau quặn một chút.

Anne Riordan ngồi đối diện tôi, nghiêng người về phía trước, tay chống cằm, đôi mắt cô sẫm lại và ẩn dưới mái tóc màu nâu đỏ xõa ra. Cô có vẻ lo âu. Tôi kể cho cô nghe một vài điều, nhưng không phải là tất cả. Đặc biệt về Moose Malloy, tôi không hé răng.

- Tôi nghĩ là ông bị say, - cô nói. - Tôi nghĩ ông đã say sưa đâu đó trước khi đến gặp tôi, tưởng là ông đi với mái tóc hung ấy. Tôi nghĩ... Mà thôi tôi cũng chẳng biết là tôi nghĩ gì nữa.

Tôi thấy một cây bút gài trên tai, lộ qua mớ tóc xõa của cô.

- Tôi cá là căn nhà này không có bằng cách cô viết các câu chuyện, - tôi nói và nhìn xung quanh. - Không thể được, ngay cả khi cô sẽ được thanh toán cho những ý tưởng của cô.

- Thêm nữa là cha tôi không được ăn khớp trong ngạch cảnh sát, hoặc là - cô nói - không giống như cái lão ngốc bụng phệ làm sếp cảnh sát hiện nay.

- Đó không phải việc của tôi - tôi nói.

Cô bảo:

- Chúng tôi có căn nhà do mấy lô đất ở Del Rey. Chỉ là những lô cát lúc người ta giật chức của cha tôi. Cuối cùng hóa ra chúng lại là nhưng lô đất có chứa đầu.

Tôi gật đầu và cạn ly rượu pha lê trong vắt đang cầm trong tay. Rượu trong ly pha lê có một vị nồng nàn kỳ lạ.

- Một anh chàng nào đó có thể ở đây, - tôi nói. - Chỉ cần chuyển đến. Mọi thứ đã sẵn sàng cho người ấy.

- Nếu anh ta là kiểu người ấy. Và mọi người trông đợi anh ấy, - cô nói.

- Không có quản gia, - tôi nói. - Thành ra hơi thô lỗ.

Cô đỏ mặt.

- Nhưng ông... ông đã để cái đầu của ông bị nện như một cục đất bùn, cánh tay ông bị đâm nát những mũi kim thuốc mê, cái cằm của ông được dùng để làm bảng ghi điểm cho một trận đấu bóng rổ. Có trời biết như thế đã đủ hay chưa.

Tôi lặng thinh, cảm thấy mệt rũ ra.

- Ít nhất - cô nói - ông còn nghĩ chuyện nhìn vào mấy cái đầu ngậm cần sa. Còn cung cách nói chuyện về Aster Drive làm tôi nghĩ là ông đã mất khôn rồi.

- Mấy tấm thiếp ấy chả có nghĩa lý gì đâu. - Đôi mắt cô nhìn tôi bực bội.

- Ông ngồi đó và bảo tôi rằng người ta nện ông bất tỉnh, rồi hai gã cảnh sát ma trơi nào đó ném ông vào cái hỏa ngục điều trị hai ngày bằng rượu là cốt để dạy ông suy nghĩ về công việc của chính ông? Tại sao ông không đứng ngoài, ông vẫn có thể khám phá ra bao nhiêu vấn đề, mà lại không phải lăn mình vào cái trận đấu bóng chày khủng khiếp ấy?

- Tôi phải nói điều đó. Đấy chỉ là phong cách của tôi thôi. Thô bạo mà. Cô rút ra được điều gì rồi?

- Rằng những kẻ tâm thần phong nhã này thì chẳng có chuyện gì đâu mà là một tay du côn cao cấp kia. Hắn dựng lên một viễn cảnh, gắn vào đấy hàm ý này nọ, rồi bảo những ông mãnh thô bạo tránh ra và hắn hốt bạc.

- Cô thực sự nghĩ như vậy?

Cô đăm đăm nhìn tôi. Tôi cạn ly và mắt tôi díu lại. Cô không nhận thấy điều đó.

- Tất nhiên tôi nghĩ vậy, và nói với ông.

Nụ cười của cô vừa ấm áp vừa chua chát.

- Tôi đợi lời giải thích của ông. Đôi khi tôi quên mất ông là thám tử. Liệu rồi sẽ rắc rối hay không? Tôi thiết tưởng đó chỉ là một kiểu cách không nghiêm chỉnh trong một trường hợp không mấy phức tạp.

- Nó rắc rối hơn thế, - tôi nói.

- Được. Tôi đang lắng nghe ông.

- Tôi không rõ. Tôi chỉ nghĩ vậy thôi. Cô cho tôi một ly nữa được không?

Cô đứng dậy.

- Ông phải biết rồi có lúc ông sẽ uống chỉ để nếm cái vị địa ngục của nó.

Cô bước tới, cầm lấy ly của tôi.

- Đây sẽ là ly cuối cùng.

Cô ra khỏi phòng và đâu đó tiếng những cục đá kêu lanh canh. Tôi nhắm mắt, lắng nghe cái âm thanh giản dị ấy. Tôi đâu có việc gì đến đây. Nếu người ta biết nhiều về tôi như tôi vẫn hoài nghi, người ta có thể đến đây mà xem. Sẽ chỉ là một mớ hổ lốn.

Cô quay lại với ly rượu, những ngón tay cô lạnh ngắt vì cầm ly nước đá. Tôi cầm lấy tay cô một lúc rồi buông ra chầm chậm như người ta buông một giấc mơ khi tỉnh dậy với ánh nắng chan hòa trên mặt và còn đang bồi hồi trong một thung lũng huyền ảo.

Cô đỏ mặt và ngồi lại vào ghế của mình, lúng túng sửa tư thế.

Cô châm một điếu thuốc lá, nhìn tôi uống.

- Amthor là một gã tàn nhẫn ghê gớm - tôi nói - nhưng tôi không hề thấy hắn như một tên bày trò cho đám cướp nữ trang. Có lẽ tôi sai. Nếu hắn là như thế và hắn nghĩ tôi biết đôi điều về hắn, tôi không cho là hắn sẽ để tôi sống sót ra khỏi cái bệnh viện thuốc mê ấy. Nhưng hắn là kẻ có những điều lo sợ. Hắn không tỏ ra hung bạo tới khi tôi tiết lộ về những dòng chữ vô hình.

Cô nhìn thản nhiên.

- Có chuyện đó à?

- Đấy là nếu có, tôi không đọc, - tôi cười.

- Đó là một cách kỳ cục để lẩn tránh nói đến tính cách bẩn thỉu của một con người. Ông nghĩ thế không? Trong đầu ngậm của điếu thuốc. Người ta tưởng là sẽ chẳng bao giờ tìm ra.

- Tôi nghĩ một điều là Mariott sợ một chuyện gì đó và nếu có chuyện xảy ra cho ông ta, những tấm thiếp sẽ bị tìm ra. Cảnh sát sẽ lục soát túi quần áo tỉ mỉ. Đó là điều làm tôi đau đầu. Nếu Amthor là một gã ma mãnh, sẽ chẳng để cái gì hớ hênh cho người ta tìm thấy.

- Ông định nói là nếu Amthor giết Mariott, ồ, hay là chính ông ta giết? Nhưng điều Mariott biết về Amthor có thể không liên quan trực tiếp với vụ giết người.

Tôi ngả người về phía sau, lún sâu vào trong ghế và cạn ly rượu, làm ra vẻ đang nghĩ ngợi chuyện đó ghê lắm. Tôi gật đầu.

- Nhưng vụ cướp nữ trang lại liên quan tới vụ giết người. Và chúng ta giả thiết là Amthor có liên quan tới vụ cướp nữ trang.

Đôi mắt cô có vẻ ranh mãnh.

- Tôi cá là ông cảm thấy kinh sợ, - cô nói - ông có muốn ngủ không?

- Ở đây à?

Cô đỏ mặt tới tận chân tóc. Cằm cô nhô ra:

- Đấy chỉ là một ý kiến. Tôi không phải là một đứa trẻ. Có quỷ biết được tôi làm gì, ở đâu và vào lúc nào?

Tôi gạt ly của tôi sang bên cạnh và đứng dậy.

- Một trong những điều nhã nhặn hiếm hoi của tôi là tự chủ, - tôi nói - cô có thể đưa tôi tới một trạm taxi, nếu cô không quá mệt mỏi.

- Ông quả là chết tiệt. - cô nói bực bội - ông bị nện tơi tả và bị chích có trời biết là bao nhiêu ma túy, tôi tưởng là ông cần ngủ một giấc tới sáng bạch để còn nhanh chóng phục hồi phong độ thám tử chứ?

- Tôi nghĩ là có thể ngủ muộn hơn một chút.

- Ông phải vào bệnh viện, ông điên rồ quá quắt.

Tôi đỏ bừng mặt.

- Nghe này, đêm nay tôi không lấy gì làm tỉnh táo lắm đâu. Tôi không nghĩ là phải nấn ná ở đây lâu quá. Tôi không có mắc mớ gì với người ta cả nhưng xem chừng người ta không ưa tôi. Bất cứ cái gì tôi nói ra bây giờ đều là chống lại pháp luật, mà pháp luật ở cái thành phố này thì mục ruỗng lắm rồi.

- Đó là một thành phố đẹp, - cô nói rành rọt, hơi hấp tấp. - Ông không thể phán xét.

- Được, đó là một thành phố đẹp. Y như ổ quỷ Chicago. Người ta có thể sống hoài ở đó mà chẳng hề thấy một họng súng ăn cướp. Nhất định rồi, đó là một thành phố đẹp. Chắc chắn nó không có nhiều kẻ giảo hoạt hơn là Los Angeles. Người ta có thể mua đứt một phần lớn đô thị, người ta có thể mua toàn bộ một thành phố cỡ thế này chỉ với những hộp á phiện sống và những gói giấy lụa. Đó là sự khác biệt. Và cái ấy làm tôi muốn nôn mửa.

Cô đứng dậy và nhô cái cằm về phía tôi.

- Bây giờ ông sẽ đi ngủ và ngủ ngay tại đây. Tôi có một phòng ngủ bỏ không, ông có thể ngủ ở đó và....

- Hứa khóa cửa lại?

Cô đỏ mặt và cắn môi.

- Đôi khi tôi nghĩ ông là người tuyệt vời, - cô nói - đôi khi tôi nghĩ ông là kẻ tồi tệ nhất tôi chưa bao giờ gặp.

- Hoặc là cô sẽ đưa tôi tới chỗ nào tôi có thể gọi một chiếc taxi.

- Ông sẽ ở lại đây - cô dứt khoát, - ông không khỏe. Ông là một bệnh nhân.

- Tôi không ốm đến nỗi loạn óc đâu, - tôi cáu kỉnh.

Cô ra khỏi phòng nhanh đến nỗi chỉ mất hai bước từ phòng khách tới gian sảnh. Rồi cô quay lại với một áo khoác vải flanen dài bên ngoài áo choàng, không đội mũ, mái tóc ngả màu đỏ của cô trông điên dại y như vẻ mặt. Cô mở cánh cửa bên, bước qua và những bước chân cô vang lên lách cách trên lối xe chạy. Cửa nhà xe rung một âm thanh uể oải. Một cửa xe hơi mở ra rồi đóng sầm lại. Động cơ khởi động và ánh đèn xe rọi qua cánh cửa kiểu Pháp của phòng khách.

Tôi cầm mũ và tắt hai ngọn đèn, nhìn cánh cửa kiểu Pháp có ổ khóa lò xo một lần nữa trước khi đóng lại. Một căn phòng đẹp, một căn phòng để nghỉ ngơi, lê lạt xạt những đôi dép mỏng và nhẹ.

Tôi đóng cánh cổng. Một chiếc xe hơi nhỏ lướt tới bên cạnh tôi, tôi vòng đằng sau nó để chui vào.

Cô lái xe đưa tôi về tận nhà, môi mím chặt, giận dữ. Cô lái như cuồng nộ. Khi tới căn hộ của tôi, cô nói: Tạm biệt, với giọng lãnh đạm, quay đầu chiếc xe nhỏ giữa phố và vút đi trước khi tôi móc được chìa khóa ra khỏi túi.

Người ta khóa hành lang lúc 11 giờ. Tôi mở khóa, bước vào hành lang lúc nào cũng ẩm mốc và tới thang máy lên văn phòng tôi, ánh sáng ảm đạm rọi sáng lối đi. Những chai sữa đặt trước các cánh cửa. Ngọn lửa đỏ hiện ra lờ mờ ở cánh cửa một gian bếp.

Tôi về nhà giữa một thế giới say ngủ, giấc ngủ vô tội, ngây thơ như giấc ngủ của một con mèo.

Tôi cởi quần áo và lên giường. Tôi chìm trong một cơn ác mộng và đột nhiên choàng dậy, người đẫm mồ hôi. Nhưng tới sáng, tôi lại hoàn toàn là một người khỏe mạnh.

29

Tôi ngồi bên thành giường nghĩ lại những điều đã xảy ra, nhưng không có gì rõ ràng cả. Tôi không cảm thấy khỏe hẳn nhưng cũng không cảm thấy ốm yếu như lẽ ra phải vậy, chắc tôi sẽ cảm thấy ốm yếu lắm nếu như tôi vừa làm một vụ có thù lao. Đầu tôi nhức nhối, nặng trĩu và nóng hầm hập, lưỡi khô và nổi hạt, cổ họng cứng lại. Nhưng tôi đã có những buổi sáng còn tồi tệ hơn nhiều.

Trời xám xịt, mờ mờ sương, không hẳn là ấm áp. Tôi bật dậy khỏi giường và xoa xoa bụng, nơi vẫn ngâm ngẩm đau vì nôn mửa. Chân trái tôi cảm thấy khỏe và không bị cơn đau nhức nào hành hạ nữa. Tôi đá thử chân trái vào góc giường.

Tôi còn đang nguyền rủa thì nghe một tiếng gõ gay gắt ở cửa, cái thứ tiếng gõ làm cho người ta chỉ muốn mở cánh cửa hai inch thôi, nhún vai khó chịu rồi đóng sầm lại.

Tôi mở cửa rộng hơn hai inch một chút, Trung úy hình sự Randall đứng đó trong bộ đồ gabardine nâu, đội chiếc mũ tròn, trông rất sạch sẽ trang trọng nhưng cái nhìn có vẻ khó chịu.

Ông đẩy cửa nhẹ nhàng và tôi bước lùi lại. Ông vào phòng, đóng cửa và nhìn xung quanh.

- Tôi tìm anh đã hai hôm, - ông nói, không hề nhìn tôi. Đôi mắt ông đảo khắp phòng.

- Tôi bị ốm.

Ông bách bộ quanh phòng, những bước đi nhún nhảy, mái tóc màu xám chải mượt ánh lên, mũ kẹp dưới nách, hai tay đút túi. Với nghề cảnh sát, ông không phải là người to lớn. Ông rút một tay ra khỏi túi và đặt cẩn thận cái mũ trên mấy tờ tạp chí.

- Anh không có ở đây, - ông ta nói.

- Tôi ở trong một bệnh viện.

- Bệnh viện nào?

- Một bệnh viện thú y.

Ông giật mình như thể tôi tát vào mặt ông. Nước da ông sẫm lại.

- Mới sớm ngày ra anh đã có cái kiểu nói như thế hay sao?

Tôi lặng thinh, châm một điếu thuốc lá. Tôi vẩy vẩy điếu thuốc rồi ngồi lại xuống giường.

- Ở đó người ta có điều trị cho những chàng trai như anh không? Hay là người ta ném anh vào một cái xà lim.

- Tôi là một kẻ ốm đau, sáng nay chưa có một ly cà phê nào hết, ông đừng chờ tôi nói những lời dí dỏm.

- Tôi đã bảo anh đừng có nhúng vào vụ này.

- Ông không phải Thượng đế, cũng không phải Chúa. -Tôi rít một hơi thuốc lá. Trong người tôi như có một vết thương đau nhức, nhưng tôi cảm thấy tỉnh táo.

- Anh sẽ ngạc nhiên thấy tôi có thể gây rắc rối cho anh nhiều đến thế nào?

- Chắc chắn.

- Anh có biết tại sao tôi không đi sâu vào vụ này không?

- À!

- Tại sao? - Ông hơi nghiêng người, linh lợi như một con chó săn, với cái nhìn nặng nề.

- Ông không thể tìm thấy tôi.

Ông ngả người ra sau và đung đưa trên gót chân, gương mặt hơi sáng lên:

- Tôi tưởng anh sẽ nói cái gì khác, - ông ta nói. - Và nếu anh nói thế tôi sẽ nện vào ngực anh..

- Hai mươi triệu đôla không làm ông chùn tay. Ông có thể ra lệnh.

Ông thở nặng nề, miệng hé mở. Rất chậm rãi, ông lấy ra khỏi túi một bao thuốc lá và xé giấy bọc. Những ngón tay ông hơi run run. Ông đưa một điếu thuốc lá lên miệng, đi đến bên tôi lấy hộp diêm. Ông châm điếu thuốc lá cẩn thận, vứt que diêm vào cái gạt tàn và

nuốt khói.

- Tôi đã khuyên bảo anh qua điện thoại vào một ngày trước đấy - ông nói - Thứ Năm.

- Thứ Sáu.

- Phải, Thứ Sáu. Nó không được chấp nhận. Tôi có thể hiểu tại sao. Nhưng tôi không biết lúc đó anh đang đưa ra những bằng chứng. Tôi chỉ khuyến cáo một đường lối hành động, xem như một ý kiến hay trong vụ này.

- Bằng chứng gì?

Ông đăm đăm nhìn tôi lặng lẽ.

- Ông dùng cà phê chứ? - Tôi hỏi - Nó có thể giúp ông nhân đạo hơn.

- Không.

- Tôi uống vậy - Tôi đứng lên và sửa soạn.

- Ngồi xuống ! - Randall gắt - Tôi không rảnh.

Tôi vẫn đi vào bếp, đổ một ít nước vào ấm và đặt lên bếp. Tôi uống một ly nước lạnh lấy từ vòi nước rồi một ly nữa. Tôi trở lại với ly thứ ba trong tay, đứng ngay cửa và nhìn ông. Ông không nhúc nhích. Màn khói thuốc như ngưng đọng lại bên cạnh ông. Ông nhìn xuống sàn.

- Tôi tới bà Grayle khi bà ta muốn gặp thì có gì là sai? - Tôi hỏi.

- Tôi không nói chuyện đó.

- À, nhưng ông vừa nói đấy thôi.

- Bà ta không yêu cầu anh, - ông ngước mắt lên, cái nhìn nặng nề như đá, đôi gò má cao vẫn một ánh xạm. - Anh đã gây áp lực với bà ta, đã chuyện trò về vụ bê bối và thực sự đã tống tiền trong vụ này.

- Khôi hài. Như tôi nhớ, chúng tôi không hề nói chuyện đó. Tôi nghĩ không có điều gì trong câu chuyện của bà ta.

Tôi định nói tôi chả ăn gì trong chuyện ấy. Không một chỗ nào. Và dĩ nhiên tôi thiết tưởng bà ta đã nói chuyện đó với ông.

- Bà ta đã nói. Cái quán bia ở Santa Monica là một ổ phục kích.

Nhưng cái đó không có ý nghĩa gì. Tôi không thể thấy cái gì ở đó. Khách sạn phía bên kia đường cũng có cái mùi như vậy. Không một ai trong chúng ta muốn đến chỗ đó. Chỉ bọn lưu manh mạt hạng.

- Bà ta bảo với ông là tôi gây áp lực với bà ta?

Ông sụp mắt xuống một chút:

- Không.

Tôi quay lại bếp, pha cà phê và chờ nó nhỏ giọt. Lần này Randall đi theo tôi và đứng ở khuôn cửa.

- Băng cướp nữ trang này đang làm ăn ở Hollywood và vùng lân cận, khoảng mười năm nay, như tôi được biết. Lần này chúng đi quá xa, đến mức giết người. Tôi cũng không biết tại sao.

- Phải, nếu đó là một vụ cướp và ông khám phá ra, đó sẽ là vụ giết người cướp của đầu tiên được giải quyết từ khi tôi sống ở thành phố này. Và tôi có thể kể tên và mô tả ít nhất cả tá.

- Anh nói điều đó có gì là hay cho anh?

- Nếu tôi sai, ông cứ sửa.

- Chuyện khốn kiếp, - ông cáu kỉnh. - Anh không sai đâu. Có một đôi vụ đã lập được hồ sơ, nhưng đó là những tội đại hình. Mấy thằng lưu manh còn có ô dù.

- À. Ông dùng cà phê chứ?

- Nếu tôi uống một chút, anh sẽ nói chuyện với tôi một cách nghiêm chỉnh, tôn trọng, không châm chọc chứ?

- Tôi sẽ cố. Tôi không hứa sẽ nói tuột hết mọi ý định của tôi đâu đấy.

- Tôi có thể không cần chúng.

- Ông đang mặc bộ đồ khá đẹp đấy.

Mặt ông đỡ xạm hơn một chút.

- Bộ đồ này giá 27,5 đôla - ông cáu kỉnh nói.

- Ôi, lạy Chúa, một viên cảnh sát đa cảm, - tôi nói và quay lại bếp.

- Thơm quá. Anh pha thế nào?

Tôi rót ra.

- Phin kiểu Pháp. Cà phê xay thô. Không để giấy lọc - Tôi lấy đường trong hộp và bơ trong tủ lạnh. Chúng tôi ngồi xuống đối diện nhau ở hai góc bàn.

- Đó là chuyện đùa phải không, cái chuyện anh ốm nằm trong bệnh viện ấy?

- Không đùa đâu. Tôi bị rơi vào một vụ rắc rối nhỏ, ở Bay City. Người ta đẩy tôi vào. Không phải nhà đá, mà là một cuộc điều trị độc đáo bằng rượu mạnh và thuốc mê.

Đôi mắt ông nhìn xa xôi.

- Bay City? Anh thích đâm quàng vào bụi rậm hả, Marlowe?

- Tôi đâu thích đâm vào bụi rậm, mà việc nó xảy ra thế.

Trước nay không có gì giống như vậy. Tôi bị nện hai lần, lần thứ hai bởi một gã cảnh sát hay là một thằng cha giống như vậy. Tôi bị nện bằng chính khẩu súng của tôi và bị bóp cổ bởi một thằng da đỏ hung bạo. Tôi bị quăng vào cái bệnh viện thuốc mê khủng khiếp ấy, bị khóa cứng ở đó, và có lúc chắc đã bị trói chặt. Và tôi không thể chứng minh mọi chi tiết, ngoại trừ đến tận bây giờ tôi vẫn thâm tím mình mẩy và cánh tay trái tôi đầy vết kim đâm.

Ông nhìn trân trối một góc bàn.

- Ở Bay City, - ông nói chậm rãi.

- Cái tên nghe như một bài hát. Một bài hát trong một bồn tắm bẩn thỉu.

- Anh làm gì dưới đấy?

- Tôi không xuống đó. Những gã cảnh sát ấy đã đẩy tôi qua địa giới. Tôi đi gặp một người ở Stillwood Heights. Chỗ đó thuộc Los Angeles.

- Một người tên là Jules Amthor, - ông ta nói chậm rãi.

- Tại sao anh lấy những điếu thuốc lá ấy?

Tôi nhìn vào tách cà phê của mình. Một chút điên rồ đáng nguyền rủa.

- Nó có vẻ khôi hài, ông ta, Mariott có cái hộp thuốc lá ngoại hạng

đó, với những điếu cần sa. Hình như họ đã làm chúng ở Bay City giống những điếu thuốc lá Nga với những đầu ngậm rỗng hiệu Romanoff.

Randall đẩy cái tách rỗng của ông về phía tôi và tôi lại rót đầy tách. Đôi mắt ông nhìn tôi xoi mói giống như Sherlock Holmes với tấm gương ma thuật hay Thorndyke với những kính lúp bỏ túi.

- Anh phải nói với tôi, - ông nhăn nhó, nhấp môi và chùi miệng bằng một cái gì có tua mà người ta vẫn dùng làm khăn ăn trong những khu nhà tập thể. - Nhưng anh đâu có lấy chúng? Cô gái bảo tôi vậy.

- À ra thế, mẹ kiếp, - tôi nói. - Những thằng đàn ông chả làm được trò trống gì ở cái xứ sở này. Lúc nào cũng là đàn bà!

- Cô ta thích anh, - Randall nói, như một nhân viên F.B.I. hào hoa trong một bộ phim, hơi buồn buồn nhưng cực kỳ hùng dũng - Ông già ấy đúng là một nhân viên cảnh sát chân chính. Cô ta chẳng có phận sự gì ở những chuyện này nhưng cô ta thích anh.

- Một cô gái đẹp. Không phải loại của tôi.

- Anh không thích những người đàn bà đẹp à? - Ông lấy một điếu thuốc lá nữa. Khói thuốc tỏa ra trên gương mặt ông.

- Tôi ưa những cô gái dịu dàng trong sáng, nhưng sắt đá và vững vàng trước tội ác.

- Họ sẽ làm anh cháy túi, - Randall nói đều đều.

- Nhất định rồi. Tôi còn sống ở đâu được nữa? Ông gọi phiên tòa này là gì vậy?

Ông ta mỉm cười, nụ cười đầu tiên trong ngày. Chắc là ông ta chỉ cho phép mình cười một ngày bốn lần.

- Tôi không muốn làm phiền anh nhiều.

- Tôi sẽ đưa ra cho ông một giả thuyết, nhưng chắc chắn ông sẽ đưa nó lên hàng đầu. Tay Mariott này là một kẻ tống tiền đàn bà, bởi vì bà Grayle bảo với tôi như vậy. Nhưng ông ta còn là một thứ khác. Ông ta là tay sai cho băng cướp nữ trang, dàn mặt ra xã hội, kẻ sẽ gieo trồng tội ác và trình diễn trên sân khấu. Ông ta khai thác những

người đàn bà mà ông ta có thể với được, để biết họ tường tận. Vụ trấn lột được dàn dựng trước ngày Thứ Năm một tuần. Nó có dấu hiệu như thế. Nếu Mariott không lái xe, hoặc không đưa bà Grayle đến Trocadero hoặc không về nhà bằng con đường ông ta đã đi, qua quán bia, vụ trấn lột không thể xảy ra.

- Gã lái xe có thể lái, - Randall lý sự. - Nhưng cái đó không thay đổi gì nhiều. Những gã lái xe không chường mặt ra để làm tay trong cho bọn kẻ cướp lấy 90 đôla một tháng. Nhưng không thể có nhiều vụ cướp do một mình Mariott với những người đàn bà hoặc những gì có thể đem ra kể.

- Điểm mấu chốt của những mưu mô loại này là những gì không được đem ra kể, - tôi nói. - Mánh lới được cân nhắc là món tiền chuộc rẻ mạt.

Randall nhìn tôi sững sờ. Chiếc thìa của ông khoắng không khí trong một cái tách rỗng. Tôi đưa tay ra và ông xua tay.

- Tiếp tục chuyện đó đi, - ông nói.

- Chúng sử dụng ông ta, nhưng ông ta đã đến lúc hết tác dụng. Có thể là ông ta cũng nghĩ đến điều đó, như ông bảo. Nhưng ông ta không thoát khỏi cái mưu mô ấy và ông ta đã không chịu dành thời gian xem xét. Vụ trấn lột này đúng là vụ cuối cùng của Mariott. Ông hãy xem, chúng thực sự hỏi rất ít để cân nhắc giá trị của ngọc bích. Và Mariott chịu trách nhiệm giao dịch. Nhưng tất cả cũng làm Mariott sợ hãi. Cuối cùng, ông ta nghĩ tốt hơn không nên đi một mình và ông ta nghĩ ra một mẹo nhỏ là nếu có gì xảy ra với ông ta, sẽ có cái gì trong người ông ta chỉ ra một kẻ khác tàn nhẫn và thông minh đủ để là đầu não điều hành bọn cướp theo kiểu đó, và kẻ ấy ở một vị trí không quen thuộc để đưa thông tin về những người đàn bà giàu có. Đó là một mẹo trẻ con nhưng thực tế nó đã xảy ra.

Randall lắc đầu:

- Nếu bọn cướp đã vắt kiệt ông ta, có lẽ chúng sẽ mang xác ông ta ra biển mà vứt xuống.

- Không, chúng muốn vụ việc có cái vẻ tài tử, không chuyên.

Chúng muốn ở lại làm ăn. Chắc chắn chúng có ô dù nào đó che chở.

Randall vẫn lắc đầu:

- Cái kẻ mà những điếu thuốc chỉ ra, không phải loại ấy. Hắn có một thủ đoạn hữu hiệu của chính hắn. Tôi đã thẩm tra, anh nghĩ gì về hắn?

Đôi mắt ông trống rỗng, quá đỗi trống rỗng.

Tôi nói:

- Đối với tôi, hắn là một kẻ hoàn toàn khốn nạn. Hắn không đến nỗi cực kỳ giàu có, phải không? Và sau hết, cái thủ đoạn tâm lý của hắn là một thủ đoạn nhất thời ở một nơi nào đó. Hắn tạo ra một mốt thịnh hành và lôi kéo người ta theo hắn, chỉ một ít lâu, mốt bị loại bỏ. Cứ thế công việc của hắn tiến triển ngon lành. Đó là nếu như hắn là một phù thủy tâm lý và không là gì khác. Giống hệt những ngôi sao màn bạc. Cho hắn năm năm, hắn có thể tiến hành công việc đó dài như thế. Nhưng nếu cho hắn hai cách để sử dụng thông tin, hắn phải thoát khỏi những người đàn bà đó và hắn sẽ đi đến chỗ giết người.

- Tôi sẽ đánh giá hắn đầy đủ hơn, - Randall nói với cái nhìn trống rỗng. - Nhưng đúng là giờ đây tôi quan tâm tới Mariott. Chúng ta sẽ quay lại xa hơn, xa hơn rất nhiều. Để biết tại sao anh lại biết ông ta.

- Chính ông ta gọi điện thoại cho tôi. Ông ta nhặt tên tôi ra từ danh bạ điện thoại. Ông ta nói vậy.

- Ông ta có tấm thiếp của anh.

Tôi có vẻ ngạc nhiên.

- Đúng vậy. Tôi quên điều đó.

- Anh không tự hỏi rằng tại sao ông ta lại nhặt tên của anh. Anh lờ vấn đề ấy trong trí nhớ kém cỏi của anh à?

Tôi nhìn ông qua miệng tách cà phê của tôi. Tôi bắt đầu thấy ưa ông. Ông cũng có một số phận, cái số phận ấy đang đập mệt mỏi trong lần áo gabardine.

- Vậy là ông đến đây thực sự vì thế?

Ông gật đầu.

- Lúc nghỉ ngơi, anh cũng biết, chỉ để chuyện trò - Ông mỉm cười lịch sự và chờ đợi.

Tôi rót hai tách cà phê nữa.

Randall nghiêng người sang một bên và nhìn dọc theo mặt bàn màu đen.

- Hơi bụi, - ông nói bâng quơ, rồi thẳng người lên và nhìn vào mắt tôi. - Có lẽ tôi tiến hành vụ này một cách khác. Ví dụ như cái linh cảm của anh về Mariott, tôi nghĩ chắc là đúng. Có 23.000 đôla tiền mặt trong két sắt bí mật của ông ta, bọn tôi phải mất bao nhiêu thì giờ mới khui ra được, là một vấn đề. Cũng có một vài điều cần xem trong các chứng từ chuyển nhượng bất động sản ở khu Tây - 54.

- À, - tôi đáp mệt mỏi.

-Có khá nhiều nữ trang trong két của Mariott, loại thượng thặng. Nhưng tôi không nghĩ là ông ta ăn trộm những thứ đó. Tôi nghĩ những thứ đó rất thích hợp với sở thích riêng của ông ta. Ông ta sợ phải bán chúng đi, một kết toán nào đó vướng mắc trong tư tưởng của chính ông ta.

Tôi gật đầu.

- Ông ta cảm thấy như thể chúng là những đồ đánh cắp.

- Đúng, không phải ngay lúc đầu tôi đã quan tâm đến các chứng từ chuyển nhượng, nhưng tôi sẽ nói với anh tại sao tôi quan tâm đến chúng. Nó là những gì người ta lập ra cốt để che mắt cảnh sát. Chúng tôi thu thập tất cả những báo cáo về các vụ giết người và những cái chết mờ ám từ các quận huyện ngoại thành, chúng tôi xếp lại để rồi sẽ đọc vào một ngày nào đó. Đó là quy luật, cũng giống như người ta sẽ khám xét mà không có lệnh khám xét hay bắt giữ một gã nào đó để tìm vũ khí mà không có lý do chính đáng. Nhưng chúng tôi phá vỡ quy luật và chúng tôi đã làm như vậy. Tôi không ngó tới các báo cáo mãi cho tới sáng hôm nay, tôi đọc một bản báo cáo về vụ giết một người da đen ở khu Trung tâm hôm thứ năm vừa rồi, do một gã hộ pháp hung bạo tên là Moose Malloy. Có một bằng

chứng đồng quy. Và cứ dìm chết tôi đi, nếu như không có một bằng chứng.

Ông mỉm cười dịu dàng, nụ cười thứ ba trong ngày.

- Anh có nghe đấy không?

- Tôi đang lắng nghe ông.

- Chỉ mới sáng nay thôi, anh hiểu không? Tôi nhìn tên người làm báo cáo và tôi biết anh ta, đó là Nulty. Và tôi biết vụ này bị thất bại. Nulty là loại người... À này, anh có khi nào tới Crestline chưa?

- Có.

- Ừ, ở gần Crestline có một chỗ để hàng đống những chiếc xe hòm cũ đã biến thành phòng ở. Tôi cũng có một phòng ở trên ấy, nhưng không phải là xe hòm. Một số xe hòm, tin tôi hay không thì tùy, chúng không còn lấy một chiếc bánh xe. Bây giờ Nulty ở đó, thành một gã bẻ ghi hảo hạng trong một chiếc xe hòm.

- Cái đó thật không hay, - tôi nói. - Đấy là một sĩ quan đồng sự của ông?

- Vậy là tôi kêu Nulty lên. Anh ta hết ho lại hắng và xin gia hạn, rồi anh ta nói chính anh có một ý kiến về một cô gái tên là Velma gì đó mà Malloy đã du dương một thời gian dài trước khi vào khám, rồi anh đi tìm mụ vợ góa của thằng cha chủ cái quán đã xảy ra vụ giết người, từ khi nó còn là một hang ổ của dân da trắng, lúc đó cả Malloy và cô gái cùng làm việc ở đấy. Địa chỉ của mụ góa ấy chính là khu 1644 - Tây - 54, nơi Mariott có chứng từ chuyển nhượng.

- Sao nữa?

- Vậy là tôi chỉ nghĩ tới những sự trùng hợp trong một buổi sáng - Randall nói - và tôi tới đây. Chỉ vậy thôi tôi cũng thấy chuyện thật là hay.

- Điều rắc rối là - tôi nói - câu chuyện có vẻ còn đi xa hơn. Cái cô Velma này đã chết, theo lời bà Florian. Tôi có ảnh cô ta.

Tôi đi vào phòng khách và thọc tay vào chiếc áo khoác. Tay tôi ngần ngừ khi tôi chợt cảm thấy câu chuyện thật là ngớ ngẩn và trống rỗng. Chúng không lấy những bức ảnh. Tôi lôi ra, mang vào

bếp và rút bức ảnh cô gái Pierrot đặt trước mặt Randall. Ông nghiên cứu cẩn thận.

- Tôi không nhận ra ai, - ông nói - còn bức kia nữa?

- Không, đây là tấm hình cắt trong báo của bà Grayle. Anne Riordan đưa nó cho tôi.

Ông nhìn tấm hình và gật đầu.

- Cho hai triệu đôla, tôi mới đi cưới cô ta.

- Có vài điều tôi phải nói với ông. Đêm vừa rồi thật rồ dại khốn kiếp, tôi nảy ra một ý tưởng ngông cuồng là đi xuống đó, cố gắng khám phá cái ổ quỷ ấy một mình. Bệnh viện tôi nói ở ngã tư phố Descanso và phố 23 ở Bay City do một gã tên là Sonderborg điều hành, gã bảo gã là bác sĩ. Gã chứa chấp một kẻ lẩn trốn trong đó. Tôi thấy chính Moose Malloy trong một gian phòng.

Randall sững sờ nhìn tôi.

- Chắc không?

- Người ta không thể nhầm gã được. Gã là một người khổng lồ. Gã không giống bất kỳ ai.

Ông nhìn tôi, không nhúc nhích. Rồi rất chậm chạp, ông đứng dậy.

- Chúng ta đến gặp cái bà Florian này.

- Về Malloy thì thế nào?

Ông ta lại ngồi xuống.

- Kể cho tôi nghe toàn bộ chuyện này thật chi tiết.

Tôi kể cho ông. Ông lắng nghe, không rời mắt khỏi tôi. Tôi nghĩ là ông cũng không chớp mắt nữa. Ông thở nhanh, miệng hé mở. Ông ngồi bất động, những ngón tay đặt trên mép bàn. Khi tôi kể xong, ông nói:

- Gã bác sĩ Sonderborg này, anh thấy giống cái gì?

- Giống một kẻ nghiện ma túy và chắc chắn là một kẻ buôn bán ma túy, - tôi mô tả hắn cho Randall nghe thật chính xác.

Ông lặng lẽ vào một căn phòng khác và nhấc máy điện thoại. Ông

quay số của mình và nói khẽ một lúc lâu. Rồi ông trở lại. Tôi vừa cạn tách cà phê nữa, đang luộc hai quả trứng, cắt hai lát bánh mì nướng và phết bơ. Tôi ngồi xuống ăn.

Randall ngồi trước mặt tôi, chống cằm lên bàn tay.

- Tôi đang có một nhân viên chống ma túy nhà nước ở đó với một lời than phiền giả vờ là muốn tìm ai đó. Anh ta có thể đưa vài ý kiến. Anh ta không tìm Malloy. Malloy đã rời khỏi chỗ đó mười phút sau khi anh rời khỏi đó quá. Đó là một điều anh có thể đánh cá.

- Tại sao không là cảnh sát Bay City? - Tôi vừa nói vừa rắc muối lên trứng.

Randall không nói gì. Khi tôi nhìn lên, thấy mặt ông đỏ và không thoải mái. Tôi nói:

- Ông là một cảnh sát đa cảm nhất mà tôi gặp.

- Ăn gấp lên. Chúng ta phải đi.

- Ăn xong tôi phải đi tắm rồi cạo râu và thay quần áo.

- Anh không thể đi bộ với pyjama được à? - ông hỏi, nhăn nhó.

- Vậy là thành phố này cũng quanh co như tất cả các nơi khác? - Tôi nói.

- Đây là thành phố của Laird Brunette.

Người ta nói là ông ta đã bỏ ra ba vạn đôla để được bầu làm thị trưởng.

- Ông bạn này sở hữu cả Câu lạc bộ Belvedere?

- Và hai sòng bạc nữa.

- Nhưng đây là xứ sở của chúng tôi, - tôi nói.

Ông nhìn những móng tay sạch sẽ sáng bóng của mình.

- Chúng ta sẽ ghé văn phòng của anh và lấy hai điếu cần sa khác - ông nói - nếu chúng vẫn còn ở đó, - ông bật ngón tay. - Nếu anh đưa tôi chìa khóa của anh, tôi sẽ tới đó trong khi anh cạo râu và mặc quần áo.

- Chúng ta sẽ cùng đi, - tôi nói. - Tôi phải nhận mấy lá thư.

Ông gật đầu, một lát sau, ông lại ngồi xuống và rút điếu thuốc lá

nữa. Tôi cạo râu, mặc quần áo và chúng tôi đi bằng xe của Randall.

Tôi có mấy lá thư nhưng không kịp đọc. Hai điếu thuốc bị cắt trong ngăn kéo bàn vẫn còn đó. Văn phòng của tôi không thấy có vẻ bị lục soát.

Randall lấy hai điếu thuốc, ngửi hít chỗ thuốc lá và nhét vào túi.

- Ông ta có một tấm thiếp của anh, - ông trầm ngâm. -Cái đó không thể không có một điều gì đó đằng sau, vậy là ông ta không băn khoăn về những cái khác. Tôi thiết tưởng Amthor không có gì phải sợ hãi nhiều, chỉ nghĩ là anh đang cố gắng lôi kéo một cái gì. Thôi chúng ta đi.

30

Già Nosey thò mũi ra ngoài cửa trước, ngửi hít cẩn thận như thể có một mùa hoa violet nở sớm, nhìn xuôi nhìn ngược khắp phố với ánh mắt gian giảo và gật gật cái đầu tóc bạc. Randall và tôi bỏ mũ ra. Hình như bà nhớ ra tôi.

- Xin chào bà Morrison, - tôi nói. - Chúng tôi có thể vào nhà một lát được không? Đây là trung úy Randall ở Sở.

- Trời đất ơi, tôi đang bận quá, đang ủi dở một đống quần áo, - bà nói.

- Chúng tôi không giữ bà quá một phút đâu.

Bà đứng lùi lại và chúng tôi qua trước mặt bà vào trong hành lang, một hành lang như tất cả những hành lang của Mason City hoặc một nơi nào đó mà đường dẫn đến phòng khách treo đầy những tấm màn cửa viền đăng ten trên các cửa sổ. Mùi bàn ủi cháy tỏa từ nhà trong. Bà đóng cánh cửa giữa cẩn thận tưởng như nó làm bằng cùi bánh mì khô giòn.

Sáng nay, bà mặc một chiếc tạp dề nửa trắng nửa xanh. Đôi mắt bà vẫn sắc sảo như cũ và cái cằm không chìa ra.

Bà dừng lại trước tôi một bước, vươn người nhìn thẳng vào mặt tôi:

- Bà ấy không nhận cái đó.

Tôi gật đầu nhìn Randall và Randall cũng gật đầu. Ông đến bên cửa sổ nhìn sang nhà bà Florian. Ông quay lại nhẹ nhàng, súng kẹp dưới nách, phóng khoáng như một cậu sinh viên trường cao đẳng.

- Bà ta không nhận cái đó? - Tôi hỏi.

- Không, bà ấy không có gì cả. Thứ Bảy là ngày đầu tháng, ngày nói dối ấy mà! - Bà dừng bước, chùi mắt bằng vạt tạp dề nhưng lại sực nhớ ra là chiếc tạp dề bằng cao su. Cái đó làm bà bực bội một

chút. Miệng bà như một quả mận chín nẫu.

- Khi người đưa thư đi qua mà không bước lên thềm nhà bà ấy, bà ấy chạy ra và gọi ầm lên, người đưa thư lắc đầu rồi đi mất. Thế là bà ấy quay vào nhà đóng cửa ầm ầm, tôi tưởng như gãy cả những cánh cửa sổ. Thật chẳng khác nào một mụ điên.

- Tôi khỏi cần biết, - tôi nói.

Già Nosey nói rành rọt với Randall:

- Để tôi xem cái phù hiệu của ông, ông bạn trẻ. Ông bạn trẻ kia lần trước đến đây sặc sụa mùi rượu. Tôi không thể nào tin cậy ông ta hoàn toàn được.

Randall chìa cái phù hiệu mạ vàng và tráng men xanh ra khỏi túi áo cho bà coi.

- Ông trông đúng là một viên cảnh sát chân chính, -bà nhận xét. - Này, hôm Chủ nhật không có gì xảy ra cả. Bà ấy đi ra ngoài để mua rượu. Lúc trở về cắp hai cái chai vuông.

- Rượu gin, - tôi nói - chi tiết này cũng hay. Những người tử tế không bao giờ uống rượu gin cả.

- Những người tử tế không bao giờ uống rượu cả, - bà đính chính.

- À, - tôi nói - Đến Thứ Hai, tức là hôm nay, người đưa thư lại đi qua. Lần này bà ấy buồn phiền thực sự.

- Buồn phiền là theo anh phỏng đoán, phải không, anh bạn trẻ? Không thể chờ cho người ta mở miệng được đâu.

- Thật tiếc, bà Morrison. Đây là một vấn đề quan trọng đối với chúng tôi, - Randall nói.

- Chỗ này ông bạn trẻ xem ra ăn nói không giữ mồm giữ miệng.

- Ông ấy có vợ rồi, - tôi nói. - Ông ấy có việc thực đấy.

Khuôn mặt bà có một bóng tím khiến tôi nhớ đến một chứng bệnh khó chịu.

- Bước ngay ra khỏi nhà tôi trước khi tôi gọi cảnh sát, -Bà thét lên.

- Đây chính là một sĩ quan cảnh sát đang đứng trước mặt bà, thưa bà, - Randall nói ngắn gọn - Bà đâu có gì nguy hiểm.

- Đúng là có đấy, - bà nói. Màu xanh tím trên mặt bà nhạt dần. - Tôi đang nói đến ông này.

- Chúng ta cùng làm việc thưa bà. Bà Florian hôm nay có nhận thư bảo đảm nào không?

- Không, - giọng bà dứt khoát. Đôi mắt nhìn trộm tôi, rồi bà bắt đầu nói liến láu. - Có người ở đó đêm qua, nhưng tôi không nhìn thấy họ. Hôm qua, người ta rủ tôi đi xem phim. Ngay khi chúng tôi trở về. Không, ngay sau khi người ta đi khỏi, một chiếc xe hơi cũng rời nhà bên cạnh. Rất nhanh và không có đèn. Tôi không nhìn được biển số.

Bà ném cho tôi một cái liếc mắt vụng trộm. Tôi tự hỏi tại sao lại phải vụng trộm thế. Tôi lững thững đến bên cửa sổ và vén tấm màn đăng ten. Một người mặc đồng phục màu xanh xám đang quanh quẩn gần nhà. Người này đeo một túi da và đội mũ lưỡi trai.

Tôi rời khỏi cửa.

- Bà bị trượt rồi, - tôi bảo bà, giọng khiếm nhã. - Trượt vỏ chuối rồi.

-Cái đó không có gì bực mình cả, - Randall nói lạnh lùng.

- Ông nhìn ra ngoài cửa sổ mà xem. - Ông ra cửa sổ và mặt ông đanh lại, nhìn bà Morrison im lặng. Ông đang chờ đợi, một âm thanh hay một cái gì mơ hồ sắp xảy ra. Và nó đến ngay.

Đó là một tiếng động như có cái gì đẩy vào trong khe bỏ thư ở cửa trước, có thể là một tờ quảng cáo nhưng không phải. Những bước chân rời khỏi bậc thềm ra ngoài phố và Randall lại tới cửa sổ. Người đưa thư không dừng lại ở nhà Florian. Ông ta đi khỏi, cái lưng màu xanh xám và cái túi da nặng thấp thoáng.

Ông quay đầu vào hỏi với vẻ lịch sự chết người:

- Ở quận này, người ta phát thư bao nhiêu lần trong một buổi sáng, bà Morrison?

- Chỉ một lần, - bà nói rành rọt. - Một lần buổi sáng và một lần buổi chiều. - Bà cố giữ vẻ thản nhiên.

Đôi mắt bà đảo nhanh. Cái cằm như cằm thỏ run run. Hai bàn tay

bà nắm chặt lấy mép viền cao su của cái tạp dề xanh trắng.

- Chuyến giao thư buổi sáng chỉ đi qua thôi, - Randall nói mơ màng. - Thư bảo đảm có đến cùng với những thư thông thường không?

- Bà ấy luôn luôn nhận ở chuyến thư đặc biệt, - giọng nói già cỗi gãy ra.

- Ồ, nhưng hôm Thứ Bảy, bà ấy chạy ra và gọi người đưa thư khi ông ta không dừng ở nhà bà ấy và bà đâu có nói gì về chuyến thư đặc biệt?

Theo dõi Randall làm việc với người khác thật là thú vị.

Miệng bà há ra, những chiếc răng đẹp sáng lên trông như vừa được ngâm một đêm trong thuốc tẩy.

Rồi đột nhiên bà kêu lên khàn khàn, hất cái tạp dề qua đầu rồi chạy ra ngoài phòng.

Ông nhìn cánh cửa, chỗ bà vừa đi khỏi sang bên kia vòm cuốn và mỉm cười. Một nụ cười khá mệt mỏi.

- Rành mạch và không một chút màu mè, - tôi nói. - Lần sau anh nhận lấy phần khó khăn. Tôi không thích làm khổ mình với các bà già, ngay cả nhưng chuyện mách lẻo.

Ông vẫn mỉm cười.

- Tương tự câu chuyện cũ - Ông nhún vai. - Phận sự cảnh sát. Đầu tiên, bà ta nói thật những gì mình biết. Nhưng nếu những điều ấy xem ra không kịp thời và không hấp dẫn, bà ta sẽ thêm thắt bịa đặt.

Ông quay người và chúng tôi đi vào căn phòng lớn. Những tiếng thổn thức yếu ớt vọng ra từ nhà trong. Đối với một số kẻ kiên nhẫn dai dẳng, đó sẽ là đòn cuối cùng, chắc vậy. Còn đối với tôi, nó chỉ là tiếng rền rĩ của một bà già, chẳng có gì hay hớm cả.

Chúng tôi đi nhanh ra khỏi ngôi nhà, đóng cánh cửa trước nhẹ nhàng, không làm rung cả tấm màn đăng ten. Randall đội mũ lên và thở dài. Rồi ông nhún vai, xòe cả hai bàn tay giá lạnh và trau chuốt. Tiếng thổn thức khe khẽ vẫn còn nghe thấy được từ phía nhà trong.

Người đưa thư đi quá hai ngôi nhà dưới phố.

- Công việc cảnh sát, - Randall nói nhỏ, qua hơi thở, rồi chúm môi lại.

Chúng tôi đi tới ngôi nhà bên cạnh. Bà Florian cũng chẳng buồn cất quần áo phơi ngoài dây ở mảnh sân bên cạnh. Chúng vẫn còn đó, rúm ró, vàng vọt và cứng quèo. Chúng tôi bước lên thềm, rung chuông. Không có tiếng trả lời. Chúng tôi gõ cửa. Vẫn không có ai trả lời.

- Lần trước cửa không khóa, - tôi nói.

Ông đẩy cửa. Lần này cửa lại khóa. Chúng tôi bước xuống hàng hiên, đi vòng quanh ngôi nhà ở phía bên kia.

Hàng hiên phía sau có một tấm mành móc chặt, vẫn không có gì xảy ra. Ông xuống hai bậc thềm gỗ mộc, đi theo lối xe chạy bỏ hoang cỏ mọc kín và mở cửa một nhà xe bằng gỗ. Những cánh cửa kêu kẽo kẹt. Nhà xe trống trơn. Mấy chiếc xe tải kiểu cổ chỉ đáng để làm củi. Mấy tấm tôn lợp vườn han rỉ, những cây gậy và những tấm bìa cũ. Trên bốn góc tường và trên những khe cửa, mạng nhện giăng đầy. Randall nhặt một thanh củi và đập gãy một cách lơ đãng. Ông đóng cửa nhà xe lại, bước dọc theo lối xe chạy hoang phế tới cửa trước và bước lên những bậc thềm từ phía nhà già Nosey. Vẫn không có ai trả lời tiếng chuông và tiếng gõ cửa của ông.

Ông quay lại chầm chậm, liếc nhìn đường phố qua vai.

- Cửa sau là dễ nhất, - ông nói. - Bây giờ con gà mái già sẽ chẳng chịu làm gì nữa hết. Mụ ta đã nói dối quá nhiều.

Ông bước lên hai bậc thềm, lách một lưỡi dao con vào khe cửa và nạy cái móc. Chúng tôi lọt vào sau tấm mành hàng hiên. Đây đó đầy những gậy gộc, rác rưởi, ruồi bu kín từng đám.

- Lạy Chúa, sống cái kiểu gì thế này! - ông nói. Cửa sau thì quá dễ. Một chiếc chìa khóa mỏng manh rẻ tiền cắm trong ổ. Nhưng có một cái then cửa.

- Cái này làm tôi bực mình, - tôi nói. - Tôi tưởng bà ta đập nó. Bà ta sẽ không khóa như thế này. Bà ta là chúa cẩu thả.

- Anh còn khó tính hơn cả tôi. (Nguyên văn: Cái mũ của anh cũ hơn mũ tôi), - Randall nói. Ông nhìn qua ô kính vào trong phòng - Phụ giúp tôi đập tấm kính này ra. Hay là chúng ta sẽ theo một cung cách nghiêm chỉnh?

- Đập đi. Còn ai nhòm ngó nữa.

- Ở đây mọi người đi vắng cả.

Ông lùi trở lại rồi bất thần đạp mạnh vào ổ khóa. Có cái gì gãy lắc rắc và cánh cửa hé vài phân. Chúng tôi mở hẳn ra và nhặt một thanh sắt lởm chởm trên sàn, đặt cẩn thận trên nắp cống, bên cạnh chín chai rượu gin đã rỗng.

Ruồi bu dầy đặc trên khắp những cửa sổ bếp đóng kín. Mùi hôi hám sặc sụa. Randall đứng giữa sàn, chăm chú nhìn quanh.

Rồi ông bước nhẹ nhàng qua cánh cửa bật mà không sờ đến nó, chỉ nhón gót và lấy mũi giày thúc nhẹ cho nó mở. Phòng khách vẫn như lần trước tôi tới. Chiếc máy thu thanh đã tắt.

- Một chiếc radio đẹp, - Randall nói - đắt tiền, nếu như phải mua. Có vấn đề gì đây.

Ông khuỵu một gối và nghiêng đầu nhìn theo tấm thảm rồi đi đến cạnh chiếc máy thu thanh và dùng chân dẫm một sợi dây buông thõng. Một cái nút hiện ra. Ông cúi người và xem xét cẩn thận những núm vặn trên máy thu thanh.

- Này, - ông nói - nhẹ nhàng và khá chắc. Cái đó khéo đấy. Anh không thấy những dấu vết trên sợi dây à?

- Nhét nó vào và nhìn, nếu nó bật lên.

Ông vòng tay, nhét sợi dây vào trong cái nút ở vách sau. Ánh sáng bật lên tức khắc. Chúng tôi chờ đợi. Tiếng o o rền một lúc rồi một âm thanh nặng nề bắt đầu vang qua chiếc loa. Randall dẫm lên sợi dây và giật nó lỏng ra. Âm thanh tắt ngấm.

Khi đứng thẳng người lên, mắt ông sáng ngời.

Chúng tôi đi nhanh vào phòng ngủ. Bà Florian nằm chéo qua

giường trong một chiếc áo vải mặc ở nhà nhàu nát. Những song giường lốm đốm vết sẫm như ruồi bâu.

Bà ta chết đã khá lâu.

Randall không chạm vào người bà ta. Ông đăm đăm nhìn một lúc lâu rồi lại nhìn tôi, răng nhe ra như răng chó sói:

- Xem trên mặt bà ta, - ông nói. - Cái đó hình như là giai điệu chính của vụ này. Kiểu chết như vậy chỉ là bởi hai bàn tay. Nhưng lạy Chúa, hai bàn tay nào nhỉ? Nhìn những vết tím ở cổ, chỗ những dấu ngón tay.

- Ông đi mà nhìn, - tôi nói và quay đi. - Anh già Nulty khốn khổ. Không phải chỉ là một vụ giết người sáng tỏ nữa rồi.

31

Một con bọ màu đen láng bóng có cái đầu màu hồng bò chầm chậm trên mặt chiếc bàn của Randall, ngoe nguẩy đôi râu xung quanh như để dò dẫm những con gió nhẹ.

Nó lắc lư hệt một bà già mang quá nhiều đồ. Một tay thám tử vô danh đang gọi điện thoại bằng chiếc ống nói kiểu cổ, giọng anh ta âm âm như một người kêu trong ống, đôi mắt nửa khép, bàn tay to lớn đặt trên bàn cầm một điếu thuốc lá cháy dở. Con bọ bò tới mép bàn của Randall và bước hụt vào không khí. Nó rơi ngửa trên sàn, khua những cái chân bé xíu cuống cuồng và rồi giả chết. Không ai quan tâm, thế là nó bắt đầu lại khua chân và cố vùng vẫy lật sấp xuống. Nó bò chầm chậm vào trong một góc trống, không biết đi đâu nữa.

Chiếc loa cảnh sát trên đường đưa ra thông báo về một vụ cướp ở khu Nam Pedro -44. Tên cướp là một người đàn ông trung niên mặc bộ quần áo xám sẫm và đội một cái mũ xám. Gã chạy về hướng đông của khu 44 rồi lủi mất giữa hai tòa nhà. Thông báo nói: Tiếp cận thận trọng, ngờ rằng tên này có vũ trang một khẩu súng cỡ 32 mà chính hắn đã cướp của chủ nhân nhà hàng Hy Lạp ở số 3966 Nam San Pedro.

Một tiếng lách cách rồi bản thông báo tắt trong không khí. Một bản khác nối theo, bắt đầu một danh sách xe hơi bị truy nã bằng giọng chầm chậm đơn điệu, mọi thứ nhắc lại hai lần.

Cửa bật mở và Randall bước vào, cầm một tập giấy đánh máy, ông bước nhanh qua phòng và ngồi xuống bên bàn trước mặt tôi, đẩy mấy tờ giấy cho tôi.

- Ký bốn bản.

Con bọ màu đen hồng bò tới góc phòng, khua những cái râu tìm lối thoát. Nó có vẻ hoảng hốt, bò dọc theo bờ tường đến một góc

khác. Tôi châm một điếu thuốc lá và tay thám tử đang kêu điện thoại đột ngột đứng dậy, đi ra khỏi văn phòng.

Randall ngửa người trên ghế nhìn mơ hồ, cái nhìn vừa lạnh lùng, vừa thân ái, vừa thích thú, lại vừa ghê tởm, tùy từng lúc.

- Tôi nói với anh vài chuyện, - ông nói. - Chỉ có điều anh đừng có băn khoăn day dứt. Đừng có gán ghép một nội dung nào đó. Có lẽ, vì Chúa, anh hãy để chuyện này nằm yên.

Tôi chờ đợi:

- Không có những dấu vết trong đống rác, - ông nói. - Anh biết tôi định nói cái gì không? Sợi dây được giật để tắt máy thu thanh, nhưng bà ta chắc chắn tự bật lên được. Điều đó hoàn toàn rõ ràng. Những người say thích mở lớn máy thu thanh. Nếu người ta đeo găng để làm một vụ giết người và người ta bật máy thu thanh để lấp đi tiếng súng hoặc một tiếng động gì đó, người ta có thể tắt đi cũng cách đó. Nhưng đấy không phải là điều đã xảy ra. Và cổ người đàn bà đó đã gãy. Bà ta đã chết trước khi thằng cha đó vặn cổ bà ta. Bây giờ vấn đề là tại sao gã lại vặn cổ bà ta?

- Tôi vẫn đang lắng nghe.

Randall chau mày.

- Chắc chắn gã không biết là gã đã bẻ gãy cổ bà ta. Gã nổi khùng với bà ta, - ông nói - và mỉm cười chua chát.

Tôi thở mấy vòng khói và xua ra khỏi mặt.

- Nào, vậy làm sao gã lại nổi khùng với bà ta? Có một ngàn đôla mà gã được trả trong thời gian gã bị tóm cổ ở cái tổ quỷ Florian vì vụ nhà băng Oregon. Món tiền đó đã trả cho một thằng cha luật sư láu cá chết hồi mới rồi, nhưng vợ chồng Florian có thể đã thấy cái món đó. Malloy có lẽ sinh nghi và bây giờ mới biết. Và gã đã điên tiết, cố lắc món tiền đó ra khỏi cổ bà ta.

Tôi gật đầu. Nó cũng đáng giá một cái gật đầu.

Randall tiếp tục:

- Gã nắm cổ bà ta chỉ một lần và những ngón tay của gã không trơn. Nếu chúng ta tóm cổ gã, chúng ta có thể chứng minh bằng

những vết tay mà gã đã để lại. Cũng có thể không. Các bác sĩ cho là sự việc xảy ra đêm qua, khá sớm. Dầu sao cũng còn phải khám xét chụp ảnh. Chúng ta không nhất định là Malloy đã tới đêm qua, không phải do hàng xóm láng giềng nào cả. Nhưng có vẻ là Malloy.

- Ờ, - tôi nói. - Đúng Malloy đấy. Gã chắc là không định giết bà ta, dù sao đi nữa. Gã chỉ khỏe quá thôi.

- Cái đó không giúp gì cho gã cả, - Randall nói tàn nhẫn.

- Tôi nghĩ là không. Tôi chỉ ghi nhận là Malloy không phải loại sát nhân. Giết khi cùng đường, nhưng không hiếu sát, đặc biệt lại là đàn bà.

- Đó có phải là một điểm quan trọng không? - Randall hỏi khô khan.

- Có lẽ ông biết rõ cái gì là quan trọng, cái gì không. Tôi thì không biết.

Ông đăm đăm nhìn tôi một lúc lâu và nghe đài phát thanh thông báo của cảnh sát về vụ cướp ở nhà hàng Hy Lạp khu Nam San Pedro. Bây giờ là thông báo bắt giữ. Kẻ cướp là một thằng bé Mehico 14 tuổi, vũ trang bằng khẩu súng phun nước của trẻ con. Chao ôi, đó lại là những bằng chứng mắt thấy tai nghe.

Randall chờ tới khi thông báo ngừng và tiếp tục:

- Sáng nay chúng ta là bạn bè với nhau. Cứ như thế đi. Bây giờ về nhà, nằm xuống và ngủ đẫy mắt. Trông anh suy nhược lắm. Cứ để tôi và cơ quan cảnh sát tiến hành vụ giết Mariott và truy tìm Malloy...

- Tôi phải trả nợ vụ Mariott, - tôi nói. - Tôi cảm thấy day dứt việc này. Bà Grayle lại nhờ vả tôi nữa. Cái gì khiến ông cứ muốn tôi rút ra và sống lười nhác?

Ông lại nhìn tôi.

- Tôi biết. Tôi là người nhân hậu. Người ta cấp bằng cho những anh chàng như anh. Có nghĩa là người ta chờ đợi anh làm một điều gì đó bên cạnh việc treo những tấm bằng ấy lên tường văn phòng. Mặt khác, bất cứ một hành động sai lầm nào đó với một kẻ bản tính

sẽ bẻ gãy anh.

- Không phải với vợ chồng Grayle sau lưng tôi.

Ông ngẫm nghĩ. Ông không thích thừa nhận tôi đúng, dù chỉ một nửa. Vậy nên ông cau mày và gõ mặt bàn.

- Chỉ có điều là chúng ta hiểu nhau, - ông nói sau một lúc ngừng. - Nếu anh bới vụ này, anh sẽ kẹt đấy. Sẽ là một vụ mắc kẹt mà anh có thể thoát ra bây giờ. Tôi không rõ lắm. Nhưng từng chút một, anh đang tạo ra một kẻ thù địch với anh ở sở này, kẻ sẽ gây khó dễ cho anh trong công chuyện nào đó của anh.

- Mỗi một thám tử tư phải đối mặt với điều đó mỗi ngày cho tới hết đời, trừ phi anh ta chỉ là một thằng đàn ông bất lực.

- Anh không được làm việc ở những vụ giết người.

- Ông đã nói phần ông và tôi nghe ông nói. Tôi không chờ đợi việc đứng ngoài mà lại hoàn tất những gì một cơ quan cảnh sát khổng lồ không thể hoàn tất. Nếu như tôi có một vài ghi nhận cá nhân nhỏ bé nào đó, - chúng chỉ là những gì nhỏ bé và cá nhân.

Ông vươn người chầm chậm qua bàn. Những ngón tay mảnh khảnh hiếu động gõ gõ. Mái tóc màu kem xám của ông ánh lên, đôi mắt bình thản lạnh lùng đè nặng lên tôi.

- Chúng ta tiếp tục, - ông nói. - Với thông tin tôi được phép nói: Amthor đã biến trên một chuyến tàu. Vợ ông ta - vừa là thư ký - không biết và cũng không chịu nói ông ta ở đâu. Gã da đỏ cũng biến mất tiêu. Anh có định kiện những người này không?

- Không, tôi không thể làm điều đó để rồi sa lầy được.

Ông nhìn tôi an ủi.

- Mụ vợ ông ta nói là mụ không hề nghe nói về ông. Còn hai gã cảnh sát Bay City - nếu đúng họ là cảnh sát - ở ngoài phạm vi của tôi. Tôi không làm rắc rối vấn đề đâu. Một điều tôi cảm thấy cực kỳ chắc chắn là Amthor không có liên quan gì đến cái chết của Mariott. Những điếu thuốc lá và những tấm thiếp của ông ta trong đó, chỉ là một trò bịp.

- Còn bác sĩ Sonderborg?

Ông xòe hai bàn tay.

- Cả cái ổ quỷ ấy đã chuồn. Những nhân viên của cơ quan điều tra đã bí mật tới đó, không hề tiếp xúc với Bay City. Ngôi nhà bị khóa kín và trống rỗng. Họ vào, dĩ nhiên. Một vài hang hốc bẩn thỉu đã được dọn sạch, nhưng còn rất nhiều dấu vết của chúng. Phải mất cả tuần để làm việc với những gì chúng tôi có. Bây giờ họ đang nghiên cứu các bức tường an toàn ở đấy. Chắc chắn có thuốc mê trong ngôi nhà và những thứ khác. Tôi có cảm tưởng rằng Sonderborg có một sào huyệt, không ở địa phương này mà ở đâu đó khác, cho việc phá thai, điều trị vết thương súng đạn, cải dạng vân ngón tay hoặc sử dụng thuốc mê bất hợp pháp. Nếu sự vụ tới các cơ quan Liên bang, chúng ta sẽ nhận được nhiều sự trợ giúp.

- Gã nói là gã là một bác sĩ y khoa, - tôi nói.

Randall nhún vai.

- Có thể từng là. Có thể chưa hề bị kết tội bao giờ. Có một thằng cha hành nghề y khoa gần Palm Spring vừa bị tố giác là một kẻ buôn bán ma túy ở Hollywood năm năm nay. Thằng cha tội lỗi như quỷ sứ nhưng được che chắn chu đáo. Hắn thoát được. Có điều gì làm anh bực bội vậy?

- Ông biết những gì về Brunett, nói đi.

- Brunett là một tay cờ bạc. Hắn làm nhiều đấy. Hắn làm cái đó khá ngon lành.

- Được. - tôi nói và bắt đầu đứng dậy. - Những chuyện đó có lý. Nhưng nó chẳng đưa chúng ta tới gần hơn bọn trấn lột nữ trang cao thủ đã giết Mariott.

- Tôi không thể nói với anh mọi điều, Marlowe.

- Tôi cũng không chờ cái đó, - tôi nói. - Tiện thể Jessie Florian có nói với tôi, khi tôi gặp bà ta lần thứ hai, rằng bà ta đã từng làm tạp vụ trong gia đình Mariott. Đó là lý do tại sao ông ta gửi tiền cho bà ta. Có cái gì quanh vấn đề ấy không?

- Có, những lá thư trong két sắt an toàn của ông ta về những lời cám ơn hoặc tương tự của bà ta, - ông có vẻ như co người lại vì rét.

- Bây giờ thì anh hãy vì Chúa, về nhà và nghĩ tới công việc của mình.

- Ông ta giữ cẩn thận những lá thư ấy kể cũng hay đấy chứ, phải không?

Ông ngước mắt lên, tới khi cái nhìn của ông dừng hẳn trên đỉnh đầu tôi, không thay đổi. Rồi ông hạ thấp mi mắt gần như khép lại. Ông cứ nhìn vậy khoảng mười giây đồng hồ. Rồi ông mỉm cười. Hôm nay ông cười hơi quá định mức, khéo lại dùng hết dự trữ cả tuần lễ.

- Tôi có một giả thuyết về cái đó, - ông nói. - Nó hơi điên rồ, nhưng đó là bản tính con người. Do hoàn cảnh sống, Mariott là một kẻ tống tiền. Tất cả những kẻ lừa đảo đều là những kẻ máu mê cờ bạc, hơn hoặc kém một chút, và tất cả những con bạc đều là những kẻ mê tín, hơn hoặc kém một chút. Tôi nghĩ Jessie Florian là bùa hộ mệnh của Mariott. Nếu ông ta giữ cẩn thận những gì của bà ta, sẽ không có gì xảy ra cho ông ta cả.

Tôi quay đầu lại nhìn con bọ đen hồng. Nó đã thử hai góc của căn phòng và bây giờ nó lắc lư tới góc thứ ba. Tôi đi tới, nhặt nó bỏ vào khăn tay của tôi và mang lại bàn.

- Xem này, - tôi nói. - Căn phòng này là tầng thứ 18 kể từ mặt đất. Và con bọ bé bỏng leo tất cả 18 tầng bằng mọi cách, chỉ để tìm bạn. Đây là bùa hộ mệnh của tôi -Tôi gói con bọ lại và nhét khăn vào túi. Randall chớp chớp mắt. Miệng ông mấp máy, nhưng không một tiếng nào thoát ra cả.

- Tôi tự hỏi, Mariott là bùa hộ mệnh của ai?

- Không phải của anh, anh bạn ạ, - giọng ông chua chát, chua chát một cách lạnh lùng.

- Có lẽ cũng không phải của ông, - giọng tôi bình thản, không sắc thái. Tôi ra khỏi phòng và đóng cửa lại.

Tôi xuống thang máy tới lối vào ở phố Spring và bước ra hàng hiên trước của City Hall rồi xuống vài bậc thềm đến một thảm hoa. Tôi thả con bọ cẩn thận dưới chân bụi cây.

Tôi tự hỏi, khi ngồi trong taxi về nhà, không biết người ta sẽ để

Randall làm ở Ban trọng án bao lâu nữa.

Tôi lấy xe ra khỏi nhà xe cư xá và ăn bữa trưa ở Hollywood trước khi đi Bay City. Đó là một chiều nắng muộn tráng lệ và hơi lạnh trên bãi biển. Tôi rời Đại lộ Arguelo ở quãng phố 3 và lái xe tới City Hall.

32

Đó là một tòa nhà có vẻ tồi tàn trong thành phố thịnh vượng này, giống phần lớn những tòa nhà ở miền nam và tây bắc Hoa Kỳ mấy thập kỷ trước. Những kẻ du thủ du thực ngồi la liệt thoải mái thành một dãy dài trên bức tường chắn giữ thảm cỏ trên gờ cao - bây giờ phần lớn là loại cỏ Bermuda. Tòa nhà có ba tầng và một tháp chuông, trên đỉnh nóc vẫn treo quả chuông xưa. Chắc chắn quả chuông đã từng rung lên vào những ngày tốt lành, khi thuốc lá còn được nhai nhai, nhổ nhổ.

Lối đi gấp khúc và những bậc thềm trước dẫn tới những cánh cửa mở hé hững hờ như chờ đợi. Bên trong là một hành lang dài u tối, có lẽ đã được lau chùi từ thời Mc Kinley, tổng thống thứ 25 của nước Mỹ, nhận chức.

Một chiếc biển gỗ cho biết cơ quan Ban thông tin của Sở Cảnh sát. Một người đàn ông vận sắc phục ngủ gà ngủ gật sau chiếc máy điện đàm, có ghi dòng chữ PBX, ở đầu một chiếc quầy gỗ sứt sẹo. Một người mặc thường phục, áo vest mở phanh, đọc báo bằng một mắt, ngáp dài và bảo: Văn phòng thủ trưởng trên gác sáu.

Tầng hai chỉ có vẻ sáng sủa và sạch sẽ hơn một chút, chứ không thể gọi là sáng sủa và sạch sẽ được. Một cánh cửa hé mở về mé biển, ở đầu mút gian sảnh, ghi: “John Wax, Thanh tra Cảnh sát. Cửa vào”.

Bên trong có một hàng thanh chắn thấp bằng gỗ. Phía sau là một người đàn ông đang mổ cò máy chữ bằng hai ngón trỏ và một ngón cái. Ông ta cầm tấm thiếp của tôi, ngáp, nói ông ta sẽ xem và uể oải bước vào một cánh cửa có ghi: “John Wax, Thanh tra Cảnh sát. Phòng riêng.” Ông ta quay lại, mở cánh cửa ở hàng thanh chắn cho tôi.

Tôi bước vào và đóng cánh cửa sau lưng. Căn phòng mát lạnh, rộng rãi, ba mặt có cửa sổ. Một chiếc bàn gỗ lùi tít mãi phía xa của

tấm thảm màu xanh da trời, người ta sẽ phải mở to mắt ra mà nhìn.

Tôi bước đến trước bàn, một chiếc biển dập nổi dòng chữ: “John Wax, Thanh tra Cảnh sát.” Tôi hình dung thấy cái tên sẽ cắm sâu vào trí nhớ tôi. Tôi nhìn người đàn ông sau chiếc bàn. Đó là một người đồ sộ và thấp lùn, mái tóc đỏ quạch cắt ngắn, lộ một mảng da đầu đỏ hồng, bóng loáng. Ông ta có đôi mắt nhỏ hau háu, mặc bộ đồ bằng vải flanen màu nâu vàng, sơmi và cà vạt màu cà phê, một chiếc nhẫn kim cương, một cây ghim đính kim cương gài trên ve áo, và chiếc khăn tay cứng đúng kiểu thổi lên khỏi túi ngực.

Bàn tay múp míp cầm tấm thiếp của tôi. Ông ta đọc, lật tấm thiếp để đọc mặt sau, nhưng nó trống trơn, rồi lại đọc mặt trước, đặt nó xuống bàn, lấy một cái chặn giấy hình con khỉ bằng đồng đè lên như thể sợ mất.

Ông ta trỏ vào tôi và lại trỏ vào ghế:

- Ngồi xuống, ông Marlowe. Tôi gặp ông trong công việc của chúng tôi đôi lần. Tôi có thể giúp gì được cho ông đây?

- Một rắc rối nhỏ thôi, ông thanh tra ạ. Ông có thể giải quyết giùm tôi trong một phút, nếu ông quan tâm.

- Rắc rối, - ông nói nhẹ nhàng - Một rắc rối nhỏ thôi à?

Ông ta xoay mình trong chiếc ghế, duỗi cặp chân nặng nề và nhìn qua cửa sổ, nghĩ ngợi. Tôi nhìn thấy đôi bít tất tơ và đôi giày da Ăng-lê, trông như được vứt lên từ một thùng rượu vang. Tính ra phụ tùng trên người ông có cả ngàn đôla.

- Rắc rối, - ông nói, vẫn nhẹ nhàng - thành phố của chúng ta nhỏ bé, không có quá nhiều chuyện như thế đâu, ông Marlowe. Thành phố của chúng ta nhỏ nhưng sạch sẽ lắm. Tôi nhìn ra những cửa sổ phía tây và thấy Thái Bình Dương. Không còn gì sạch sẽ hơn nó, phải không nào? Tôi không nói đến hai sòng bạc chìm lút trong những cơn sóng tiền, chỉ ngay phía bên kia giới hạn ba dặm.

- Đúng thế, ông thanh tra - tôi nói.

Ông ngả người ra phía sau một chút.

Tôi lại nhìn ra những cửa sổ phía bắc, thấy cảnh tấp nập của Đại

lộ Arguello và những chân đồi California đẹp đẽ. Ngay phía trước đây thôi là một đời sống quyến rũ nhất mà một con người có thể thèm muốn. Tôi nhìn ra những cửa sổ phía nam đúng nơi tôi đang nhìn đây. Tôi thấy cái bến thuyền đua xinh xắn nhất thế giới. Tôi không nhìn những cửa sổ phía đông, nhưng nếu có nhìn, chắc sẽ thấy một khu nhà ở mà người ta phải rỏ rãi. Không, thưa ông, rắc rối là cái mà chúng ta không vớ được nhiều trong cái thành phố bé nhỏ này đâu.

- Tôi thiết tưởng tôi đã vớ phải ít nhất một vài rắc rối cho chính tôi. Ông có ai dưới quyền tên là Galbraith, một nhân viên mặc thường phục, hay không?

- Có, tôi biết điều tôi nói, - ông ta nói và đảo nhanh đôi mắt - có chuyện gì về anh ta vậy?

- Ông có ai dưới quyền giống thế này không? - Tôi mô tả một người khác, một kẻ nhỏ thó, thấp, có bộ ria mép và nện tôi bằng dùi cui. - Anh ta đi với Galbraith. Có người gọi anh ta là ông Blane, nhưng hình như cái tên đó là giả mạo.

- Hoàn toàn ngược lại, - viên thanh tra to béo nói cứng ngắc - Anh ta là Trưởng ban Điều tra của tôi, đại úy Blane.

- Tôi có thể gặp hai người này trong cơ quan của ông không?

Ông ta cầm tấm thiếp của tôi lên và lại đọc, rồi đặt nó xuống. Ông ta phẩy tay.

- Không được, nếu không có một lý do nào đáng kể hơn, - ông ta nói khéo léo.

- Tôi không nghĩ rằng tôi có thể đưa ra lý do nào nữa, Ông thanh tra ạ. Ông có được biết một người tên là Jules Amthor không? Ông ta tự xưng là cố vấn tâm linh. Ông ta ở một đỉnh đồi của Stillwood Heights.

- Không. Stillwood Heights không phải là địa phận của tôi, - viên thanh tra nói. Đôi mắt ông ta bây giờ bộc lộ những suy nghĩ khác.

- Cái đó thật là khôi hài, - tôi nói - ông xem, tôi gọi điện cho ông Amthor về việc một khách hàng của tôi, ông Amthor lại bảo tôi tống

tiền ông ta. Chắc chắn ông ta đưa ý kiến kiểu như vậy khá dễ dàng. Ông ta có một gã vệ sĩ da đỏ hung bạo không thể tưởng được; hắn đã khóa tôi và Amthor đánh tôi bằng khẩu súng của tôi. Rồi ông ta đẩy tôi cho hai viên cảnh sát; họ chính là Galbraith và Blane. Hình như điều này khiến ông quan tâm ít nhiều?

Thanh tra Wax vỗ vỗ bàn tay trên bàn rất nhã nhặn. Ông ta khép hờ đôi mắt. Ánh lạnh lùng của đôi mắt ông ta qua mí mắt dày chiếu thẳng vào tôi. Ông ta ngồi yên lặng như nghe ngóng. Một lát, ông ta mở mắt và mỉm cười.

- Và rồi cái gì xảy ra? - Ông ta hỏi, lịch sự như một vệ sĩ ở một câu lạc bộ quý phái.

- Họ áp giải tôi, đẩy tôi ra khỏi xe họ bên một sườn núi và nện dùi cui vào đầu tôi.

Ông ta gật đầu, tự nhiên nhất trần đời.

- Đó là Stillwood Heights, - ông ta nói nhẹ nhàng.

- Đúng.

- Ông có biết tôi nghĩ gì về ông không? - Ông ta vươn người và phía trước một chút.

- Một kẻ nói láo, - tôi nói.

- Cửa kia kìa, - ông nói và chỉ cánh cửa bằng ngón út của bàn tay trái.

Tôi không nhúc nhích và nhìn thẳng vào ông ta. Khi ông ta sắp sửa phát khùng để nhấn nút còi, tôi nói:

- Chúng ta không nên cùng phạm một lỗi giống nhau. Ông nghĩ rằng tôi là một gã thám tử tư hèn mọn đang cố gắng túm tóc nhấc mình lên khỏi mặt đất, cố làm một điều gì chống lại cơ quan cảnh sát. Ngay cả nếu điều đó đúng, nhà chức trách công tâm sẽ không thể chứng minh. Không một chút nào. Tôi không hề làm một kháng cáo nào hết. Tôi muốn tự thanh toán với Amthor và muốn anh chàng Galbraith giúp tôi làm điều đó, khỏi cần phiền ông Blane. Galbraith là đủ. Và không phải ở đây tôi không có sự trợ giúp, sau lưng tôi có những người có ảnh hưởng lớn.

- Sau lưng có xa không? - Viên thanh tra hỏi và cười nhạt.

- Chỉ tới số 862 đường Aster Drive, nơi ông Merwin Lockridge Grayle cư trú.

Khuôn mặt ông ta thay đổi toàn bộ, như thể một người nào khác đang ngồi trong chiếc ghế.

- Bà Grayle là khách hàng của tôi, - tôi nói.

- Khóa cửa lại, - ông ta nói. - Ông còn trẻ hơn tôi. Cài cả then nữa. Chúng ta sẽ phải cư xử thân mật với nhau hơn trong chuyện này. Ông có một bộ mặt chân thành đấy, ông Marlowe.

Tôi đứng dậy và khóa cửa. Khi tôi bước qua tấm thảm màu da trời trở lại bàn, viên thanh tra đã lấy ra một cái chai khá đẹp và hai cái ly. Ông ta ném một vốc lạc rang lên bàn và rót đầy cả hai ly.

Chúng tôi nhậu, nhai lạc rang thong thả và nhìn vào mắt nhau.

- Nhậu với lạc là hay nhất, - ông ta nói và lại rót đầy ly, tôi vẫn lặng lẽ nhai. Ông ta thổi vỏ lạc xuống sàn và mỉm cười ngả người ra đằng sau.

- Bây giờ chúng ta nói chuyện, - ông ta nói. - Ông đang làm vụ này cho bà Grayle, có gì dính líu đến Amthor?

- Có một chút liên quan. Dù sao tôi cũng nên nói với ông vài sự thật.

- Đúng thế! - Ông ta nói và với tay lấy ống điện thoại. Ông ta rút một quyển sổ nhỏ trong túi áo vest, tìm một con số - Những cộng tác viên nhà quê - ông ta nói và nháy mắt. - Ông thị trưởng cứ khăng khăng rằng tất cả những phong thái lịch thiệp phải được phổ cập. Vâng, nó đấy. - Ông ta cất quyển sổ và quay số. Ông ta lại gặp những phiền toái tương tự ở viên quản gia giống y như tôi. Nó làm tai ông ta đỏ lên. Cuối cùng, ông ta cũng gọi được điện cho bà ta và đôi tai vẫn đỏ. Ông ta nghe được một điều gì khá rành rọt.

-Bà ta muốn nói chuyện với ông, - ông ta nói và đưa điện thoại qua chiếc bàn rộng.

- Phil đây, - tôi nói, nháy mắt với viên thanh tra. Có một tiếng cười khiêu khích.

- Ông đang làm gì với cái gã ngớ ngẩn béo phị ấy?

- Nhậu lai rai một chút thôi.

- Ông phải làm việc đó với hắn à?

- Có. Một lúc thôi. Công việc. Ở đó có gì mới không? Tôi thiết tưởng bà biết tôi định nói gì?

- Không. Ông biết không, ông bạn quý của tôi, ông đã cho tôi leo cây một giờ đồng hồ đêm hôm nọ. Tôi đã nguyền rủa, ông cư xử với tôi kiểu gì vậy?

- Tôi bị kẹt. Đêm nay thế nào?

- Để tôi xem. Đêm nay thì... Ngày nào trong tuần lễ là ngày thiên đường nhất?

- Để tôi gọi điện cho bà thì hơn, - tôi nói. - Không chắc tôi có thể chiều bà được. Hôm nay là Thứ Sáu.

- Bậy, - tiếng cười êm ái vọng đến. - Hôm nay là Thứ Hai, vẫn giờ ấy, chỗ ấy. Lần này thì đừng có rồ dại nữa nhé.

- Để tôi gọi điện cho bà thì hơn.

- Làm như tôi nói đi.

- Tôi không hứa chắc được. Cứ để tôi gọi điện.

- Trục trặc gì thế? Tôi xem nào. Có lẽ tôi cũng phát rồ với ông mất thôi.

- Thực ra bà là như thế đấy.

- Tại sao?

- Tôi là một kẻ khốn khổ, nhưng tôi trả giá cho lối sống của tôi. Và cái đó không lấy gì làm êm ái như bà mong muốn đâu.

- Ông thật khốn kiếp nếu ông không tới đó.

- Tôi nói là tôi sẽ gọi điện cho bà.

Bà ta thở dài.

- Đàn ông ai cũng như ai.

- Và đàn bà ai cũng như ai. Sau chín tháng mười ngày.

Bà ta quyền rủa tôi và gác máy. Viên thanh tra trố mắt ngạc nhiên.

Ông ta rót đầy hai ly với bàn tay run run và đẩy một ly cho tôi.

- Thế đấy, - ông ta nói trầm ngâm.

- Chồng bà ấy không quan tâm tới vụ này, vậy chớ có làm điều gì sai lầm.

Ông nhăn mặt uống ly rượu của mình và bóp vỡ những củ lạc rang, vẻ ưu tư. Chúng tôi uống la đà. Đầy tiếc rẻ, viên thanh tra cất chai và ly rồi bật một cái núm trên hộp máy nói.

- Bảo Galbraith lên đây, nếu anh ta có nhà. Nếu không, tìm anh ta cho tôi.

Tôi đứng dậy mở khóa cửa rồi lại ngồi xuống. Chúng tôi không phải đợi lâu. Cánh cửa bên có tiếng gõ, viên thanh tra trả lời. Hemingway bước vào. Anh ta bước tới bàn, đứng lại, nhìn thanh tra Wax với đôi mắt vừa nhũn nhặn vừa ương ngạnh.

- Gặp ông Philip Marlowe, - viên thanh tra nói vui vẻ - một thám tử tư ở L.A.

Hemingway quay người một chút để nhìn tôi, không có vẻ gì là anh ta đã từng gặp tôi cả. Chúng tôi đưa tay ra và anh ta lại nhìn viên thanh tra.

- Ông Marlowe có một câu chuyện lạ lùng - viên thanh tra nói, xảo quyệt như Giáo chủ Richelieu - về một người tên là Amthor ở Stillwood Heights. Hình như ông Marlowe đến gặp ông ta, anh và Blane ngẫu nhiên cũng có ở đó. Rồi lời qua tiếng lại vài điều. Tôi quên mất chi tiết.

- Chắc có gì nhầm lẫn, - Hemingway nói. - Tôi không hề gặp ông này bao giờ.

- Thực tế là cũng có một sự nhầm lẫn, - viên thanh tra nói mơ màng. - Khá vặt vãnh, nhưng vẫn là lầm lẫn. Ông Marlowe coi chuyện đó không mấy quan trọng.

Hemingway quay lại nhìn tôi. Mặt anh ta như tạc bằng đá.

- Thực tế ông ấy không mấy quan tâm đến sự nhầm lẫn, - viên thanh tra mơ màng. - Nhưng ông ấy muốn khiếu nại ông Amthor này và muốn có người làm chứng cho câu chuyện rắc rối ở đó. Hình như

ông Amthor có một người vệ sĩ da đỏ khá hung bạo và ông Marlowe có chút hoài nghi năng lực của mình nếu không có sự giúp đỡ. Anh cho rằng anh có thể tìm ra chỗ ông Amthor này sống được không?

- À, - Hemingway nói - nhưng Stillwood Heights ở ngoài địa giới, thưa sếp. Đây chỉ là một thiện ý đối với một người bạn của ông thôi, phải không?

- Anh cứ coi như vậy, - viên thanh ưa nói, ngắm nghía ngón tay cái. - Dĩ nhiên chúng tôi không muốn làm một điều gì không đúng pháp luật.

- À, - Hemingway nói. - Không! - anh ta ho - Khi nào chúng tôi đi?

Viên thanh tra nhìn tôi đầy nhân từ.

- Bây giờ cũng được, - tôi nói. - Nếu ông Galbraith thấy thích hợp.

- Tôi làm cái gì tôi đã nói, - Hemingway nói.

Viên thanh tra nhìn anh ta đăm đăm.

- Hôm nay đại úy Blane thế nào? - ông ta hỏi, miệng nhai lạc tóp tép.

- Xấu lắm. Viêm ruột thừa, - Hemingway nói. Viên thanh tra lắc đầu buồn bã. Rồi ông chống vào tay ghế đứng dậy, chìa bàn tay múp míp qua bàn.

- Galbraith sẽ tận tình với ông, ông Marlowe. Ông có thể tin điều đó.

- Được, chắc chắn là ông ta đang hết lòng, ông thanh tra ạ, - tôi nói - Tôi không biết làm thế nào để cám ơn ông.

- Xì! Khỏi cần cảm ơn. Bạn bè hết lòng với nhau bao giờ chả vui sướng, việc gì phải nói.

Ông ta nháy mắt với tôi. Hemingway nhìn ông ta nháy mắt nhưng không nói gì thêm cả.

Chúng tôi đi ra, viên thanh tra còn nhìn theo, làm một tiếng "xì" thân ái để đưa tiễn. Cánh cửa đóng lại. Hemingway nhìn quanh gian sảnh rồi lại nhìn tôi.

- Anh chơi cái đó khéo đấy, ông mãnh, - anh ta nói. -Anh phải làm

điều gì đó chúng ta chưa bàn.

33

Chiếc xe lướt êm ả theo một đường phố yên tĩnh. Những vòm lá cây hồ tiêu giao nhau bên trên thành một đường ống màu xanh sẫm. Nắng lấp lánh rọi qua những cành cao và những chiếc lá mảnh, sáng màu. Một tấm biển ở góc đường ghi: "Phố 18".

Hemingway lái xe và tôi ngồi bên cạnh. Anh ta lái rất chậm, gương mặt đăm chiêu.

- Anh nói với ông ta có nhiều không? - Anh ta nói ra thắc mắc của mình.

- Tôi bảo ông ta rằng anh và Blane tới đó, đưa tôi ra, đẩy tôi ra khỏi xe và đánh vào gáy tôi. Tôi không nói với ông ta những chuyện về sau.

- Không nói gì về ngã tư 23 - Descano hả?

- Không.

- Tại sao?

- Tôi nghĩ có lẽ tôi có thể được anh hợp tác nếu tôi không nói.

- Đấy là một ý. Anh thực sự muốn đến Stillwood Heights hay chỉ là một mẹo để lảng tránh?

- Chỉ là một mẹo thôi. Cái tôi thực sự muốn là anh bảo tôi tại sao anh đẩy tôi vào cái ngôi nhà kinh khủng ấy? Và tại sao tôi bị giữ ở đó?

Hemingway ngẫm nghĩ, má anh ta giật dưới lần da xạm.

- Cái gã Blane đó, - anh ta nói - cái khoanh chân giò ấy. Tôi không định để hắn đập anh. Cũng không định để anh đi bộ về nhà, thực sự không. Đó chỉ là một hành động. Vốn dĩ chúng tôi bồ bịch với gã thầy tu ấy và giữ cho người ta khỏi kiếm chuyện với hắn. Anh sẽ ngạc nhiên khi thấy vô số người tính kiếm chuyện với gã thầy tu.

- Tôi cũng đã ngạc nhiên, - tôi nói.

Anh ta quay đầu. Đôi mắt xám của anh ta lạnh như băng. Rồi anh ta lại nhìn thẳng phía trước qua tấm kính chắn gió đầy bụi và tiếp tục trầm ngâm.

- Những cha cảnh sát già ấy nhiều lúc thật hung hãn, -anh ta nói. - Có thể vặn cổ kẻ khác như chơi. Lạy Chúa, tôi cũng phát sợ. Anh gục xuống như một bao xi măng. Tôi đã cãi cọ với Blane không ít. Rồi chúng tôi đưa anh đến chỗ Sonderborg ở ngay gần đấy, nghĩ rằng gã là một người tử tế và sẽ trông nom anh.

- Amthor có biết anh đưa đến đó không?

- Mẹ kiếp, không. Đó là ý tụi tôi.

- Anh cho rằng Sonderborg là một người tử tế và gã sẽ săn sóc tôi? Và gã không làm ngược lại? Làm gì có cơ hội nào cho một lời khiếu nại của tôi có thể khiến một thằng cha bác sĩ bị rầy rà trong cái thành phố bé nhỏ và ngọt ngào này? Không, không có cơ hội nào hết cho một lời khiếu nại, nếu tôi làm.

- Anh định dùng bạo lực hay sao? - Hemingway hỏi.

- Không phải tôi, - tôi nói. - Ngay cả anh cũng đừng bao giờ một lần trong đời. Bởi vì công ăn việc làm của anh treo trên sợi tóc. Anh nhìn bằng đôi mắt của ông sếp và anh đã nhìn như thế. Tôi không tới đó mà không có thư ủy nhiệm, không phải chuyến này.

- Được, - Hemingway nói và nhổ ra ngoài cửa xe. - Tôi không có một ý nào về sử dụng bạo lực, ngoại trừ là lề thói của những cái miệng gang thép. Gì nữa?

- Blane ốm thực à?

Hemingway gật đầu nhưng trông có vẻ buồn.

- Chắc chắn rồi. Đau từ hôm kia và bị vờ trước khi người ta mổ ruột thừa. Hắn đã có một cơ hội, nhưng chẳng tốt lành gì?

- Chúng ta chắc chắn không muốn mất hắn, - tôi nói - một người như hắn là một của quý của bất kỳ lực lượng cảnh sát nào.

Hemingway như nhai nhai câu nói đó và nhổ nó ra ngoài cửa xe.

- Thôi được, vấn đề tiếp theo, - anh ta thở dài.

- Anh đã bảo tôi tại sao anh đẩy tôi tới chỗ Sonderborg. Nhưng anh không nói với tôi tại sao hắn giữ tôi ở đó suốt 48 giờ đồng hồ, khóa cứng tôi trong phòng và chích đầy thuốc mê.

Hemingway thắng xe lại nhẹ nhàng bên cạnh lề đường. Anh ta đặt hai bàn tay to lớn cạnh nhau trên vô lăng và chà xát hai đầu ngón tay cái vào nhau.

- Tôi sẽ không còn một ý kiến nào nữa, - anh ta nói, giọng mịt mờ.

- Tôi có những giấy tờ cá nhân, chùm chìa khóa, một ít tiền và mấy bức ảnh. Nếu hắn không biết rõ các anh, hắn có thể tưởng các anh đưa tôi vào đó để dò xét. Nhưng đằng này hắn lại biết các anh quá rõ, đâm ra tôi khó xử.

- Cứ việc mà khó xử, anh bạn. An toàn lắm đấy.

- Có thể thật, - tôi nói. - Nhưng không có gì thỏa mãn.

- Anh có luật pháp L.A đằng sau anh không?

- Về cái gì?

- Những điều anh nghĩ về Sonderborg?

- Không chính xác.

- Cái đó không có nghĩa là có hay không.

- Tôi không coi điều đó quan trọng, - tôi nói. - Luật pháp L.A. có thể đưa vào đây một mức nào đó, người ta cảm thấy ưa thích, - dù sao cũng chỉ là hai phần ba của chúng. Tôi có một người ở văn phòng của Cục Điều tra. Tôi đã từng làm việc ở đó. Tên anh ta là Bernie Ohls. Anh ta là một thanh tra.

- Anh mang cái đó đến anh ta à?

- Không, tôi không nói với anh ta trong một tháng.

- Sao anh không nghĩ đến việc mang nó đến anh ta?

- Không, nếu nó trở ngại đến vụ tôi đang làm.

- Vụ cá nhân à?

- Phải.

- Được. Anh muốn gì?

- Trò ám muội thực sự của Sonderborg là gì?

Hemingway lại nhổ ra ngoài cửa sổ.

- Chúng ta ở trên một đường phố đẹp, phải không? Những ngôi nhà đẹp, những khu vườn đẹp và khí hậu tuyệt vời. Anh có nghe nói nhiều về những cảnh sát gian manh không?

- Một lần thoáng qua thôi, - tôi nói.

- Được, có bao nhiêu gã cảnh sát mà anh tìm thấy, sống trong một đường phố đẹp như thế này với những thảm cỏ và hoa? Tôi biết bốn hoặc năm. Họ vớ toàn chỗ ngon. Còn những gã cảnh sát giống như tôi sống trong những ngôi nhà lụp xụp ở khu vực tồi tệ của thành phố. Anh có muốn thấy nơi tôi sống không?

- Điều đó chứng minh cái gì?

- Nghe này, anh bạn, - gã đàn ông to lớn nói, giọng nghiêm trang. - Anh đặt tôi trên một sợi dây, nhưng nó có thể đứt. Không phải viên cảnh sát nào cũng mánh lới vì tiền và không phải lúc nào cũng vậy. Họ đứng trong một tổ chức. Và cái gã ngồi ở trên đó, trong góc cái văn phòng đồ sộ đẹp đẽ ấy, với bộ phần áo sang trọng và hơi thở sặc mùi rượu đắt tiền, gã không ra lệnh. Anh hiểu tôi không?

- Tay thị trưởng là người thế nào?

- Thị trưởng ở đâu mà chả thế? Những kẻ làm chính trị. Anh nghĩ gã ra lệnh à? Điên rồ. Anh biết gì về cái đất nước này, ông mãnh?

- Tôi nghe nói, quá nhiều tư bản ướp đông lạnh.

- Người ta không thể nào giữ được sự chân thành của mình, dù muốn, - Hemingway nói. - Đó chính là vấn đề của xứ sở này. Người ta giở trò xoay xở nếu người ta muốn. Người ta hành động bẩn thỉu hoặc người ta nhịn ăn. -Không thiếu gì những thằng con hoang chỉ nghĩ được mỗi một điều rằng, tất cả cái chúng ta cần là chín mươi ngàn nhân viên F.B.I. trong những chiếc cổ cồn sạch sẽ và những tủ hồ sơ. Điên rồ. Anh có biết tôi nghĩ gì không? Tôi nghĩ chúng ta phải làm lại tất cả cái thế giới nhỏ bé này. Vấn đề bây giờ là tái vũ trang đạo lý. Cái đó anh cũng đưa ra được vài điều, ông mãnh ạ.

- Nếu Bay City là một ví dụ, tôi sẽ uống aspirin, - tôi nói.

- Anh có thể quá khôn ngoan, - Hemingway nói nhẹ nhàng. - Anh

có thể không nghĩ đến nó, nhưng nó có thể là như vậy. Anh có thể khôn ngoan, nhưng sự khôn ngoan không giúp cho người ta tư tưởng, sự khôn ngoan không phải là tư tưởng. Tôi, tôi chỉ là một thằng cảnh sát hạng bét, tôi nhận lệnh. Tôi có vợ và hai đứa con và tôi làm cái gì mà những khẩu súng lớn nói. Blane có thể bảo anh vài điều. Tôi, tôi mù tịt.

- Có chắc chắn là Blane đau ruột thừa không? Có chắc chắn không phải là Blane tự bắn vào bụng mình vì một sự sụp đổ nào đó không?

- Không phải như vậy, - Hemingway nói và đập đập tay lên vôlăng - Hãy cố mà nghĩ đẹp về con người.

- Về Blane ấy à?

- Hắn là một con người, giống y như chúng ta, -Hemingway nói. - Hắn là một kẻ tội lỗi, nhưng là một con người.

- Trò ma giáo của Sonderborg là gì?

- Được. Tôi chỉ nói với anh thôi. Có lẽ tôi sai. Tôi hình dung anh là kẻ có thể đưa ra một ý kiến đúng đắn.

- Anh không biết trò ma giáo của hắn là gì hết, - tôi nói:

Hemingway rút khăn tay ra lau mặt.

- Anh bạn ơi, tôi không thích thừa nhận điều đó, - anh ta nói - nhưng anh hãy biết cho rằng nếu tôi hoặc Blane biết Sonderborg có trò ma giáo, không đời nào chúng tôi đẩy anh xuống đó hoặc là anh sẽ không phải ra ngoài xe, không đi bộ nữa. Tôi đang nói về những trò ma giáo xấu xa thực sự, dĩ nhiên là thế. Không có lối chuyện phiếm như kiểu các bà già đoán vận may bằng quả cầu thạch anh đâu.

- Tôi đâu có nghĩ là mình chuồn ra được, - tôi nói. - Có một loại thuốc Scopolamine, loại huyết thanh sự thật, có thể làm cho người ta nói ra những gì mà người ta không biết là mình nói. Đôi khi còn hơn cả thôi miên nữa Tôi nghĩ là tôi bị hành hạ ở đó cốt để họ tìm ra cái gì tôi biết. Nhưng chỉ có ba cách khiến cho Sonderborg biết rằng có điều gì đó ở tôi có thể làm hại hắn. Một là Amthor có thể nói với hắn. Hai là Moose Malloy có thể bảo cho hắn biết tôi tìm Jessie

Florian. Ba là hắn có thể nghĩ tôi được đẩy vào đó để làm chỉ điểm.

Hemingway nhìn tôi buồn bã.

- Tôi không thể nhìn thấy ở anh một chút tội lỗi nhỏ nhặt nào, - anh ta nói. - Cái gã khốn kiếp Moose Malloy ấy là ai vậy?

- Một con đười ươi kếch xù đã giết một người ở Đại lộ Trung tâm mấy ngày trước đây. Gã có trên điện báo của cơ quan các anh, nếu anh đọc. Và chắc chắn anh sẽ có một thông báo về hắn ngay lúc này.

- Về cái gì?

- Về việc Sonderborg giấu hắn. Tôi thấy hắn ở đó, nằm trên giường đọc báo, cái đêm tôi chuồn ra ngoài.

- Anh chuồn thế nào? Không bị khóa à?

-Tôi gõ thằng gác bằng một cái lò xo giường. Tôi gặp may.

- Thằng khổng lồ ấy có thấy anh không?

- Không.

Hemingway đưa xe ra khỏi lề đường và một nụ cười cứng quèo gắn mãi trên mặt anh ta.

- Chúng ta đi sưu tập, - anh nói. - Bộ sưu tập đặc sắc đấy. Sonderborg đang giấu những thằng cha bị đốt nóng. Nếu chúng rụng rồi thì khỏi nói. Cái hang của hắn là lý tưởng cho chúng. Xin chào tiền bạc. Đi nào.

Anh ta cho xe đánh một vòng ở góc phố.

- Mẹ kiếp, tôi tưởng hắn bán cần sa, - anh nói, vẻ ghê tởm. - Với những ô dù trên đầu. Nhưng mẹ kiếp, trò ma giáo hèn mọn thôi mà.

- Giả sử anh lại nghe thấy trò ma giáo ấy ở những cái phù hiệu mạ vàng tráng men xanh. Cũng là một trò ma giáo hèn mọn thôi, nếu như anh chỉ nhìn cục bộ, một mảnh của nó.

Hemingway lại quành xe chính xác ở một góc đường nữa và gật đầu.

- Phải. Trận đấu bóng đá, ổ rệp và chuồng ngựa, thế cả. Nhưng giả sử cứ thêm nữa lên, rồi có một kẻ kiểm soát tình hình và làm cho ra trò.

- Kẻ nào mới được?

Anh ta lại ngây mặt. Anh ta ngậm miệng khó khăn và tôi có thể nhìn thấy răng anh ta nghiến vào nhau trèo trẹo. Chúng tôi đang đi trên phố Descanso, về hướng đông, một phố yên tĩnh, ngay cả lúc xế chiều. Khi chúng tôi tới phố 23, có một chút xôn xao mơ hồ đâu đó. Hai người đàn ông đang chăm chú xem xét một cây cọ như hình dung xem sẽ chuyển nó đi như thế nào. Một chiếc xe đậu gần khu vực của Sonderborg, nhưng không thấy ai trong xe. Nửa đường xuống khu cư xá, một người đàn ông đang đứng đọc đồng hồ nước.

Ngôi nhà tràn ngập ánh chiều, trông có vẻ vui tươi. Bụi tầm xuân mọc rối tung dưới cửa sổ trước. Những vết mập mờ của màu hoa pensée chạy vòng quanh một cây keo nở bông trắng. Hồng leo, hồng nhung trổ nụ bên tấm lưới mắt cáo. Thảm hoa đậu thấp thoáng đốm xanh biếc của một con chim rúc dưới lá. Ngôi nhà có cái không khí yên ả và lương thiện như tuổi già trầm tư, nhưng ánh mặt trời muộn màng lại hắt lên nó một vẻ câm lặng khác hẳn, lạ lùng và đe dọa.

Hemingway lướt xe chầm chậm qua ngôi nhà và nụ cười đông cứng trên mặt anh ta hơi trễ xuống khóe miệng. Anh ta quay xe ở góc bên cạnh, nhìn qua gương chiếu hậu và nhấn ga.

Sau ba cụm nhà, anh ta dạt xe vào lề đường và quay lại nhìn tôi cau có.

- Cảnh sát Los Angeles, - anh nói. - Một trong hai gã cạnh cây cọ tên là Donnelly. Tôi biết gã. Họ bao vây ngôi nhà. Vậy là anh không bảo bạn anh hả?

- Tôi đã nói là không.

- Sếp sẽ thích thế này, - Hemingway cằn nhằn - Họ xuống đây và tấn công vào một ổ quỷ mà không thèm ghé qua nói một câu chào.

Tôi lặng thinh.

- Họ săn thằng Moose Malloy à?

Tôi lắc đầu.

- Theo tôi biết thì không phải.

- Anh biết thế quái nào được, anh bạn? - Anh ta hỏi thật nhẹ nhàng.

- Đủ để biết. Có gì dây mơ rể má giữa Amthor và Sonderborg không?

- Cái đó tôi chịu.

- Ai cầm trịch cái thành phố này?

Im lặng.

- Tôi nghe nói một gã cờ bạc tên là Laird Brunett chi ra ba vạn đôla để được bầu làm thị trưởng. Tôi nghe nói gã sở hữu câu lạc bộ Belvedere và cả hai sòng bạc trên mặt nước.

- Có thể lắm, - Hemingway đáp lịch sự.

- Có thể tìm Brunett ở đâu?

- Sao lại hỏi tôi, ông mãnh?

- Nếu bị bật bãi khỏi thành phố này, người ta sẽ đào hang ở đâu?

- Mexico.

Tôi cười ngất.

- Được, anh làm ơn cho tôi một việc.

- Hân hạnh.

- Đưa tôi về dưới thành phố.

Chiếc xe rời khỏi lề đường và bon đi dọc theo một phố râm mát ra bờ biển. Tới City Hall, vòng vào khu đỗ xe cảnh sát, tôi bước ra.

- Thỉnh thoảng tạt vào chơi nghe không? - Hemingway nói - Tôi sẽ cọ rửa ống nhổ.

Anh ta chìa bàn tay to lớn.

- Có cảm thấy mắc mớ gì không?

- Tái vũ trang đạo lý, - tôi nói và bắt tay anh.

Anh ta cười xòa. Tôi đã ra tới đường, anh ta lại gọi tôi trở lại. Anh ta nhìn quanh tứ phía rồi ghé miệng vào tận tai tôi:

- Bọn sòng bạc định thoát khỏi quyền hạn của thành phố và bang, - anh ta nói - lấy môn bài Panama. Nếu phải tay tôi, cái đó thì... - anh

ta ngừng phắt, đôi mắt ảm đạm chợt bực bội.

- Tôi có một ý kiến tương tự. Không biết tại sao tôi cứ băn khoăn rất nhiều khi thấy anh có cái ý kiến đó với tôi. Nhưng không thể làm việc chỉ cho một con người.

Anh gật đầu và mỉm cười.

- Tái vũ trang đạo lý, - anh ta nói.

34

Tôi nằm ngủ trên giường trong một khách sạn mép biển, chờ trời tối. Đó là một căn phòng đằng trước bé nhỏ, có một cái giường cứng, đủ cả chăn nệm bằng vải bông. Lò xo bên dưới đã gãy và chọc cả vào sườn. Tôi cứ nằm đó, bất động.

Trên trần, ánh phản chiếu những chiếc đèn nêon màu đỏ nhấp nháy. Khi nó nhuộm toàn bộ căn phòng một màu đỏ rực thì chính lúc ấy bóng tối lại tràn ngập, trong suốt. Những chiếc xe bên ngoài chạy như mắc cửi dọc theo một con đường nhỏ gọi là Speedway râm ran tiếng còi và những người đi bộ lê gót chân trên vỉa hè bên dưới cửa sổ của tôi. Những tiếng thì thầm và rì rào đến rồi lại đi trong không khí. Không khí ùa qua những tấm rèm cửa vàng ố, có mùi mỡ chiên đã ôi. Xa xôi đâu đó vọng lên một tiếng kêu lanh lảnh:

- Ăn đi, bà con ơi. Ăn đi, bánh rán nóng đây!

Trời đã tối hơn. Tôi suy nghĩ, ý nghĩ trong đầu tôi chuyển dịch một cách uể oải và lén lút như thể nó bị theo dõi bởi một đôi mắt chua chát và bạo dâm. Tôi nghĩ đến những đôi mắt chết âm u như một bầu trời không trăng sao, dòng máu thẫm rỉ ra ở khóe miệng. Tôi lại nghĩ đến người đàn bà già bẩn thỉu bị đánh đến chết, gục trên những song giường nhớp nhúa. Tôi nghĩ đến người đàn ông có mái tóc màu hung ngời sáng, kẻ đã sợ hãi mà không biết rõ mình sợ cái gì, kẻ đủ nhạy cảm để biết cái gì là sai và quá thất vọng, hoặc quá ngu xuẩn, hoặc quá buồn nản để tưởng tượng thấy cái gì là sai. Tôi lại nghĩ đến những người đàn bà giàu có, những cô gái mảnh dẻ và tò mò sống một mình, họ có thể cũng như vậy theo một kiểu khác. Tôi lại nghĩ đến những viên cảnh sát, những kẻ hung bạo trơn tuồn tuột và không hoàn toàn xấu theo một nghĩa nào đó. Những gã cảnh sát béo tốt và sang trọng với giọng nói của Phòng Thương mại như thanh tra Wax, những gã cảnh sát lạnh lùng và quái quỷ như

Randall, mà tất cả những sự lạnh lùng và quái quỷ ấy không thể được tự do để tiến hành một vụ việc sạch sẽ theo một cách sạch sẽ. Tôi lại nghĩ đến những con cừu già nua mà vẫn còn lê lết như Nulty, nghĩ đến những gã da đỏ, những tên bác sĩ thuốc mê và tâm thần.

Tôi nghĩ rất nhiều thứ trong khi trời tối dần. Ánh nhấp nháy của biểu hiệu nêon màu đỏ nhòe nhoẹt trên trần. Tôi ngồi dậy thả chân xuống sàn và xoa xoa gáy.

Một lát, tôi đứng lên đến chỗ bồn rửa mặt trong góc, vã nước lã lên mặt và cảm thấy đỡ u ám hơn một chút, nhưng chỉ một phút thôi. Tôi cần một ly rượu mạnh, cần rất nhiều ở cuộc đời để được bảo hiểm, cần nghỉ ngơi, cần một ngôi nhà nông thôn. Vậy mà tất cả những gì tôi có giờ đây chỉ là một chiếc áo khoác, một cái mũ và một khẩu súng. Tôi mang tất cả những thứ đó trên người và đi ra ngoài căn phòng.

Không có thang máy. Hành lang hôi hám và cầu thang thì nhớp nhúa. Tôi xuống thang, không dám đặt tay lên hàng lan can bẩn, ném chìa khóa lên bàn và nói: “Tôi ra ngoài”. Viên thư ký gật đầu. Người da đỏ trực tầng trong bộ đồng phục đã sờn bước ra từ sau những cây cao su đẫm bụi của vùng California để cầm lấy hành lý của tôi. Tôi đâu có hành lý nên gã da đỏ mở cánh cửa cho tôi và mỉm cười lịch sự, nụ cười muôn thuở.

Bên ngoài dãy phố hẹp mờ mịt khói, vỉa hè chen chúc những cái bụng phệ. Bên kia đường, một quán nhậu mạt rệp rền rĩ tiếng kèn trompet. Ngay cạnh đó là hai cặp thủy thủ khoác tay những cô gái đi ra từ một tiệm chụp hình, nơi chắc chắn họ vừa chụp vài kiểu cưỡi lạc đà. Giọng rao bánh rán cứa vào bóng tối mờ như một cây vĩ cầm.

Một chiếc xe bus lớn màu nước biển chạy ầm ầm xuống phố tới bùng binh, nơi những chiếc xe hơi đậu la liệt. Tôi đi bộ theo lối đó.

Một lát sau đã có thể ngửi thấy mùi hăng nồng của biển cả. Không nhiều lắm, nhưng đủ để nhắc nhở, nơi đây từng là một bãi bể hoang vắng và sạch sẽ, nơi những ngọn sóng xô bờ và sủi bọt, gió thổi từ ngoài khơi và người ta có thể ngửi thấy những mùi vị tinh khiết hơn

là mỡ nóng và mồ hôi lạnh.

Tôi đi đến cuối con đường và ngồi trên một ghế băng, nơi mát mẻ và yên tĩnh, có một đống lớn rong tảo màu nâu ùn dưới chân tôi. Ngoài biển, những chiếc thuyền gá bạc đã lên đèn. Một lát sau, tôi lại thả bộ chầm chậm về gần đến khách sạn. Nếu có kẻ nào theo dõi tôi, chắc cũng phải hoài công đi loanh quanh. Tôi không nghĩ là có. Trong cái thành phố bé nhỏ và sạch sẻ này lấy đâu ra nhiều tội ác cho các thám tử kéo những bóng mờ của họ.

Những chiếc cầu tàu màu đen lấp lánh từng vệt dài và biến mất trên nền tối tăm của mặt nước và bóng đêm. Người ta vẫn có thể ngửi thấy mùi đại dương. Người bán bánh rán lại cất giọng đều đều.

- Ăn đi, bà con ơi. Ăn đi. Bánh rán nóng ròn đây.

Tôi nhận ra ông đẩy một chiếc tủ bánh màu trứng đi trong bóng mờ. Ông đang làm một công việc tốt lành ngay cả vào những ngày đầu năm. Tôi chờ đến khi ông vắng khách.

- Cái bánh ở trong cùng kia gọi là gì? - Tôi hỏi, mũi hít hít mùi bánh thơm.

- Montecito, - ông nhìn tôi ngạc nhiên.

- Một kẻ đầu óc bã đậu có thể nào một lúc làm ra được cái đó không?

- Ông nói cái gì?

Tôi cười và lắc đầu.

- Bánh rán nóng đây, - ông lại cất giọng. - Bánh rán nóng ròn đây. bà con ơi, - rồi ông hạ giọng thì thầm: - Gái hả?

- Không. Tôi đang hình dung một căn phòng tràn ngập làn gió tươi mát của biển, những món ăn ngon lành và không một ai quấy rầy tôi hết. Thế mới là nghỉ ngơi

- Ông nói không ngửi được, - ông nói và lại tiếp tục cái bài ca muôn thuở của mình.

Ông quay lưng.

Ai có việc người nấy, nhưng không hiểu sao tôi cảm thấy bực bội.

Những người như ông chỉ có một khuôn mặt duy nhất. Một cặp thanh niên mặc quần cụt gọi mua bánh rán và họ đi xa dần, chàng trai khoác vai cô gái, vừa cười vừa ăn. Một người đàn ông đẩy chiếc hòm đến gần và đảo nhanh đôi mắt nhìn tôi.

- Ông có nghe tôi chơi bài “Bông hồng Picardy” không? - Anh ta nói và ngừng lại - Khoản đó ông sẽ chi tiền!

- Bao nhiêu?

- Năm mươi. Không kém. Trừ phi người ta muốn ông điều gì đó.

- Quả là một thành phố đẹp, - tôi nói. - Một thành phố nghỉ mát tuyệt vời.

- Tôi nghĩ nó vẫn vậy, - anh ta lè nhè - nhưng sao ông hỏi tôi?

- Vô tình thôi, - tôi ném tờ một đôla lên chiếc hòm. - Để cho bọn trẻ. Hay là chơi bài “Bông hồng Picardy”?

Anh ta bật tanh tách tờ giấy bạc, gấp nó theo chiều dài rồi gấp ngang và gấp nhỏ nữa. Anh ta đặt nó lên mặt hòm và bật ngón tay. Tờ giấy bạc đã gấp rơi lặng lẽ xuống đất. Tôi cúi người nhặt nó lên và quay lại rất nhanh. Nhưng không có ai sau lưng tôi có cái vẻ của một kẻ theo dõi.

Tôi lại đặt tờ giấy bạc lên mặt hòm.

- Người ta đâu có cho tiền tôi bằng cách vứt, - tôi nói. -Họ cầm đưa cho tôi. Anh nghĩ vậy không?

Anh ta cầm tờ giấy bạc, vuốt phẳng ra và chùi vào tạp dề. Rồi anh ta nhét nó vào ngăn kéo.

- Họ bảo tiền không có mùi, - anh ta nói. - Đôi khi tôi tự hỏi điều đó.

Tôi lặng thinh. Mấy người khách khác kéo đến hỏi anh ta và họ đi khỏi. Đêm trở lạnh khá nhanh.

- Tôi không muốn chơi bài “Vương miện Hoàng gia” - người đàn ông nói - Thứ đó dành cho những con sóc xinh xắn để chọc những hạt dẻ. Người ta nhìn tôi như một gã mật thám nhưng đấy là cách nhìn của họ. Tôi hy vọng ông sẽ bơi khá.

Tôi rời khỏi anh ta, tự hỏi tại sao tôi lại tới chỗ anh ta đầu tiên. Linh cảm điều gì chăng? Linh cảm và day dứt. Tôi choàng tỉnh, đầy những linh cảm. Người ta không thể gọi một tách cà phê mà lại không nhắm nghiền mắt lại và đâm thủng thực đơn. Linh cảm.

Tôi đi bộ loanh quanh và cố nhìn xem có ai đó đằng sau bằng một cách thức đặc biệt nào đó. Rồi tôi đi lùng một tiệm ăn không có mùi mỡ rán và tìm ra tấm biển hiệu bằng đèn nêon màu tím và một quầy rượu cocktail đằng sau bức mành sậy. Một cô ả tóc nhuộm đỏ hoe ngả người trên cây đàn piano lớn, õng ẹo hát bài *Cầu Thang Lên Các Vì Sao* bằng một giọng hụt hẫng.

Tôi tợp ly rượu martini rồi vội vã quay lại, qua bức mành sậy đến phòng ăn.

Bữa tối 85 xu có mùi vị như một túi bưu phẩm bị bỏ xó. Gã phục vụ mang tới cho tôi trông hung đồ như thể gã sẽ đấm vỡ mặt tôi vì 25 xu, cắt cổ tôi vì 60 xu, đốt cháy tôi ngoài biển trong một cái thùng nhựa đường vì một đô la rưỡi, cộng thêm thuế cước.

35

Chỉ có 25 xu thôi mà đi một quãng dài. Chiếc taxi nước, một bên mạn cũ sơn vẽ và lắp kính suốt ba phần tư chiều dài, lướt qua bến neo thuyền và vòng quanh một bãi đá rộng, nơi kết thúc con đê chắn sóng. Sóng cồn đập vào chúng tôi không báo trước và nhồi con thuyền như một cái nút chai. Đã có mấy phòng bị say sóng từ chập tối. Đoàn chúng tôi có ba cặp và một người cầm lái, một gã thị dân vẻ mặt táo tợn chỉ ngồi ghé mép ghế, lủng lẳng cái túi bằng da thuộc màu đen bên hông phải. Ngay khi mới rời bờ, những kẻ đồng hành đã bắt đầu ngó đăm đăm vào mặt nhau.

Tôi nhìn lại dãy đèn của Bay City và cố nuốt bữa cơm tối. Những điểm sáng rải rác của ánh đèn và màu sương mù quyện vào nhau, biến thành chuỗi hạt ngọc lấp lánh bên ngoài cửa sổ tối đen. Rồi những vệt sáng chói mờ dần, chỉ còn những vạt màu da cam nhạt ẩn hiện nơi mép sóng. Ngay cả khi không có sóng bạc đầu, sự êm ả vô tận cũng làm tôi vui sướng vì không phải vùi bữa tối của mình trong quầy rượu whisky. Chiếc taxi trồi lên ngụp xuống trong sóng với một sự êm đềm đầy hiểm họa, tựa như điệu vũ của loài rắn cobra. Trời trở lạnh, cái lạnh ướt át làm những thủy thủ không muốn rời khỏi ổ của họ. Những dòng chữ bằng đèn nêon đỏ "*Vương Miện Hoàng Gia*" mờ đi bên mạn trái và chìm vào bóng tối, nơi có những bóng ma màu xám trôi lướt ngoài biển, rồi lại sáng lên óng ánh như mặt đá mới.

Chúng tôi lấy mỗi người một chiếc giường ngủ rộng khá sang trọng cho một chuyến đi dài. Tiếng nhạc khỏa lấp đi tiếng nước động, có thể không bao giờ nghe quyến rũ đến thế. Chiếc "*Vương Miện Hoàng Gia*" như một chiếc đập ngăn sóng bình thản trên bốn trụ đỡ. Ánh đèn lấp lánh rực rỡ như mái một nhà hát. Rồi tất cả lại nhạt đi trong khoảng xa và một chiếc thuyền khác nhỏ hơn, cũ hơn, trồi ra khỏi bóng đêm, tiến tới chúng tôi. Không thấy rõ con tàu, thấp

thoáng chiếc cần ăngten vô tuyến tít trên cao. Đó là ánh sáng của chiếc *Montecito,* tiếng nhạc của nó chảy loang trên mặt biển sẫm. Nhưng hành khách đang ăn buông dĩa nhìn con tàu và mỉm cười thích thú. Chiếc taxi lướt một vòng rộng, chao nghiêng chỉ đủ gây cho hành khách chút hoảng sợ rồi lại đè lên sóng. Động cơ rung bần bật, phun lửa vào sương mù. Một chùm đèn pha lười nhác từ con tàu quét một vòng khoảng 50 thước xa.

Người lái tàu taxi lên boong và một chàng trai nước da ngăm ngăm mặc chiếc áo khoác xộc xệch màu xanh với hàng khuy lấp lánh, nụ cười ngời sáng trên cái miệng kẻ cướp, đỡ các cô gái lên từ taxi. Tôi là người cuối cùng. Một cách trịnh trọng, anh ta nhìn tôi và nói với tôi một điều gì đó về anh ta, vỗ vai tôi thật mạnh.

- Không! - Anh ta nói - Không! - Giọng anh ta khàn khàn. Anh ta hất hàm với người lái taxi. Người lái taxi quay chiếc vô lăng một chút rồi trèo ra. Ông ta bước tới sau lưng tôi.

- Không mang vũ khí lên thuyền, anh bạn ạ. Rất tiếc là toàn những chuyện vớ vẩn. - *Chiếc - áo - khoác - xộc - xệch* cằn nhằn.

- Tôi có thể kiểm soát nó. Nó chỉ là một phần trong hành trang của tôi. Tôi là một người bạn muốn đến gặp Brunette, về công việc.

- Chẳng bao giờ nghe nói về ông ta cả, - anh ta mỉm cười thích thú. - Tùy anh thôi.

Người lái xe móc bàn tay qua cánh tay bên phải của tôi.

- Tôi muốn gặp Brunette, - tôi nói, giọng vang lên yếu ớt, bạc nhược như giọng một bà già.

- Đừng có tranh luận, - gã thanh niên nói. - Chúng ta bây giờ không ở Bay City nữa, cũng không phải ở California và xem ra chúng ta cũng không phải ở Hoa Kỳ nữa.

- Trở về thuyền, - người lái taxi gầm gừ sau lưng tôi. -Tôi trả lại anh 25 xu. Thôi đi đi.

Tôi đành quay lại thuyền. *Chiếc - áo - khoác - xộc – xệch* nhìn tôi với nụ cười lặng lẽ và ngọt xớt trên khuôn mặt sấp bóng ánh đèn.

Đường về như dài hơn. Tôi và gã lái taxi không nói với nhau câu

nào. Khi tôi rời khỏi cầu tàu, gã đưa cho tôi 25 xu.

- Hôm khác vậy, - gã nói mệt mỏi. - Khi nào chúng tôi có một phòng nữa.

Nửa tá hành khách đang chờ đợi để lên taxi, chằm chằm nhìn tôi, nghe gã nói. Tôi đi qua trước mặt họ, qua cánh cửa phòng chờ nhỏ bé trên mặt nước, tới bậc thềm nhớp nháp dẫn lên bờ.

Một người đàn ông to lớn có cái cổ gà chọi đỏ rực, đôi giày bẩn thỉu và cái quần đầy vết hắc ín, cái áo nịt len thủy thủ đã rách, một vết đen ở bên dưới cằm, nhô ra từ hàng lan can và bất ngờ va mạnh vào tôi. Tôi dừng lại. Hắn trợn mắt nhìn tôi. Hắn cao hơn tôi vài phân, nặng hơn tôi gần hai chục ký. Nhưng tôi đang điên máu và sẵn sàng nện vào mõm bất cứ kẻ nào, cho dù tôi chỉ có một cánh tay bằng gỗ.

Ánh sáng mờ nhạt và hầu hết ở phía sau lưng tôi.

- Có chuyện gì thế, ông bạn? - Hắn lè nhè, - Không có xà phòng trên con tàu quái quỷ ấy à?

- Xéo đi chỗ khác, - tôi bảo hắn. - Cái bụng của anh đang lòi ra đấy.

- Có thể còn tồi hơn, - hắn nói - dưới áo mỏng đó thì chỉ có thể là súng thôi.

- Anh thọc mũi vào làm gì?

- Lạy Chúa, có gì đâu. Tò mò chút thôi mà. Đừng gây sự, ông bạn.

- Được, cho hả cơn điên.

- Nhất định rồi, tôi đang nghỉ ngơi ở đây.

Hắn có nụ cười chậm chạp, mệt mỏi. Giọng hắn nhẹ nhàng, mơ mộng làm tôi nhớ tới một người to lớn có cái giọng nhẹ nhàng hơn nữa mà tôi đã thích nghe một cách lạ lùng.

- Anh mở đầu dở quá, - hắn nói buồn buồn. - Cứ gọi tôi là Red thôi.

- Bước sang bên cạnh đi, Red. Những người tử tế nhất lại hay nhầm lẫn. - Tôi cảm thấy lưng tôi ngứa ngáy.

Hắn có vẻ đăm chiêu. Chúng tôi mỗi người đứng ở một góc cầu tàu trên sóng. Hình như ít nhiều cô đơn.

- Anh muốn lên chiếc *Monty* à? Có thể được. Nếu anh đưa ra một lý do.

Những con người có bộ mặt vui vẻ trong những áo quần sặc sỡ đi qua chúng tôi, vào chiếc taxi. Tôi đợi cho họ qua hết.

- Bao nhiêu tiền cho một lý do?

- Năm chục đôla. Thêm mười nữa nếu anh dốc túi trên thuyền của tôi.

Tôi nhìn xung quanh anh ta.

- Hai mươi lăm, - anh ta nói nhỏ - mười lăm, nếu anh dẫn lại đây vài người bạn.

- Tôi không có bạn bè nào cả, - tôi nói và bước đi. Hắn không cố ngăn tôi lại.

Tôi rẽ bên phải, dọc theo lối đi bằng ximăng đến bến xe điện. Những chiếc xe lăn bánh như những chiếc xe nôi trẻ con. Chiếc kèn nhỏ bóp toe toe làm giật mình các bà mẹ.

Ở chân cầu tàu đầu tiên có một sòng bạc sáng rực rỡ, giờ này đầy nhóc người. Tôi đi vào quán và đứng dựa lưng vào tường, phía sau các con bạc, nơi có vô số người chầu rìa chờ đợi tới lượt mình vào cuộc sát phạt.

Tôi theo dõi mấy con số đưa lập lòe trên bảng báo điện, lắng nghe tiếng gọi số ồn ào của những kẻ bu quanh bàn, thử chấm trước những con bạc đỏ mà không thể được, rồi quay lưng và rời khỏi quán.

Một cái bóng xanh to lớn có mùi nhựa đường sát bên tôi và giọng êm ái rót vào tai tôi.

- Không đặt tiền à, hay chỉ máu mê thôi?

Tôi nhìn anh ta, anh ta có một đôi mắt mà người ta chỉ đọc thấy trong sách chứ không bao giờ nhìn thấy trong đời. Đôi mắt màu tím. Gần như tím thẫm. Đôi mắt của một cô gái, một cô gái đẹp. Nước da

mịn như lụa, ửng màu hồng nhạt, nước da sẽ không khi nào xạm, cực kỳ thanh tú. Anh ta to ngang hơn Hemingway và trẻ hơn vài tuổi, không hộ pháp như Moose Malloy nhưng trông nhanh nhẹn và khéo léo. Mái tóc ngả màu đỏ với những lấp lánh vàng. Ngoại trừ đôi mắt. Anh ta có một gương mặt nông dân chất phác không có cái vẻ đẹp làm dáng.

- Anh đang có mánh gì đấy? - Anh ta hỏi - Thám tử hả?

- Việc gì tôi phải nói với anh? - Tôi gắt gỏng.

- Tôi nghĩ là thế, - anh ta nói. - Hai mươi lăm cao quá hả? Nhưng không đắt chứ?

- Không.

Anh ta thở dài.

- Dù sao tôi đã có một ý kiến bất chợt, - anh ta nói. -Họ sẽ xé xác anh ra từng mảnh ở đấy.

- Chẳng có gì ngạc nhiên. Mánh của anh là gì?

- Chỗ này một đô, chỗ kia một đô. Tôi đã từng dính cảnh sát. Họ đập bể mánh tôi.

- Sao anh lại kể với tôi?

Anh ta có vẻ ngạc nhiên.

- Đó là sự thật mà.

- Anh phải gạt bỏ nó đi.

Anh ta cười uể oải.

- Anh biết một người tên là Brunett không?

Nụ cười uể oải đọng trên mặt anh ta. Ba con bạc ngồi thành một dãy. Họ thoăn thoắt như máy. Một người đàn ông cao, mũi khoằm, khuôn mặt hốc hác tái xám, quần áo nhàu nát, bước lại gần chúng tôi, đứng dựa lưng vào tường như không nhìn chúng tôi. Red nghiêng người lịch sự về phía ông ta và hỏi.

- Đó là những gì chúng tôi có thể nói với anh, có phải không?

Người đàn ông mũi khoằm cười nhạt và quay đi. Red cũng cười và lại dựa lưng vào tường.

- Tôi sẽ phải gặp một người, người đó có thể chịu mánh với anh, - tôi nói.

- Tôi còn muốn hơn nữa, - anh ta nói trang nghiêm. -Một gã lớn con chi tiền không phải tính đếm. Gã chi ăn chi mặc và chơi sáng đêm. Chỗ này làm ăn tốt. Người ta cứ tưởng ở đây không chuyện trò được, nhưng hóa ra lại rất được. Một tên cớm chìm nào loạng quạng dạt vào đây là tôi biết liền. Ở đây chỉ là những đám người máu mê với các con số và không có gì khác. Tôi chở một con thuyền với một lối ngầm. Đấy là tôi có thể mượn một con thuyền. Có một cầu tàu ở dưới đường ranh giới không có đèn đóm gì hết. Tôi có thể mở một cái cửa nhận hàng trên chiếc *Monty*. Tôi đã lấy hàng ở đó ra một lần. Hầu như chẳng có ma nào dưới boong cả.

- Họ có đèn pha và trạm gác, - tôi nói.

- Mình có thể thanh toán.

Tôi lấy ví ra, rút một tờ 20 đôla và một tờ 5 đôla, để trước bụng và gấp nhỏ lại. Đôi mắt màu tím theo dõi tôi công nhiên.

- Tìm một lối hả?

Tôi gật đầu.

- Mười lăm để lót tay.

- Căng lắm rồi.

Bàn tay dính nhựa đường túm lấy những tờ giấy bạc. Anh ta biến đi lặng lẽ, mờ dần vào bóng đêm nóng hừng hực bên ngoài cánh cửa. Người mũi khoằm hiện ra bên trái tôi và nói thầm thì.

- Hình như là tôi biết anh bạn này khi anh ta mặc bộ đồ thủy thủ. Bạn của anh à? Tôi đã gặp anh ta đâu đó rồi thì phải.

Tôi thẳng người dậy và rời xa ông ta, không nói nửa câu, ra ngoài cửa, rẽ trái, nhìn theo một cái đầu cao lên đêu đi từ chùm đèn này tới chùm đèn khác khoảng một trăm bước trước tôi. Hai phút sau, tôi lại quay vào giữa hai đám sát phạt. Người mũi khoằm lại xuất hiện, bước lững thững, đầu cúi gằm. Tôi bước tới cạnh ông ta:

- Chào ông, - tôi nói và nghiêng người về phía ông ta. Có một khẩu súng dưới lần áo nhàu nát.

Đôi mắt ông ta nhìn tôi thản nhiên.

- Tôi đang định cấu anh đấy, ông con ạ. Tôi được gửi tới chỗ này để duy trì pháp luật và trật tự.

- Bây giờ ai không duy trì nó?

- Anh bạn anh, tôi quen mặt lắm.

- Ông có thể nói vậy. Ông là một cảnh sát.

- Ở địa ngục, - cái mũi khoằm nói, kiên nhẫn. - Đó là nơi tôi gặp anh ta. Ngủ ngon nhé, ông con!

Ông ta quay đi và lững thững trở lại chỗ cũ. Cái đầu cao bây giờ đã biến mất. Chuyện đó không làm tôi phiền muộn. Không có bất kỳ cái gì ở anh chàng đó làm tôi phiền muộn.

Tôi bước đi chầm chậm.

36

Phía xa kia là những chùm đèn điện, tiếng gỗ và tiếng còi của những chiếc xe chở hàng chạy trên vỉa hè, mùi mỡ nóng và mùi giẻ rách bình dân, tiếng trẻ con la hét và những tiếng rao hàng, có thể ngửi thấy mùi của đại dương và thấy đường viền rực sáng đột ngột của dài bờ biển cùng thác nước màu kem của sóng ào ào và đám bọt mã não. Giờ đây tôi hầu như lang thang cuốc bộ một mình. Tiếng ồn ào đã tắt, ánh sáng giả dối, nóng nực hóa thành một chớp sáng đờ đẫn. Ngón tay tối tăm của con đê chắn sóng màu đen vươn về phía biển, chọc thẳng vào màn đêm. Tôi quay ra ngoài, lên cầu tàu.

Red đứng dậy từ một cái thùng dựa vào chân cột tàu và gọi tới chỗ tôi:

- Đây này, - anh ta nói - anh đi ra chỗ bậc dốc. Tôi phải sửa soạn thuyền.

- Cảnh sát bờ biển theo dõi tôi. Gã ở sòng bạc ấy. Tôi phải ở lại và nói chuyện với gã.

- Olson đấy mà. Chuyện vặt. Ông ta cũng tốt thôi, thỉnh thoảng phải làm mấy màn bắt bớ này nọ để bảo đảm chỉ tiêu. Chả biết như thế có gọi là tốt hay không?

- Ở Bay City, tôi phải nói đúng là như vậy. Thôi ta đi đi, kẻo gió lên. Tôi không muốn nó thổi mất màn sương mù này. Không nhìn được xa nhưng sương mù mới giúp chúng ta nhiều.

- Cơ hội cuối cùng để đánh lừa đèn pha, - Red nói. - Họ có mấy khẩu Tommy trên boong. Anh đi ra ngoài cầu tàu đi. Tôi sẽ đi theo.

Anh ta lủi vào bóng tối, còn tôi đi ra chỗ đường viền ánh sáng, dẫm trên những tấm ván tanh mùi cá. Hàng lan can thấp bẩn thỉu ở đoạn cuối tít đằng xa. Có một đôi tựa váo góc lan can. Họ bỏ đi, gã đàn ông lẩm bẩm chửi thề.

Khoảng mười phút trôi qua, tôi lắng nghe tiếng róc rách vỗ chân

cột. Một con chim đêm rúc trong bóng mịt mù, chiếc cánh màu xám uể oải cắt một đường chéo qua trước mặt tôi và biến mất. Một chiếc máy bay kêu o o rất cao. Đâu đó xa lắc lơ, tiếng gầm gừ của động cơ kéo rền như cả nửa tá xe tải. Một lúc sau, các âm thanh mờ dần và tắt, đột nhiên vắng lặng hoàn toàn.

Vài phút trôi qua. Tôi tới chỗ bậc dốc và đi xuống rón rén như một con mèo trên sàn nhà trơn trượt. Một bóng đen lướt tới chỗ tôi và có tiếng ngã huỵch. Một giọng nói:

- Xong rồi. Lại đây.

Tôi vào thuyền và ngồi bên cạnh anh ta dưới tấm mui.

Con thuyền trườn ra ngoài xa. Không có âm thanh nào trong lòng thuyền mà chỉ có tiêng vỗ rì rầm bực dọc của nước hai bên mạn thuyền. Một lần nữa, ánh đèn Bay City biến thành những mảnh lấp lánh xa tắp bên kia những con sóng liên tiếp trồi lên sụt xuống và chao đảo. Ánh đèn từ phía chiếc tàu "*Vương Miện Hoàng Gia*" hắt ra từ một bên mạn, trông rực rỡ như mới được trang điểm thêm. Và lại thấy những ô cửa từ chiếc "*Montecito*" xuất hiện trên nền Thái Bình Dương tối đen và những ngọn đèn pha của con tàu quét ra bốn phía như một ngôi nhà ánh sáng.

- Tôi sợ, - đột nhiên tôi nói - tôi sợ cứng người.

Red rạp mình xuống thuyền và con thuyền nhao lên rồi lại lút xuống dưới mép sóng, mặc dù nước biển đen kịt vẫn ở bên dưới và con thuyền dường như không thay đổi vị trí. Anh ta quay mặt lại, đăm đăm nhìn tôi.

- Tôi sợ cái chết và sợ thất vọng, - tôi nói. - Dưới vùng nước tối tăm này, những kẻ chìm nghỉm, khuôn mặt họ với những hố mắt trống rỗng trên sọ. Tôi sợ chết chóc, sợ hư vô, sợ cả chuyện mình đi tìm mà không thấy kẻ nào tên là Brunett cả.

Anh ta chép miệng.

- Anh có tôi đi cùng phút này. Anh nhất định theo đuổi câu chuyện hăng tiết vịt của anh. Gã Brunett có thể ở một chỗ nào đó. Hoặc là trên mấy chiếc tàu, hoặc là câu lạc bộ mà gã sở hữu, mạn phía đông

đằng sau kia, ở Reno, bang Nevada, đi dép lê trong cơ ngơi của gã. Anh muốn thế thôi chứ gì?

- Tôi muốn tìm một kẻ tên là Malloy, một con đười ươi khổng lồ vừa thoát khỏi nhà đá bang Oregon sau tám năm vì một vụ trấn lột ngân hàng và đang trốn ở Bay City. Tôi nói với anh ta về vụ đó, kể lại cho anh ta câu chuyện dính líu tùm lum mà tôi đã dấn thân vào.

Cuối câu chuyện, anh ta ngẫm nghĩ và rồi nói chậm rãi, những câu nói dính vài dải sương mù bồng bềnh xung quanh như những hạt đậu dính trên ria mép. Có thể cái đó làm câu nói trở nên khôn ngoan hơn những cũng có thể không.

Có những cái có thể hiểu được nhưng cũng có cái không thể hiểu nổi. Có những điều tôi muốn biết, có điều không. Nếu thằng cha Sonderborg này đang chứa chấp một ổ quỷ và buôn bán cần sa, lại còn cho mấy ông mãnh đĩ đực đi chài các bà giàu có, lắm ngọc ngà châu báu mà dại dột, cũng có thể là hắn có tay trong ở chính quyền, nhưng cái đó không có nghĩa là họ biết tất cả những gì hắn làm và không phải bất cứ một cha cảnh sát nào cũng có thể biết là hắn có tay trong.

Cũng có thể Blane biết và Hemingway, như anh gọi, không biết. Blane thì xấu, còn cha kia chỉ thô kệch thôi, chẳng xấu cũng chẳng tốt, chẳng gian xảo cũng chẳng thật thà, chẳng kín miệng cũng chẳng ruột ngựa, giống như tôi, chỉ nghĩ rằng cảnh sát là một cái nghề quá đỗi mệt nhọc để mà sống. Còn ông bạn tâm linh kia chẳng hiểu là thế nào. Ông ta tự bỏ tiền ra kiếm một sự che chắn ở cái thị trường tối ưu là Bay City và sử dụng bất kỳ lúc nào. Anh không bao giờ biết ông ta muốn gì, vì thế anh cũng chẳng biết ông ta nghĩ gì hoặc sợ cái gì. Có thể ông ta cũng là một con người và bị sa đọa bởi một khách hàng nào đó. Còn những người đàn bà giàu có bị biến thành những con búp bê giấy thì quá dễ, khỏi bàn. Linh cảm của tôi về cái ổ quỷ Sonderborg chỉ đơn giản thế này: Blane biết Sonderborg sẽ hoảng sợ khi biết rõ về anh và câu chuyện họ kể với Sonderborg có thể chính là câu chuyện mà hắn kể với anh, rằng họ đã tìm thấy anh lang thang ngơ ngẩn ở đâu đó, đầu óc choáng váng; Sonderborg

không biết làm gì với anh cả, hoặc là để anh đi hoặc là đập đầu anh, sau đó Blane bỏ đi và mặc kệ hắn. Tất cả là như thế. Chỉ là ngẫu nhiên mà chúng sử dụng anh. Blane có thể cũng biết chuyện Malloy. Tôi không bỏ qua điều đó.

Tôi lắng nghe và theo dõi ánh đèn pha của chiếc taxi nước lướt qua bên mạn phải.

- Tôi biết những thằng cha đó là người thế nào, - Red nói tiếp. - Vụ rắc rối với cảnh sát, không phải là họ gian xảo hay hung bạo hoặc đòn phép gì anh, nhưng họ nghĩ rằng hễ làm cảnh sát là mang lại cho họ cái gì trước đây họ không có. Có thể đã từng có và rồi mất đi. Họ bị chế ngự bởi nhiều ý tưởng quái quỷ, chính cái dó dẫn chúng ta tới Brunett. Gã không điều khiển thành phố. Gã không thể bị quấy rầy. Gả bỏ rất nhiều tiền để ứng cử chân thị trưởng nên những chiếc taxi nước của gã không bị quấy rầy. Gã muốn gì, người ta cũng phải cúng cho gã. Có lần một người bạn của gã, một luật sư, bị tóm cổ vì say rượu lái xe đâm chết người và Brunett đã nhúng tay vào để sửa biên bản thành tội lái xe bất cẩn. Đấy cũng là một tội ác. Cái đó có thể gợi ý cho anh. Mánh lới của gã là ngón cờ bạc bịp và tất cả mọi mánh lới ấy ràng buộc chặt với nhau, mọi lúc và mọi chốn. Như vậy rất có thể gã cũng nhúng tay vào vụ cần sa cùng như gã hưởng hoa hồng từ bất cứ cái gì mà lũ tay chân của gã xoay xở được. Gã có thể biết Sonderborg hoặc không. Nhưng vụ trấn lột nữ trang thì không. Hình như các ông mãnh đó chỉ làm vì tám ngàn đôla. Nghĩ rằng Brunett dính vào vụ đó thật là một chuyện nực cười.

- Ồ, - tôi nói - còn một kẻ giết người nữa, anh nhớ không?

- Hoặc là gã không làm cái đó hoặc không có điều kiện mà làm. Nếu Brunett đã làm, anh chẳng thể tìm ra ai hết. Anh không bao giờ biết cái gì có thể được khâu vào trong quần áo của gã. Tại sao như thế? Hãy nhìn cái gì tôi làm cho anh vì 25 đôla. Vậy thì với số tiền mà gã phải chi, gã còn có thể làm được tới đâu?

- Gã sẽ có một kẻ giết người chứ?

Red nghĩ ngợi một lúc:

- Có thể. Gã chắc chắn có. Nhưng gã không phải là một kẻ hung đồ. Những tên kẻ cướp này là một loại người mới. Chúng ta nghĩ về chúng theo kiểu những tên trộm vặt cổ xưa hoặc những tên lưu manh móc túi. Những đại diện cảnh sát to mồm nhất gào thét trên đài phát thanh rằng chúng là những con cóc vàng, rằng chúng giết đàn bà trẻ con và hú lên lời cảm ơn nếu chúng thấy bộ đồ đồng phục cảnh sát. Chúng biết cách mua bán công chúng. Đó là những ngài cảnh sát vàng và đó là những tên kẻ cướp vàng. Và những thủ lãnh, kiểu Brunett, không làm điều đó bằng việc giết người. Chúng ngự trị bằng đầu óc và không cần đến thứ lòng can đảm tập thể mà cảnh sát có thể có. Nhưng trên tất cả, chúng là những nhà kinh doanh. Chúng chỉ hành động vì tiền như tất cả các nhà kinh doanh khác. Đôi khi có một gã nào đó giở mánh xấu. Được thôi. Ra ngoài. Nhưng chúng thận trọng trước khi làm điều đó. Mà tôi đọc cái diễn văn này làm quái gì nhỉ?

- Một người như Brunett sẽ không giấu Malloy, kẻ đã giết hai mạng, - tôi nói.

- Không. Trừ phi có một vài lý do khác còn hơn cả tiền. Anh có muốn quay lại không?

- Không.

Red vươn tay trên vôlăng. Con thuyền lao nhanh vào đêm tối.

- Đừng nghĩ tôi như những thằng con hoang ấy. Tôi căm ghét bụng dạ của chúng.

37

Ánh đèn pha xoay tròn như một ngón tay mờ mờ chọc qua sương mù, hớt lớp bọt trên đầu ngọn sóng, khoảng một trăm bước bên kia con tàu. Đó chính là một phô trương hình thức, đặc biệt vào buổi tối. Nếu như có vài vạch kế hoạch bắt giữ một trong những sòng bạc nổi kia, sẽ phải huy động nhiều sự trợ giúp và phải tiến hành vào lúc bốn giờ sáng, khi đám đông đã thưa thớt, chỉ còn một số con bạc máu mê cay cú, và tất cả đã đờ đẫn vì mệt mỏi. Đó là một cách kiếm tiền thật khốn khổ. Và ai cũng từng thử vận may của mình một lần.

Một chiếc taxi quay mũi về phía dải đất, đưa khách vào bờ. Red lái con thuyền nhanh nhẹn lẩn vào phía bên kia tia quét của ngọn đèn pha. Giá mà ngọn đèn lướt thêm vài thước nữa, tất cả sẽ thành một trò đùa, nhưng chuyện đó đã không xảy ra. Nó quét lừ đừ và những ngón sóng mờ mịt che khuất con thuyền đang vượt qua đường ranh giới tiến sát đến con tàu, bên dưới phần nhô ra. Chúng tôi lướt chéo lên phía những thanh ngang nhớp nháp của con tàu, âm thầm, lén lút.

Những cánh cửa sát mờ mờ trên đầu chúng tôi dường như quá cao để với, quá nặng để mở, cho dù có với tới. Con thuyền chạm nhẹ vào bên mạn chiếc "*Montecito*". Mép sóng mệt mỏi liếm bên dưới chân chúng tôi. Một bóng đen to lớn đứng dậy bên cạnh tôi và một sợi thòng lọng tung lên không trung, đập vào thành tàu, bám lấy và cuối cùng rơi xuống, bắn tóe nước. Red lôi nó lên bằng cái móc thuyền và buộc vào chỗ nào đó trên hộp che động cơ. Sương mù làm mọi vật trở thành hư ảo. Không khí ẩm ướt, lạnh lẽo như những tro tàn của một cuộc tình.

Red ghé sát tôi, hơi thở của anh ta hổn hển bên tai tôi.

- Nó lên cao quá, chờ một ngọn gió lành nó sẽ khua cái chân vịt của nó trong không khí. Chúng ta phải trèo lên những thanh chắn kia

thật đúng lúc.

- Tôi có thể chờ, - tôi nói run run vì rét.

Anh ta đặt tay tôi lên vôlăng và quay nhẹ, bảo tôi giữ con thuyền đúng vị trí hiện tại. Có một then sắt làm chốt cài sát với thanh ngang, uốn vòng theo thân tàu, có lẽ nó trơn trượt như một cây sào nhớp nháp.

Trèo lên trên đó cũng quyến rũ như trèo lên những gờ mái của một tòa nhà cao tầng. Red vươn thẳng người, sau khi chùi tay vào quần để nhựa đường trên quần bám vào tay. Anh ta leo lên không một tiếng động, đôi giày mềm bám vào những thanh ngang kim loại, thân hình anh ta duỗi dài về phía phải.

Bây giờ luồng đèn pha quét xa xa phía bên ngoài chúng tôi. Ánh sáng hắt khỏi mặt nước hình như làm cho mặt tôi cũng lóe lên như một ngọn lửa, nhưng không có gì xảy ra cả. Có tiếng cót két của chiếc bản lề nặng mở trên đầu tôi. Bóng ma mờ nhạt của một vùng ánh sáng vàng nhỏ giọt vào sương mù rồi tắt ngấm. Khoang cửa nhận hàng mở ra một nữa. Nó không được gài từ bên trong. Tôi tự hỏi tại sao.

Tiếng thì thầm tới tai tôi chỉ là những âm thanh vô nghĩa. Tôi buông tay khỏi vôlăng và trèo lên. Có lẽ là chuyến đi gay go nhất mà tôi đã tiến hành. Rồi nó ập vào tôi với tiếng thở hổn hển, một mớ những rác rưởi, thùng và hộp, dây thừng cuộn, những đoạn xích han rỉ. Những con chuột chí chóe trong các góc tối tăm.

Ánh sáng vàng vọt đến từ một khung cửa hẹp phía xa. Red ghé sát tai tôi:

- Từ đây chúng ta sẽ theo một lối đi thẳng tới gian nồi hơi. Họ chỉ có máy hơi nước thôi, không có diesel trên con tàu thượng hạng này đâu. Chắc sẽ có một gã ở bên dưới. Hai tốp thủy thủ leo hết lên boong chơi cùng đám cờ bạc, cả những tay gác và trực ban. Họ sẽ dán mắt vào chỗ om sòm. Từ gian nồi hơi, tôi sẽ chỉ cho anh một cửa thông gió không có lưới chắn. Nó dẫn tới boong tàu là ở ngoài phạm vi của tôi rồi. Nhưng tất cả những cái đó là phần việc của anh

- khi anh còn sống.

- Anh phải có liên hệ với ai đó trên tàu, - tôi nói.

- Chuyện khôi hài hơn đã xảy ra. Anh sẽ quay lại ngay chứ?

- Tôi có thể gây một vụ náo động trên boong, - tôi nói và lấy chiếc ví ra. - Tôi nghĩ nên gửi anh thêm chút tiền. Đây. Hãy giữ lấy cái gáo của anh như thể việc này là việc của chính anh.

- Đừng hàm ơn tôi gì hết, anh bạn.

- Tôi mua chuyến về, ngay cả nếu tôi không còn về nữa. Cầm lấy tiền đi, hay anh bắt tôi phải nài nỉ?

- Anh có cần giúp đỡ thêm chút gì trên ấy không?

- Tất cả những gì tôi cần là tài ăn nói và tất cả những gì tôi có chỉ là cái lưng của loài bò sát.

- Cất mớ giây lộn của anh đi, - Red nói - Anh đã thanh toán chuyến về rồi. Tôi nghĩ là anh có hơi hoảng đấy.

Anh ta nắm chặt lấy tay tôi. Bàn tay anh ta khỏe mạnh, nổi chai, ấm nóng và hơi dinh dính.

- Tôi biết là anh sợ, - anh ta thì thào.

- Tôi sẽ vượt qua cách này hoặc cách khác, - tôi nói.

Anh ta quay đi, ánh mắt dò hỏi, tôi không đọc được điều gì trong cái nhìn ấy. Tôi đi theo anh ta giữa đống thùng hộp ngổn ngang, qua ngưỡng cửa cao bằng thép, chui vào một lối đi dài tối om có mùi của con tàu. Qua khỏi khúc tối, chúng tôi tới một sàn thép, trơn nhẫy những dầu, leo xuống một thang sắt rất khó vịn tay. Tiếng xì xì của đèn đốt dầu phụt vào không khí trùm lên các âm thanh khác. Chúng tôi tới chỗ tiếng xì qua hàng núi sắt thép câm lặng.

Rẽ ngoặt một chút, chúng tôi thấy một gã người Ý thấp bé bẩn thỉu ngồi trong chiếc ghế bện bằng dây thép, mặc sơ mi lụa màu tím thẫm và đang đọc tờ báo buổi tối, lấy ngón tay trỏ đen sì dò dẫm trang báo. Hắn đeo đôi mục kỉnh cổ lỗ từ thời cụ cố nội hắn cũng nên. Red tới sau lưng hắn không một tiếng động. Anh ta nói lịch sự:

- Ê, anh lùn, lũ trẻ ở nhà ra sao?

Gã người Ý há mồm và thọc tay vào ngực sơ mi tím mở phanh. Red nện vào quai hàm hắn và túm lấy hắn. Anh ta đặt hắn nhẹ nhàng xuống sàn và xé chiếc sơ mi tím thành từng dải.

- Cái này làm hắn quỵ nhanh hơn là nện vào ngực - Red nói nhỏ - vấn đề là nhỡ ra có cha nội nào leo lên thang cửa thông gió thì lắm chuyện phiền. Còn ở tít trên kia chẳng ai nghe thấy gì.

Anh ta trói và nhét giẻ vào mồm gã lùn cẩn thận, đặt mục kỉnh của hắn vào một chỗ an toàn, và chúng tôi tới cửa thông gió không có lưới chắn. Tôi nhìn lên, không thấy gì ngoài bóng tối mịt mùng.

- Tạm biệt, - tôi nói.

- Có lẽ anh cần một chút hỗ trợ.

Tôi rùng mình như một con chó ướt.

- Tôi cần sự hỗ trợ của đám thủy thủ. Nhưng tôi sẽ phải làm một mình, hoặc không làm gì hết. Tạm biệt.

- Anh tính bao lâu? - Giọng anh ta vẫn có vẻ lo lắng.

- Một giờ hoặc ít hơn.

Anh ta nhìn tôi, cắn môi, rồi gật đầu.

- Nếu gặp cha nội nào thì cứ thế, - anh ta nói. - Lẩn vào sòng bạc, nếu anh đủ thì giờ.

Anh ta bước đi bốn bước lại quay lại:

- Cái cửa nhận hàng mở có thể giúp anh điều gì đó.

Anh ta bước nhanh.

38

Không khí lạnh ùa xuống cửa thông gió. Có vẻ còn lâu mới tới đỉnh. Ba phút trôi qua mà tưởng như cả giờ đồng hồ. Tôi thò đầu lên chỗ cửa mở như một vết rách. Mấy chiếc xuồng bạt gấp lại ở ngay bên cạnh tôi.

Những giọng trầm trầm thì thào trong tăm tối. Chùm đèn pha xoay chậm rãi từ một chỗ bất động trên cao, chắc là một sàn thép có lan can trên đỉnh một cột buồm thấp, và sẽ có một anh chàng ở trên ấy với khẩu Tommy, có thể là khẩu Browning hạng nhẹ nữa. Một công việc bạc bẽo, tiện nghi mạt hạng, khi mà một kẻ nào đó có thể qua cái cửa nhận hàng không cài then một cách ngon lành đến thế.

Tiếng nhạc vẳng từ xa như tiếng bass giả tạo của một chiếc máy thu thanh hạng bét. Trên cao, mấy vì sao buồn bã rọi ánh sáng mờ qua những lớp sương mù.

Tôi trèo qua cửa thông gió, rút khẩu 38 ra khỏi bao đeo dưới nách và gài vào bên sườn, giấu sau ống tay áo. Tôi bước khẽ ba bước, dừng lại nghe ngóng. Không có gì xảy ra. Tiếng nói chuyện rì rầm đã dứt. Có cảm giác như nó vẳng lại từ khoảng trống giữa hai con tàu. Ngoài đêm tối và sương mù, ánh sáng chói bí ẩn hội tụ để rọi vào một điểm trên nền mờ mịt. Đó là khẩu súng máy trên chòi cao chĩa xuống có thể quét dọc lan can. Có hai bóng người đứng cạnh khẩu súng, bất động, không hút thuốc, bắt đầu chuyện trò rì rầm, tiếng rì rầm êm ả không bao giờ thành lời nói.

Tôi lắng nghe một lúc lâu. Một giọng nói khác bất ngờ vang lên rành rọt sau lưng tôi:

- Rất tiếc, hành khách không được phép lên boong.

Tôi quay lại, từ tốn và nhìn hai bàn tay anh ta. Hai bàn tay chỉ là hai vệt mờ trống rỗng.

Tôi bước sang bên cạnh, gật đầu. Đuôi một chiếc xuồng che khuất

chúng tôi.

Người đàn ông bước theo tôi nhẹ nhàng, đôi giày của anh ta lướt không một tiếng động trên boong ẩm ướt.

- Tôi nghĩ là tôi bị lạc đường, - tôi nói.

- Vậy mà tôi cứ tưởng, - giọng anh ta trẻ trung, nhẹ nhõm. - Nhưng có một cái cửa ở dưới đáy của lối đi chung. Cửa có khóa lò xo, loại khóa tốt. Cửa ấy mở ra cầu thang bằng một dây xích và một tấm biển đồng. Chúng tôi còn những cách rắc rối hơn để đi qua.

Anh ta nói chuyện linh tinh một lúc lâu, có vẻ tử tế hoặc đang chờ đợi. Tôi không biết ý anh ta thế nào.

Tôi nói:

- Chắc có người nào đó đã mở cửa.

Cái bóng mờ gật đầu. Anh ta thấp hơn tôi.

- Ông có thể thấy một lối vào, dù sao đi nữa nếu ai cũng mở được cửa ấy thì ông chủ chả thèm phí một đồng kền cho nó. Nếu không ai mở cả thì người ta có thể thắc mắc ông lên đây bằng cách nào. Tôi chắc chắn là ông có một ý đồ gì đó.

- Một ý đồ đơn giản thôi. Chúng ta đi xuống nói chuyện với ông chủ của anh về vấn đề này.

- Ông đến dự tiệc à?

- Một bữa tiệc sang trọng.

- Ông phải ở đây với họ chứ.

- Anh biết sao không, người ta cứ phải quay đầu bên nọ bên kia gãy cả cổ để mà chuốc rượu.

Anh ta cười, rồi gật gù.

Tôi ngồi thụp xuống và nhảy cóc sang bên cạnh. Tiếng vun vút của cây dùi cui xé không khí yên tĩnh như những tiếng thở dài. Mỗi một cú dùi cui lại tìm sát tới tôi hơn.

Cái bóng cao đó nguyền rủa.

Tôi nói:

- Đi trước đi và đàng hoàng lên.

Tôi mở chốt an toàn khẩu súng lách cách.

Đôi khi có những hoàn cảnh gay go có thể làm chấn động cả một tòa nhà. Cái bóng cao vẫn đứng như mọc rễ và tôi vẫn thấy cây dùi cui vung vẩy trong bàn tay anh ta. Anh ta có vẻ suy nghĩ một cách bình tĩnh.

- Cái này không mang lại cho ông điều gì đâu, - anh ta nói. - Ông sẽ không bao giờ rời khỏi tàu được.

- Tôi cũng nghĩ tới điều đó. Vậy anh định tính sao chuyện này?

Chỉ là một cảnh sát hạng bét.

- Ông muốn gì? - Anh ta hỏi nhỏ.

- Tôi có một khẩu súng tốt, - tôi nói. - Nhưng tôi không định sử dụng nó. Tôi chỉ muốn nói chuyện với ông Brunett.

- Ông ta đi công chuyện ở San Diego rồi.

- Tôi sẽ nói chuyện với trợ lý của ông ta.

- Ông thật là trẻ con, - anh ta nói tử tế. - Được, chúng ta sẽ xuống đó. Ông hãy cất con chó lửa của ông đi, trước khi chúng ta qua cửa.

- Tôi sẽ cất con chó lửa khi nào tôi chắc chắn là chúng ta qua cửa.

Anh ta cười nhẹ nhàng.

- Về chỗ cũ đi, ông láu cá. Tôi sẽ quay mặt chỗ khác.

Anh ta quay đi từ từ phía trước tôi và cái bóng cao cao mờ dần vào khoảng đen sẫm.

- Nào, theo tôi.

Chúng tôi đi qua boong tàu, xuống những bậc thang bọc đồng trơn tuột. Ở đáy thang có một cánh cửa nặng. Anh ta mở cửa và nhìn ổ khóa rồi mỉm cười, gật đầu, giữ cửa cho tôi. Tôi bước qua, bỏ súng vào túi.

Anh ta nói:

- Buổi tối yên tĩnh thật.

Có một cửa vòm sáng loáng trước mặt và bên kia cửa là căn phòng chơi bài không đông đúc cho lắm. Đầu kia căn phòng kê một quầy rượu thấp với mấy chiếc ghế đẩu, giữa phòng là cầu thang lên xuống

tầng trên và dưới. Tiếng nhạc vút cao rồi mờ dần. Tôi nghe thấy tiếng vòng quay trò chơi roulette. Một con bạc lẻ đang chơi với người cầm bài faro. Không hơn sáu mươi người trong phòng. Trên bàn chia bài faro có một cọc tiền mở đầu một ván mới. Tay chơi là một người đàn ông tóc bạc lịch sự, chăm chú đợi người cầm bài, không để ý xung quanh.

Hai người đàn ông mặc dạ phục lặng lẽ bước qua cửa vòm, mắt nhìn tận đâu đâu. Họ lững thững lại chỗ chúng tôi và anh chàng thấp bé đi cùng tôi chờ họ đến. Một người thấp hơn thọc tay vào túi, dĩ nhiên là để lấy thuốc lá, ông ta nói:

- Từ nay trở đi, chỗ này phải tổ chức nề nếp một chút. Tôi nghĩ là các anh không nhớ điều đó?

Tôi nói bất ngờ:

- Ông là Brunett?

- Tất nhiên, - ông ta nhún vai.

- Ông không có vẻ dữ dằn, - tôi nói.

- Tôi hy vọng là không.

Hai người đàn ông mặc dạ phục lại gần:

- Trong này, - Brunett nói - chúng ta có thể nói chuyện thoải mái.

Ông ta mở cửa và chúng tôi bước vào một căn phòng không giống như một cabin tàu thủy. Hai ngọn đèn bằng đồng đung đưa trên giá treo, soi mờ mờ một chiếc bàn không phải bằng gỗ, có lẽ bằng nhựa. Cuối phòng là hai giường ngủ bằng ván ép. Dưới gầm giường và trên đầu giường chất cả đống những đĩa hát. Trong góc phòng có một chiếc máy thu thanh quay đĩa lớn. Một chiếc ghế xôfa bọc da đỏ, một tấm thảm đỏ, tủ áo quần và chiếc ghế cao vứt đầy ly cốc và thuốc lá. Một quầy rượu nhỏ kín đáo ở góc đối diện với hai chiếc giường.

- Mời ngồi, - Brunett nói và đi quanh chiếc bàn. Giấy má trên bàn lộn xộn. Ông ta ngồi xuống một chiếc ghế lưng cao, làm nghiêng nó đi một ít và nhìn tôi. Ông ta lại đứng lên cởi áo khoác và khăn, vứt sang một bên rồi ngồi xuống ghế. Ông ta lấy ra một cây bút và cài lên vành tai. Ông ta có nụ cười của mèo, nhưng tôi không ưa loài

mèo.

Đó là một người không ra trẻ không ra già, không ra béo không ra gầy. Ông ta có vẻ tráng kiện của người sống rất nhiều tháng ngày trên sóng biển. Mái tóc lượn sóng tự nhiên màu hạt dẻ, vầng trán hẹp và ưu tư, ánh mắt nhìn đe dọa tinh vi. Tròng mắt màu vàng. Đôi bàn tay đẹp, không ẻo lả tới mức nhạt nhẽo nhưng được chăm sóc kỹ lưỡng.

Bộ dạ phục của ông chắc phải là màu nước biển lúc nửa đêm, vì trông nó tối thẫm. Hạt ngọc trai gắn trên áo ông ta hình như quá lớn, nhưng có thể vì ghen tỵ mà người ta thấy như thế.

Ông ta nhìn tôi một lúc lâu rồi nói:

- Ông có một khẩu súng.

Những bàn tay sắt bọc nhung lần xuống lưng tôi và lấy ra một vật, chắc chắn không phải là cần câu cá, mà là khẩu súng của tôi rồi chìa ra cho những người khác.

- Sao nữa? - Một giọng hỏi.

Brunett lắc đầu.

- Đủ rồi.

Bàn tay cầm khẩu súng đặt nó lên bàn.

Brunett lấy cây bút xuống, cầm con dao rọc giấy và đặt khẩu súng của tôi nhẹ nhàng bên cạnh cái bàn thấm.

- Được, - ông ta nói khẽ, nhìn qua vai tôi. - Liệu tôi có phải giải thích là tôi muốn gì không?

Một người đi nhanh ra ngoài. Một người nữa đứng sững như tượng. Sự im lặng kéo dài rồi vỡ ra vì những giọng nói rì rầm bên ngoài và tiếng nhạc trầm nặng nề đâu đó buông xuống một nỗi uể oải như một tiếng đập mơ hồ.

- Ông dùng rượu?

- Cảm ơn.

Một gã khỉ đột tới pha hai ly rượu ở quầy nhỏ. Hắn không có ý che khuất hai chiếc ly, rồi mang đến bằng chiếc xe đẩy thủy tinh,

đặt mỗi ly một đầu bàn.

- Thuốc lá?

- Cảm ơn.

- Loại Ai Cập được chứ?

- Nhất định rồi.

Chúng tôi châm lửa và uống. Rượu có vị như Scotch hảo hạng. Gã khỉ đột không uống.

- Điều tôi muốn là, - tôi bắt đầu.

- Xin lỗi, cái đó có gì quan trọng không?

Nụ cười êm ái như mèo và đôi mắt vàng khép lại mệt mỏi.

Cửa bật mở. Người vừa ra quay lại cùng gã trai trẻ mặc chiếc áo khoác xộc xệch, có cái miệng kẻ cướp. Anh ta nhìn tôi, gương mặt trắng bệch như vỏ sò.

- Ông ta không đi qua chỗ tôi - anh ta nói nhanh, nhăn khóe mép.

- Ông ta có một khẩu súng, - Brunett nói, đẩy khẩu súng ra cùng con dao rọc giấy. - Khẩu súng này ông ta nhét trong lưng, ở trên boong.

- Không qua chỗ tôi, thưa ông chủ, - *chiếc - áo - khoác - xộc - xệch* nói nhanh.

Brunett ngước đôi mắt vàng nhìn tôi mỉm cười:

- Thế nào?

- Quét anh ta đi, - tôi nói - vặn cổ anh ta ở chỗ khác.

- Tôi có thể chứng minh điều đó bằng người lái taxi. *Chiếc - áo - khoác - xộc - xệch* gầm gừ.

- Anh có rời vị trí từ lúc năm rưỡi không?

- Không một phút nào, thưa ông chủ.

- Đấy không phải là câu trả lời. Một đế chế có thể sụp đổ trong vòng một phút.

- Không một giây nào, thưa ông chủ.

- Nhưng anh ta có thể đã bỏ vị trí. - tôi nói và cười lớn.

Chiếc - áo - khoác - xộc - xệch tiến một bước, điệu đàng như một võ sĩ quyền Anh và quả đấm của anh ta vung lên như một cái roi. Nó nhằm vào thái dương tôi. Một tiếng huỵch thật uể oải. Quả đấm hình như tan ra giữa không trung. Anh ta sụm xuống và co quắp ở một góc bàn rồi lăn lộn. Cảnh tượng giống như một kẻ bị nện bất ngờ bằng dùi cui.

Brunett vẫn mỉm cười với tôi.

- Tôi hy vọng ông không làm cho hắn bị oan, - Brunett nói - vẫn có vấn đề ở cái cửa dẫn tới lối đi chung.

- Nó mở tình cờ.

- Ông có thể nghĩ ra một ý kiến nào khác không?

- Giữa đám đông thì không được.

- Tôi sẽ nói chuyện một mình tôi với ông, - Brunett nói, không nhìn ai khác ngoài tôi.

Gã khỉ đột kẹp anh chàng *áo - khoác - xộc - xệch* vào nách, xách anh ta qua cabin và một người khác mở một cánh cửa bên trong. Họ đi qua. Cửa đóng lại.

- Được, - Brunett nói. - Anh là ai và anh muốn gì?

- Tôi là một thám tử tư và tôi muốn nói chuyện với ông về một người tên là Moose Malloy.

- Cho tôi xem căn cước.

Tôi đưa ông ta coi. Ông ta ném trả lại chiếc ví của tôi qua bàn. Đôi môi xạm nắng gió của ông ta tiếp tục mỉm cười, nụ cười thật sân khấu.

- Tôi đang điều tra một vụ giết người, - tôi nói - vụ giết một người có tên là Mariott trên một bờ dốc gần Câu lạc bộ Belvedere của ông đêm Thứ Năm vừa rồi. Vụ giết người này dẫn theo một vụ nữa, giết một người đàn bà, cũng do tay Malloy, một gã khổng lồ, một tên cướp nhà băng và một kẻ hung đồ bất trị.

Ông ta gật đầu.

- Tôi không hỏi ông là ông định nói gì vói tôi.

- Tôi giả thiết rằng ông định làm điều đó. Nhưng tôi yêu cầu ông nói xem ông lên tàu tôi cách nào?

- Tôi đã nói với ông rồi.

- Đó không phải là sự thật - ông ta nói lịch sự. - Tên ông là Marlowe? Ông không nói thật, ông Marlowe. Ông biết điều đó. Tên vừa bị đánh ngã xuống chân tường ấy không nói dối. Tôi tuyển người của tôi rất cẩn thận.

- Ông sở hữu một phần Bay City, - tôi nói - tôi không biết cái phần đó lớn đến thế nào nhưng chắc là đủ cho những gì ông muốn. Một kẻ tên là Sonderborg điều hành một tổ quỷ ở đó. Gã pha chế, buôn bán ma túy và chứa chấp những kẻ bị truy nã. Dĩ nhiên hắn không thể làm như thế nếu không có sự tiếp tay. Tôi không nghĩ hắn có thể làm điều đó qua mặt ông. Malloy đang ở chỗ hắn. Bây giờ Malloy trốn đi rồi, mặc dù gã cao hai thước và khó mà lọt lưới. Tôi nghĩ gã có thể trốn yên ổn trên một con tàu gá bạc.

- Ông đơn giản quá đấy, - Brunett nói nhẹ nhàng - cứ cho là tôi muốn giấu gã, sao tôi mạo hiểm ra đây? - Ông ta uống một hợp rượu - Sau hết, tôi bận nhiều việc. Khó lòng giữ được chuyện điều hành một chiếc tàu phục vụ khách tử tế mà thoát khỏi bao nhiêu phiền hà, vả lại, thế gian rộng lớn thiếu gì chỗ cho những kẻ đào tẩu nương thân. Huống chi gã lại có tiền nữa. Ông có nghĩ ra được ý nào hay hơn không?

- Tôi có thể, nhưng quỷ bắt nó đi.

- Tôi không thể giúp gì ông được. Vậy thì ông đã lên tàu thế nào?

- Tôi không định nói.

- Tôi sợ rằng tôi sẽ phải có cách làm ông nói, ông Marlowe, - hàm răng ông ta ánh lên trong quầng sáng của chiếc đèn bằng đồng. - Sau hết, có thể phải làm điều đó.

- Nếu tôi nói với ông, liệu ông có chuyển lời tôi tới Malloy không?

- Lời gì?

Tôi với tay lấy cái ví của tôi trên bàn, rút một tấm thiếp. Tôi cất ví đi chừa một cây bút lại. Tôi viết năm chữ lên tấm thiếp, đẩy nó qua

bàn. Brunett cầm lấy đọc.

Ông ta nói:

- Cái đó vô nghĩa với tôi.

- Nó sẽ có nghĩa đối với Malloy.

Ông ta dựa lưng vào thành ghế và nhìn tôi:

- Tôi không hiểu ông. Ông mạo hiểm lẩn lút tới đây, đưa cho tôi một tấm thiếp để đưa cho một tên cướp nào đó mà tôi không hề biết. Những cái đó không nghĩa lý gì cả.

- Đúng là không nghĩa lý nếu quả là ông không biết gã.

- Sao ông không bỏ súng trên bờ mà lên tàu đàng hoàng như mọi người?

- Lần đầu tôi quên mất điều đó. Rồi tôi biết rằng cái tên quỷ sứ mặc áo khoác xộc xệch ấy sẽ không bao giờ cho tôi lên. Rồi tôi chộp được một người bạn chỉ cho tôi cách khác.

Mắt ông ta lóe lên một tia sáng mới. Ông ta vẫn mỉm cười và không nói gì.

- Người bạn này không phải là một tên lưu manh, nhưng anh ta ở trên bờ và nghe hết mọi chuyện. Anh ta biết một cái cửa nhận hàng không có chấn song bên trong và biết một cửa thông gió đã bỏ lưới chắn. Anh ta chỉ lối cho tôi lên boong. Ông nên kiểm tra lại thủy thủ đoàn của ông, ông Brunett.

Ông ta ngậm chặt môi, nhay nhay và nhìn xuống tấm thiếp.

- Không có ai là Malloy trên tàu này, - ông ta nói. -Nhưng nếu ông nói thật về cái cửa nhận hàng đó, tôi sẽ tìm cho ông.

- Đi, tôi chỉ cho.

Ông ta vẫn nhìn xuống.

- Nếu như có cách nào chuyển lời tới Malloy, tôi sẽ làm. Không hiểu sao tôi bực mình quá.

- Cứ tới xem cái cửa nhận hàng ấy.

Ông ta vẫn ngồi im một lát, rồi ngả người về phía trước, đẩy khẩu súng qua bàn cho tôi.

- Những gì tôi làm, - ông ta trầm ngâm như chỉ có một mình - tôi điều khiển thành phố, tôi bầu bán chức vụ thị trưởng, tôi thao túng cảnh sát, tôi buôn lậu ma túy, tôi che giấu tội phạm, tôi làm những bà già bị bóp cổ vì châu báu.

Đấy là vô số thời gian tôi có, - ông ta cười khô khan - vô số thời gian.

Tôi với tay lấy khẩu súng nhét vào bao dưới cánh tay.

Brunett đứng dậy.

- Tôi không hứa gì cả, - ông ta nói, mắt nhìn bình tĩnh -nhưng tôi tin ông.

- Tất nhiên là không.

- Rồi ông sẽ thấy.

- Được.

- Nào. - ông ta làm một cử chỉ vô nghĩa rồi đưa bàn tay qua bàn. - Hãy bắt tay một kẻ ngốc nghếch, - ông ta nói nhẹ nhàng.

Tôi bắt tay ông ta. Bàn tay ông ta nhỏ nhưng rắn chắc và ấm áp.

- Ông không nói với tôi về việc ông tìm ra cái cửa nhận hàng ấy thế nào à?

- Tôi không thể nói. Nhưng người đã bảo tôi chuyện đó không phải là một kẻ gian.

- Tôi có thể làm ông nói, - ông ta nói rồi tức khắc lắc đầu - Không. Tôi đã tin ông. Tôi sẽ lại tin ông. Ông cứ ngồi nguyên, ta làm ly nữa.

Ông ta nhấn một cái còi. Cửa phía sau mở ra và một trong những gã hung thần nhung lụa lúc nãy bước vào.

- Ở đấy. Lấy cho ông ta một ly, nếu ông ta muốn. Không được lỗ mãng.

Gã ngư lôi ngồi xuống và nhìn tôi cười trơ tráo. Brunett đi nhanh ra khỏi văn phòng. Tôi hút thuốc và cạn ly rượu. Gã ngư lôi làm ly khác. Tôi lại cạn và châm điếu thuốc nữa.

Brunett quay lại, rửa tay trong góc phòng, rồi lại ngồi xuống ghế. Ông ta hất hàm cho gã ngư lôi. Gã lặng lẽ biến rất nhanh.

Brunett chăm chú ngó tôi.

- Ông đã thắng, ông Malloy. Và tôi có 164 người trong danh sách thủy thủ đoàn. Nào, - ông ta nhún vai - ông có thể quay về bằng taxi. Sẽ không có ai làm phiền ông, về thông điệp của ông, tôi có một số tiếp xúc. Tôi sẽ sử dụng. Tạm biệt. Tôi có thể sẽ nói lời cảm ơn. Để thể hiện.

- Tạm biệt, - tôi nói và đứng dậy ra ngoài

Có một người mới xuất hiện ở bậc tàu. Tôi vào bờ bằng chiếc taxi khác. Tôi lại tới sòng bạc và đứng dựa lưng vào tường, giữa đám đông.

Red tới sau vài phút và cũng đứng dựa vào tường bên cạnh tôi.

- Thoải mái, hả? - Red nói nhỏ, giữa những giọng nói ồn ào lộn xộn của các con bạc đang gọi số.

- Cảm ơn anh. Ông ta chịu. Ông ta bị làm phiền.

Red đảo mắt nhìn quanh rồi ghé sát tai tôi:

- Còn gã của anh?

- Không. Nhưng tôi hy vọng Brunett sẻ tìm ra cách chuyển thông điệp của tôi tới gã.

Red quay đầu nhìn những bàn đánh bạc. Anh ta ngáp và duỗi thẳng người. Người đàn ông mũi khoằm lại xuất hiện. Red bước tới chỗ ông ta và nói:

- Chà, Olson, - Red rảo cẳng vượt qua ông ta.

Olson nhìn theo nhăn nhó và sửa lại mũ. Ông ta nhổ toẹt xuống sàn.

Tôi rời khỏi chỗ đó ngay tức khắc và tới bãi đậu xe sau con hẻm, nơi tôi để xe. Tôi lái xe về Hollywood, cất xe rồi lên phòng. Tôi cởi giày, bước đi quanh phòng, cảm nhận sàn nhà ở những đầu ngón chân đi bít tất. Chúng vẫn còn tê tê một lúc lâu.

Rồi tôi ngồi xuống cạnh giường và tính toán thời gian. Không thể tính được. Phải mất nhiều giờ hoặc nhiều ngày để tìm Malloy. Có thể chẳng bao giờ tìm thấy gã tới khi cảnh sát túm cổ gã. Nếu họ

không kể sống chết.

39

Lúc tôi quay số của bà Grayle ở Bay City là khoảng mười giờ. Tôi nghĩ đã quá muộn, nhưng không phải. Vượt qua những rắc rối ở đầu dây bên kia của một cô gái và viên quản gia, cuối cùng tôi nghe thấy giọng bà trên dây nói. Giọng bà đầy hưng phấn và thỏa mãn sau bữa tối.

- Tôi có hứa gọi cho bà. Hơi muộn một chút, nhưng tôi bận quá.

- Lại leo cây nữa hả? - Giọng bà hơi lạnh.

- Có lẽ không. Người lái xe của bà giờ này còn làm việc không?

- Anh ta làm việc bất kể giờ nào theo yêu cầu của tôi.

- Thế việc bà rẽ qua đón tôi thì sao? Tôi định đưa ra lời thỉnh cầu đầu tiên của tôi.

- Ông giỏi lắm, - bà kéo dài giọng. - Tôi có thực sự bị quấy rầy không?

Chắc chắn Amthor đã làm một vụ kỳ diệu cho trung tâm ngôn ngữ của bà.

- Tôi sẽ cho bà thấy cảnh cô đơn của tôi.

- Chỉ có một cảnh cô đơn thôi đấy chứ?

- Đây chỉ là một căn hộ nghèo nàn.

- Tôi có nghe nói điều đó, - bà lại kéo dài giọng rồi đổi âm vực. - Đừng có gây chuyện, ông có một ngôi nhà dị thường, ông bạn , và chớ có nói điều gì khác với tôi. Đọc lại địa chỉ cho tôi đi.

Tôi đọc địa chỉ và số phòng cho bà.

- Hành lang đã khóa, nhưng tôi sẽ xuống và tháo chốt, -tôi nói.

- Thế thì hay, - bà nói - tôi sẽ không phải mang thằng hầu.

Bà gác máy. Tôi có cảm giác lạ lùng như vừa nói chuyện với một người nào đó không thực tồn tại.

Tôi đi xuống hành lang và tháo chốt, sau đó quay lên đi tắm, mặc

bộ pyjama và nằm dài trên giường. Tưởng chừng như có thể ngủ thiếp đi cả tuần lễ. Tôi cố lê mình khỏi giường để tháo chốt cửa nãy tôi đã quên, vào bếp lấy ly tách và chai rượu Scotch mà tôi phải cố chống lại sự cám dỗ, để dành lúc cần.

Tôi lại vật mình xuống giường.

- Cầu nguyện, - tôi nói lớn với mình. -Không có gì cả ngoài lời cầu nguyện.

Tôi nhắm mắt. Bốn bức tường chao đảo như trong lòng con thuyền. Không khí yên tĩnh tưởng chừng có sương đọng từng giọt và gió biển xạc xào. Tôi ngửi thấy vô vàn mùi ẩm mốc của những đồ phế thải, mùi dầu máy và thấy gã người Ý mặc chiếc áo sơ mi tím đọc báo dưới ngọn đèn trần và đôi mục kỉnh từ đời cụ cố nội. Tôi trèo lên tận đỉnh Himalaya rồi bước hụt ra khoảng không giữa những gã thủy thủ cầm súng máy. Tôi lại chuyện trò với người đàn ông có đôi mắt vàng, một kẻ mưu mô xảo quyệt và chắc là phi luân. Tôi nhớ anh chàng tóc đỏ và đôi mắt màu tím, có lẽ là kẻ tử tế hơn cả mà tôi đã gặp. Tôi không nghĩ gì nữa. Ánh sáng chuyển động đằng sau mi mắt khép của tôi. Tôi lạc lõng trong không gian mơ hồ. Tôi là một cây gậy mạ vàng trở về từ một cuộc phiêu lưu thất bại. Tôi là gói thuốc nổ một trăm đôla đi ngoài phố với tiếng còi ồn ào miệt thị, như thể một gã chủ tiệm cầm đồ nhìn chiếc đồng hồ một đôla. Tôi là con bọ đầu màu hồng bò lổm ngổm lên vách căn phòng City Hall.

Tôi ngủ thiếp..

Tôi tỉnh dậy chậm chạp rã rời, mắt nhìn đăm đăm vào vùng sáng phản chiếu từ ngọn đèn trên trần. Có cái gì chuyển động nhẹ nhàng trong phòng.

Sự chuyển động lặng lẽ, nặng nề và lén lút. Tôi lắng nghe nó. Rồi tôi quay đầu chầm chậm và nhìn thấy Moose Malloy. Có những vùng bóng tối và gã đi vào đó lặng lẽ như tôi đã thấy gã lần trước. Một khẩu súng trong bàn tay gã lấp lánh trơn loáng. Mũ gã ấn sụp xuống mái tóc quăn đen và cái mũi ngửi ngửi như mũi một con chó săn.

Gã thấy tôi mở mắt. Gã bước tới bên giường và đứng đó nhìn tôi.

- Tôi nhận được mấy chữ của anh, - gã nói, - tôi đã dọn sạch cái ổ nhện ấy. Tôi không làm cho lũ cớm bu lấy bên ngoài. Nếu đấy là một trò lừa bịp, hai thằng đã vào rọ.

Tôi trở mình một chút trên giường và nhìn qua đống gối, tôi thấy gã có vẻ nhanh nhẹn. Khuôn mặt gã vẫn thế, to bè và xanh tái, đôi mắt không hiểu sao vẫn giữ được cái nhìn thanh lịch. Đêm nay gã mặc một chiếc áo khoác vừa khít vóc dáng khổng lồ. Một đường chỉ ở vai bị bục, do gã cố mặc. Có lẽ là cỡ lớn nhất ở tiệm quần áo nhưng vẫn không đủ lớn đối với Moose Malloy.

- Tôi hy vọng là ông tạt qua đây. - tôi nói. - Không gã cảnh sát nào biết chuyện này, tôi chỉ muốn gặp ông.

- Tiếp tục đi, - gã nói.

Gã đi. tới bàn, đặt khẩu súng xuống, cởi áo khoác ra rồi ngồi xuống chiếc ghế lớn nhất của tôi. Chiếc ghế kêu răng rắc nhưng không gãy. Gã ngả người ra sau và kéo khẩu súng lại gần bàn tay phải, móc bao thuốc lá trong túi và rút một điếu bằng miệng. Một que diêm xòe lửa nơi móng tay ngón cái. Mùi thuốc lá nặng hăng nồng tỏa khắp phòng.

- Anh không ốm hay bị làm sao đấy chứ? - gã hỏi.

- Tôi chỉ nằm nghỉ thôi. Tôi vừa qua một ngày mệt nhọc.

- Cửa mở. Anh chờ ai vậy?

- Một người đàn bà.

Gã nhìn tôi, nghĩ ngợi.

- Có lẽ bà ta không đến. Nếu bà ta đến, tôi sẽ ngăn lại, - tôi nói.

- Bà nào?

- Ồ, chỉ là một người đàn bà. Nếu bà ta tới, tôi sẽ tống khứ đi. Tôi cần nói chuyện với ông hơn.

Nụ cười mệt mỏi hiện ra khó khăn trên miệng gã. Gã rít thuốc lá từng hơi ngắn, mấy ngón tay to lớn vụng về cầm điếu thuốc lóng ngóng.

- Cái gì khiến anh nghĩ là tôi ở *Monty* - Gã hỏi.

- Một cảnh sát ở Bay City. Đó là một câu chuyện dài và đầy những phỏng đoán.

- Một cảnh sát ở Bay City theo tôi?

- Cái đó làm phiền ông à?

Gã lại cười yếu ớt và khẽ lắc đầu.

- Ông đã giết một người đàn bà. Jessie Florian. Đó là một sai lầm.

Gã nghĩ ngợi. Rồi gã gật đầu.

- Tôi bị sa vào cái chuyện đó, - gã nói khẽ.

- Nhưng cái đó rất bất lợi, - tôi nói. - Tôi không ngại về ông. Ông không phải là kẻ sát nhân. Ông không định giết bà ta. Một vụ khác, ở khu Trung tâm, ông có thể thoát được nhưng không thể thoát vụ đập một người đàn bà tới chết ở trên giường.

- Anh gặp phải chuyện đáng sợ đây, người anh em ạ, -gã nói khẽ.

- Cách đi của tôi là vậy, - tôi nói - và tôi không biết một cách nào khác. Ông không định giết bà ta, phải không?

Đôi mắt gã chớp chớp, đầu nghiêng nghiêng như nghe ngóng.

- Lúc ấy chắc ông thấy được cái sức vóc phi thường của ông? - Tôi nói.

- Nhưng lúc ấy đã quá muộn, - gã nói.

- Ông muốn bà ta nói ra với ông điều gì đó, ông chỉ nắm lấy cổ bà ta mà lắc. Lúc ông đập đầu bà ta vào song giường thì bà ta đã ngoẻo.

Gã nhìn tôi chòng chọc.

- Tôi biết cái điều ông muốn bà ta nói ra.

- Tiếp đi!

- Có một viên cảnh sát đi cùng tôi lúc tìm thấy bà ta. Tôi phải làm sáng tỏ.

- Sáng tỏ thế nào?

- Sáng tỏ tương đối, - tôi nói - nhưng không phải là chuyện đêm nay.

Gã lại nhìn tôi.

- Anh làm thế nào biết tôi ở *Monty?* - Gã đã hỏi tôi câu đó một lần và có vẻ quên.

- Tôi không biết. Nhưng lối thoát dễ nhất là đường biển. Với cách bố trí ở Bay City, ông có thể trốn ra một chiếc tàu gá bạc. Từ đó, ông có thể biến mất tiêu. Với một sự giúp đỡ thích đáng.

- Laird Brunett là một gã tử tế, - gã nói lơ đãng. - Tôi nghe như thế. Tôi cũng chưa bao giờ nói với ông ta cả.

- Ông ta đã chuyển thông điệp của tôi cho ông.

- Mẹ kiếp, có cả tá đường dây ngầm có thể giúp ông ta làm chuyện đó, anh bạn ạ. Khi nào chúng ta sẽ làm điều anh viết trong tấm thiếp? Tôi đã có linh cảm là anh san bằng mọi thứ. Tôi không có cơ hội nào khác tới đây. Chúng ta đi đâu?

Gã dụi điếu thuốc và nhìn tôi. Bóng gã lù lù in trên tường, một cái bóng khổng lồ. Gã to lớn tới mức dường như không thực.

- Cái gì khiến anh nghĩ là tôi đập Jessie Florian? - Gã hỏi bất ngờ.

- Vết ngón tay trên cổ bà ta. Thực tế là ông cần một điều gì đó ở bà ta mà ông lại quá khỏe để có thể giết bất kỳ ai một cách vô tình.

- Cớm buộc tội tôi chuyện đó?

- Tôi không biết.

- Tôi muốn biết điều gì ở bà ta?

- Ông nghĩ là bà ta biết chỗ Velma.

Gã lặng lẽ gật đầu và tiếp tục nhìn tôi.

- Nhưng bà ta không biết, - tôi nói. - Velma thì quái quỷ, sao bà ta biết được?

Có tiếng gõ nhẹ ở cửa.

Malloy ngả người về phía trước, mỉm cười với lấy khẩu súng. Ai đó đang thử vặn quả đấm cửa. Malloy chậm chạp đứng dậy, nghiêng người như lắng nghe. Rồi gã quay lại nhìn tôi.

Tôi ngồi dậy. thả chân xuống sàn và đứng lên. Malloy vẫn lặng lẽ nhìn tôi, bất động. Tôi đi tới cánh cửa.

- Ai? - Tôi ghé sát miệng vào khe cửa

Đúng là giọng bà ta.

- Mở ra, đồ ngốc. Nữ bá tước Windsor đây.

- Chờ một giây thôi.

Tôi quay lại nhìn Matloy. Gã cau mày. Tôi tới sát gã, nói bằng một giọng rất trầm.

- Không còn lối ra nào nữa. Vào phòng thay quần áo sau giường và đợi. Tôi sẽ tống khứ bà ta đi.

Gã lắng nghe và nghĩ ngợi. Không thể biết gã nghĩ gì. Gã là một kẻ không biết sợ ai, hơn nữa bây giờ gã còn gì để mất. Cái sức vóc khổng lồ ấy vốn không phải sinh ra để biết sợ. Cuối cùng, gã gật đầu, nhặt mũ và áo khoác, đi vòng qua giường vào phòng thay quần áo. Cánh cửa đóng lại, nhưng không khép chặt.

Tôi nhìn quanh để kiểm tra dấu vết của gã. Không có gì ngoại trừ một mẩu thuốc lá mà ai cũng có thể hút. Tôi tới mở cửa, Malloy đã cài then khi gã vào phòng.

Bà Grayle đứng đó trong chiếc áo khoác lông cáo màu trắng cổ cao mà bà đã kể với tôi. Đôi hoa tai bằng ngọc lục bảo cháy sáng giữa mớ lông trắng mềm mại. Những ngón tay cong cong thon thả cầm chiếc túi xách.

Nụ cười biến mất khỏi gương mặt bà khi bà thấy tôi. Bà nhìn tôi từ đầu đến chân, ánh mắt giờ đây trở nên lạnh lùng.

- Ra thế đấy, - bà nói tàn nhẫn. - Pyjama và áo choàng. Để trưng ra cho tôi nỗi cô đơn đáng yêu của ông. Tôi chắc muốn điên.

Tôi đứng sang bên cạnh và giữ cánh cửa.

- Không hẳn là thế đâu. Tôi đang mặc quần áo thì một viên cảnh sát tạt vào. Ông ta vừa đi.

- Randall à?

Tôi gật đầu. Một lời nói dối với một cái gật đầu cũng vẫn là một lời nói dối nhưng là một lời nói dối dễ dàng. Bà ngập ngừng một lát, rồi bước qua trước tôi với một cơn lốc lông cáo nồng nàn hương thơm.

Tôi đóng cửa. Bà bước chầm chậm qua phòng, nhìn lơ đãng lên các bức tường rồi quay phắt lại.

- Để chúng ta hiểu nhau, - bà nói - tôi không phải loại đàn bà nhẹ dạ. Tôi không tới vì một bản tình ca giường ngủ. Đời tôi cũng có nhiều bản tình ca du dương. Nhưng tôi thích cái gì cũng phải có không khí của nó.

- Bà muốn dùng một ly trước khi đi không?

Tôi vẫn tựa người vào cánh cửa. Bà ở đầu kia căn phòng.

- Tôi đi nhé?

- Bà cho tôi cảm giác là bà không muốn ở đây.

- Tôi muốn nói điều này. Có lẽ là thô thiển một chút. Tôi không phải một con điếm lang chạ. Tôi có thể, dù phải... nhưng không phải cứ chìa tay ra. Vâng cho tôi một ly.

Không một âm thanh nào thoát ra từ phòng thay quần áo, ngay cả một tiếng thở.

Bà cầm ly rượu, nếm và nhìn qua ly tới bức tường phía xa.

- Tôi không thích những người đàn ông tiếp tôi trong bộ pyjama, - bà nói. - Thật khôi hài. Tôi thích ông. Tôi thích ông nhiều. Nhưng tôi có thể cho qua. Tôi thường cho qua những gì như thế.

Tôi gật đầu và uống.

- Hầu hết đàn ông là những con vật bần tiện. Trên thực tế, đó là một thế giới quá đỗi bần tiện, nếu như ông hỏi tôi.

- Tiền bạc có thể có ích.

- Ông nghĩ thế khi không phải lúc nào ông cũng có tiền. Thực tế nó chỉ gây ra những vấn đề mới - bà ta mỉm cười dò hỏi - và ông sẽ thấy quên đi các vấn đề thì khó khăn biết bao.

Bà lấy ra một điếu thuốc đầu vàng từ trong túi xách tay. Tôi đi tới đưa cho bà hộp diêm. Bà thở những cụm khói mơ hồ và nhìn chúng qua đôi mắt khép.

Đột nhiên bà nói:

- Ngồi cạnh tôi đi.

- Trước hết chúng ta nói chuyện một chút.

- Về cái gì? Ồ, ngọc bích của tôi?

- Về vụ giết người.

Không có gì thay đổi trên khuôn mặt bà. Bà lại thở ra những cụm khói, lần này cẩn thận hơn, chậm rãi hơn.

- Một đề tài dơ dáy. Chúng ta phải nói?

Tôi nhún vai.

- Lind Mariott chẳng phải là ông thánh, - bà nói. - Nhưng tôi vẫn không muốn nói chuyện đó.

Bà nhìn tôi lạnh nhạt một lúc lâu, rồi thò tay vào túi xách vẫn mở, lấy ra một chiếc khăn tay.

- Về phần tôi, tôi không nghĩ ông ta là tay trong cho bọn cướp nữ trang. Cảnh sát giả đò rằng họ nghĩ thế, nhưng họ giả đò rất nhiều. Tôi không nghĩ ngay cả ông ta là một kẻ tống tiền, trong một nghĩa hiện thực nào đó. Điều đó có khôi hài không?

- Phải, không hiện thực, - tôi đồng ý và uống nốt ly rượu dở dang. - Bà tới đây quả là điều tuyệt vời đáng sợ, bà Grayle. Nhưng hình như chúng ta vớ phải một tâm trạng lầm lạc. Nói rộng ra, tôi không nghĩ ngay cả Mariott bị giết bởi bọn cướp. Tôi không nghĩ là ông ta tới khe núi để bị giết, mặc dù ông ta nghĩ ông ta tới đó để giao phó một vụ giết người. Nhưng Mariott là một kẻ giết người rất tồi.

Bà ngả người về phía trước một chút và nụ cười của bà đông lại trên khuôn mặt đờ đẫn. Đột nhiên, không một biến đổi thực sự nào, bà mất hẳn vẻ đẹp. Chỉ còn là một người đàn bà nguy hiểm từ một trăm năm trước, một người đàn bà thách thức hai mươi năm gần đây và bây giờ chỉ đứng hạng B ở Hollywood.

Bà không nói gì nhưng bàn tay phải của bà gõ gõ chiếc túi xách.

- Một kẻ giết người rất tồi, - tôi nói - giống như kẻ giết người thứ hai trong vở “Vua Richard II” của Shakespeare. Ông bạn bị lương tâm cắn dứt, nhưng vẫn thèm tiền, và cuối cùng không làm gì hết ở vụ đó, bởi vì ông bạn không thể dứt khoát đầu óc được. Những kẻ giết người như thế thật ra lại rất nguy hiểm. Họ phải bị loại bỏ, đôi

khi bằng những cây dùi cui.

Bà mỉm cười:

- Và ông nghĩ ai là người mà ông ta định giết?

- Tôi.

Tôi đăm đăm nhìn bà.

- Thật khó tin rằng có ai đó căm ghét ông đến thế. Ông còn nói chuỗi hạt ngọc của tôi chẳng hề mất cắp mất cướp gì hết. Ông có chứng cớ nào về tất cả những điều này?

- Tôi không bảo tôi có. Tôi chỉ bảo là tôi nghĩ những điều đó.

- Nhưng sao lại cứ điên rồ đi nói mãi chuyện ấy?

- Bằng chứng - tôi nói - luôn luôn hiểu lộ. Đó là sự thống trị của ngẫu nhiên. Và là vấn đề người ta nện tôi như thế nào. Có một nguyên do yếu ớt cho vụ giết tôi, đó là việc tôi đang cố gắng lần theo dấu vết một cô ca sĩ nhà hàng ở Đại lộ Trung tâm cùng thời gian đó và một kẻ tên là Moose Malloy cũng đang tìm kiếm cô ta. Rõ ràng là có khả năng tìm thấy, hoặc là điều ấy không xứng đáng, trong khi giả thuyết về vụ Mariott là tôi phải bị giết và bị giết thật nhanh. Và cũng rõ ràng là ông ta không tin điều đó. Nhưng có một nguyên do mạnh mẽ hơn cho vụ giết Mariott, đó là việc ông ta ngoài sự phù phiếm hoặc tình yêu hoặc tính tham lam hoặc hỗn hợp của cả ba, là kẻ không đáng giá nữa. Ông ta sợ, nhưng không phải cho chính ông ta. Ông ta sợ bạo lực ở nơi ông ta tham dự và sợ bị kết án. Nhưng mặt khác, ông ta cũng giành giật miếng cơm manh áo của mình. Vậy là ông ta đã gặp cơ hội.

Tôi dừng lời. Bà gật đầu và nói:

- Rất thú vị. Nếu người ta biết cái gì mà ông đang nói tới.

- Và người ta hành động - tôi nói.

Chúng tôi nhìn nhau. Bây giờ bà lại cho tay phải vào trong túi xách. Tôi có một ý tưởng xác đáng về vật gì mà bàn tay đó đang cầm, nhưng không thấy đưa ra. Sự kiện nào cũng có thời điểm của nó.

- Chúng ta ngả bài, - tôi nói. - Ở đây chỉ có hai chúng ta. Không có điều gì mà chúng ta nói ra lại có chỗ dựa tầm thường nhất ở điều kẻ khác nói. Chúng ta loại bỏ lẫn nhau. Một cô gái xuất thân từ bùn lầy nước đọng trở thành vợ một tỉ phú. Rồi một bà già tiều tụy nhận ra cô ta - ngẫu nhiên bà già nghe giọng hát trên đài phát thanh và nhận ra giọng cô ta rồi tới gặp - bà ta phải giữ im lặng. Nhưng đấy chỉ là một bà già tầm thường, chẳng biết được bao nhiêu. Còn một người đàn ông đã từng thuê mướn và trả lương tháng cho bà ta, sở hữu các chứng từ chuyển nhượng căn nhà của bà ta và có thể ném bà ta vào chốn tăm tối bất kỳ lúc nào, người đàn ông này biết tất cả. Ông ta đắt giá đấy. Nhưng cũng không phải vấn đề. Từ lâu, không có ai khác biết chuyện. Nhưng rồi một ngày nọ, gã Moose Malloy hung bạo ra khỏi nhà tù, bắt đầu cuộc tìm kiếm người tình thuở xưa. Cây dùi cui khổng lồ ấy đã yêu cô ta và vẫn còn yêu. Đây mới là chuyện khôi hài, một thiên bi hài kịch. Cũng lúc đó, chàng thám tử tư nhà ta cũng nhúng mũi vào sự việc. Cái mắt xích yếu nhất là Mariott không còn kéo dài diễm phúc được nữa.

Ông ta trở thành mối đe dọa. Người ta tính đến ông ta và loại bỏ ông ta. Ông ta chỉ là một chú nhãi vô tích sự. Ông ta sẽ tan ra như một cục bơ gặp nóng và ông ta đã bị giết trước khi kịp tan ra. Với một cây dùi cui, bởi chính bà.

Tất cả những gì bà làm là rút bàn tay trong túi xách ra với một khẩu súng chĩa thẳng vào tôi và mỉm cười.

- Tất cả những gì tôi làm là chẳng làm gì hết.

Nhưng cũng vẫn không phải là tất cả những gì đã xảy ra. Moose Malloy bước ra khỏi phòng thay quần áo với khẩu Colt 45, vẫn như một thứ đồ chơi trong bàn tay lông lá to lớn.

Gã không hề nhìn tôi và nhìn thẳng vào bà Lewin Lockridge Grayle. Gã ngả người về phía trước, mỉm cười với bà và nói thật nhẹ nhàng.

- Tôi nghĩ là tôi biết giọng nói ấy, - gã nói - tôi đã lắng nghe giọng nói ấy suốt tám năm trời, tôi nhớ không sót chút nào về nó. Dù sao

tôi cũng là kẻ đã say mê mái tóc đỏ của em. Chà, em yêu. Bao nhiêu lâu tôi đã không gặp em.

Bà quay mũi súng.

- Xéo ngay, anh là đồ chó đẻ, - bà quát.

Gà đứng sững và buông rơi cây súng cạnh người. Gã chỉ còn cách bà ta chừng hai bước. Gã thở hổn hển.

- Tôi không bao giờ nghi ngờ em - gã nói âm thầm - Tôi chỉ đột nhiên hiểu ra. Em đã đẩy tôi vào tay cảnh sát. Em Velma bé bỏng của tôi.

Tôi ném cái gối, nhưng đã quá chậm. Bà nhả năm phát đạn vào bụng gã. Những viên đạn giảm thanh vang lên chẳng khác nào những ngón tay xỏ vào chiếc găng.

Bà lại quay mũi súng về phía tôi và bóp cò, nhưng ổ đạn đã rỗng. Bà đâm bổ đến khẩu súng của Malloy rơi trên sàn. Nhưng tôi đã không quên cái gối thứ hai. Tôi vòng qua giường và gạt bà trước khi bà kịp hất cái gối khỏi mặt. Tôi nhặt khẩu Colt lên và lại vòng qua giường, tay cầm súng.

Gã vẫn còn đứng, nhưng lắc lư. Miệng gã trễ xuống và bàn tay lóng ngóng dò dẫm trên người. Gã lảo đảo khuỵu gối rồi đổ vật xuống giường, mặt úp sấp. Hơi thở hổn hển của gã tràn ngập căn phòng.

Tôi cầm ống điện thoại trong tay trước khi bà nhúc nhích. Đôi mắt bà có màu xám chết chóc như nước đóng băng. Bà xô ra cửa và tôi cũng chẳng cố giữ lại. Bà rời khỏi cánh cửa mở rộng. Gọi điện thoại xong, tôi tới khép nó lại. Tôi quay lại, xoay đầu gã một chút trên giường để gã khỏi ngạt thở. Gã vẫn sống nhưng sau năm phát đạn vào bụng thì ngay cả Moose Malloy cũng chẳng còn được bao lâu.

Tôi trở lại điện thoại và gọi Randall ở nhà ông ta.

- Malloy - tôi nói - trong nhà tôi. Bị nã năm phát vào bụng bởi bà Grayle. Tôi đã gọi điện tới bệnh viện cấp cứu. Bà ta đã đi khỏi.

- Vậy là anh đã diễn một vở tuyệt diệu đấy, - ông ta nói có vậy và gác máy gấp.

Tôi trở lại giường. Malloy đã quỳ đầu gối bên cạnh giường, gượng dậy, bàn tay co quắp túm lấy một nắm vải giường. Khuôn mặt gã ướt nhẹp và hôi hám. Tròng mắt gã đảo chầm chậm và vành tai đã đen sậm.

Gã vẫn quỳ và gượng dậy khi xe cấp cứu tới. Phải bốn người mới khiêng nổi gã lên cáng.

- Ông ta chỉ có cơ may mỏng manh, nếu là những viên đạn 25, - viên bác sĩ cấp cứu nói trước khi ra cửa. - Tất cả phụ thuộc vào việc chúng đi chui vào những nội tạng nào. Nhưng cũng còn có cơ may.

- Gã không muốn điều đó đâu, - tôi nói.

Gã đã không có cơ may ấy. Gã chết ngay trong đêm.

40

- Ông nên tổ chức một bữa tiệc tối, - Anna Riordan nói và nhìn tôi từ đầu bên kia tấm thảm màu nâu. - Đồ đạc và pha lê sáng ngời, vải lanh sang trọng, nếu như người ta vẫn còn dùng vải lanh ở chỗ ngồi trong các buổi tiệc tối, đèn nến, những người đàn bà trưng ngọc ngà châu báu, những người đàn ông thắt cà vạt trắng, người phục vụ thấp thoáng với những chai vang bọc giấy, những viên cảnh sát cứng ngắc trong bộ đồ dạ tiệc đi thuê, với nụ cười giòn tan và những bàn tay ngọ nguậy; và ông ở đầu chiếc bàn dài nói tất cả những chuyện đó, từng chút một với nụ cười nhẹ nhõm dễ thương của ông và một thứ Anh ngữ giả giọng y như người hùng trinh thám Philo Vance của W.H. Wright.

- Ờ, - tôi nói - cô không mang cho tôi cái gì hay sao, trong khi cô tiếp tục thông minh sắc sảo?

Cô vào bếp, đập đá rồi trở lại với hai ly rượu lớn và ngồi xuống.

- Những ly rượu của bà bạn ông mới thật kinh khủng, - cô nói và uống từng ngụm nhỏ.

- Và bất ngờ, viên quản gia nhượng bộ, - tôi nói - chỉ có điều không phải ông ta giết người. Ông ta nhượng bộ một cách tinh khôn.

Tôi nuốt vài ngụm rượu.

- Cái đó có gì mà kể. Nó không uyển chuyển và thông minh, chỉ có tối tăm và đẫm máu thôi.

- Vậy là bà ta bỏ đi?

Tôi gật đầu.

- Đúng thế. Bà ta không về nhà. Bà ta tìm một chỗ ẩn náu kín đáo để có thể đổi quần áo và xuất hiện lại. Sau hết, bà ta sống trong một sự mạo hiểm giống như một thủy thủ. Bà ta tới gặp tôi có một mình. Không có lái xe. Bà ta tới bằng một chiếc xe hơi nhỏ mà bà ta bỏ nó

ở cách đấy khoảng vài chục dãy nhà.

- Họ sẽ tìm được bà ta, nếu họ thực sự nỗ lực.

- Đừng mong cái đó. Tôi đã từng làm việc ở Cục Điều tra. Giả sử họ bắt được bà ta, điều gì sẽ xảy ra? Họ sẽ phải chống lại hai mươi triệu đôla và một dung nhan yêu kiều, và hoặc là Lee Farrell hoặc là Rennenkamp. Sẽ khó khăn ghê gớm nếu định chứng minh là bà ta giết Mariott. Tất cả những gì họ có là một quá khứ nặng nề và bà ta đã vượt qua quãng đời năng nề ấy, nếu họ lần ra được. Chắc chắn, là bà ta không giữ những băng ghi âm, hoặc là bà ta đã không có chúng.

- Về Malloy thì sao? Nếu ông nói với tôi về gã từ trước, thì có phải tôi đã biết bà ta là ai rồi không? Làm sao mà ông biết được nhỉ? Hai bức ảnh đó đâu có phải cùng một người đàn bà.

- Không. Tôi hoài nghi, dù ngay cả bà lão Florian biết họ đã đội lốt. Bà lão có vẻ kinh ngạc khi tôi lấy được tấm ảnh Velma - tấm ảnh đó, ngay trước mũi bà lão. Nhưng có thể bà lão cũng đã biết và chỉ giấu giếm với một ý đồ là sẽ bán cho tôi sau đó. Biết cái đó thì vô hại, nó lẫn giữa những tấm ảnh của một vài cô gái khác mà Mariott đã đánh tráo.

- Đấy chỉ là phỏng đoán.

- Còn cách khác. Đúng lúc Mariott gọi điện cho tôi mang cho tôi câu chuyện hư cấu về vụ chuộc nữ trang. Cái đó đã có, bởi vì tôi đã thấy Florian hỏi về Velma. Và khi Mariott bị giết, cái đó đã có, bởi vì ông ta là khâu yếu nhất của mắt xích. Bà lão Florian không biết Velma đã trở thành bà Lewin Lockridge Grayle. Bà lão không thể biết được. Họ mua bà lão quá rẻ. Grayle nói rằng họ đi châu Âu làm đám cưới và vợ ông ta cưới bằng tên thật. Ông ta không nói ở đâu và khi nào. Ông ta không nói tên thật của vợ là gì. Ông ta cũng không nói bà ta ở đâu. Tôi không nghĩ là ông ta biết, nhưng cảnh sát không tin điều đó.

- Tại sao ông ta lại không nói? - Anne Riordan đưa những ngón tay mảnh khảnh chống cằm và nhìn tôi đăm đăm bằng đôi mắt rợp bóng.

- Ông ta phát rồ lên vì bà ta và chẳng còn đầu óc đâu mà quan tâm tới cái nôi bà ta đã nằm.

- Tôi hy vọng là bà ta sẽ tiếp tục tìm cái nôi nơi ông, -Anne Riordan nói giễu cợt.

- Bà ta định chơi tôi. Bà ta cũng có hơi sợ tôi. Bà ta không muốn giết tôi bởi vì giết một người như tôi, một thứ cảnh sát, là điều nguy hiểm. Nhưng chắc chắn bà ta sẽ cố gắng vào phút chót, như bà ta giết Jessie Florian, nếu Malloy không tránh cho bà ta những rắc rối.

- Tôi đánh cuộc: sẽ rất xui xẻo nếu dính vào một mái tóc hung đẹp đẽ, - Anne Riordan nói - ngay cả với một chút mạo hiểm. Như tôi nghĩ, rốt cuộc vẫn thế.

- Tôi không nói chuyện đó.

- Tôi tưởng là người ta không thể buộc tội bà ta điều gì về chuyên giết Malloy, vì gã có súng.

- Không, không thể, với sự tác động của bà ta.

Đôi mắt lốm đốm ánh vàng nhìn tôi đăm chiêu.

- Sao ông nghĩ là bà ta định giết Malloy?

- Bà ta sợ gã, - tôi nói. - Bà ta đã xoay trở gã trong tám năm. Hình như gã biết điều đó. Nhưng gã không làm hại bà ta và vẫn yêu bà ta. Phải, tôi nghĩ là bà ta rắp tâm giết ai mà bà ta buộc phải giết. Bà ta cũng đã dằn vặt nhiều. Nhưng người ta không thể giữ những điều như thế mãi được. Bà ta đã nã súng vào tôi ở ngay nhà tôi nhưng ổ đạn rỗng. Bà ta có thể đã giết tôi ở cái khe dốc mà Mariott đã bị giết.

- Gã vẫn còn yêu bà ta, - Anne nói khẽ. - Tôi định nói Malloy. Sáu năm trời, bà ta đã không viết cho gã một chữ, hoặc là tới thăm một lần khi gã ngồi tù, cũng chẳng hề hấn gì với gã. Rồi khi gã ra tù, gã chì cần mua mấy bộ đồ đẹp đẽ và lại nhìn người tình xưa bằng cái nhìn đắm đuối thuở nào. Vậy mà bà ta lại đẩy năm viên đạn chì vào bụng gã, lẽ ra phải là một lời chào ân tình. Gã giết hai mạng người và gã vẫn còn yêu bà ta đến thế. Cuộc đời là vậy!

Tôi cạn ly rượu và nhìn chiếc ly với vẻ thèm khát, nhưng cô không nhận thấy. Cô nói:

- Bà ta đã nói với Grayle cội nguồn của mình và bà ta ruồng rẫy nó. Ông ta đi ra ngoại quốc, cưới bà ta dưới cái tên khác, bán đài phát thanh để đập tan những mối tiếp xúc với bất kỳ ai có thể biết bà ta. Ông ta mang tới cho bà ta cả một núi tiền để chi xài xả láng và bà ta mang tới cho ông ta cái gì?

- Điều đó khó nói, - tôi lắc lắc cục nước đá dưới đáy ly. - Tôi tưởng là bà ta mang tới cho chồng một niềm kiêu hãnh mà ông ta, một ông già như thế, có thể có ở một người vợ trẻ đẹp và sắc sảo. Ông ta yêu vợ. Chúng ta nói chuyện về những cái đó làm quỷ gì nhỉ? Những cái đó lúc nào chả xảy ra. Chẳng có gì mới mẻ ở những điều bà ta đã làm, hoặc ở những người mà bà ta vờn để cho vào bẫy, hoặc ở cái gì mà bà ta từng làm. Ông ta yêu bà ta. Thế thôi.

- Như Moose Malloy, - Anne nói khẽ.

- Thôi cho qua, chúng ta sang chuyện khác.

- Ông không nói với tôi về Brunett hoặc những tấm thiếp trong những điêu cần sa, hoặc Amthor, hoặc Sonderborg, hoặc những đầu mối nhỏ bé nào đã đẩy ông tới lời giải bài toán rắc rối này.

- Tôi đưa bà Florian một tấm thiếp của tôi. Bà ta đặt một cái ly ướt lên trên. Đó chính là tấm thiếp trong túi Mariott, còn cả vệt ly ướt. Mariott không phải là kẻ bừa bộn. lộn xộn. Đó là một đầu mối. Có lần cô đề nghị tôi một điều gì đó dễ dàng lần ra những tiếp nối, như việc Mariott chuyển nhượng bất động sản - căn nhà của bà Florian, chỉ để kiềm giữ bà ta trong tầm kiểm soát. Như Amthor chẳng hạn, ông ta là một cái mũ tồi. Ông ta bị tóm ở Khách sạn New York và người ta nói rằng ông ta là một tội phạm quốc tế. Cảnh sát Hoàng gia Anh có dấu vân tay của ông ta, Paris cũng vậy. Quái quỷ thế nào mà họ đưa ra tất cả những cái đó từ hôm qua hoặc hôm kia, tôi đâu có biết. Những cha nội đó hành sự cũng khá mau lẹ khi họ muốn vậy. Tôi nghĩ Randall đã có đủ những cái đó nhưng ông ta sợ đi nước cờ trước. Nhưng Amthor không liên quan tới vụ giết chóc nào cả. Sonderborg thì lặn một hơi bây giờ vẫn chưa thấy. Người ta nghĩ là hắn cũng có hồ sơ rồi, nhưng vấn đề là phải tóm được hắn

mới khẳng định được như Brunett. Cô không thể thấy một gã nào như Brunett cả. Họ sẽ đưa gã ra Pháp viện Tối cao và ở đó, chắc gã sẽ sử dụng quyền hợp pháp để từ chối nói một điều gì đấy. Gã không bị bị hoen ố thanh danh, nhưng sẽ có một cải tổ ở Bay City này. Ông trùm đã bị phang gậy và lũ tớ tan tác, một nửa số mật thám sẽ bị giảm bớt để đi đuổi chợ. Và một anh chàng rất tử tế tên là Red Norgard, người đã giúp tôi lên tàu *Montecito* được trở lại làm việc. Thế thôi, ngài thị trưởng đang làm tất cả những thứ đó, mỗi giờ thay quần một lần, trong khi cơn khủng hoảng tiếp diễn.

- Ông phải nói điều gì giống như thế nữa không?

- Shakespeare nói rồi. Chúng ta sang chuyện khác. Sau khi đã có một ly nữa.

- Ông có thể dùng ly của tôi, - Anne Riordan nói, đứng dậy và mang ly rượu còn nguyên của cô tới cho tôi. Cô cầm ly rượu đứng trước mặt tôi, đôi mắt mở to có một chút hoảng sợ.

- Ông tuyệt vời như vậy, can đảm và quyết đoán như vậy, lại làm việc không vì tiền. Người ta đánh vào đầu ông, bóp cổ ông, đập vỡ hàm và tẩm đẫm morphine người ông, thế mà ông kiên trì giữ lẽ phải, vượt qua những đòn thù, ở giữa trở lực và cái chết, tới khi tất cả những cái đó kiệt quệ. Cái gì làm cho ông trở thành kỳ diệu đến thế?

- Tiếp tục, - tôi càu nhàu.

Anne Riordan nói trầm ngâm:

- Em muốn được hôn, anh thật đáng nguyền rủa.

41

Mất ba tháng mới tìm ra Velma. Người ta không tin là Grayle không biết chỗ cô và không giúp cô lẩn trốn. Thế là mỗi viên cảnh sát và mỗi gã nhà báo khắp xứ sở lục lọi ngó nghiêng mọi nơi mọi chốn, bất kỳ nơi nào nghi là tiền bạc có thể che giấu cô. Và tiền bạc đã không hề che giấu cô. Mặc dù con đường trốn tránh của cô cực kỳ ẩn khuất, nó vẫn bị khám phá.

Một đêm kia, một chàng thám tử Baltimore với chiếc ống nhòm camera - của hiếm như thể một con ngựa vằn màu hồng - lang thang vào một hộp đêm nghe nhạc và ngắm nghía một vũ nữ xinh đẹp tóc đen, lông mày đen. Cô có thể hát nếu như cô muốn. Có điều gì đó trên khuôn mặt cô bật một sợi dây ký ức của anh ta và sợi dây ấy không ngừng rung động.

Anh ta quay lại trụ sở, lục lọi tủ hồ sơ, lôi ra một chồng thông báo. Khi tìm được cái muốn tìm, anh ta nhìn nó hồi lâu. Rồi anh ta vuốt thẳng chiếc mũ rơm trên đầu, trở lại hộp đêm tìm người quản lý. Họ vào phòng thay quần áo phía sau sân khấu và viên quản lý gõ lên một cánh cửa. Cửa không khóa. Chàng thám tử đẩy viên quản lý sang một bên, vào phòng và khóa cửa lại.

Anh ta ngửi thấy mùi cần sa xộc lên mũi vì đúng là cô đang hút nó. Nhưng anh ta không buồn chú ý đến điều đó. Cô đang ngồi trước tấm gương gấp ba, chăm chú soi chân tóc và lông mày. Đó là lông mày của chính cô. Chàng thám tử bước qua căn phòng, mỉm cười và chìa cho cô xem tờ thông báo.

Cô nhìn khuôn mặt trên tờ thông báo cũng lâu như tay thám tử đã nhìn tại trụ sở. Có vô số ý nghĩ trong đầu cô lúc cô chăm chú nhìn nó. Chàng thám tử ngồi xuống, duỗi dài cặp giò mỏi và châm một điếu thuốc lá. Anh ta có đôi mắt tinh tường nhưng chưa đủ kinh nghiệm, đã thế lại không rành về đàn bà.

Cuối cùng, cô cười phá lên và nói:

- Anh là một chàng trai quái quỷ, chàng cảnh sát ạ. Tôi nghĩ là tôi có một cái giọng đáng nhớ. Có lần một người bạn đã nhận ra tôi bởi cái giọng, chỉ nghe trên radio thôi đấy. Nhưng tôi đang hát với ban nhạc này một tháng nay -hai lần một tuần trên mạng lưới truyền thanh - và không ai có một ý nghi ngờ nào hết.

- Tôi không bao giờ nghe thấy giọng cô, - chàng thám tử nói và tiếp tục mỉm cười.

Cô nói:

- Tôi nghĩ, sao chúng ta không thử thương lượng về việc này. Anh biết không, không ít đâu, nếu đúng cách.

- Nhưng không đúng với tôi, - anh ta nói. - Rất tiếc.

- Chúng ta đi nào, - cô nói và đứng dậy. Cầm túi xách và lấy áo khoác trên giá, cô đi về phía anh ta, tay cầm áo khoác như thể muốn anh ta giúp cô mặc áo. Anh ta đứng dậy và cầm chiếc áo khoác cho cô, lịch thiệp như một trang hào hoa.

Cô quay lại, rút khẩu súng ra khỏi túi xách và nhả ba phát đạn vào anh ta, xuyên qua chiếc áo khoác anh ta đang cầm.

Còn hai viên đạn nữa trong ổ, khi người ta đập cửa rầm rầm. Họ vượt qua nửa chiều dài căn phòng trước khi cô dùng nốt hai viên đạn. Cô dùng cả hai nhưng phát súng thứ hai cô dành cho chính mình. Họ túm lấy cô khi cô đổ xuống sàn, nhưng đầu cô đã ngật ra như miếng giẻ rách.

- Tay thám tử sống tới hôm sau, - Randall nói khi kể lại chuyện đó cho tôi. - Anh ta nói đôi điều lúc tỉnh lại. Tôi không thể hiểu sao anh ta lại có thể bất cẩn như vậy, trừ phi anh ta thực sự nghĩ là để cho cô ta dẫn vào cuộc thương lượng về cái gì đó. Chính cái đó làm đầu óc tôi lộn xộn. Nhưng tôi chẳng thích thú gì mà nghĩ chuyện ấy, dĩ nhiên rồi.

Tôi nói là tôi cũng nghĩ như vậy.

- Phát súng tự bắn xuyên qua tim, phát thứ hai, - Randall nói. - Tôi đã nghe các nhà chuyên môn khẳng định rằng điều đó là không thể

được, tôi cũng nghĩ như thế. Còn anh, có biết điều gì khác không?

- Điều gì?

- Cô ta bắn tay thám tử đó thật là ngu dại. Chúng tôi chưa khi nào kết án cô ta, không phải vì đôi mắt đẹp hay tiền bạc hay câu chuyện ngược đãi mà những gã làm ra vẻ cao thượng dựng lên. Cô bé khốn khổ từ bùn lầy nước đọng leo lên thành vợ một tỉ phú và những con chim kền kền đã không để cho cô bé yên thân. Chuyện ấy nữa. Mẹ kiếp. Rennenkamp sẽ có nửa tá những bà già mập ú khôi hài khóc nức lên trong tòa án rằng người ta đã tống tiền con bé trong bao nhiêu năm, và theo một cung cách mà anh không thể ghim lên đó một cái nhãn gì cả, nhưng rồi tòa án lại xử theo cung cách ấy. Cô ta đã làm một điều quái quỷ khi bỏ trốn và rời bỏ Grayle, nhưng sẽ còn quái quỷ hơn, nếu cô ta lại trở về nhà khi bị tóm cổ.

- Ồ, bây giờ ông tin là cô ta rời bỏ Grayle? - Tôi nói.

Ông ta gật đầu.

- Ông nghĩ cô ta có lý do đặc biệt nào để làm chuyện đó? Ông nhìn tôi.

- Tôi tin như thế, dù bất kỳ lý do nào.

- Cô ta là một kẻ giết người, - tôi nói - nhưng đây là vụ Malloy. Và ông ta đã phải đi một con đường dài đến với sự tồn tại lẩn lút của vợ. Có lẽ tay thám tử Baltimore không thuần khiết như những băng ghi âm đâu. Có lẽ cô ta đã thấy một cơ hội - không phải để trốn, cô ta đã quá mệt mỏi vì sự lén lút lúc ấy, nhưng để giải thoát cho người đàn ông duy nhất, người thực sự đã mang lại cho cô ta một điều gì đó.

Randall nhìn tôi đăm đăm, miệng há ra và đôi mắt đầy ngờ vực.

- Mẹ kiếp. Cô ta đã bắn một viên cảnh sát để làm điều đó, - ông ta nói.

- Tôi không bảo cô ta là một vị thánh hay thậm chí một trang tuyệt sắc nửa mùa đi nữa. Cô ta không tự sát, tới khi cô ta cùng đường. Nhưng cái gì mà cô ta đã làm, cái cách cô ta làm đã tránh cho cô ta khỏi phải trở về đây ra tòa chịu án. Ông nghĩ mà xem. Ai sẽ đau

đớn nhất trong vụ án đó? Ai sẽ ít khả năng nhất chịu đựng vụ án đó? Và dù thắng, bại hay điều gì nhảm nhí đi nữa, ai sẽ chi những món tiền khổng lồ cho vụ xử? Một người đàn ông già, người đã yêu cô ta một cách mù quáng nhưng thật chân thành.

Randall nói rành rọt:

- Đây chỉ là chuyện tình cảm.

- Nhất định rồi. Đúng như tôi nói. Chắc là cũng có nhầm lẫn đâu đó. Tạm biệt. Con bọ hồng của tôi trở lại đây sao?

Ông ta không biết là tôi đang nói cái gì. Tôi xuống thang máy tới tầng trệt và đi ra bậc thềm của City Hall. Đó là một ngày mát mẻ và cực kỳ trong sáng. Người ta có thể thấy một con đường dài hút mắt - nhưng không thấy nó vô tận như con đường Velma đã đi.

MỤC LỤC

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32